**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 37/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 361 2](#_Toc420925639)

[Tập 362 21](#_Toc420925640)

[Tập 363 43](#_Toc420925641)

[Tập 364 63](#_Toc420925642)

[Tập 365 83](#_Toc420925643)

[Tập 366 104](#_Toc420925644)

[Tập 367 126](#_Toc420925645)

[Tập 368 145](#_Toc420925646)

[Tập 369 166](#_Toc420925647)

[Tập 370 184](#_Toc420925648)

# Tập 361

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:05.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 426, bắt đầu xem từ hàng thứ năm, đếm từ dưới lên.

*“Hạ vân kiến thọ thành nhẫn, tiền biến cử lục căn. Thử độc vân kiến giả, cái tiêu nhãn căn dĩ liệt dư căn dã”.*

Về sự tuy nói lục căn nhưng trên thực tế là vận dụng qua lại, nên chỉ đưa ra một căn còn năm căn khác tự nhiên bao hàm trong đó. Ở đây lục căn chỉ nói đến kiến là nhãn căn. “Kiến thọ thành nhẫn”, thành tựu nhẫn nhục ba la mật và viên mãn nhẫn nhục ba la mật\_vô sanh pháp nhẫn. Thật như nguyện thứ 41 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà. “Tứ thập nhất thọ kiến Phật sát nguyện”. Ở trong bồ đề thọ có thể nhìn thấy quốc độ của mười phương chư Phật, đương nhiên bao gồm cả địa cầu chúng ta vào trong đó và cũng thấy rất rõ ràng, rất tường tận.

*“Dữ đệ tứ thập thất nguyện, tứ thập thất văn danh đắc nhẫn nguyện”.* Nhẫn này là vô sanh pháp nhẫn. Nên đoạn kinh văn này giới thiệu thành tựu của nguyện thứ 41 và nguyện thứ 47. Từ đó cho thấy, thế giới Cực Lạc đích thực là do công đức viên mãn của 48 nguyện hiện ra. *“Hội Sớ thích vân”* đây là chú giải của các bậc cổ đức người Nhật Bản. *“Ngưỡng duy đạo tràng thọ giả chánh thị chánh giác quả mãn chi mãn xí dã”*. Giống như dựng lên một ngọn cờ, ngọn cờ này đại tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng Phật A Di Đà nhân viên quả mãn, cứu cánh thành Phật. *“Danh hiệu giả, tức thị bổn nguyện thành tựu chi thật thể. Cố nguyện dĩ văn danh vi đắc nhẫn nhân. Thành tựu dĩ kiến thọ minh kỳ tướng”*. Bên dưới là chú giải nhỏ. *“Vi Di Đà đại nguyện ký dĩ thành tựu. Tắc dĩ kiến thọ chứng minh đắc nhẫn chi sự tướng”.* Thành tựu đại nguyện của Phật A Di Đà. Bồ đề thọ giống như viện triễn lãm vậy. Ở cây này hoàn toàn nhìn thấy nên cây này thật không thể nghĩ bàn.

*“Bỉ danh văn, tức đạo tràng thọ chi diệu thanh. Như Tiểu Bổn viết, văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật niệm pháp niệm tăng chi tâm”.* Nhìn thấy Bồ đề thọ, nghe đến sáu chữ hồng danh tự nhiên đều sanh. Không phải mấy người, không phải số ít người. Phàm là người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều là như vậy. Thấy cây nghe tên đều có thể sanh khởi tâm nghĩ nhớ tam bảo. Phật là giác, giác trên đề kinh. Pháp là bình đẳng, tăng là thanh tịnh. Cũng chính là nói, tự nhiên sanh tâm thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là công đức chân thật. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là bổn thể của Tam bảo, là tam học là tam tuệ. Tất cả pháp đều không rời thanh tịnh bình đẳng giác. Tám vạn bốn ngàn pháp pháp môn, vô lượng pháp môn đều hàm nhiếp trong đó.

Ở thế giới Cực Lạc, chúng ta đã thấy cây, cũng đã nghe danh hiệu. Hay nói cách khác, những thứ lục căn tiếp xúc được không có gì là không thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là công đức thông suốt cứu cánh viên mãn của tự tánh. Nếu nói lớn thì biến pháp giới hư không giới, nói đến nhỏ thì vi tế của thứ cực kỳ vi tế. Điều không thể nghĩ bàn là lớn nhỏ không hai. Trong nhỏ thấy được lớn, lớn thì không có thu nhỏ, nhỏ cũng không có phóng to, trùng trùng vô tận.

Bên dưới nói: *“Thử kiến thọ tức A Di Đà chi quả đức dã. Dĩ thử huống bỉ danh văn đắc nhẫn ích di trước minh dã”.* Mấy câu này nói ra tổng kết ở bên dưới. Đại ý nói rằng thấy cây chính là thấy quả đức của Phật A Di Đà. Tu nhân chứng quả, hiển hiện sự viên mãn ở nơi cây đại thọ này. Đại thọ này được ví như phòng triển lãm. Đức Di Đà từ sơ phát tâm, phát nguyện như thế nào, tu hành ra sao và thành tựu như thế nào, ở trong phòng triển lãm này không thiếu thứ gì, đều nhìn thấy hết. “Ích di trước minh” là cực kỳ rõ ràng, vô cùng rõ rệt. Thấy rõ ràng, nghe rõ ràng. Trong tâm minh bạch cũng chính là đã giác ngộ.

Tóm lại *“danh hiệu dữ thọ giai thị quả địa đại giác diệu đức chi sở hiện. Giai thị viên viên quả hải viên dung cụ đức”.* Không những là cây, cây là đưa ra một ví dụ. Một cọng cây ngọn cỏ, một sợi lông hạt bụi. Trong kinh nói một sợi lông là vật nhỏ nhất trong chánh báo. Sợi lông trên thân chúng ta là vật nhỏ nhất của chánh báo. Một hạt bụi là vật nhỏ nhất trong y báo, vật nhỏ nhất trong hoàn cảnh vật chất đều là diệu đức của Phật A Di Đà hiện ra. Đều là quả hải viên dung cụ đức của Phật A Di Đà. Hoàng Niệm Tổ tiếp tục nói với chúng ta :*“giai thị thanh tịnh cú”.* “Thanh tịnh cú” chính là *“Chân thật trí tuệ vô vi pháp thân”.* Đây là nói tự tánh, nói về thường tịch quang. Tánh đức dùng trí huệ để tượng trưng. Nghĩa là tất cả chúng sanh vốn tự đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, câu này bao gồm hết tất cả.

Vô vi pháp thân chính là bản thể của vạn hữu mà hiện nay trong triết học nói. Đều là chân thật rốt ráo. Rốt ráo chân thật chính là tự tánh, chỉ có nó là chân thật. Vì sao vậy? Vì nó vĩnh hằng bất biến, không sanh không diệt, không đến không đi, không cấu không tịnh và không phải một cũng không phải khác. Đây là chân thật rốt ráo. *“Diệc tức thị đương nhân tự tánh”.* Câu này vô cùng quan trọng. Nói nhiều như vậy nhưng có liên quan gì đến chúng ta chăng? Câu này đã nói minh bạch, đương nhân tức là chính mình, không phải người khác. Chính là tự tánh của chính mình.

Từ đó cho thấy, thế giới Cực Lạc có sự liên quan mật thiết với chúng ta biết bao, tất cả đều do tự tánh biến hiện ra. Phật A Di Đà từ đâu mà có? Phật A Di Đà cũng là trong tự tánh mình biến hiện ra. Rời tự tánh thì không có pháp nào được thành lập, đến hư không cũng không có. Vì sao vậy? Vì hư không cũng là tự tánh biến hiện ra. Đây là chân tướng sự thật. Chúng ta với Chư Phật Bồ Tát có quan hệ gì? Chúng ta với vũ trụ này là quan hệ gì? Chúng ta với tất cả chúng sanh có quan hệ ra sao? Đây là luân lý của Phật pháp đại thừa. Luân lý là nói đến mối quan hệ, mối quan hệ này nói cho rốt ráo đó là nhất thể, không thể phân khai.

Đại vũ trụ giống như thân thể này của chúng ta. Thân thể hiện nay của chúng ta là một tế bào trong thân thể. Nói tế bào là nói rất lớn, nó là một phần tử, một tiểu thể, một hạt nguyên tử. Hiện nay các nhà lượng tử học nói là một tiểu quang tử. Đại khái Đức Phật thường dùng câu nói là “cực vi chi vi”. Nếu không có thứ cực vi chi vi này thì thân thể này không thể tồn tại, nó sẽ không có thân thể này. Nếu hiện tượng vật chất không tồn tại, thì giữa vũ trụ này không có vật gì gọi là thật thể cả, phàm phu gọi là thật thể. Phật pháp đại thừa vô cùng thù thắng chính là thuật rõ chân tướng.

Suốt cuộc đời tôi luôn giữ tấm lòng biết ơn. Không gặp được chân thiện tri thức, tôi làm sao biết được những điều này. Ba người thầy của tôi, thiếu một người cũng không được, tôi không thể thành tựu. Thầy Phương Đông Mỹ giúp tôi nhận thức Phật giáo, nhận thức đại thừa. Chương Gia đại sư giúp tôi đặt nền tảng để tu học đại thừa. Cư sĩ Lý Bính Nam suốt mười năm dẫn dắt tôi nhập môn. Nếu nhập môn mà không có thành tựu thì đó chỉ là nhập môn, hoảng cách đạt đến tiêu chuẩn còn rất xa. Bước vào cửa lớn là vườn, chưa đi vào được trong nhà. Điều này cần phải cảm ân 30 năm hộ trì của bà Phật tử họ Hàn, khiến tôi đối với Phật pháp kiên nhẫn không từ nan. Biết được sự tuyệt vời của cung điện, biết được nơi ra vào. Còn phải cảm ơn chư Phật Bồ Tát và ơn trên kéo dài thọ mạng, nếu thọ mạng không dài thì nhận thức không đủ thấu triệt.

Chúng ta không phải hàng thượng thượng căn. Hàng thượng căn cũng không sao, vừa nghe đã ngộ. Hàng trung và hạ căn phải cần thời gian dài huân tu nên thọ mạng là mấu chốt, thọ mạng ngắn sẽ không kịp. Nghĩa là bài tập chúng ta chưa học xong thì thọ mạng đã đến. Đây là gặp nạn. Bài tập học xong thì được. Sáng học đạo tối chết cũng vui. Vì sao vậy? Vì đã được nâng cao, đã thăng cấp. Chưa nghe đạo, nghe tức là khai ngộ. Ngày ngày nghe nhưng không khai ngộ thì thôi. Nghe mà khai ngộ mới giọ là đã giác ngộ. Cũng chính là đã đạt được thanh tịnh bình đẳng giác, như vậy mới được. Còn chưa đạt được thì không thể tính. Đó chỉ là trồng chủng tử trong A lại da để làm nhân duyên tao ngộ trong kiếp sau. Gặp được duyên chúng ta lại tiếp tục tu hành chứ không thể thành tựu ngay trong đời này. Quý vị nghĩ xem sự liên quan này to lớn biết bao.

Quần Thư Trị Yếu đã in ra. Truyền thống văn hoá, Phật pháp đại thừa có thể hưng thịnh trở lại chăng? Khó, rất khó. Khó không phải chúng ta không có tư liệu để học tập, có tư liệu học tập. Những thứ tìm không có giờ cũng đã tìm được, nhưng ai có thể đọc? Ai có thể lý giải? Ai có thể đạt được lợi ích? Đây là việc đại khó! Nếu chúng ta không thể đọc. Đọc rồi không thể lý giải, lý giải rồi không thể dùng, không cách nào thực hành trong cuộc sống thực tế. Nó không khởi tác dụng trong công việc hay đối nhân tiếp vật. Khó ở chỗ này.

Làm sao để đột phá cửa ải khó khăn này? Căn bản của nó là ở chỗ hiếu kính. Hai chữ này có thể đột phá. Hiếu kính từ đâu mà có? Có được từ nơi cha mẹ sư trưởng. Thầy dạy chúng ta hiếu thảo cha mẹ, cha mẹ dạy chúng ta tôn sư trọng đạo. Cha mẹ ngại nói với con cái, ta là cha mẹ của các con, ta nuôi các con rất cực khổ nên con phải hiếu thảo ta. Không thể nói ra điều này. Như vậy phải làm thế nào? Phải cần thầy dạy, như vậy học trò mới sáng tỏ vấn đề. Thầy cũng không thể nói tôi là thầy của các trò nên các trò phải tôn trọng tôi, cần phải tôn sư trọng đạo mới có thể học được. Điều này thầy giáo cũng không tiện nói. Ai nói điều này? Cha mẹ nói. Nên cha mẹ dạy con cái tôn sư trong đạo, còn thầy dạy học trò hiếu thảo cha mẹ. Như vậy mới có thể dạy được người này.

Chúng ta xem xã hội ngày nay, có người nào dạy chăng? Không có người dạy. Người Trung quốc nói một giáp trước, nghĩa là sáu mươi năm về trước, năm đó tôi bắt đầu học Phật. Xã hội Đài Loan lúc đó cha mẹ còn dạy. Dạy con cái nên nghe lời thầy giáo, phải tôn kính sư trưởng. Thầy cũng dạy học trò nên nghe lời cha mẹ, nên hiếu thảo cha mẹ. 60 năm trước còn có người nói như vậy. 10 năm sau hình như không nghe những lời này, đều học người phương tây. Người phương tây không có ngũ luân, chỉ có một luân là bằng hữu. Cha mẹ cũng là bạn bè, thầy giáo cũng là bạn bè. Thật sự có thể làm bằng hữu cũng là khá lắm rồi.

Người ngoại quốc chỉ có một luân, Trung quốc có ngũ luân. Điều này khiến chúng ta nghĩ đến, vì sao Trung quốc chính là học thuật đông phương vượt qua học thuật phương tây nhiều như vậy. Vì người Trung quốc học ngũ luân, nguyên nhân là ở đây. Nói tóm lại các pháp của thế xuất thế gian đều là vấn đề của giáo dục.

Bản tánh con người vốn là thiện, con người là có lương tâm, chỉ xem quý vị dạy như thế nào. Người hiện này đều bị dạy hư hỏng, quan niệm hoàn toàn sai lầm. Chỉ là tự tư tự lợi, chỉ biết mình là hơn hết.

Phật pháp đại thừa sở dĩ nó thù thắng, thù thắng ở đâu? Thù thắng ở chỗ vô ngã. Quý vị xem trong kinh Kim Cang nói: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Nó thù thắng là như vậy. Vô ngã là không có tranh giành, không có xung đột. Có ngã đương nhiên có xung đột. Phật pháp hay ở chỗ trực tiếp thông đến chỗ chân thật rốt ráo, chính là tự tánh, thông trực tiếp, trong đó không có chướng ngại. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, nên ở đây nói “tức thị đương nhân tự tánh”. Câu này nói quá hay.

Mục tiêu dạy học của Phật pháp đại thừa là giúp chúng ta nhận biết tự tánh, giúp chúng ta trở về với tự tánh, ngoài ra không có gì khác. Tự tánh là đại viên mãn, vô lượng trí huệ, vô lượng công đức, vô lượng tướng hảo. Tất cả đều đầy đủ, không có khiếm khuyết đều gì. Thế giới Cực Lạc là tự tánh biến hiện ra, thế giới Hoa Tạng cũng là tự tánh biến hiện ra, là tánh đức viên mãn. Ở đây nói “viên dung cụ đức, viên viên quả hải”. Hải là ví cho tự tánh rộng lớn, tự tánh ôm trọn và bao dung tất cả, dùng ví dụ này, thật sự là chính mình.

Trong nhà Phật thường nói không bỏ pháp nào. Đây là nói đến sự bao dung của nó. Tâm lượng ôm trọn cả hư không pháp giới, lại nói không lập một pháp nào. Bất lập ở đây là gì? Trong tất cả pháp không thể chấp trước, không thể phân biệt. Nói đến chỗ cứu cánh thì không thể khởi tâm, không thể động niệm. Thể tánh không chướng ngại hiện tượng, hiện tượng không làm chướng ngại thể tánh. Nó là viên dung. Tánh ở đâu? Tánh ở trong tướng. Tướng ở đâu? Tướng ở trong tánh. Tánh tướng là một, vĩnh viễn không bao giờ tách rời. Tánh đức đại từ bi tự nhiên hiển lộ ra. Đối với tất cả chúng sanh hữu tình hay vô tình, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa đều là tâm từ bi, là từ bi bình đẳng. Chúc mừng, quý vị đã thành Phật. Cảnh giới này gọi là viên mãn thành Phật. Phật A Di Đà đã đạt được cảnh giới này.

Mỗi người niệm Phật phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đến đó sẽ không còn thoái chuyển, đến đó sẽ không còn mê hoặc. Tu học ở đó thành tựu rốt ráo như Phật A Di Đà vậy, đã thành Phật. Thành Phật như vậy là sao? Phật A Di Đà chính là như vậy. Đây thật là không thể nghĩ bàn.

*“Cố năng hữu như thị bất khả tư nghì chân thật chi lợi dã”.* Đến thế giới Cực Lạc sẽ đạt được lợi ích chân thật rốt ráo. Lợi ích như thế nào? Lục căn lợi ích. Ở đó có lục căn, lục trần nhưng không có lục thức. Vì sao vậy? Vì đã chuyển thức thành trí. Ở thế giới Cực Lạc không có lục thức mà có lục trí. Cái thấy của mắt không phải là nhãn thức thấy, hiện tại chúng ta là nhãn thức. Thức là gì? Là phân biệt chấp trước. Pháp thân Bồ Tát không dùng thức, thức không có. Dùng cái gì để thấy? Dùng tánh thấy để thấy. Tánh thấy thấy được sắc tánh, tánh nghe nghe được âm thanh của tánh. Tướng có kiến văn giác tri, tánh chỉ có một. Lục căn hoàn toàn đã kiến tánh. Đây gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Trí Giả đại sư của Tông Thiên Thai nói, quả vị này gọi là phần chứng tức Phật. Họ là Phật thật chứ không phải Phật giả. Gọi là chứng phần chính là vì họ chưa viên mãn. Vì sao chưa viên mãn? Họ chưa đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh. Nếu đoạn tận tập khí vô minh, đó gọi là diệu giác chứ không gọi là Bồ Tát. Thật là Phật là quả Phật cứu cánh viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm gọi là diệu giác vị. Đẳng giác vẫn là chứng phần.

Diệu giác đã viên mãn. Diệu giác không ở cõi thật báo. Họ đã thăng cấp lên trú ở cõi trường tịch quang. Cõi yhường tịch quang đều là diệu giác còn cõi thật báo là từ viên giáo sơ trú đến đẳng giác, tất cả là 41 địa vị này, họ đều ở trong cõi thật báo. Cõi thật báo thuần là pháp thân Bồ Tát. Nếu chúng ta đã hiểu rõ ràng minh bạch sự thật này thì nên siêng năng nổ lực tranh thủ. Tranh thủ điều gì? Tranh thủ để vãng sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Đây chính là hàng thượng thượng căn. Có thể tranh thủ và đạt được chăng? Cũng như Thiện Đạo đại sư nói, vạn người tu thì vạn người đi. Chỉ cần bằng lòng tranh thủ thì nhất định có thể đạt được.

Nên tranh thủ như thế nào? Không có gì ngoài buông bỏ. Buông bỏ chấp trước. Không còn chấp trước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Như vậy là tranh thủ đến A la hán, vãng sanh thế giới Cực lạc là sanh vào cõi phương tiện hữu dư, không phải cõi đồng cư. Thật sự không còn chấp trước. Lên cao hơn nữa thì không những không chấp trước, mà đến tâm phân biệt cũng đều không khởi. Tâm phân biệt không còn, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là thượng bối vãng sanh trong cõi phương tiện. Thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Là thượng phẩm vãng sanh.

Lên cao thêm nữa thì không những không phân biệt, đến khởi tâm động niệm cũng không còn. Chúc mừng quý vị vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc được sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Không cần bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, quý vị cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, là chính quý vị tự chứng được. Nếu không có năng lực chứng được cảnh giới này thì chúng ta cũng chế phục, khống chế được phiền não, không cho nó khởi tác dụng. Như vậy là sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Người này được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nếu nhìn bên ngoài thì trí huệ, thần thông, đạo lực của họ không khác với pháp thân Bồ Tát. Đây là nguyên nhân gì? Là được Phật A Di Đà gia trì, không gia trì thì chúng ta không có.

Nếu tự mình có năng lực sanh vào cõi thật báo như vậy Đức Phật không gia trì chúng ta cũng có, Đức Phật gia trì lại càng thù thắng hơn. Nếu quý vị muốn hỏi, Phật pháp có nhiều pháp môn như vậy, tại sao lại tu pháp môn Tịnh độ? Pháp môn Tịnh độ vô cùng thù thắng lợi ích chính là ở chỗ được oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Điều này các pháp môn khác không có. Vấn đề này không thể không biết. Ngày nay chúng ta gặp được nhân duyên này là quá thù thắng, nhất định không thể để nói qua đi vô ích, chúng ta phải nắm bắt từng phút từng giây để học tập. Phải nắm chắc không thể để nó qua đi vô ích. Nắm bắt từng phút từng giây như thế nào? Niệm câu Phật hiệu này liên tục không gián đoạn chính là đã nắm bắt. Gián đoạn tức là ngày hôm qua giảng về thất niệm trong phiền não thì giờ đây chúng ta đã làm mất chánh niệm. Chánh niệm chính là A Di Đà Phật. Niệm niệm là A Di Đà Phật, niệm niệm là chánh niệm.

Chỉ cần mất đi chánh niệm thì tà niệm liền xuất hiện. Còn không có tà niệm thì sao? Không có tà niệm thì vô minh xuất hiện, không khai trí huệ. Nên khi không niệm Phật, không phải vô minh khởi lên thì vọng niệm khởi dậy, đây là điều tất nhiên không có ngoại lệ. Như vậy không niệm được sao? Không niệm Phật toàn là vọng niệm, tất cả đều là vô minh. Vọng niệm là tạo nghiệp! Tạo nghiệp luân hồi. Vô minh là hồ đồ! Không khai ngộ, chướng ngại chúng ta niệm Phật. Đây là việc lớn nhất trong đời người chúng ta. Người khác làm như thế nào chúng ta không biết. Còn chúng ta tự mình y theo đạo lý, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển nói để siêng năng học tập là đúng. Kinh điển là Đức Phật nói, được tương truyền từ đời này sang đời khác. Truyền đến Trung quốc cũng đã 2000 năm. Điều này không phải giả.

Bên dưới nói *“Đản danh hiệu tắc thanh văn thập phương phổ bị tam căn”.* Đây là nói về nghe danh, công đức nghe danh. Vì sao danh hiệu Phật A Di Đà khắp mười phương đều nghe được, mười phương thế giới đều biết? Là tất cả chư Phật Như Lai đều đang tuyên dương. Tất cả Chư Phật Như Lai trong biến pháp giới hư không giới đều đang giảng kinh thuyết pháp, không có ai không giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Đây chính là thay Phật A Di Đà tuyên truyền, quảng cáo, thay Phật A Di Đà chiêu sinh. Có thể tin, có thể lý giải, có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, đó là người có nhân duyên với Phật A Di Đà. Không tin, không lý giải, không nghĩ đến thế giới Cực Lạc là người không có duyên với Phật A Di Đà. Nhưng chúng ta biết những người vô duyên đó bất luận sanh đến quốc độ của vị Phật nào, chắc chắn đến cuối cùng thì Văn Thù và Phổ Hiền cũng dẫn họ trở về Cực lạc. Chỉ là đi một đường vòng lớn, cuối cùng vẫn phải trở về Tịnh độ. Thật không thể nghĩ bàn!

Mấy câu bên dưới nói rất hay. *“Hiến thọ tắc duy hữu thần du Tịnh độ, mục thiêm bảo thọ, phương năng hoạch ích. Lưỡng giả tương tỷ, tắc văn danh đắc nhẫn chi ích cánh vi hiển trước”*. Lợi ích nghe danh còn thù thắng hơn lợi ích nhìn thấy cây báu. Nhìn thấy cây báu cũng giống như ngày nay triển lãm khoa học kỹ thuật cao. Thế giới Cực Lạc không cần viện triển lãm, chỉ dùng cây báu, tức là ở trên bảo thọ triển lãm xuất hiện y chánh trang nghiêm của quốc độ mười phương Chư Phật, chúng ta đều thấy rõ ràng. Nhưng nghe danh thì sao? Nghe danh có thể được vô sanh pháp nhẫn. Ở đây không nói thấy cây báu được vô sanh pháp nhẫn mà nghe danh được vô sanh pháp nhẫn. Nên nghe danh thù thắng hơn thấy cây báu.

*“Cố Hội Sớ viết, dĩ thử huống bỉ, văn danh đắc nhẫn ích di trước minh dã”.* Di là hiện rõ một cách khác thường, rất rõ ràng. “Thử” là thấy cây báu, “bỉ” là nghe danh. Danh văn thật sự giúp chúng ta nâng cao cảnh giới nhanh. Đây là đại sự nhân duyên mà người tu hành chân chánh muốn cầu cũng không được, nâng cao cảnh giới. Nên người tu hành không coi trọng pháp thế xuất thế gian, họ coi trọng chính là điều giúp họ nâng cao cảnh giới, được lợi ích chân thật.

“ Đắc nhẫn” ở đoạn dưới này. *“Tín nan tín chi lý nhi bất hoặc”.* “Bất hoặc” nghĩa là không mê hoặc. “Vi nhẫn”, nhẫn có nghĩa là như vậy là đạo lý khó tin. Vì sao khó? Vì nó quá thâm áo, nó quá thần bí. Hàng sơ học còn nông cạn không dễ sanh khởi tín tâm. Có thể tin nghĩa là có thể nhẫn. Nhẫn ở đây chính là chấp thuận, đồng ý và nhận biết, bao hàm những ý nghĩa này trong đó. Không hiểu lý nhưng họ thật sự đã tin. Hiểu không thấu triệt, họ không cần lý giải. Họ chỉ phát nguyện cầu vãng sanh và thật đã vãng sanh. Như vậy là thế nào? Đây là được lợi ích của nhẫn. Họ có lòng tin chắc chắn rằng, nhất định Phật Bồ tát không gạt họ, tuy tôi không hiểu nhưng Phật Bồ Tát dạy tôi nhất định là tốt. Có lòng tin này, họ liền có thể vãng sanh, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư.

Nếu họ rõ ràng minh bạch những đạo lý này. Như cảnh giới hiện nay của chúng ta. Cảnh giới này là gì? Là giải ngộ. Không uổng 60 năm học tập, tôi đã hiểu đã thấu triệt. Chưa buông bỏ phiền não tập khí, chúng ta vãng sanh về đâu? Về cõi phương tiện hữu dư. Vì sao vậy? Vì hiểu được đạo lý. Điều này đã nâng cao chúng ta. Nếu thật sự có thể làm được, thật sự có thể buông bỏ khởi tâm động niệm thì có thể trực tiếp sanh vào cõi thật báo.

Không hiểu, không biết nhưng tôi thực hành, tôi tin tưởng Phật A Di Đà. Tin Phật A Di Đà không gạt người. Tin từng câu từng chữ của Phật A Di Đà đều là chân thật nên toàn tâm toàn ý phụng hành. Khi đến thế giới Cực Lạc, rất nhanh sẽ đến cõi thật báo. Vì sao vậy? Vì không có chút chướng ngại nào. Ở cõi phàm thánh đồng cư nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Nghe khoảng năm ngày, ba ngày, bảy ngày liền được đến cõi thật báo. Vì sao vậy? Chúng ta được mười phần thành kính nên được mười phần lợi ích. Ngày nay có được mấy người có tâm thành kính đối với Phật A Di Đà, chí thành cung kính? Thực tế mà nói thì không có. Thân tâm mang vô lượng vô biên tập khí phiền não nên không có năng lực đột phá, dù ngày ngày nghe nhưng vẫn không hiểu. Người xưa dùng một phương pháp là huân tu lâu dài. Nhân duyên này hy hữu khó gặp.

Quý vị đi đến đạo tràng có thể ngày ngày được nghe giảng kinh pháp? Thời xưa có. Ở Trung quốc khi Phật giáo mới truyền vào. Đạo tràng ngày ngày giảng kinh, ngày ngày dạy học giống như nhà trường vậy. Đến thời nhà Đường, nhà Tống vẫn duy trì như thế. Đến Nguyên Minh từ từ suy yếu. Vì sao suy yếu? Bởi con người căn tánh phiền não nhiều. Phiền não nhiều thì chánh niệm ít. Phóng dật nhiều thì cung kính giảm ít. Bên ngoài khi gặp mặt rất khách khí, khiêm hoà lễ độ nhưng không có tâm chân thành cung kính. Bây giờ đến một chút khách sáo bề ngoài đều không có. Đây là điểm khó khăn khi muốn hưng khởi Phật pháp và truyền thống văn hoá.

Ai có thể phục hưng? Chỉ có dựa vào người tái sanh. Chúng sanh còn có một chút phúc khí, muốn học, muốn cầu điều tốt nhưng không có người dạy. Có ý niệm này là tốt, đây chính là cảm, Chư Phật Bồ Tát sẽ có ứng. Chư Phật Bồ Tát đến nhân gian dạy chúng ta. Nếu chúng ta không có ý niệm này, không có mong cầu này chính là không có cảm, như vậy thì Phật Bồ Tát không có ứng. Đạo lý cảm ứng là thật, việc cảm ứng không phải là hư vọng. Chúng sanh có cảm, chư Phật Bồ Tát lập tức có ứng.

Chúng ta sanh trong thời đại này, có lời dự báo là thế giới thiên tai. Tuy thiên tai chưa giáng xuống nhưng khi thiên tai giáng xuống sẽ không kịp. Lúc đó lúng túng như vậy thì chỉ có đi vào trong tam đồ. Đúng là thật đáng thương. Nếu chúng ta chuẩn bị đầy đủ để đối phó thiên tai này, khi thiên tai đến chúng ta không kinh không sợ, chúng ta có thể ổn định. Lúc này cần nhất là tâm an lý đắc, hiểu được thiên tai. Nhân ra sao, quả báo như thế nào đều rõ ràng. Chính mình có trí huệ để đối phó. Khi thiên tai đến không những không bị hại còn có thể được lợi ích chân thật. Như vậy tu hành thật có công đức.

Hiện nay chúng ta ở nhân đạo, sau khi thiên tai đến, chúng ta về thế giới Cực Lạc. Đó là con đường nào? Đó là Phật đạo! Thiên tai nhất định đưa chúng ta thành Phật. Thiên tai giúp chúng ta thành Phật. Đây không phải lợi ích chân thật sao? Người không có chuẩn bị, người lơ là, khi thiên tai đến, tâm hoảng ý loạn như vậy là hỏng hết. Họ đi về đâu? Họ đi vào trong ba đường ác. Cùng là thiên tai nhưng nơi đến không giống nhau. Đối với người tu hành mà nói thì thuận cảnh hay nghịch cảnh, thuận duyên hay ác duyên tất cả đều là tăng thượng duyên. Người tu hành chân chánh, đệ tử Phật chân chánh thì đều là chân thật công đức, chân thật thiện duyên. Thuận nghịch cảnh không có gì là không tốt. Thành tựu chính minh là một tấm lòng biết ơn, khơi dậy lòng báo ân của chính mình, tri ân báo ân.

Vì sao họ không báo ân? Vì họ không biết ơn thì làm sao họ có ý niệm báo ân? Tri ân này là gì? Cha mẹ dạy họ điều hay, thầy tổ cho họ lẽ phải, xã hội cho họ đều tốt, quốc gia cho họ lợi ích, chúng sanh cho họ điều lành nhưng họ đều không biết. Trên đền bốn ơn nặng nhưng họ không hề biết gì đến bốn ơn nặng này mà chỉ là nói cho có lệ thôi. Không biết ân của họ đối với mình là gì? Không biết. Trong tam độc phiền não này đã bị ngu si che đậy. Tuy họ không tham không sân nhưng họ si! Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều trái với tự tánh. Chính minh đã sai lầm, còn dẫn đến xã hội ngộ nhận về Phật pháp, ngộ nhận đối với truyền thống văn hoá. Cũng chính là ngộ nhận đối với thánh hiền, ngộ nhận đối với tổ tông. Tội nghiệt này quá nặng nề. Đọc giới kinh tỷ mỷ chúng ta sẽ hiểu.

Trong Giới Luật Toàn Thư, Hoằng Tán đại sư chú giải giới kinh. Giới sa di, giới tỳ kheo, giới Bồ Tát. Ngài chú giải rất tường tận. Quý vị xem kỹ sẽ hiểu. Bây giờ chỉ sợ là thời gian quá bức bách, học tập chỉ có nắm bắt cương lãnh. Tôi nghĩ nghiên cứu tường tận thời gian không đủ, không kịp. Nếu thật như lời dự đoán tháng 12 năm 2012 thiên tai bộc phát, chúng ta còn đâu thời gian để học tập? Có một phương pháp duy nhất là thật thà niệm Phật, buông bỏ vạn duyên, cầu sanh Tịnh độ và học tập chân thành, cung kính học tập. Như vậy mới được cứu. Học khiêm tốn, chúng ta đề xướng bốn chữ “cung kính khiêm hoà”. Có thể thực hành được bốn chữ này, niệm Phật được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chân thành, cung kinh, khiêm tốn sống hoà đồng với tất cả chúng sanh. Chỉ nói bốn chữ, nói nhiều làm không được.

Như thế nào gọi là chân thành? Điều này rất quan trọng. Trong đọc sách và ghi chép của Tăng Quốc Phiên đã định nghĩ chữ “thành”. Như thế nào gọi là thành? Ông cũng là đệ tử Phật. Ông nói “nhất niệm bất sanh thị vị thành”. Thành là gì? Một niệm không sanh là thành. Nhất niệm không sanh là gì? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là thành tâm là chân thành. Từ trong tâm thanh tịnh sanh khởi từ bi, sanh khởi ý thành kính. Dùng chân thành cung kính này để học pháp thế xuất thế gian thì đều có thành tựu lớn. Chân thành đến tột cùng, đó là lời trong kinh Phật. Thành tựu không thể nghĩ bàn. Lời này đều là thật.

Từ xưa đến nay thế hay xuất thế gian, khi thầy dạy học trò. Lòng yêu thương của thầy đối với học trò là bình đẳng nhưng thầy dạy học đối với học sinh thì không bình đẳng. Yêu thương bình đẳng, vì sao dạy học không bình đẳng? Căn tánh của học sinh không đồng. Căn tánh sâu dày thì năng lực tiếp thu mạnh nên dạy họ nhiều. Căn tánh hạ liệt, năng lực tiếp thu kém nên dạy họ ít lại, dạy nhiều họ tiếp thu không kịp. Thầy dạy học trò không giống nhau nguyên nhân là như vậy. Thầy không có tâm phân biệt, không có thương học sinh nào hơn, không có, hoàn toàn bình đẳng. Trong các học sinh, người nào có thành tựu, người nào không thể thành tựu, trong lòng thầy đều biết hết. Tâm bình đẳng là gì? “Phàm thị nhân, giai tu ái”. Lòng yêu thương không thể có sai biệt.

Ngày nay không những giáo lý Phật pháp thâm áo, mà pháp thế gian cũng không dễ hiểu. Đạo lý của pháp thế gian cũng rất thâm sâu. Trung quốc 2000 năm nay, từ thời nhà Hán đến nay ai cũng tôn kính Khổng Mạnh, gọi Khổng Mạnh là thánh nhân. Khổng tử là đại thánh, Mạnh Tử là á thánh. Ví như Khổng Tử là quán quân, Mạnh tử là á quân. Đây là đứng thứ nhất và đứng thứ nhì. Trong xã hội này, nam nữ già trẻ, các nghành các nghề không có ai không tôn trọng, không ai không học tập theo.

Xã hội Trung quốc 2000 năm nay trị an được lâu dài đều nhờ điều này. Ngày nay không học nữa, không học nên xã hội động loạn. Có phương pháp nào tốt hơn cách trị lý ngày xưa? Có phương pháp nào tốt hơn Khổng Mạnh? Không tìm thấy. Động loạn này không sao bình được, không an định được không phải là xong chuyện. Không an định được xã hội thì kế đến là đại thiên tai. Đây là Phật pháp nói, Phật pháp nói cảnh tuỳ tâm chuyển, nhân tâm hư hỏng, làm trái với luân lý 180 độ, trái với đạo đức, trái với nhân quả. Cảnh giới này là bị tâm chuyển. Tâm hư hỏng, xã hội xấu xa, địa cầu tồi tệ.

Tâm là năng chuyển, cảnh là sở chuyển. Cách nói này trong xã hội không ai tin. Vì sao vậy? Vì không phù hợp khoa học, đây là mê tín. Một câu nói đã phủ định tất cả. Như vậy phải làm sao? Chỉ có cách là tuỳ họ. Người tin có phước, lời của Tôn giáo này, quý vị tin thì có phước. Lúc nãy nói khi đại thiên tai đến, mỗi người đi đến nơi không giống nhau. Người có phước thì đi đến chỗ có phước, người không có phước thì đi đến chỗ không có phước. Điều này chúng ta không thể không biết.

Xem tiếp bên dưới. *“Tịnh ảnh vân, huệ tâm an pháp, danh chi vi nhẫn”.* Huệ tâm không phải là tâm phiền não. Tâm có trí huệ an trú ở trong pháp. Pháp là gì? Là nguyên tắc đại tự nhiên, trật tự đại tự nhiên. Phật giáo và Nho giáo gọi nó là tánh đức, người hiện nay gọi là trật tự của đại tự nhiên, nguyên tắc của đại tự nhiên. Thực tế mà nói nhân tâm loạn thì trật tự đại tự nhiên cũng loạn. Quý vị xem bốn mùa xuân hạ thu đông không bình thường, điều này chứng minh trật tự của đại tự nhiên đã loạn.

Mấy ngàn năm trước chư vị cổ đức nói với chúng ta về phép tắc của đại tự nhiên. Họ nói về luân lý đạo đức, tứ duy bát đức từ đâu mà ? Ngộ ra từ trong trật tự đại tự nhiên. Họ có thể lãnh hội được vì tâm họ thanh tịnh, trong tâm không có tạp niệm, không có vọng niệm, không có oán hận. Trong tâm vĩnh viễn là ôn hoà nên họ có thể cảm nhận được phép tắc của tự nhiên. Tâm có thể chuyển cảnh giới là người giác ngộ là người thấu suốt. Tâm bị cảnh giới bên ngoài chuyển là phàm phu là người mê hoặc. Nhưng thực tế hai phương diện này là hỗ tương qua lại. Hai bên đều có cảm ứng nhưng mấu chốt là ở chỗ trí huệ.

Nên Ngài Huệ Viễn nói huệ tâm an pháp. Pháp này là phép tắc đại tự nhiên. Nghĩa hẹp là Phật pháp đại thừa, nếu thu nhỏ lại nữa là kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Tâm trí huệ chúng ta an trú trong bộ kinh này. Kinh điển dạy chúng ta như thế nào đều nên y giáo phụng hành. Kinh điển dạy chúng ta không được làm thì nhất định phải tuân thủ. Đây chính là huệ tâm an pháp, cũng gọi là nhẫn. Nhẫn chính là định, tôi định tâm ở bộ kinh này, suốt đời này khởi tâm động niệm, hành vi sinh hoạt của tôi đều lấy bộ kinh này làm tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn của Phật A Di Đà, tiêu chuẩn của vô thượng đại pháp.

*“Hội Sớ viết, trí hành tăng tiến danh pháp nhẫn*”. Hành vi của trí huệ ngày ngày tăng trưởng, mỗi ngày đều có tiến bộ, đây gọi là pháp nhẫn. *“Hoạch tam chủng nhẫn giả”*. Đây là trong kinh nói. *“Tịnh Ảnh Sớ viết, tầm thanh ngộ giải, tri thanh như hưởng, danh âm hưởng nhẫn, tam địa dĩ hoàn”.* Đây là một trong ba loại nhẫn do Tịnh Ảnh đại sư nói\_Tuỳ Đường Huệ Viễn đại sư. “Tầm thanh” nghĩa là nghe âm thanh mà khai ngộ. Khai ngộ ra sao? Nhân duyên mỗi người không giống nhau. Có người thấy sắc khai ngộ\_nhìn thấy sắc tướng. Có người nghe âm thanh, nghe dạy, nghe pháp, nghe giáo hoá mà khai ngộ. Có người đích thực nghe tiếng gió thổi cây lá và tiếng mưa rơi bên ngoài, họ đã khai ngộ từ những âm hưởng này. Đây là hạng người nào? Đa phần là người tham thiền. Tâm địa tịch tịnh. Khi nào? Khi sắp ngộ mà chưa ngộ được. Gặp được nhân duyên nghe âm thanh này, vừa xúc chạm âm thanh liền hoát nhiên đại ngộ, chính là như vậy.

Họ đã khai ngộ “tri thanh tri hưởng”. Hưởng là âm thanh phản hồi. Chúng ta ở trên vách núi kêu tiếng thật dài sẽ nghe được âm thanh phản hồi. Điều này chứng minh rằng nó không phải thật. Giống như hình bóng hiện ra dưới ánh mặt trời. Hình thì hiện ảnh, âm thanh thì hiện ra âm thanh phản hồi. Đều không phải thật, không phải thật thì không nên chấp trước không nên phân biệt. Đã hiểu rõ một pháp thì tất cả pháp, pháp nào không như vậy? Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước, không còn phân biệt. Đây gọi là âm hưởng nhẫn.

*“Tam địa dĩ hoàn”,* người nào chứng được? Ở đây nói đa phần là biệt giáo. Biệt giáo sơ địa, nhị địa, tam địa. Ba địa vị này chứng được âm hưởng nhẫn.

Thứ hai *“Xả toàn thú thật, danh nhu thuận nhẫn, tứ ngũ lục địa”.* “Toàn” ở đây là công cụ. Thật là lý thể thực tế nghĩa là chân thật rốt ráo. Đó là gì? Đó là tự tánh. Khi tu học bất luận tu theo pháp môn nào thì pháp môn chính là “toàn”. Nếu không xả bỏ pháp môn này thì không cách nào đạt được chân thật. Nên Phật pháp đại thừa là toàn. Có cần học chăng? Cần học. Khi qua sông cần nó nhưng khi đến bờ nên vứt nó đi. Kinh Kim Cang nói, ví như chiếc thuyền, nương chiếc thuyền để qua sông, khi đến bờ phải vứt bỏ thuyền đi thì mới có thể lên bờ. Nếu không chịu rời thuyền thì vĩnh viễn không đến được bỉ ngạn. Nên Đức Phật dạy, “pháp còn phải xả huống là phi pháp”. Phật pháp là giả không phải thật, nó do nhân duyên mà sanh ra.

Trong Trung Quán Luận nói rất hay: “Nhân duyên sinh ra các pháp, tôi nói tức là không”. Đây gọi là nhu thuận nhẫn. Hay hơn ở trước. Họ chứng được tứ địa, ngũ địa, lục địa Bồ Tát, họ là nhu thuận nhẫn. Nên biết thế xuất thế gian pháp đều là giả nhưng có thể học tập, có thể hưởng lợi ích, chỉ là không thể chấp trước, không thể phân biệt, không thể khởi tâm động niệm. Khi học tập không chấp trước vào lời nói, trong kinh thì không chấp trước văn tự, không chấp trước danh tự, danh từ thuật ngữ trong danh tự. Không chấp trước tướng tâm duyên. Nhất định không nên khởi tâm động niệm để nghĩ đến nó. Đây là ý gì? Đoạn này nói về điều gì? Đức Phật điều gì cũng có thể nói nhưng không có ý gì cả. Những gì ta nghĩ là ý của ta, không phải là ý của Phật. Nếu ta không nghĩ điều gì, nhìn thấy kinh văn này, mỗi chữ mỗi câu đều vô lượng nghĩa. Đó chính là chân thật nghĩa của Như Lai, là nghĩa chân thật trong tự tánh. Chúng ta dùng thức thứ sáu để tư duy về nó, để quán tưởng nó, như vậy là trở thành ý của chính mình.

Nhu hoà, tuỳ thuận giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát. Thật sự thực hành, đây gọi là nhu thuận nhẫn.

*“Chứng thực ly tướng, danh vô sanh nhẫn, thất địa dĩ thượng”.* Thất địa, bát địa, cửu địa, thập địa. Vô sanh nhẫn chính là vô sanh pháp nhẫn. Họ đã minh tâm kiến tánh. Chứng thực nghĩa là minh tâm kiến tánh là ly tướng đối với tất cả hiện tượng. Chúng ta bình thường nói ba loại là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, đều không chấp trước, đều buông bỏ, cũng không phân biệt. Trong tất cả hiện tượng không khởi tâm, không động niệm là đã thật chứng.

Thật chứng là gì? Tất cả pháp không sanh không diệt. Tức ba loại hiện tượng này. Điều này thực sự rất sâu sắc, rất khó lý giải. Chúng ta cũng là mấy năm gần đây, khoảng trên dưới mười năm. Trước đây giảng kinh chia sẻ chưa nói đến. Trước đây đa phần dựa theo Nhân Vương Kinh. Những năn gần đây chúng ta thấy Pháp Uyển Châu Lâm. Tôi từ Pháp Uyển Châu Lâm và Bồ Tát Xứ Thai Kinh nhìn thấy đối thoại của Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát, mà biết được vô sanh pháp nhẫn rốt cuộc là thế nào. Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc, tâm có sở niệm. Phàm phu chúng ta động một ý niệm, trong ý niệm này có mấy niệm? Có bao nhiêu ý niệm vi tế? Có mấy tướng? Tướng chính là hiện tượng. Có mấy thức? Tướng chính là hiện tượng vật chất. Thức chính là hiện tượng tinh thần. Chúng ta mới biết được, phàm phu khởi một niệm, thì niệm vi tế đó thật không thể nghĩ bàn. Bồ Tát nói ra rất cụ thể một khảy móng tay, khoảng một ý niệm của chúng ta. Một sanh diệt, cũng chính là một khảy móng tay. Chúng ta có thể cảm nhận được nhưng không ngờ trong một niệm có 32 ức một trăm ngàn niệm. Đơn vị là trăm ngàn. 32 ức nhân trăm ngàn. Người Trung quốc nói là 320 triệu. Một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm chính là sanh diệt. Hiện tượng sanh diệt. Hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất sinh diệt. Như vậy một dây thì sao? Hiện nay đều dùng giây làm đơn vị thời gian, một giây ít nhất có thể khảy bốn lần đến năm lần. Tôi khảy bốn lần, tôi tin rằng có người khảy còn nhanh hơn tôi. Người trẻ thể lực tốt. Như vậy nếu một phút khảy năm lần tức 1600 triệu. Quý vị thử nghĩ xem, một giây 1600 triệu. Trong một giây có 1600 triệu lần sanh diệt chính là ý niệm sanh diệt vi tế. Chúng ta mới biết rằng trong kinh Phật nói không sanh không diệt. Cách nói này được các nhà lượng tử lực học hiện đại chứng minh. 3000 năm trước Đức Phật đã nói hiện tượng rốt cuộc là gì. Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch. Hiện tượng là giả. Phật đối với hiện tượng này đã dùng năm chữ để đại diện nó là sắc thọ tưởng hành thức. Năm chữ này gọi là ngũ uẩn.

Ngũ uẩn là chỉ điều gì? Là một niệm vi tế nhất. Trong một niệm chính là ngũ uẩn. Trong niệm này có hiện tượng vật chất là sắc. Có thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần. Hay nói cách khác, trong tất cả hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Vật chất và tinh thần vĩnh viễn không phân khai mà vật chất là tinh thần biến hiện ra. Bản chất của vật chất là tinh thần chính là ý niệm, tâm niệm. Nên Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Lời này rất nhiều người đều nói, nhưng không biết ý nghĩa chân thật của nó.

Như thế nào gọi là tâm tưởng? Không phải chúng ta lơ là mà chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Một giây có 1600 triệu. Một khảy móng tay có 360 triệu. Một giây là 1600 triệu lần sanh diệt, chúng ta không có cách nào cảm nhận được. Làm sao Đức Phật biết được? Đức Phật từ trong thiền định mà biết được. Không phải một mình ngài biết. Phật nói định công của Bồ Tát trên bát địa sẽ nhìn thấy. Như vậy chúng ta sẽ hiểu bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác, năm địa vị này họ đều nhìn thấy. Là thật không phải giả. Thật chứng ly tướng, tướng căn bản không có. Ba loại hiện tượng này hình như là có nhưng trên thực tế thì không có. Chính là tướng có tánh không, sự có lý không. Không thể nói nó có cũng không thể nói nó không có. Sau khi hiểu rõ chân tướng thì phải triệt để buông bỏ.

Nên dùng thái độ gì để đối với nó? Không khởi tâm, không động niệm. Vọng không chướng ngại chân, chân cũng không chướng ngại vọng, có thể đồng thời tồn tại. Tồn tại này thật ra chính là không tồn tại. Nên tồn tại và không tồn tại, đều không chấp trước cả hai điều này đây gọi là trung đạo.

Bên dưới chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ “kỳ ý vị”. Đây là trong Tịnh Ảnh Sớ. Ý nghĩa của đoạn này là văn pháp ngộ đạo. *“Tri nhất thiết pháp, như thanh chi hồi hưởng, hồi âm. Như mộng huyễn bào ảnh, danh âm hưởng nhẫn”.* Ví dụ như âm hưởng nhẫn. *“*Thị biệt giáo” điều này đã nói rõ. Biệt giáo Bồ Tát dưới tam địa đạt được. Đây không phải là viên giáo. Biệt giáo sơ địa ngang bằng với viên giáo sơ trú. Nên ở nơi viên giáo mà nói thì là sơ trú, nhị trú, tam trú họ đều đạt được âm hưởng nhẫn. Thật sự hiểu được tất cả pháp trong vũ trụ không phải thật. Trong kinh Kim Cang nói: “như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán”. Đừng cho là thật, cho là thật là sai. Tất cả đều là giả, không có thứ nào là thật.

*“Xã ly ngôn toàn, thú nhập thật tướng, danh nhu thuận nhẫn”.* Là Bồ Tát tứ địa, ngũ địa, lục địa đạt được. *“Nhược chứng nhập thật tướng, ly nhất thiết tướng*”. Điều này trong kinh Hoa Nghiêm nói, “ly tất cả tướng, tức tất cả pháp”, nên gọi là đắc vô sanh pháp nhẫn. Lúc này thật sự đã hiểu, đã thừa nhận, khẳng định, không còn nghi hoặc. Tất cả pháp không sanh không diệt, tìm sanh diệt liễu bất khả đắc. Bồ Tát trên thất địa là thất địa, bát địa, cửu địa, đẳng giác, họ chứng được.

*“Hựu Di Đà Sớ Sao viết, vô sanh nhẫn, lược hữu nhị chủng”.* Một loại là *“ước pháp”*, một loại là “*ước hành*”. *“Ước pháp, tắc chư vô khởi tác chi lý, giai viết vô sanh, huệ tâm an thử, cố danh vi nhẫn”,* tâm đã định. “Chư” nghĩa là tất cả, tất cả pháp không khởi tác chi lý. Câu này nói như thế nào? Đứng về lý mà nói thì tất cả pháp không khởi tác dụng. “Khởi” là hưng khởi, “tác’ là tác dụng. Ý này bây giờ chúng ta mới hiểu. Quý vị thử nghĩ xem trong kinh Đức Phật nói nhất niệm chúng ta đối với nhất niệm này trước sau đều không hiểu. Giải thích một cách đơn sơ, nhất niệm này chính là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, một phút có một phần trên 1600 triệu, trong một phút có 1600 triệu lần sanh diệt.

Tôi nói nó khởi thì nó đã diệt từ lâu. Mỗi ý niệm đều là độc lập không có tương đồng. Nên hiện tượng hiện tiền này rốt cuộc là như thế nào? Nghĩa là vọng niệm này là tướng liên tục, nó không phải tương tục. Khi tương tục thì mỗi niệm đều tương đồng, nhưng ở đây mỗi niệm đều không tương đồng. Nên chúng ta nhìn thấy cảnh giới này, đích thực như trong Hoàn Nguyên Quán nói là “xuất sanh vô tận” chính là hiện tượng này, biến hoá vô cùng. Quý vị tìm không thấy một tướng, nó tồn tại nhưng ở đó không tìm thấy. Nên nói “giai viết vô sanh”\_đều gọi là vô sanh. Không sanh không diệt, không có sanh làm gì có diệt? Nếu thật sự không có sanh diệt, nói nó không sanh không diệt, thì lời này không phải là nói suông sao? Nói một cách không có ý nghĩa nào, nó có sanh diệt. Có sanh diệt và vô sanh diệt đồng nghĩa với không sanh diệt. Quý vị không cách nào nhìn thấy nó sanh diệt.

Bát địa Bồ Tát tuy nhìn thấy nhưng cũng không nắm chắc được. Nhìn thấy hiện tượng này nhưng không cách nào khống chế nó được. Biết được đây là một hiện tượng, hiện tượng này là hiện tượng tự nhiên. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh không có hiện tượng này. Nên nhớ không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần cũng không có hiện tượng tự nhiên. Đây là nghiệp tướng của A lại da. Hiện nay các nhà khoa học gọi là năng lượng là chỉ cho những điều này.

Khoa học thời cận đại giúp rất lớn cho Phật học đại thừa. Những thứ thâm sâu không thể lý giải được nhưng hiện nay dần dần đã hiểu được nó. Giúp rất lớn đối với chúng ta.

Chúng ta biết cần phải buông bỏ, không buông bỏ là sai lầm. Nên sau khi nhìn thấu suốt mới có thể buông bỏ. Điều này trước đây Chương Gia đại sư đã dạy cho tôi. Chưa buông bỏ thì cần phải học, khi hiểu được chân tướng sự thật thì tự nhiên buông bỏ. Nên chúng ta sống trên thế gian này tất cả đều tuỳ duyên. Mọi thứ đều tốt không nên tính toán so đo. So đo tính toán chính là tâm luân hồi, là tạo nghiệp luân hồi. Như vậy chúng ta không thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Tất cả tuỳ duyên, mọi thứ đều không lo lắng, tất cả đều không quan tâm. Tuyệt đối không nên chấp trước không nên phân biệt. Khởi tâm động niệm chúng ta không làm được rất khó lý giải, nhưng không phân biệt, không chấp trước là tuyệt đối chính xác. Có thể làm được không phân biệt, không chấp trước. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là cõi phương tiện hữu dư. Trên phẩm vị thì được nâng cao rất nhiều.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 361

# Tập 362

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:05.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 427 hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

Từ câu *“hựu Di Đà Sớ Sao”.* Bắt đầu xem từ đây. *“Di Đà Sớ Sao viết, vô sanh nhẫn lược hữu nhị chủng. Nhất ước pháp, nhị ước hành. Ước pháp tắc chư vô khởi tác chi lý, giai viết vô sanh, huệ tâm an thử, cố danh vi nhẫn”.*

Ở đây “chư” nghĩa là tất cả, tất cả các pháp của thế xuất thế gian. Dùng chân đế để nói thì đích thực không có sanh diệt. Điều này ở trước kinh Hoa Nghiêm chúng ta đều đã học qua rồi. Tất cả pháp ngay tại đây ở trong một niệm, một niệm này không sanh không diệt. Ý này rất khó hiểu. Nó vốn không sanh làm gì có diệt! Đây là thật tướng các pháp. Những thứ phàm phu chúng ta thấy là hiện tượng tướng tương tự liên tục, không có thật. Vì mỗi niệm đều không giống nhau.

Tiến sĩ Giang Bổn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước. Chúng tôi đến tham quan phòng thực nghiệm của ông hình như hai ba lần. Ông ta nói\_Lần đầu tôi đến xem hình như là năm 2004, đến Đông Kinh để phỏng vấn. Ông ta đã làm bảy năm, đã làm thí nghiệm mười mấy vạn lần, nhưng ông nói với tôi nó không có mô hình tương đồng. Tôi nói: lời ông nói giống như trong kinh đức Phật nói. Ông ta rất kinh ngạc, ông chưa từng tiếp xúc với Phật giáo, cũng rất sợ tiếp xúc tôn giáo, sợ người ta nói ông mê tín. Vì sao không thể có hai cái tương đồng? Vì mỗi ý niệm đều độc lập riêng biệt. Như chúng ta dùng máy chụp ảnh\_máy chụp ảnh chụp bằng phim cũ, giống như quay phim vậy, chiếu cuốn băng mà chúng ta chụp ra, nhất định không có hai tấm giống nhau, có thể nói là giống nhiều hơn, tuyệt đối tìm không ra hai tấm như nhau.

Chúng ta khởi ý niệm giống nhau nhưng niệm trước không như niệm sau. Lấy thí nghiệm nước mà nói, nếu dùng lòng yêu thương đối với ly nước này, nhưng lòng yêu thương của niệm trước và niệm sau không tương đồng nên kết tinh thứ nhất và kết tinh lần thứ hai không giống nhau. Đây chính là “xuất sanh vô tận” trong Hoàn Nguyên Quán Hiền Thủ đại sư đã nói, chính là ý này. Trong Lục Tổ Đàn Kinh ngài Huệ Năng nói: “năng sanh vạn pháp”. Pháp không có định pháp, nó tuỳ theo ý niệm mà biến hoá. Ý niệm này chính là A lại da. Chỉ đến khi đã chuyển thức thành trí thì ý niệm đó giống nhau. Niệm trước và niệm sau giống nhau. Vì sao vậy? Vì nó là vô niệm. Vô niệm thì giống nhau, có niệm thì không giống. Chỉ có cõi thật báo trang nghiêm, có thể nói là tướng tương tục, không phải tướng tương tợ tương tục. Mọi hiện tượng trong mười pháp giới, lục đạo đều là tướng tương tợ tương tục, tuyệt đối không có tương đồng. Đây chính là “vô khởi tác chi lý”. Đây gọi là vô sanh, vô khởi tác. Có khởi tác hay không? Có tướng khởi tác, không có lý khởi tác, tức là tướng có lý không.

Về mặt lý mà nói là vô sanh, tất cả pháp không sanh, tất cả pháp là giả. Mọi người thường đọc kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang. Người không học Phật cũng đọc kinh Kim Cang. Thời xưa người đọc sách nhất định đọc bộ kinh này. Trong kinh nói” phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đã là hư vọng thì không nên ở tướng hư vọng này khởi phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm muốn khống chế nó, muốn chiếm hữu nó. Như vậy là hoàn toàn sai lầm. Thể của nó đều là không, đều bất khả đắc. Từ trong đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, chúng ta sẽ hiểu được chân tướng sự thật. Nên Chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, thái độ của các ngài là chính xác. Thái độ gì? Du hý nhân gian. Giống như chúng ta đi tham quan du lịch, được. Dùng thái độ này để đến thế giới tham quan du lịch, nhất định không có khống chế, không có chiếm hữu. Tôi đến thế giới này chơi mấy ngày rồi đi. Ở nhà nghỉ, nhà nghỉ không phải là của tôi, nhưng tôi ở mấy ngày, tôi có quyền sử dụng nhưng không có quyền sở hữu.

Vũ trụ này, chúng ta ở đây tất cả đều phải nên quán như vậy. Chúng ta có quyền sử dụng, nhất định không có quyền sở hữu. Quý vị cho rằng là sở hữu của mình là sai, đó là vọng tưởng. Nên Đức Phật dạy chúng ta tuỳ duyên nhưng không phan duyên, như vậy là đúng. Hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì tất cả đều tuỳ duyên. Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán, đức thứ nhất “tuỳ duyên diệu dụng”. Diệu dụng chính là đối với nó không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Tuyệt diệu! Trong tuỳ duyên không mất tâm thanh tịnh.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói “thanh tịnh bình đẳng giác”. Tuỳ duyên không trở ngại thanh tịnh bình đẳng giác, không mất đi thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian. Thanh tịnh là không có chút nhiễm trước nào, bình đẳng là không có cao thấp, giác là không có mê hoặc gọi là diệu. Diệu dụng là chỉ điều này. Đây là “huệ tâm an thử” an trong cảnh giới này. Cảnh giới này chúng ta gọi nó là tự nhiên, hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên nó có thể sinh ra hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần liền có chấp trước. Khởi tâm động niệm có phân biệt, có chấp trước. Tuy rất vi tế nhưng nó đã biến chất, biến chất thì cảnh giới bên ngoài cũng thay đổi.

Nhất chân pháp giới là cõi thật báo, nó biến thành mười pháp giới. Nếu phân biệt chấp trước nặng nề hơn thì biến thành lục đạo, cực kỳ nghiêm trọng thì trở thành tam đồ, tất cả đều không có thật. Tự mình thay đổi tự mình chịu nên gọi là tự làm tự chịu. Chư Phật Bồ Tát đem chân tướng sự thật này nói với chúng ta, để chúng ta từ đây mà giác ngộ. Sau khi giác ngộ nhất định phải buông bỏ, không buông bỏ lại bị mê muội. Nên khi nhìn thấu suốt lập tức buông bỏ. Buông bỏ giúp chúng ta tiến thêm một bước nhìn thấu triệt hơn. Như vậy cảnh giới chúng ta không ngừng nâng cao. Nâng cao đến cứu cánh viên mãn đó là quả vị diệu giác. Trở về tự tánh, trở về thường tịch quang. Nên ở đây là “huệ tâm an thử”, trong cảnh giới này tuyệt đối không phải là phiền não, tâm, tâm sở trong tám thức đều không thể. Đây là đại định, vô sanh pháp nhẫn là đại định, đây gọi là nhẫn. Đây là đứng về pháp mà nói.

Thứ hai là trên hành mà nói. “Hành” là tu hành. Đứng về mặt công phu tu hành của chúng ta để nói. *“Tắc báo hành thuần thục”.* “Báo” là cõi báo, báo thân của Như Lai. Như Lai có ba thân là pháp thân, báo thân, ứng hoá thân. Ở đây nói về báo thân. Cõi báo là cõi thật báo trang nghiêm. Công phu tu hành chúng ta đã thuần thục. Lúc này là cảnh giới gì? Bên dưới nói *“tri minh ư lý”.* Năng chứng là trí, sở chứng là lý. Lý là tự tánh. Trong tự tánh vốn đầy đủ trí huệ đức tướng. Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất hay, tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Mỗi chúng sanh đều có. Nên trong kinh điển đại thừa thường nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Đây là thật, vốn đều là Phật. Hiện nay vì sao lại như vậy? Một câu nói của Thế Tôn đã vạch trần tất cả: “vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được”. Chính là nguyên nhân này đã làm cho chúng ta trở nên như vậy.

Chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Trong vọng tưởng chấp trước, có phân biệt nhưng đã lược bỏ. Chúng ta lãnh hội, chúng ta học tập nhất định phải thêm vào, vọng tưởng phân biệt chấp trước nên đã trở nên như vậy, đã biến chất. Đây chính là “xuất sanh vô tận”, “năng sanh vạn pháp” chính là ý này. Bây giờ chúng ta hiểu chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thành Phật, trở về với tự tánh, chứng đắc cứu cánh viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là diệu giác vị, ở trên đẳng giác. Vậy ở đây “báo hành thuần thục”. Chỉ cần hàng sơ trú Bồ Tát của viên giáo là chứng được. Tuy chứng được nhưng tập khí vô thỉ vô minh họ chưa đoạn được. Nên chúng ta biết, 41 vị Bồ Tát trong cõi thật báo. 41 vị Bồ Tát này ở trong cõi báo, chúng ta gọi họ là Ma Ha Tát, đại Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. 41 vị pháp thân đại sĩ, trong kinh thường dùng cách xưng hô này chính là chỉ quả vị này. Họ báo hành thuần thục. Bên dưới hoàn toàn hình dung cảnh giới của họ.

Thứ nhất là lý trí nhất như. Năng chứng là trí huệ, tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã. Sở chứng là tự tánh. Trong kinh này nói chân thật rốt ráo trong ba loại chân thật. Chân thật rốt ráo chính là lý. “Vô tướng vô công” không còn chấp trước tướng. Chẳng nhưng không chấp trước mà không phân biệt, cũng không khởi tâm động niệm. Công là công dụng lúc này vô công dụng đạo. Trong cảnh giới này họ còn tập khí vô minh chưa đoạn. Có biện pháp nào đoạn nó chăng? Không có. Vì không thể khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là có công dụng nghĩa là có tướng có công. Nên cổ nhân nói: “thử xứ dụng bất đắc lực”, nghĩa là vô tướng vô công. Dùng không đắc lực phải làm sao? Tập khí vô thỉ vô minh này nên đoạn như thế nào? Nó tự nhiên không còn, thời gian lâu sẽ không còn.

Người xưa dùng một ví dụ để chúng ta lãnh hội được điều này, rất khó nói, không nói ra được. Người xưa dùng một bình rượu, dùng bình rượu đầy để làm ví dụ. Rượu trong bình đã đổ sạch, thực sự không còn, đã lau chùi sạch sẽ nhưng ngửi vẫn có mùi, đó gọi là tập khí. Tập khí này có thể đoạn trừ chăng? Không đoạn tận được, không cách nào đoạn trừ. Phương pháp duy nhất là mở nắp bình và để vậy. Để như vậy một hai năm, sau đó ngửi lại sẽ không còn nghe mùi nữa. Nên 41 vị pháp thân đại sĩ, tập khí của họ nhiều hay ít không giống nhau. Người mới đi, thập trú Bồ Tát rất nhiều. Thập tín vị Bồ Tát thì ít hơn một chút. Thập hồi hướng càng ít hơn. Đến thập địa thì còn rất mỏng manh. Đến đẳng giác còn có nhất phẩm. Trên đẳng giác thì không còn nữa\_Diệu giác vị không còn nữa. Không còn thì họ không ở trong cõi thật báo. Cõi thật báo có tướng nên không ở trong đó. Họ đi về đâu? Đến thường tịch quang. Do đó chúng ta biết rằng cõi thật báo trang nghiêm từ đâu mà có? Từ tập khí vô thỉ vô minh mà có. Có tập khí thì có cõi thật báo trang nghiêm, không có tập khí thì cõi thật báo cũng không còn. Thường tịch quang mới là thật. Vì sao vậy? Vì là vĩnh hằng bất biến. Nó không có tướng, ba loại hiện tượng đều không có. Chẳng những không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, đến hiện tượng tự nhiên cũng không có. Hiện tượng tự nhiên này chính là Bồ Tát Di Lặc nói. Chúng ta đổi thành khoa học ngày nay nói, tần suất một phút có 1600 triệu lần chấn động. Hiện tượng tự nhiên cũng không còn, đây là vô tướng vô công.

*“Khoáng nhược hư không”.* Khoáng là không khoáng\_không tịch, giống như hư không vậy. Đây là nói chân tâm, nói tự tánh. *“Trạm nhược đình hải”.* Trạm là trạm nhiên nói thanh tịnh của nó giống như đại hải vậy, đại hải này rất yên tĩnh, không có sống gió, không có ô nhiễm. Đây là đình hải. *“Tâm thức vọng hoặc”.* Tâm thức chính là bát thức, vọng hoặc là vô minh\_vô thỉ vô minh. *“Tịch nhiên bất khởi”.* Tám thức không khởi, đương nhiên tâm sở đi theo bát thức cũng không khởi, nghĩa là bát thức không còn, chuyển bát thức thành tứ trí, họ không còn mê hoặc. A lại da chuyển thành đại viên cảnh trí, Mạt na chuyển thành bình đẳng tánh trí, đệ lục ý thức chuyển thành diệu quan sát trí, tiền ngũ thức chuyển thành thành sở tác trí. Hoàn toàn là trí huệ, không còn khởi phân biệt chấp trước, tịch nhiên bất động. Đây gọi là vô sanh. Ai chứng được? Trong hội Hoa Nghiêm thì trên sơ trú Bồ Tát. Phật giáo Trung quốc, Thiền tông gọi là đã chứng được đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh. Hạng người này vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là ở cõi thật báo trang nghiêm. Trong giáo môn gọi là đại khai viên giải. Trong Tịnh độ gọi là lý nhất tâm bất loạn. Danh xưng không giống nhau nhưng tất cả đều là cảnh giới này. Thật sự họ đã chứng được vô sanh pháp nhẫn. Đây gọi là vô sanh.

*“Tiền thuyết”* những gì ở trước nói. *“Do thông chư địa”* không phải từ sơ địa bắt đầu nói sao? *“Hậu thuyết”,* hậu thuyết chính là ở đây nói. Trên ước hành mà nói ước pháp. Cũng chính là trong Di Đà Kinh Sớ Sao Liên Trì đại sự nói: *“duy bát địa sở chuyển”* trên bát địa mới chứng được\_Bát địa. *“Cố Tri Tịnh Ảnh Sớ trung chi vô sanh pháp nhẫn”.* Nói về vô sanh pháp nhẫn. *“Tức Di Đà Sớ Sao trung, Liên Trì đại sư ước hành chi vô sanh pháp nhẫn*”. Tịnh Ảnh đại sư nói trên thất địa, Liên Trì sư nói là bát địa. Trên thất địa không phải chính là bát địa! Nên hai thuyết không trái nhau.

Trong Nhân Vương Kinh cũng nói vô sanh pháp nhẫn là thất địa, bát địa, cửu địa, vô sanh pháp nhẫn. Vì Kinh Nhân Vương nói ngũ nhẫn, vô sanh pháp nhẫn này là thứ tư, cao nhất gọi là tịch diệt nhẫn đây là pháp thân Bồ Tát chứng được. Ở thất địa, bát địa, cửu địa, phân ra ba phẩm. Thất địa Bồ Tát chứng là hạ phẩm vô sanh pháp nhẫn. Bát địa là trung phẩm, cửu địa là thượng phẩm. Thập địa chứng được không gọi là vô sanh mà gọi là tịch diệt. Thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt pháp. Đẳng giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt pháp. Diệu giác quả vị là thượng phẩm tịch diệt pháp. Đây là trong Kinh Nhân Vương nói, chúng ta đều có thể tham khảo.*“Chí ư dư sư dị thuyết”*, còn có rất nhiều cách nói không giống nhau nhưng không ghi vào đây.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khẳng định tư tưởng của Liên Trì đại sư. Tư tưởng trong Tịnh Ảnh Sớ của tiểu Huệ Viễn tương đồng với ý của Liên Trì đại sư. Đoạn cuối cùng là: *“bổn kinh tam nhẫn”,* đây là ba loại nhẫn. *“Dĩ âm hưởng nhẫn vi thủ, nhu thuận nhẫn thứ chi. Dị ư Hiền Kiếp Kinh nhi đồng ư Hoa Nghiêm Thập Nhẫn Phẩm, cập Như Lai Hưng Hiển Kinh, Cựu Hoa Nghiêm Kinh thập nhẫn”.* Cựu Hoa Nghiêm phiên dịch thời Đông Tấn chúng ta gọi là Tấn Kinh. Có 60 quyển gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm ở Trung quốc phiên dịch ba lần. Lần thứ hai là thời nhà Đường khi Võ Tắc Thiên chấp chánh. Võ Tắc Thiên làm hoàng đế đã đổi quốc hiệu không gọi là Đường mà gọi là Chu. Kinh Hoa Nghiêm phiên dịch hoàn thành vào thời của Võ Tắc Thiên nên Kinh Hoa Nghiêm cũng gọi là Đại Chu Kinh. Khai kinh kệ là Võ Tắc Thiên viết. “Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Viết quá hay. Về sau đời này qua đời khác chư vị tổ sư muốn viết thêm một bài kệ khai kinh khác, nhưng viết không hay bằng, cho nên đến nay vẫn dùng bài của Võ Tắc Thiên. Sau khi bà chết cũng bị người lật đổ, khôi phục nhà Đường. Con trai là Trung Tông hoàng đế nối ngôi là cháu của Đường Thái Tông.

Thập nhẫn của Lục Thập Hoa Nghiêm, thứ nhất là âm thanh nhẫn, thứ hai là thuận nhẫn, thứ ba là vô sanh pháp nhẫn, thứ tự tương đồng với ở đây, thứ tư là như huyễn nhẫn. Ở sau nó có một giải thích đơn giản. Tất cả những điều này đều dạy chúng ta, đối với các pháp thế xuất thế gian nên có cái nhìn chính xác. Thật như thường nói tướng có tánh không, tánh là thể. Huyễn tướng giống như chúng ta hiện nay xem trên màn hình ti vi. Tướng có hay không? Có. Không thể nói nó không có. Nó có thật chăng? Không có thật. Nó không có thể, thể là không tịch. Trong kinh Kim Cang ví như mộng huyễn bào ảnh. Đức Phật nói cần phải quán như vậy. Đây là chánh tri chánh kiến. Nên chúng tôi nói quý vị có thể thưởng thức nhưng không thể khống chế vì sẽ không đạt được. Người thế gian coi nó là thật, không biết nó là giả, nên muốn khống chế, muốn chấp trước, ở đây tranh giành, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp.

Thực tế mà nói thì tạo nghiệp cũng không có thật, cũng là giả nhưng tạo những nghiệp này nó có quả báo. Quả báo của luân hồi lục đạo, quả báo của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Quả báo cũng không có thật. Quý vị không biết nó là giả nên mới chịu khổ thật. Giống như nằm mộng vậy, khi nằm mộng không biết mộng là giả. Một con hổ muốn ăn chúng ta, sợ đến nỗi toát mồ hôi lạnh cả người, từ trong mộng tỉnh lại thì ra chỉ là một giấc mộng. Nếu biết đây là mộng thì như các vị Bồ Tát vậy xả thân cho hổ ăn, không phải đã tu đại công đức rồi sao? Đích thực là như vậy. Đây mới là chân tướng sự thật. Nên dạy chúng ta phải thấy tất cả pháp như huyễn, Phật pháp cũng như huyễn, đừng coi Phật pháp là thật. Vì sao vậy? Phật pháp và thế gian pháp là pháp đối lập.

Thế gian pháp được ví như bị bệnh, Phật pháp là thuốc. Nếu bệnh không có thì thuốc cũng không có. Thuốc là vị bệnh mới có. Phật pháp là vì thế gian pháp mà có, làm gì có Phật pháp? Trong tự tánh thanh tịnh không lập một pháp nào cũng không xả pháp nào. Đây mới là viên dung. Ba loại hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, nó khởi lên cứ để nó khởi, diệt thì tuỳ nó diệt. Chỉ cần ta đối với nó không khởi tâm, không động niệm thì tất cả đều bình thường. Đối với nó khởi tâm động niệm là sai, vì nó là giả không có thật. Khởi tâm động niệm là mê, phân biệt thì càng mê hơn, nếu chấp trước nữa thì quá thâm sâu, như vậy là sai.

Khi khởi tâm động niệm thì cõi thật báo xuất hiện. Cõi thật báo của Chư Phật Như Lai hiện ra, đó gọi là nhất chân pháp giới. Nếu khởi phân biệt thì xuất hiện tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, lại khởi chấp trước thì lục đạo xuất hiện. Điều này chúng ta phải lý giải, chúng ta đoạn tận chấp trước thì lục đạo không còn. Từ trong lục đạo tỉnh lại, giấc mộng này đã tỉnh. Nếu đối với tất cả pháp không phân biệt là tỉnh dậy từ mười pháp giới, đây là thế gian pháp. Mười pháp giới và lục đạo đều gọi là pháp thế gian. Xuất thế gian pháp đó là cõi thật báo, cõi thật báo là tập khí vô thỉ vô minh, chính là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm và tập khí của khởi tâm động niệm đều đoạn tận. Phật pháp cũng là giả, cũng không phải thật. Sau cùng như như bất động, bất sanh bất diệt là cõi thường tịch quang. Ở thường tịch quang cái gì cũng không có. Nó chẳng có gì nhưng không thể nói là không, vì sao vậy? Vì nó có thể hiện tướng nên gọi là chân như tự tánh. Tự tánh là tự thể của tất cả pháp. Chư vị nên biết, tất cả pháp vô lượng vô biên nhưng tự thể chỉ có một. Tự thể chính là chân tâm mà chân tâm chỉ có một cũng gọi là bản tánh. Phật giáo cũng gọi là pháp tánh\_chỉ có một. Cần phải thật chứng và thật minh bạch thì sẽ biết biến pháp giới hư không giới với mình có sự liên quan như thế nào? Một cái là tự tánh, một cái là pháp tánh. Không phải một nhà nhưng là một thể. Người trong một nhà còn có thể phân còn có anh có tôi. Pháp tánh không có, nó là chính mình, tất cả vạn pháp là chính mình. Nên lúc này tánh đức hiện tiền là từ bi. Từ bi chính là tình thương vô điều kiện. Gọi là đồng thể đại bi.

Vì sao có tâm từ bi này? Vì đồng thể. Vô duyên đại bi. Duyên là điều kiện, không có điều kiện. Đem đến an vui cho chúng sanh vô điều kiện. Giúp chúng sanh xa rời đau khổ cũng không có điều kiện vì là đồng thể. Giúp người khác chính là giúp mình, hại người khác cũng là hại mình. Vì sao hại người khác lại là hại chính mình? Vì mình và người là một không phải hai. Chúng ta hại họ, nếu họ cũng như mình chưa giác ngộ, thì sẽ như thế nào? Sẽ đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ dứt. Mình và người vĩnh viễn mê hoặc, mình và người vĩnh viễn tạo nghiệp, mình và người vĩnh viễn chịu khổ, hai bên đều chịu khổ. Mà còn như thế nào? Mà có khi còn liên luỵ đến người khác, như vậy nghiệp ta tạo còn nặng nề hơn. Điều này trong lịch sử ghi chép rất nhiều.

Chư vị nên xem An Sĩ Toàn Thư, Văn Xướng Đế Quân Âm Chất Văn. Quý vị xem đằng trước họ nói họ 117 đời làm sĩ đại phu\_phần tử tri thức có địa vị. Quý vị xem nghiệp mà họ tạo, quả báo của 117 đời. Sau đó gặp được Phật pháp mới giác ngộ mới hiểu. Hồi đầu thì oán hận mới hoá giải hết. Không học Phật pháp vĩnh viễn không biết, học Phật pháp mới thật sự có thể hoá giải. Nên nhất định phải biết, tất cả pháp như huyễn như diệm. Diệm là ngọn lửa. Chúng ta đốt một cây sáp, thấy ngọn lửa của cây sáp\_như diệm. Đều là ví dụ, hoả diệm là vô thường. Nó không phải thật, nó là một loại tương tợ tướng tương tục.

Chúng ta dùng máy chụp ảnh. Máy chụp ảnh của ti vi, quý vị đi chụp sẽ phát hiện, “Như mộng”. Chữ mộng này trong kinh Đức Phật dùng nhiều nhất. Mỗi người đều có kinh nghiệm nằm mộng. Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian, đức Thế Tôn ứng hoá ở Ấn Độ, ngài trụ thế 80 năm. Ngày ngày giảng kinh giáo hoá gọi là “đại tác mộng trung Phật sự”, Ngài không coi thế giới này là thật nên tất cả cảnh giới trong mắt ngài, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh ngài đều trải qua, thiện duyên hay ác duyên đều đã gặp nhưng vẫn như như bất động. Ngài biết cảnh giới như mộng huyễn bào ảnh, ngài làm tấm gương cho chúng ta noi theo.

*“Như hưởng,* hưởng là âm thanh phản hồi ở trước đã nói qua. Chúng ta ở bên vách núi hét to một tiếng, lập tức nghe được âm thanh phản hồi. *“Như ảnh”* chúng ta đứng dưới ánh sáng, trên thân có hình bóng. Bóng là giả không phải thật. *“Như hoá”* hoá là huyễn hoá. Thứ mười là *“như không”* đích thực trong kinh Đức Phật nói, tất cả pháp “đương thể tức không, liễu bất khả đắc”.

600 quyển Kinh Đại Bát Nhã sau khi tôi xem qua một lần đã đề ra 12 chữ là tâm đắc của tôi:“nhất thiết pháp, tất cánh không, bất khả đắc”. Bộ kinh này Đức Thế Tôn giảng suốt 22 năm. Bây giờ chúng ta nghĩ lại vì sao bộ kinh này phải giảng đến 22 năm? Quý vị nghe một hai lần không hiểu, nghe một trăm lần, hai trăm lần vẫn không nhập vào được cảnh giới, vẫn là chưa thể nào không được. Phải như cổ nhân thường nói là huân tu lâu ngày, “thâm nhập một môn, huân tu lâu ngày”.

Đức Phật giảng 22 năm, lặp lại vô số lần. Giúp thượng trung hạ căn ngộ nhập cảnh giới. Đây là thật tướng. Kinh Bát Nhã nói thật, không nói giả. Quý vị xem, trước khi học đại thừa học Bát nhã, nền tảng trước là 12 năm A hàm, 8 năm Phương Đẳng. Có nền tảng 12 năm rồi mới nói thật, nói vạn pháp đều là không, khiến chúng ta triệt để buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngộ nhập cảnh giới đại thừa. Chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Cuối cùng Pháp Hoa, Pháp Hoa là thành Phật. Pháp Hoa là nhất thừa pháp. Kinh Pháp Hoa đến cuối cùng tổng kết rằng: “Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian chỉ nói nhất thừa pháp, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói.” Nói cho chúng ta pháp đại thừa, tiểu thừa, nói cho chúng ta tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát là đức Phật phương tiện nói, không phải thật sự nói. Chân thật chỉ có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ. Ở đây nói với chúng ta là chân thật, và Vô Lượng Thọ là chân thật trong các chân thật. Kinh này còn thâm sâu hơn Bát Nhã và còn thâm sâu hơn cả Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Nên kinh này là pháp khó tin, thật không giả chút nào.

Chúng ta có nền tảng của Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm nên nhập vào cảnh giới Vô Lượng Thọ rất dễ. Vì sao vậy? Vì nó là tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm cũng là nơi trở về của kinh Pháp Hoa. Chư vị cổ đức thời Tuỳ Đường nói rất hay: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là dẫn đường của Vô Lượng Thọ. Dẫn chúng ta đi vào kinh Vô Lượng Thọ, cách nói này rất hay.

Khi tôi mới học Phật là đi vào từ con đường học triết học. Nên hoài nghi đối với pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, cho rằng đây là pháp phương tiện của Phật, độ những người già không có tri thức. Dùng con mắt này để xem nó, coi thường nó, không muốn học. Theo thầy Lý mười năm, thầy hết lòng khuyên tôi, tôi đều không tiếp thu. Thầy bảo tôi xem Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Xem rất hay, tôi rất tán than, tôi không còn coi nhẹ Tịnh độ, những vẫn không chịu học. Thật tâm quyết định học Tịnh độ, là khi tôi giảng một nửa Kinh Pháp Hoa, là giảng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng mới một nửa, đột nhiên trong lòng khởi lên một ý niệm, nhớ đến không biết Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn nào? Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Đoạn sau của kinh chưa nói đến, lật phía sau mới thoát nhiên đại ngộ. Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Còn dẫn 41 vị pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng, đến thế giới Cực Lạc học với Phật A Di Đà. Từ đó tâm cung kính đối với Tịnh độ mới sanh khởi, mới lãnh ngộ được pháp môn này thật không thể nghĩ bàn. Hèn gì Chư Phật Bồ Tát đều nói là pháp khó tin, thật khó tin! Khó tin nhưng quý vị có thể tin. Chỉ có một câu có thể giải thích, trong quá khứ chúng ta từng tu pháp môn này, nên đối với Tịnh độ có thiện căn sâu dày. Chỉ có thể nói như vậy, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên. Nếu trong quá khứ chưa từng học, ngày nay vừa tiếp cận đã tin tưởng, làm gì có đạo lý này?

Vô lượng kiếp trong quá khứ có thể chúng ta đã học kinh này rất nhiều lần, nhưng tự bản thân hiện tại không biết. Trong A lại da thức, trong kho tư liệu của A lại da thức có tài liệu, lần này đụng đến tài liệu cũ lại lật ra và nó lại kết nối. Đây gọi là thiện căn. Nếu không có thiện căn thì tuyệt đối không thể. Nên chúng ta đối với người sơ học không được coi thường, biết đâu trong quá khứ người ta tu còn tinh tấn hơn mình, thiện căn sâu dày hơn mình. Chúng ta tu một đời chưa chắc có thể vãng sanh, họ tu mấy năm thật sự được vãng sanh. Thiện căn phước đức sâu dày gặp duyên tự nhiên thuần thục. Chúng ta đời này cũng được coi là rất may mắn. Nếu không có sự giúp đỡ của kinh luận, chúng ta rất khó chấp nhận nhưng tiếp thu rồi phải thâm sâu hơn người khác một chút. Lý chúng ta đã rõ nên tiếp xúc rồi không có chút hoài nghi. Phương pháp tu hành chúng ta đã thấu hiểu, rõ ràng phương pháp. Thấu triệt y cứ lý luận của phương pháp này, lãnh hội một cách sâu sắc. Pháp môn này đặc biệt là công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả kinh mà chư Phật Như Lai nói. Công đức tất cả kinh tích luỹ lại đều không bằng danh hiệu Phật.

Đại thiên tai ngày nay có thể giải quyết chăng? Một câu Nam Mô A Di Đà Phật có thể giải quyết nhưng người ta không tin, thật sự không tin vì đạo lý quá thâm sâu. Nếu nói rõ ràng minh bạch đạo lý này thật không dễ. Chúng tôi cũng là vì thiên tai này, thời gian quá cấp bách nên dừng lại không giảng kinh Hoa Nghiêm, khai giảng bộ kinh này. Hôm nay vừa đúng một năm. Tết thanh minh năm ngoái bắt đầu giảng, hôm nay vừa tròn một năm. Đã giảng được một nửa, hơn 700 tiếng đồng hồ. Còn một nửa sau thì sao? Tôi xem ít nhất bộ kinh này phải 1200 tiếng. Có thể đến 1400 hoặc 1500 tiếng. Lần này giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Thường xuyên nghe, tôi tin rằng ít nhất cũng làm tăng trưởng lòng tin, người không tin, nghe rồi sẽ tin, đã tin rồi thì niềm tin đó càng vững chắc hơn, không còn bị dao động.

*“Hựu Thập Nhẫn Phẩm viết”.* Đây là trong Lục Thập Hoa Nghiêm. *“Nhược văn chân thật pháp”*. Kinh Vô Lượng Thọ niệm Phật A Di Đà là chân thật trong các chân thật. *“Bất kinh bất bố bất uý, tín giải thọ trì. Ái dược thuận nhập, tu tập an trú. Thị vi đệ nhất tuỳ thuận âm thanh nhẫn”.* Tôi không làm được. Tôi theo thầy Lý mười năm, thầy không lúc nào không khuyên tôi, dùng nhiều loại phương tiện thiện xảo khuyên tôi. Thầy biết rõ tôi thích Hoa Nghiêm, thích đại kinh luận, không thích niệm Phật. Thật không dễ chút nào! Có rất nhiều người vừa nghe thầy nói liền tin, tôi rất khâm phục. Đúng là đại thiện căn, đại phước đức. Vừa nghe liền tin, thâm nhập một pháp môn, mười năm không thay đổi nên đã thành công, đã thành tựu. Một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, cư sĩ Hoàng Trung Xướng bế quan ở Thâm Quyến hai năm mười tháng thì vãng sanh. Còn thiếu hai tháng là đủ ba năm. Đây thật sự là thiện căn sâu dày. Ông ta đã làm thí nghiệm. Nghe tôi giảng kinh nói rất nhiều người đều là ba năm thành tựu. Ông ta làm thí nghiệm xem ba năm có thể thành tựu chăng? Quả nhiên thành tựu. Như vậy có thể người ta nói sau khi thành tựu hoằng pháp lợi sanh tốt biết bao? Là tốt. Nhưng hoằng pháp lợi sanh cần phải có pháp duyên, họ thành tựu thì họ biết, ngày nay độ người khó, rất khó! Ngày nay độ quỷ dễ, quỷ dễ độ hơn người, họ nghe lời, họ biết khổ. Chúng ta nói độ khác loài chúng sanh dễ, độ súc sanh dễ, độ cây cỏ hoa lá, những sinh linh này dễ. Thần cây, thần núi, thần đất đều dễ độ. Độ người vô cùng khó khăn. Những sự thật này chúng ta đều biết.

Trong hoàn cảnh này, đến thế giới Cực Lạc để thành Phật trước là tuyệt đối chính xác. Sau khi thành Phật người thế gian này thật sự hồi đầu muốn tu hành, muốn hồi đầu. Họ có thể ở thế giới Cực Lạc và trở lại, lên thuyền từ trở lại độ chúng sanh. Họ ở thế gian này đã đến thế giới Cực Lạc, và có duyên với thế gian này\_Phật không độ người vô duyên\_nên nhất định trở lại đây là thành tựu. Thật sự thành tựu nhất định tuỳ duyên. Có duyên ở thêm vài ngày là chuyện tốt, không có duyên thì về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà là việc tốt rất tốt.

Bên dưới lại nói: *“Thử Bồ Tát tuỳ thuận tịch tịnh, quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm. Bất vi chư pháp, tuỳ thuận thâm nhập, nhất thiết chư pháp thâm nhập. Trực tâm phân biệt chư pháp, tu bình đẳng quán. Thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị thuận nhẫn”.*

Thuận nhẫn chính là nhu thuận nhẫn mà chúng ta đã nói trong đoạn kinh trước. Bồ Tát này tuỳ thuận tịch tịnh, tâm thường an trú trong tịch tịnh. Nói cạn một chút thì nhất định không có trôi nỗi, tâm của họ là định. Trong thuận cảnh không sanh tham luyến, trong nghịch cảnh không sanh sân nhuế. Họ có thể duy trì thanh tịnh bình đẳng, không bị cảnh giới bên ngoài xuay chuyển. Ngoại cảnh không thể làm ảnh hưởng đến họ.

Đây là công phu, nhẫn là công phu thiền định, tương đương với công phu thiền định. Vì sao họ có định công như vậy? Ở dưới đã nói ra: *“quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm”. “*Quán” là nhìn thấu suốt. Họ đối với tất cả pháp đều nhìn thấu suốt. Tất cả pháp là pháp bình đẳng. Tất cả pháp không sanh là pháp bình đẳng, không sanh thanh tịnh nhiễm ô, không sanh thiện ác, không sanh chánh tà. Quý vị từ nhất niệm để xem thì tất cả pháp không sanh, nghĩa là ngay tại đây, không có quá khứ vị lai, không có tha phương hay thử giới. Dùng cách nói hiện nay thì không có thời gian và không gian. Thời gian và không gian là giả, không phải thật.

Thời gian và không gian từ đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Rời phân biệt thì thời gian và không gian sẽ không còn, các nhà khoa học nói là không gian duy thứ. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Vì sao trong thiền định có thể đột phá không gian duy thứ, không còn nữa? Từ đó chúng ta sẽ biết rằng, không gian duy thứ là từ phân biệt chấp trước sanh ra, buông bỏ phân biệt chấp trước thì không gian duy thứ cũng không còn. Các nhà khoa học đã chứng minh không gian duy thứ là tồn tại và rất phức tạp. Số lượng không có biên giới.

Ngày nay con người chúng ta sống trong không gian duy tâm. Không gian duy thứ càng cao, năng lượng càng lớn hơn chúng ta. Như loại kiến và những loại côn trùng bò bay cựa động, những loại côn trùng cựa động này chung sống là không gian duy nhị. Nó chỉ có dài rộng mà không có cảm xúc độ cao. Đều là từ phân biệt chấp trước mà sanh khởi. Đức Phật có thể biết rất nhiều việc. Ngài học từ đâu? Trong kinh nói, ngài đích thực có 12 năm tham học. 19 tuổi xuất gia, rời xa cuộc sống vinh hoa phú quý để ra đi tham học. Sống cuộc đời khổ hạnh tăng 12 năm. Thời Ấn Độ cổ, nghĩa là Ấn Độ đương thời tôn giáo vô cùng phát triển. Triết học Ấn Độ đứng đầu thế giới, ngài sanh ra trong hoàn cảnh này. Những bậc cao nhân này đều tu thiền định. Tứ thiền bát định, không phải phương pháp tu học Đức Thế Tôn sáng tạo mà là Bà la môn thời xưa truyền lại. Cổ Bà la môn so với Đức Thế Tôn sớm hơn ít nhất một vạn năm. Nên tôn giáo Ấn Độ đều tu tứ thiền bát định, các học phái của Ấn Độ cũng tu tứ thiền bát định. Những người này đối với tình hình trong lục đạo họ rất rõ rang. Trên từ cõi trời phi tưởng phi phi tưởng xứ, dưới đến địa ngục A tỳ không có gì họ không biết. Nên họ biết là cảnh giới hiện lượng, chứ không phải đứng về lý mà suy đoán, không phải. Là tận mắt nhìn thấy là tự mình tiếp xúc được, như vậy có thể giả được chăng?

Không phải chỉ một người có bản lĩnh này, mà người có bản lĩnh này rất nhiều. Tuy như vậy nhưng vấn đề không thể giải quyết. Lục đạo đã rõ, đã nhìn thấy, nhưng lục đạo từ đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo còn có thế giới chăng? Không ai có thể trả lời. Nên Đức Thế Tôn đem sở học 12 năm buông bỏ hết, nhập định dưới cây Tất Bát La, nhập sâu vào thiền định. A la hán định thứ chín, định thứ mười, mười một và cứ như vậy đi lên, chúng ta nghĩ đến cuối cùng là tự tánh bổn định. Diệu giác quả vị chứng được tự tánh bổn định, đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật. Tất cả pháp hoàn toàn thông suốt. Sau khi xuất định, vì Đức Phật thành đạo dưới cây Tất Bát La nên về sau cây này gọi là cây Bồ đề, để tưởng nhớ đến ngài, hiện nay cây bồ đề này vẫn còn.

Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy buông bỏ 12 năm học chính là buông bỏ sở tri chướng. Đức Phật nói chướng ngại có hai loại lớn, một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. 19 tuổi xuất gia, ngài thị hiện là vứt bỏ phiền não chướng\_đã buông bỏ. Buông bỏ sở học 12 năm, sở tri chướng xã bỏ tức là hai chướng đều đã buông. Minh tâm kiến tánh, chướng ngại không còn. Học quá nhiều cũng không tốt, học nhiều thì sở tri chướng càng sâu dày, nó chướng ngại sự khai ngộ, chướng ngại ta chứng quả. Vì thế chư vị cổ đức truyền lại là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”. Trong này có đạo lý rất to lớn!

Học tập là việc tốt nhưng đừng rơi vào sở tri chướng. Học là gì? Là tri thức, nó làm chướng ngại trí huệ, chướng ngại kiến tánh. Tri thức không thể giải quyết vấn đề, trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Trí huệ từ đâu mà có? Từ giới định huệ. Chúng ta học một bộ kinh chính là trì giới, không học bộ thứ hai, đây gọi là trì giới. Một bộ kinh học ba đến năm năm sẽ được định, tâm không tán loạn. Khi đã ngộ thì những điều chưa học cũng thông suốt. Một kinh thông thì tất cả các kinh đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả pháp môn đều thông, bình đẳng chánh niệm. Phương pháp này trong nhà Phật đã dùng 3000 năm, hiện nay con người không dùng nữa, không dùng nên rất loạn. Học phương pháp của khoa học phương tây. Phương pháp khoa học là tri thức không phải trí huệ. Phương pháp khoa học như các nhà lượng tử lực học hiện nay không tệ, hiếm có, họ cũng một lòng nghiên cứu mới có thành tựu như thế.

Ngày nay giới khoa học đều hướng đến hai cực đoan để phát triển, một là hồng quan vũ trụ, hai là lượng tử lực học, phát triển hai cực đoan này. Hồng quan vũ trụ là quan sát thái không. Các nhà vật lý học, báo cáo của họ về hư không viết rất hay, họ nói rằng hiện nay máy móc khoa học thiên văn có thể quan sát được vũ trụ\_là đại vũ trụ. Trên thực tế chỉ là một phần mười của vũ trụ, còn lại chín phần không thấy. Quan sát vũ trụ không ngừng mở rộng, mở rộng đến biên giới nhưng không thấy, không nhìn thấy nữa. Họ nói là 90 phần trăm, có thể quan sát được mười phần trăm, còn 90 phần đó không thấy. Họ không biết nhưng chúng ta biết. Đây chính là Phật pháp cao hơn họ. 90 phần đó đi về đâu? Trở về với tự tánh. Trở về tự tánh thì tất cả hiện tượng đều không còn. Quý vị quan sát nhất định phải có hiện tượng, nhưng nó không có hiện tượng, nó không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, như vậy quý vị quan sát điều gì? Nên chúng ta biết, các nhà lượng tử lực học quan sát được là nguồn gốc của hiện tượng vật chất, là ý niệm biến hiện ra, ý niệm là hiện tượng tinh thần. Nguồn gốc của hiện tượng tinh thần nên giải thích như thế nào? Là bịa đặt. Cũng rất khó được, thật không dễ.

Phật pháp nói hiện tượng tinh thần này từ đâu mà có? Từ tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nhưng tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là thường tịch quang nên nó không duyên đến được. Khi nào mới biết được nó? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước thì sẽ thấy được. Chưa buông bỏ nó chướng ngại khiến chúng ta không nhìn thấy. Buông bỏ là nhìn thấy, các nhà khoa học chưa buông bỏ chỉ là dùng toán học và lý luận để phát hiện. Sau đó lại dùng máy móc tinh vi quan sát và chứng thực. Trong kinh Đức Phật nói rất hay, dùng phương pháp này để nghiên cứu vũ trụ. Lớn có thể quan sát đến biên tế của vũ trụ, nhỏ có thể thấy được A lại da nhưng A lại da từ đâu mà có họ lại không biết. Đây chính là dùng tâm ý thức. Tức là thức thứ sáu, cảnh giới nó duyên tới rất giới hạn, không duyên được tự tánh. Minh tâm kiến tánh nhất định không thể dùng ý thức.

“Quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm”, đây chính là chánh tri chánh kiến mà trong kinh Hoa Nghiêm nói. “Bất vi chư pháp”. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp ở trước đã nói nó thể của nó, tức là không. Tướng có tánh vô, sự có lý vô. Nó không chướng ngại sự. Chỉ cần không phân biệt, không chấp trước thì không có chút chướng ngại nào nên có thể tuỳ thuận. Trong hoàn Nguyên Quán nói tuỳ duyên. Tuỳ thuận chính là tuỳ duyên, tuỳ duyên thâm nhập. Có thể thấy được tất cả pháp nhưng vẫn thanh tịnh. Làm sao thấy được? Vì tâm thanh tịnh. Cảnh tuỳ tâm chuyển, tâm thanh tịnh thấy tất cả pháp đều thanh tịnh, tâm bình đẳng thấy mọi pháp đều bình đẳng, cảnh tuỳ tâm chuyển. Vì cảnh giới này đích thực là tâm sở hiện, tất cả pháp đều do tâm hiện. Tâm là năng hiện, tất cả pháp là sở hiện. Nên tất cả pháp đang chuyển theo tâm. Nếu tâm chúng ta thiện thì cảnh giới thiện, nếu tâm ác thì cảnh giới ác.

Ngày nay địa cầu phát sinh vấn đề, khắp nơi đều là thiên tai. Đây là do nguyên nhân gì? Do tâm bất thiện. Có thể cứu địa cầu chăng? Có thể. Tiến sĩ Bố Lai Đăng người Mỹ cũng nói là được. Cứu bằng cách nào? Ông ta đưa ra ba câu nói thật sự có thể cứu địa cầu. Thứ nhất là con người trên toàn thế giới bỏ ác làm thiện, chính là Phật pháp nói đoạn ác tu thiện. Câu thứ hai là cải tà quy chánh. Thứ ba là đoan chánh tâm niệm. Ba câu 12 chữ này làm được thì xã hội được an định, thiên tai trên địa cầu không còn. Con người trên địa cầu này đông, nhưng tài nguyên lương thực không đủ dùng. Chúng ta biến chuyển tâm niệm, mong sao tài nguyên trên địa cầu không ngừng phong phú lên\_cảnh tuỳ tâm chuyển. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đây là nguyên tắc nguyên lý chỉ đạo cao nhất mà Đức Phật dạy. Nếu chúng ta có thể hiểu được, thật có thể ngộ nhập, có thể y giáo phụng hành thì làm gì có chuyện không hạnh phúc! Làm gì có chuyện không viên mãn! Thật có thể giải quyết vấn đề.

Tất cả chúng sanh trên thế giới đều giống như anh em chị em một nhà vậy. Sống hoà đồng, tương thân tương ái, hai bên cùng hợp tác. Như vậy thì thế giới Cực Lạc liền hiện tiền. Thế giới Cực Lạc thành tựu ra sao? Ở trước chúng ta đã học rất nhiều, là nơi các vị thượng thiện nhơn câu hội, nó là thượng thiện thành tựu. Như vậy thế giới hiện tại của chúng ta có thể nói là cực ác tạo thành là phản diện của thập thiện. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, tham sân si tạo quá nhiều. Nên thế giới này mới biến thành như vậy. Nếu chúng ta hồi đầu, thật sự thực hành không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không tham sân si thì thế giới này lập tức được thay đổi\_cảnh tuỳ tâm chuyển.

Phật pháp có thể cứu thế giới. Cứu thế giới thì trước phải cứu được nhân tâm. Không bắt đầu cứu từ nhân tâm thì không còn cách nào khác, vì cảnh tuỳ tâm chuyển. Cảnh là tâm biến hiện. Tâm chúng ta hiện tại là bất thiện nên biến hiện ra cũng bất thiện. Tâm thiện thì lập tức biến hiện ra điều là thiện. Thân thể nhiều bệnh là tâm bất thiện, nên tế bào biến thành độc bệnh. Nếu đã sửa đổi thành tâm thiện, những tế bào mang độc bệnh lập tức khôi phục bình thường, phục hồi bình thường tức là mạnh khoẻ. Chưa từng nghe nói có vị Phật Bồ Tát nào bị bệnh. Vì sao vậy? Vì các ngài tâm niệm đoan chánh, không có tà niệm, không có ác niệm nên không bị bệnh.

Tham sân si, Đức Phật gọi nó là tam độc. Độc gì? Độc bệnh. Tất cả căn nguyên của độc bệnh là tham sân si. Thay đổi được những điều này, không tham, không sân, không si, như vậy là đã nhổ sạch tận gốc của mầm bệnh. Bệnh tật hay bệnh truyền nhiễm như thế nào cũng không thể nhiễm đến được. Vì sao vậy? Vì thân thể chúng ta không mang độc bệnh. Nếu mang độc bệnh sẽ dễ nhiễm, người không mang độc bệnh không nhiễm được. Hiện nay nói là miễn dịch, là miễn dịch viên mãn. Đây chính là đối với thân thể mình, thân thể cũng là cảnh giới, cảnh tuỳ tâm chuyển. Hoàn cảnh cư trú của địa cầu vẫn là cảnh tuỳ tâm chuyển, cho đến thái không, hệ tinh tú, hệ thái dương, hệ ngân hà đều đang tuỳ tâm chúng ta mà chuyển, đều tuỳ ý niệm chúng ta mà chuyển. Ý niệm thanh tịnh, ý niệm thiện thì tất cả đều chuyển thành tốt đẹp. Tâm hành bất thiện ta liền thấy thiên tai. Đây là thật không phải giả.

Đức Phật thường nói, chúng ta cũng đọc rất nhiều là “trú tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Chúng ta đem tâm để một chỗ Phật A Di Đà. Thân thể tôi không tốt, tinh thần không tốt, niệm Phật A Di Đà sẽ tốt hơn.

Hoàn cảnh cư trú của chúng ta ngày nay quá nhiều thiên tai, chúng ta chế tâm vào nơi Phật A Di Đà, nhất tâm niệm Phật A Di Đà thì nơi này không gặp thiên tai. Nên không tin là loại thứ nhất trong đại tuỳ phiền não. Không tin thì không còn cách nào khác. Thật tin, thật y giáo phụng hành thì nó thật khởi tác dụng, thật sự giúp ta giải quyết vấn đề.

*“Trực tâm phân biệt chư pháp”.* Phân biệt tức là không phân biệt. Phân biệt là gì? Mọi thứ đều rõ ràng, đây gọi là phân biệt. Như thế nào gọi là không phân biệt? Không có tâm phân biệt, đối diện các pháp nhưng không có tâm phân biệt, mọi thứ đều rất minh bạch, không có tâm phân biệt, không có chấp trước, không có chiếm hữu, không có khống chế. *“Tu bình đẳng quán”.* Tu bình đẳng quán nếu không có cảnh giới thì bình đẳng này nên tu từ đâu? Trước nên tu bình đẳng quán trên người và việc, sau đó tu bình đẳng quán trên tất cả vạn pháp. Chính là thanh tịnh bình đẳng giác của đề kinh. Thanh tịnh là cảnh giới của A la hán. Bình đẳng là cảnh giới của Bồ Tát. Giác là cảnh giới của Đức Phật. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của chúng ta, chính là Phật A Di Đà. Để Phật A Di Đà trong tâm. Về sự mà nói là Nam Mô A Di Đà Phật, về lý mà nói chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Lý sự là một không phải hai. Thanh tịnh bình đẳng giác nghĩa là có thể chuyển cảnh giới. Thanh tịnh bình đẳng giác có thể giúp xã hội và thật sự có thể giải quyết vấn đề.

Hôm trước tôi thấy một bạn đồng học tải một đoạn tin trên mạng. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tiếp kiến tổng thống nước Pháp tại Trung quốc. Hồ Cẩm Đào nói với ông ta: “chiến tranh không thể giải quyết vấn đề.” Đây là thật không phải giả. Lịch sử có thể làm chứng. Giải quyết vấn đề là gì? Thanh tịnh bình đẳng giác có thể giải quyết vấn đề, không có di chứng về sau.

Chúng ta cần phải tiếp thu, cần nên tin tưởng. Giáo dục văn hoá có thể giải quyết vấn đề. Trung quốc mấy ngàn năm đều dùng phương pháp này. Người ngoại quốc học lịch sử Trung quốc không có ai không khâm phục. Đất nước lớn như vậy, nhiều dân tộc như vậy, nhân khẩu đông như vậy mà mấy ngàn năm nay nền trị an rất lâu dài. Dựa vào đều gì? Dựa vào dạy học. Vì thế dạy học có thể giải quyết vấn đề.

Một đất nước, thật sự muốn trị vì quốc gia tốt, giải quyết vấn đề xã hội, giải quyết vấn đề thiên tai nên thực hành phương pháp giáo dục. Có thể bồi dưỡng năm sáu mươi vị thầy giáo giỏi, chuyên môn dạy truyền thống văn hoá. Quốc gia bồi dưỡng năm sáu chục vị nhân tài không khó. Dùng một kênh truyền hình để dạy học cho toàn quốc. Suốt ngày 24 tiếng không gián đoạn. Thầy giáo thay phiên dạy bất cứ lúc nào mở kênh này đều có thể học được giáo dục. Tôi tin rằng một năm là xã hội an định. Khi xã hội an định thì nơi này thiên tai sẽ giảm ít, nhất định mưa thuận gió hoà, ngũ cốc phong phú, quốc thái dân an. Thật có thể làm được!

Ba năm 2006, 2007, 2008. Chúng tôi làm thí nghiệm ở thị trấn Thang Trì Lô Giang An Huy. Ở đó trong vòng ba năm không có thiên tai, trong khi các vùng lân cận có thiên tai nhưng chỗ này không có. Thị trấn này có bốn vạn tám ngàn người, nhân tâm thật thà lương thiện, hiểu được hiếu thân tôn sư. Mọi người đều học Đệ Tử Quy, nam nữ già trẻ các ngành các nghề cùng nhau học. Thầy giáo dùng thân giáo dẫn đầu làm gương cho chúng ta thấy, đã dạy thành công. Không làm thí nghiệm mọi người không tin. Chúng tôi tham gia hội nghị hoà bình của Liên Hiệp Quốc đã viết nhiều bản báo cáo, báo cáo nhiều lần, mọi người nghe rất hoan hỷ nhưng không có lòng tin. Sau đó chúng tôi cùng ăn cơm nói chuyện, trong đó có vài người hỏi tôi, Pháp sư nói rất hay nhưng đây là lý tưởng không làm được. Như vậy là sao? Là bất tín trong đại tuỳ phiền não, như vậy thì không còn cách nào khác. Ép chúng tôi như thế nào? Không thể không làm thí nghiệm, tìm một nơi làm thí nghiệm làm ra mọi người mới tin được. Chúng ta có thể nói đây là đức của tổ tông.

Người Trung quốc dạy truyền thống văn hoá tuy đã lãng quên hơn 100 năm. Nhưng nền tảng sâu dày, vượt ra ngoài dự định của chúng tôi. Chúng tôi vốn nghĩ ở đây dạy học làm thí nghiệm cũng chưa nắm chắc. Các thầy giáo cùng nhau nghiên cứu, chắc cũng mất từ hai đến ba năm, khoảng thời gian đó mới có thể thấy chút hiệu quả. Không ngờ ba tháng hiệu quả vượt trội, chẳng ai không kinh ngạc. Sao lại như vậy! Các thầy giáo trình bày tình hình với tôi, tôi cũng giật mình. Con người sao lại dễ dạy như thế! Đáng tiếc chính là không ai dạy. Chứng minh lời các bậc cổ đức nói là tánh con người vô thiện. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là *“*nhân chi sơ tánh bổn thiện”, đã chứng minh được điều này.

Bản tánh của người ác là thiện, không phải ác. Ác chỉ là mê hoặc nhất thời nên khi dạy họ lập tức hồi đầu, lương tâm đã thức dậy. Nên giáo dục rất hữu ích, có thể trị quốc bình thiên hạ. Vì thế người xưa thường nói thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Ở trước nó còn có hai nền tảng. Thứ nhất là cách vật\_chấn chỉnh, dùng cách nói như hiện nay là buông bỏ dục vọng thì tâm mới được thanh tịnh. Cách là cách đấu\_vật lộn. Đấu với ai? Đấu với dục vọng của chúng ta. Lương tâm và dục vọng đấu với nhau. Chiến thắng dục vọng, tôn sùng đạo đức. Mục đích trước sau là cầu học. Không có chân thực học vấn thì không làm được gì cả.

Người có dục vọng nhiều thì rất khó thành tựu đức hạnh và học vấn đó là chướng ngại, nên việc đầu tiên là buông bỏ dục vọng, tiết dục tâm thanh tịnh, như vậy thì học nghiệp và đạo nghiệp rất dễ thành tựu. Vì thế dạy học không khó. Chúng tôi tìm không ra chỗ thí nghiệm. Tôi rất muốn tìm một quốc gia để làm thí nghiệm. Người lãnh đạo quốc gia cần phải đồng ý tư tưởng này của chúng tôi, mời năm sáu mươi vị giáo sư chuyên môn học tập truyền thống văn hoá. Học tập luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Dùng cách dạy từ xa, mỗi ngày dùng ti vi, dùng mạng internet để phát chương trình. Là bài học giáo dục của Thánh hiền. Trên kênh truyền hình có thể dùng tựa đề là\_bài học giáo dục của thánh hiền.

Trước đó, khi tôi phỏng vấn ở Trung quốc. Ông Trần Đại Hội tìm tôi đến phỏng vấn, làm một bài phỏng vấn, đề mục là “Đồng lòng cứu vãn nguy cơ”. Sau đó ở HongKong cũng làm một lần\_tập hai. Năm ngoái, hình như ở Malaysia chúng tôi cũng làm một lần tại Kiết Long Ba. Đại khái là ghi âm được bảy tiếng. Đặt đề mục cho nó là “Đồng lòng cứu vãn nguy cơ tập ba”. Việc này Mã Cáp Địch biết, ông là cựu thủ tướng trước đây. Ông giúp chúng tôi đổi tên thành “Giáo dục cứu vãn nguy cơ”. Đổi rất hay *“*Giáo dục cứu vãn nguy cơ” lại càng rõ ràng hơn. Tôi hợp tác với ông ta. Tôi nói giáo dục hiện nay giáo dục nhà trường quá nhiều. Giáo dục gì? Ở trước cần phải thêm hai chữ Thánh hiền giáo dục, “giáo dục Thánh hiền cứu vãn nguy cơ”. Lúc đó ông ta mới đi phỏng vấn nước ngoài về nên hơi mệt nếu không thì ông ta đã tham gia. Tôi nói lần sau, lần sau có cơ hội chúng ta cùng nhau bàn luận về vấn đề này.

Đích thực nếu chúng ta quay lại giáo dục thánh hiền thì xã hội được cứu, thế giới được cứu. Người phương tây nghĩ phương pháp này là lợi dụng chiến tranh, vũ lực, không giải quyết được vấn đề. Tư duy đó là sai lầm. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói học thuyết Khổng Mạnh, không có ai phản đối. Các dân tộc khác, tôn giáo khác nhau tôi đều tiếp xúc và đưa ra vấn đề này không ai phản đối. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Tôi đưa ra bốn chữ “nhân nghĩa trung thứ”. “Nhân” là thương người. Tôi thương mình cũng thương người khác, suy bụng ta ra bụng người nên không ai phản đối. “Nghĩa’ là gì? Nghĩa là hợp lý, tư tưởng, hành vi hợp tình, hợp lý, hợp pháp thì mọi người đều tán thán. “Trung” là gì? Trung là ở giữa, không thiên lệch, không tà nguỵ gọi là trung. Chúng ta dùng tâm không thiên lệch không tà nguỵ để xử sự đối nhân tiếp vật. “Thứ” là gì? Hiện nay con người lãng quên giáo dục truyền thống và giáo dục thánh hiền hơn 100 năm nay. Tâm không có nơi trở về, không nơi nương tựa nên làm rất nhiều điều sai trái. Đối với những người tạo những tội nghiệt này ta nên dùng tâm như thế nào? Tha thứ cho họ. Như Phu Tử nói *“*thành sự bất thuyết”. Họ đã làm rồi không nên nhắc lại. “Toại sự bất gián”, không phải việc tốt, họ nhất định sẽ làm thành công, không nên khuyên họ. “Ký vãng bất cứu”, việc đã qua thì nên bỏ qua. Như vậy tâm mọi người đều an định lại. Vì sao vậy? Chưa tiếp thu giáo dục luân lý đạo đức nên họ không biết, không hiểu. Bây giờ chúng ta bắt đầu cùng nhau học tập, dù có làm việc sai lầm đến đâu cũng nên bỏ qua hết, không nên truy cứu. Đây là đạo thứ tha, như vậy tốt chăng? Nhiều người nghe đều khen là tốt, phương pháp này rất tốt. Trong an định khôi phục sự êm ấm, hồi phục luân lý. Khôi phục giáo dục đạo đức phải từ trong sự an ổn. Nếu nói truy cứu thì dùng trừng phạt, như vậy xã hội sẽ loạn. Không phải là phương pháp tốt, nhất định phải dùng tha thứ.

Chúng ta làm sai, hy vọng người khác tha thứ. Thì chúng ta cũng nên nghĩ rằng người khác làm sai, chúng ta cũng nên tha thứ cho họ. “Chân thành từ bi” của đại thừa Phật pháp với “nhân nghĩa trung thứ” ý nghĩa giống nhau. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ đã nói, giải quyết vấn đề xã hội hiện tại, ông ta đề xuất học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Trong học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa chúng ta tìm ra bốn chữ. Tám chữ là có thể giải quyết vấn đề, bất luận là vấn đề cá nhân, vấn đề gia đình, vấn đề công ty hay vấn đề của toàn xã hội. Tám chữ này có thể giải quyết tất cả.

Không thể dùng trừng phạt, không thể dùng luật pháp, không thể dùng quân đội. Những thứ đó càng làm càng tồi tệ. Nó như bác sĩ trị bệnh. Cần phải biết nguyên nhân của bệnh. Biết được nguồn gốc của bệnh thì tuỳ bệnh mà cho thuốc.

“Nhân nghĩa trung thứ, chân thành từ bi”, liều thuốc này rất có hiệu quả. Tinh tấn tu tập, vấn đề mới thật sự được giải quyết. Chúng tôi cũng muốn ở đây tìm một mảnh đất để xây dựng một thôn nhỏ, thị trấn nhỏ, chúng ta đến làm thí nghiệm, nghĩa là dùng tám chữ này. Trong thị trấn nhỏ này mọi người cùng nhau sinh hoạt, mỗi người đều thực hiện tám chữ này. Siêng năng hành trì Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, nghĩa là dùng ba loại này để thể hiện “nhân nghĩa trung thứ”, thể hiện “chân thành từ bi”. Làm tấm gương tốt cho thế nhân noi theo. Điều này không khó.

Đầu tiên chúng ta cần phải mời chư vị đồng học của Tịnh độ. Mọi người cùng nhau học Phật, nghe kinh, niệm Phật cũng mấy năm nay, khi tuổi lớn về hưu, mọi người sống cùng nhau. Trước là thành lập một thôn nhỏ, về sau người nhiều từ từ trở thành một thị trấn nhỏ, người nhiều hơn nữa thì trở thành thành thị, người sống trong này sẽ thực hành tám chữ này.

*“Tu bình đẳng quán, thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị thuận nhẫn. Thử tức nhu thuận nhẫn dã”.* Trong kinh này nói là “nhu thuận nhẫn”. Bên dưới là nói vô sanh pháp nhẫn.

Hết giờ rồi, đoạn này chúng ta để lại ngày mai tiếp tục học. Hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

# Tập 363

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:06.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 428, bắt đầu xem câu cuối cùng hàng thứ tư từ dưới đếm lên.

*“Hựu viết, thử Bồ Tát bất kiến hữu pháp sanh, bất kiến hữu pháp diệt. Hà dĩ cố? Nhược bất sanh tắc bất diệt, nhược bất diệt tắc vô tận. Nhược vô tận tắc ly cấu, nhược vô cấu tắc vô hoại. Nhược vô hoại tắc bất động, nhược bất động tắc tịch diệt địa. Thị vi đệ tam vô sanh pháp nhẫn”.*

Đây là kinh văn trong Lục Thập Hoa Nghiêm, Phẩm Thập Nhẫn. Đây là bất động địa, trên bát địa. Bồ Tát này không thấy có pháp sanh. Pháp là tất cả pháp, bao gồm thế gian pháp và xuất thế gian pháp. Nói cách khác họ không thấy tất cả pháp sanh. Không thấy sanh đương nhiên cũng không thấy diệt, tất cả pháp không sanh không diệt, không có sanh diệt.

Đạo lý này trong kinh Hoa Nghiêm và trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta đã học qua rất nhiều. Đúng là chân tướng sự thật. Trong đại thừa bát nhã nói thật tướng các pháp, thực sự là như vậy. Đặc biệt rõ ràng chính là báo cáo của Bồ Tát Di Lặc với Đức Thế Tôn, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Ở đây nói lên điều gì? Là nói tất cả pháp không sanh không diệt. Từ mấy câu kinh văn này, nghĩa là trong đối thoại của Bồ Tát Di Lặc thì ta hoàn toàn hiểu rõ.

Nếu thật sự không sanh không diệt, không có sanh diệt. Chúng ta nói không sanh không diệt sẽ không có chút ý nghĩa nào. Không sanh không diệt là ý gì? Có thể nhìn thấy sanh diệt chính là không sanh diệt. Sanh nghĩa là bất sanh, diệt nghĩa là bất diệt. Như vậy là đã thấy chân tướng sự thật. Khi thấy được chân tướng sự thật này thì tâm liền định, tâm được an, không có chút trôi nổi nào, chúng ta sẽ thấy được tự tánh, thấy được tướng tịch diệt của nhất chân pháp giới, nó vốn thanh tịnh tịch diệt. Hiện tại thì sao? Hiện tại vẫn là thanh tịnh tịch diệt. Ngày nay xã hội động loạn, địa cầu thiên tai, nhưng hàng Bát địa Bồ Tát vẫn xem như là tướng tịch diệt, chúng ta thấy như long trời lở dất, còn các ngài thấy là tướng tịch diệt. Đạo lý này không dễ hiểu.

Chúng ta quan sát từ tốc độ năng động của tất cả pháp thì có thể lãnh hội được một chút. Ta có hai chiếc xe, hai chiếc xe này chạy trên đường tốc độ bằng nhau, thấy mọi người đều như bất động. Nếu tốc độ có nhanh chậm khác nhau thì tốc độ này vô cùng rõ rang, chiếc này chạy nhanh còn chiếc kia chạy chậm. Cùng một đạo lý, hai chiếc máy bay sắp ngang hàng và bay tốc độ giống nhau. Quý vị không thấy tôi động, tôi cũng không thấy quý vị động. Nói cách khác nếu có người có thể đem tần suất tốc độ, nâng cao lên như Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Họ liền thấy được mỗi ý niệm đều bất động. Vì sao vậy? Vì tốc độ bình đẳng nên họ thấy bất động. Đạo lý này không khó hiểu!

Tất cả hiện tượng như hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cho đến hiện tượng tự nhiên, toàn bộ đều là dao động. Tốc độ nhanh chúng ta không sao tưởng tượng được, trong kinh nói thật không thể nghĩ bàn. Trong tần suất chấn động cao này quý vị nhìn thấy tất cả pháp là đứng yên, bất động, tất cả pháp không sanh, nó sanh thì lập tức nó diệt, hầu như là sanh diệt đồng thời. Có hiện tượng sanh diệt chăng? Có! Sao nói nó đồng thời? Sanh diệt bất nhị, sanh diệt nhất như. Chân tướng sự thật này chính là thật tướng các pháp, chân thật tướng mà trong kinh đại thừa nói.

Công phu thiền định của bát địa, cũng có nghĩa là tần suất giao động của họ và tần suất của tất cả pháp đều ngang nhau là đã nhìn thấy. Hướng tiếp lên trên đến cửu địa, thập địa, thập nhất địa, diệu giác thì càng nhìn càng thấu triệt. Biết được nó vốn như thế nào. Thì ra là vọng động. Dao động này và tự tánh không có liên quan. Tự tánh vĩnh viễn bất động. Khi ngài Huệ Năng kiến tánh nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”. Chứng minh trong kinh đại thừa thường nói “tự tánh bổn định”, đây là cứu cánh quả Phật chứng được. Vì sao vậy? Vì không động không hiện tướng, động mới hiện tướng. Tự tánh không động nên không hiện tướng. A lại da động nên A lại da hiện tướng. Nghiệp tướng của A lại da là hiện tượng tự nhiên. Chuyển tướng của A lại da, các nhà khoa học gọi nó là tin tức, gọi là là tâm niệm, ý niệm trong tâm, nghĩa là hiện tượng tinh thần. Tất cả vật chất mà tiền ngũ thức tiếp xúc, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân tiếp xúc với sắc thanh hương vị xúc, và pháp. Pháp một nửa là tinh thần một nửa là vật chất, đây đều là hiện tượng vật chất nên lục căn và lục trần toàn là hiện tượng vật chất. Tự tánh không có, không có gì cả nhưng nó có thể hiện. Nên không thể nói tự tánh là không. Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đây chính là nói khi nó không khởi tác dụng, trong tự tánh đầy đủ mọi thứ, tuy nó không hiện tướng nhưng nó không thiếu gì cả. Khi nó khởi tác dụng thì “năng sanh vạn pháp”. Cũng chính là như chúng ta nói cả ba loại hiện tượng này đều xuất hiện. Bản thể của ba loại hiện tượng này là tự tánh. Không thể nói nó có cũng không thể nói nó không. Nói có hay nói không đều sai cả.

Bên dưới giả thiết một vấn đáp. *“Hà dĩ cố*”, là vì sao. Vì sao Bồ Tát này không thấy có pháp sanh, không thấy có pháp diệt? Bên dưới giải thích: *“nhược bất sanh tắc bất diệt”*. Không sanh làm gì có diệt? *“Nhược bất diệt tắc vô tận”,* vô tận là pháp tánh, chỉ có pháp tánh là vô tận. Nó không cùng tận cũng không có cạn sâu, đây gọi là vô tận. Vũ trụ không có biên giới. Người xưa nói: “Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, ý của nó đều là vô tận. “Kỳ đại vô ngoại”, nghĩa là vũ trụ không tận cùng, không có biên tế. Vũ trụ có thể nhìn thấy hiện tượng, chỉ có có hiện tượng mới có thể nhìn thấy.

Chúng ta nói hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần. Có hiện tượng mới có thể nhìn thấy. Đặc biệt là khoa học ngày nay. Khoa học nếu không có hiện tượng thì họ không nhìn thấy, trong lục đạo họ có thể thấy được sắc giới, nhưng họ không thấy được vô sắc giới. Vô sắc giới không có hiện tượng vật chất nhưng nó có hiện tượng tinh thần nên không có biên giới\_Kỳ tiểu vô nội. Điều này không dễ hiểu, nhỏ làm sao đến vô nội? Điều này trong kinh Phật có nói. Như thế nào gọi là vô nội? Vi trần rất nhỏ, trong Phật pháp nói là cực vi chi vi, ngày nay gọi là tiểu quang tử. Tiểu quang tử lớn cỡ nào? Là một tiểu thể. Tiểu thể rất nhỏ còn nhỏ hơn nguyên tử, là một phần một trăm ức của một tiểu thể. Đây là các nhà khoa học hiện đại đo lường ra. Vật nhỏ như vậy, một phần một trăm ức của một tiểu thể, đức Phật nói trong đó có thế giới. Thế giới bao lớn? Lớn như vũ trụ ở bên ngoài. Thật không thể nghĩ bàn!

Thế giới trong hạt vi trần này nó lại có vi trần. Trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Đây có nghĩa là vô tận gọi là kỳ tiểu vô nội. Khoa học hiện tại phát hiện ra vật nhỏ nhất chính là tiểu quang tử nhỏ một phần trên một trăm ức của tiểu thể. Đại khái chính là cực vi chi vi mà trong kinh Đức Phật đã nói. Không còn có thể phân, phân ra nửa là không còn. Trong đó có thế giới, có tin tức viên mãn của biến pháp giới hư không giới.

Quý vị xem hiện nay một cái thẻ nhớ nó chỉ lớn bằng móng tay, trong đó dung nạp rất nhiều tài liệu, như một bộ Đại Tạng Kinh, một bộ Tứ Khố Toàn Thư đều dung nạp vào trong đó, như vậy vẫn chưa hy hữu. Đức Phật nói trong vật vi tế của vi tế, nó dung nạp thông tin của toàn thế giới, không phải toàn thế giới, mà biến pháp giới hư không giới, không sót một thông tin nào, tất cả đều ở trong đó.

Chúng ta cần phải biết mỗi tế bào của thân thể này, tế bào rất lớn, tế bào chính là những lượng tử, nhiều lượng tử tích tụ thành. Trong mỗi lượng tử đều bao hàm biến pháp giới hư không giới. Nếu nói một người như chúng ta nếu không biết biến pháp giới hư không giới quá khứ vị lai, làm gì có đạo lý này? Chúng ta biết hết. Tại sao hiện nay không biết? Vì hồ đồ mê muội. Vì sao đức Phật có bản lĩnh lớn như vậy? Vô bất tri, vô bất năng? Vô bất tri thì mỗi người chúng ta vốn có. Vô bất năng thì tự tánh vốn có. Chúng ta vốn là vô bất tri vô bất năng, giống như Chư Phật Như Lai vậy. Hiện nay ra nông nỗi này là do mê thất tự tánh, chứ chẳng phải máy móc không linh thông, máy móc rất linh thông. Ý muốn nói là thân thể này của chúng ta, trong mỗi tế bào, mỗi phần tử, thậm chí mỗi tiểu thể, nói đến cuối cùng là mỗi quang tử, một tiểu thể có 100 ức quang tử, 100 ức quang tử tổ hợp thành một tiểu thể, mỗi quang tử đều đầy đủ tất cả thông tin trong biến pháp giới hư không giới. Từ đây chúng ta sẽ hiểu vì sao Bồ Tát phải nỗ lực tu học để nâng cao vị trí của mình. Đạo lý chính là ở chỗ này. Cảnh giới càng nâng cao thì trí huệ đức năng trong tự tánh càng hiển lộ. Đến cứu cánh quả vị là diệu giác vị, cũng hiển lộ ra hết. Không phải học được, những điều này không học được, nó là bản năng của chính mình, chúng ta vốn có. Phật pháp đại thừa, không có thứ nào ta học từ bên ngoài cả. Học bên ngoài gọi là ngoại tâm cầu pháp đó là ngoại đạo. Đức Phật không dạy người cầu bên ngoài, ngài chỉ dạy hướng nội để cầu. Nên Phật pháp gọi là nội học, kinh Phật gọi là nội điển. Tất cả đều hướng nội không hướng ngoại. Chứng tỏ tất cả vốn đầy đủ trong tự tánh. Chúng ta với Chư Phật Như Lai không có gì khác. Điều này tất cả Chư Phật đều thừa nhận. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng của Như Lai các ngài thừa nhận.

Thực tế chúng ta quá mê muội, mê quá lâu. Không sợ mê, quá mê muội hay mê lâu dài cũng không sợ. Trong kinh Đức Phật đưa ra một ví dụ, mê muội này ví như căn nhà tối một ngàn năm, phòng này rất kín, ánh sáng mặt trời mặt trăng đều không chiếu vào được, cũng không có đèn, hoàn toàn một mảng tối đen. Thời gian bao lâu? 1000 năm. 1000 năm tối tăm nhưng chỉ cần thắp một ngọn đèn liền chiếu sáng, bóng tối sẽ không còn. Điều này nói rõ, chỉ cần ta giác ngộ thì mê sẽ không còn. Dùng mê ví như bóng tôi, ví giác ngộ như ánh sáng ngọn đèn. Vậy tại sao chúng ta không giác. Chướng ngại tánh đức của chúng ta, tánh đức là trí huệ, đức năng tướng hảo là tánh đức. Chướng ngại của ta đã trở ngại nó nên trí huệ đức tướng không thể hiện tiền.

Nhìn thấy thế giới tây phương Cực Lạc tốt đẹp như vậy là tự tánh hiện ra, đó là đức năng của tự tánh không có gì gọi là hy hữu. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, nói thế giới Cực Lạc này là của Phật A Di Đà. Được, nói như vậy cũng không sao, nhưng nói thế giới đó là của chúng ta cũng được. Vì sao vậy? Vì chúng ta và Phật A Di Đà thực sự là một không phải hai. Đây là chân tướng sự thật, là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tu học đại thừa đối với những gì trong kinh Phật nói cần phải năng tín, năng giải. Điều này chính là có nhân duyên với Phật rất sâu, đã đầy đủ điều kiện học Phật. Nâng cao cảnh giới của mình và nhập vào cảnh giới chư Phật, bí quyết chính là buông bỏ. Căn bệnh lớn của chúng ta chính là không buông bỏ được.

Nguyên nhân đầu tiên không buông được chính là coi thân này là của mình. Mọi lúc mọi nơi, khởi tâm động niệm đều nghĩ cho thân này, đều vì bản ngã này mà nghĩ, tự tư tự lợi, như vậy là mê quá nặng nề. Nghĩ mình cũng nghĩ đến người khác, không tệ, tâm lượng đã lớn hơn một chút rồi đó. Họ có thể thay cho người khác nghĩ, đã nâng cao hơn một bậc nhưng vẫn mê hoặc điên đảo! Thật sự có thể khởi tâm động niệm nghĩ cho biến pháp giới hư không giới đó chính là tâm đại thừa, là tâm của Bồ Tát. Không vì phiến diện mà vì biến pháp giới hư không giới. Vì sao vậy? Vì tâm lượng của chúng ta nó vốn lớn như vậy. Tâm lượng của chúng ta có thể bao trùm cả hư không pháp giới, đó là tâm lượng vốn có của mỗi người chúng ta.

Loại thứ ba của ba loại chu biến trong Hoàn Nguyên Quán bao hàm không và có đó tức là nói tâm lượng. Lượng nhỏ không được, lượng nhỏ là mê quá sâu. Lượng lớn thì phước lớn. Trong thế xuất thế gian phước báo của Phật là lớn nhất. Chúng ta xưng ngài là Nhị Túc Tôn. Túc là viên mãn, hai loại viên mãn, trí tuệ viên mãn và phước báo viên mãn. Từ đâu mà có? Từ tâm lượng mà có. Tâm lượng của Phật lớn, không có gì không bao dung, nên trí huệ lớn, phước báo lớn. Tâm lượng của chúng ta vốn cũng lớn như vậ, nhưng hiện nay thì sao? Hiện nay mê muội. Sau khi mê tâm lượng ngày càng nhỏ, càng nhỏ càng đáng thương. Tâm lượng nhỏ nhất là địa ngục, tâm lượng nhỏ nhất, không thể bao dung người khác.

Trong mười pháp giới càng lên cao thì tâm lượng càng lớn. Ngày nay tuy chúng ta chưa chứng được, tiếp xúc với kinh giáo và huân tu lâu ngày, nên chúng ta đối với sự và lý đều hiểu rõ. Minh bạch chính là nói nhìn thấu suốt. Công phu hiện nay chính là buông bỏ. Nhìn thấu mà không buông bỏ cũng không được, không giải quyết được vấn đề. Buông bỏ thì vấn đề liền được giải quyết, liền được viên mãn. Điều đầu tiên là buông bỏ tự ngã. Chư vị nên biết, buông bỏ tự ngã thiên tai sẽ không còn. Chúng ta nói nghiệp chướng rất nặng. Nếu không có bản ngã thì ai chịu nghiệp chướng này? Không ai chịu. Vậy thì nghiệp chướng cũng không có chổ đứng. Có bản ngã, bản ngã tạo nghiệp, bản ngã mới chịu quả báo này. Không có ta thì vấn đề đã được giải quyết, giải quyết triệt để.

Tại sao phải chấp trước cái ta này. Quý vị thấy trong Phật pháp đại thừa nói, không thấy có pháp sanh. Pháp có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, tất cả đều không có, cũng không có thiện pháp sanh, cũng không có ác pháp sanh, cũng không có thiện quả sanh, cũng không có ác báo sanh, tất cả đều không có. Đây là thấy được chân tướng. Người chưa nhìn thấu suốt, người chưa buông bỏ thì họ ở đó diễn kịch. Nó giống như cái bóng dưới ánh mặt trời vậy, không phải thật. Kinh Kim Cang nói “mộng huyễn bào ảnh”, quý vị có thể nhìn thấy chăng? Có thể nhìn thấy. Nhìn thấy những “mộng huyễn bào ảnh” rồi. Đây là ý nghĩa của vô tận.

Vô tận không chướng ngại sự. *“Nhược vô tận tắc ly cấu”.* Ở đây cấu là từ tượng trưng. Chúng ta không chịu ảnh hưởng của nó, không chịu sự quấy rối của nó. Vì sao vậy? Vì nó là giả không phải thật. Bát tướng thành đạo của Đức Thế Tôn, trong đó có hàng ma. Đức Thế Tôn dùng phương pháp gì để hàng ma? Ma quá nhiều, vô lượng vô biên! Họ đối với chúng ta đều là uy hiếp dụ dỗ. Ở trong cảnh giới của họ mà động tâm là chịu thiệt ngay. Phương pháp hàng ma của Thế Tôn là như như bất động. Uy hiếp không được tôi, là giả không phải thật. Dùng lợi để mê hoặc tôi cũng không mắc bẫy. Vì sao vậy? Đó là giả không phải thật. Hay quá! Họ dụ dỗ rằng thế gian này là để cho hoàng đế, để cho quý vị làm hoàng đế, quý vị có động tâm chăng? Của cải quý vị có động tâm chăng? Ức vạn trân bảo có động tâm chăng? Bồ Tát đích thực coi “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nên ngài như như bất động. Ma nhìn thấy chúng ta không động tâm họ liền bỏ đi, không còn làm phiền nữa. Chúng ta sẽ không chịu thiệt.

Tài sắc danh thực thuỳ, chỉ cần ta động tâm là vào bẫy ngay, sẽ rơi vào ma chướng, bị họ khống chế, mất đi tự do. Muốn tiến về phía trước là điều khó khăn, ngược lại còn bị thụt lùi. Như vậy ly cấu sẽ không bao giờ có, đã bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng*. “Nhược ly cấu tắc vô hoại”.* Hoại là biến dị, có biến hoá, có thay đổi. Chỉ có tánh đức không biến dịch. Tánh đức người xưa nói là “Chỉ ư chí thiện”. Chí thiện là bất biến. Người xưa nói bản tánh vốn thiện. Thiện này không phải là thiện đối với ác. Là từ tán thán, quá tốt. Lành thay lành thay, quá tốt. Không có chút khiếm khuyết nào.

*“Vô hoại tắc bất động”.* Điều này tương ưng với tịch diệt nhẫn nên *“bất động tắc tịch diệt địa”*. Đây là vô sanh pháp nhẫn của đại thừa. Chúng ta phải học, đặc biệt là trong thời đại hiện nay. Thời đại hiện nay sức cám dỗ quá lớn, phải biết rằng không nên để ý đến uy hiếp và cám dổ bên ngoài. Vệ tinh và mạng internet là ma ba tuần khống chế là đạo tràng của họ. Khi tôi ở HongKong họ từng đến tìm tôi, chất vấn tôi. Hỏi tôi vì sao không thông báo với họ mà xâm phạm đạo tràng của họ. Lúc đó tôi nói không có, từ trước giờ chưa từng xâm phạm đạo tràng của ai cả. Lợi hay hại của bất cứ người nào xưa nay tôi không nghe cũng không hỏi. Họ liền chỉ ra, sau đó tôi đột nhiên nhớ lại, vệ tinh truyền hình là đạo tràng của họ, họ đang giáo hoá chúng sanh. Dạy điều gì? Dạy sát đạo dâm vọng, dạy bạo lực sắc tình. Là ma đang dạy.

Chúng ta cũng dùng vệ tinh, dùng mạng internet để truyền bá kinh điển, như thế là xâm phạm đạo tràng của họ, thực sự là không báo cáo với họ. Chúng ta thờ bài vị của họ, tôi ở đây thờ bài vị họ, bài vị của Ma Ba tuần. Tôi xin họ tha thứ, nhờ họ hộ trì Phật pháp. Tôi nói ông cũng có từ bi như chư Bồ Tát vậy, cũng may thế gian này còn có một vài người tốt muốn học Phật, ông cũng phải hộ trì họ. Người thích tạo nghiệp thì ông tận lực giúp họ tạo nghiệp. Người thích tu thiện thì ông cũng nên giúp họ tu thiện. Công bình một chút không nên thiên vị. Ông ta cũng rất hiểu lý lẽ nên chúng tôi cũng mời ông đến đây nghe kinh, chúng ta cùng nhau tu học.

Ở đây nhắc nhở chúng ta nếu thật sự muốn thành tựu nhất định không bị bên ngoài cám dỗ. Điều này rất khó, vô cùng khó khăn. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta quan sát tỉ mỉ xem người nào không bị cám dỗ? Món ăn này ngon ăn nhiều thêm chút, như thế là đã bị cám dỗ rồi. Món này không hợp khẩu vị nên không gắp miếng nào, không phải đã chịu cám dỗ rồi sao? Người khác khen ngợi vài câu, trong lòng vui sướng, mắng vài câu lại cảm thấy rất khó chịu. Như vậy tức là chịu sự chi phối của nó! Đây chính là đang khảo nghiệm.

Tôi học Phật bao nhiêu năm nay đều đem cảnh giới để khảo nghiệm mình. Từng giờ từng phút đều phải vượt qua bài thi này. Bài thi này là gì? Làm thế nào để có thể ở trong cảnh giới mà không động tâm. Người xưa nói và trong kinh điển cũng nói là lấy tâm bình thường để đối đãi. Bình là bình đẳng, thường là vĩnh viễn như vậy. Trong đó cần thiết là phải nhìn thấu suốt, nhìn thấu chúng ta nên ghi nhớ câu, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nếu thường xuyên nghĩ đến những lời Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức thì sẽ hiểu. Như trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: Bồ Tát Quán Tự Tại nhìn thấy năm uẩn đều là không. Năm uẩn là gì? Chính là tiểu quang tử. Chính là một niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói.

Quý vị thấy, một niệm nó có hình, hình là sắc, nó có thức, thức là thọ tưởng hành thức, nó có những thứ này, nghĩa là có tinh thần, đây chính là ngũ uẩn. Đó là gì? Là nền tảng cơ bản của tất cả vật chất và tinh thần, là nền tảng là nhỏ nhất. Ở đây Bồ Tát Quan Âm đều thấy là không. Tất cả hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất đều là một hợp tướng. Kinh Kim Cang nói như vậy đều là chúng tổ hợp thành. Nền tảng là không, dù tổ hợp có tốt thì tất cả cũng đều là không, không có thứ gì chẳng phải là không. Nên trong kinh Bát Nhã nói đều là thật: “nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc.” Trong cảnh giới này tự tại biết bao !

Chúng sanh có khổ có nạn chúng ta đều nhìn thấy. Chúng ta biết khổ nạn từ đâu mà có, chúng ta cũng biết làm thế nào để tránh khỏi những khổ nạn này. Họ không chịu nhận, biết! Chính mình có bị phiền nhiễu chăng? Không bị. Dù làm nhiều việc tốt đi chăng nữa thì cũng chỉ là Phật sự trong mộng, đạo tràng như trăng dưới nước, không có thật nên vĩnh viễn là như như bất động. Điều đầu tiên của tứ đức trong Hoàn Nguyên Quan là tuỳ duyên diệu dụng. Tuỳ duyên chính là gặp được, gặp được tức có duyên, cần làm thì làm, không cần làm thì thôi. Bất luận là làm hay không làm, tuyệt đối không bị nhiễu loạn, trong kinh nói nhất định không bị nhiễm ô. Đây gọi là thật công phu gọi là định huệ. Trong định huệ đầy đủ giới đức viên mãn. Định cộng giới, đạo cộng giới, trong định có giới, trong đạo có giới, trong đạo có giới có định. Đây đều là tự tánh bổn định. Tự tánh vốn đầy đủ trí huệ, nó vốn có.

Bên dưới là lời của Hoàng Niệm Tổ, *“giản ngôn chi”.* Đem những lời trong kinh hợp lại làm tổng kết. *“An trú ư bất sanh bất diệt, chân như thật tướng chi lý thể”.* Đây là Bồ Tát trên bát địa. Họ trú ở đâu? Ở trong thật tướng chân như bất sanh bất diệt, ở trong tự tánh. Ở thế giới tây phương Cực Lạc thì đây là cõi thường tịch quang. Chân thật vô sanh pháp nhẫn. *“Kiến bồ đề thọ, năng hoạch như thị công đức. Thâm hiển Di Đà nguyện lực bất khả tư nghì”*. Tất cả hiện tượng ở thế giới Cực Lạc, tự tánh là thể, bổn nguyện Di Đà là duyên, nhân thêm vào thượng duyên thì hiện tượng liền xuất hiện. Hiện tượng là quả báo, cõi thật báo trang nghiêm. Nhân duyên quả của cõi thật báo trang nghiêm đều rõ ràng minh bạch. Sau khi hiểu rõ vấn đề này, người học chân chánh sẽ hiểu được. Học điều gì? Nếu vận dụng phương pháp và lý luận này trong sinh hoạt hằng ngày thì cuộc sống của tôi được tự tại!

Nhân, có nhân. Vì sao vậy? Thật tướng lý thể. Mười pháp giới đều đầy đủ không thiếu. Thật tướng lý thể nói đơn giản là chân tâm. Chúng ta dùng kinh điển đại thừa nói, nói rất rõ ràng rất cụ thể là tâm bồ đề. Tâm bồ đề là chân tâm. Tâm bồ đề rốt cuộc là gì? Tôi đã nói mười chữ. Chân thành là thể của tâm bồ đề. Người khác dùng vọng tâm đối với tôi, tôi dùng chân tâm đối đãi họ, người khác đối với tôi hư nguỵ, tôi đối với họ thành thật. Vì sao vậy? Vì tôi dùng chân tâm, chân tâm là giác, vọng tâm là mê. Trước mặt chân tâm là ánh quang minh, trước mặt vọng tâm là một màn đen tối. Không dùng vọng tâm sẽ không thiệt thòi, không sợ chịu thiệt, không sợ bị gạt, bị thiệt hay bị gạt cũng nên cười cho qua.

Chân thành tự thọ dụng chính là đề kinh nói thanh tịnh bình đẳng giác\_tự thọ dụng. Niệm niệm đều là thanh tịnh bình đẳng giác. Dùng từ bi đối đãi người khác, đại từ đại bi. “Vô duyên đại bi, đồng thể đại từ”, chúng ta dùng tâm này, tốt biết bao, tự tại biết bao và an vui biết bao! Pháp hỷ sung mãn. Không có lo lắng, không có vướng mắc, không có sợ hãi, tâm vĩnh viễn là an định. Sinh hoạt xử sự, đối nhân tiếp vật đều giữ nguyên tắc là nhìn thấu, buông bỏ. Đức Phật, và thầy giáo đều dạy chúng ta nguyên tắc chung. Thật có thể nhìn thấu buông bỏ, bên dưới nhất định là tự tại tuỳ duyên, sau cùng là niệm Phật. Niệm Phật rất quan trọng, công đức của danh hiệu Phật không thể nghĩ bàn. Điều này ở trước chúng ta cũng nói rõ ràng minh bạch rồi.

Rất nhiều báo cáo, dự ngôn của các nhà khoa học thảo luận về vấn đề thiên tai. Kết luận sau cùng hầu như đều khuyên chúng ta niệm Phật. Đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, thật tâm niệm Phật. Thái độ đoan chánh chính là thật thà niệm Phật. Vấn đề liền có thể hoá giải! Tâm vĩnh viễn là định, vĩnh viễn không bị thiên tai nhiễu loạn. Thiên tai không làm động được tâm tôi. Tâm định, tâm an sanh trí huệ, trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tượng trưng cho trí tuệ chính là Phật A Di Đà.

Người niệm Phật thật ra không nhiều, không phải thật sự niệm Phật. Người chân thật niệm Phật không có tán tâm nói chuyện này chuyện nọ. Người này nhất định là trầm mặc ít nói. Vì sao vậy? Vì từ sáng đến tối họ không ngừng niệm danh hiệu Phật. Nếu họ nói chuyện thì niệm Phật liền bị gián đoạn, khi có việc cần nói chuyện với họ, họ đều A Di Đà Phật, nghe rõ A Di Đà Phật, nghe không rõ cũng A Di Đà Phật, rõ hay không rõ đều không liên quan đến họ. Họ nắm chắc Phật A Di Đà, liền có thể vãng sanh Tịnh độ, họ vãng sanh Tịnh độ và trong đời này sẽ thành Phật, họ đang tìm về đại viên mãn. Họ làm thật không phải làm giả nên phải buông bỏ vạn duyên, thì danh hiệu Phật này mới niệm tốt được. Nếu không buông bỏ thì câu Phật hiệu này niệm không tốt, công phu không đắc lực.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới. *“Phật cáo A Nan, như thị Phật sát, hoa quả thọ mộc, dữ chư chúng sanh, nhi tác Phật sự. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, oai thần lực cố, bổn nguyện lực cố, mãn túc lực cố. Minh liễu kiên cố, cứu cánh nguyện”.* Trong này có lược bớt một chữ, chính là minh liễu nguyện, kiên cố nguyện. Đây là tổng kết chủng chủng công đức đã nói ở trước, toàn là Phật A Di Đà. Ngài tu học công đức thành tựu. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

*“Phật cáo A Nan, Cực Lạc thế giới, như thị hy hữu, bất khả tư nghị, hoa quả thọ mộc giai tác Phật sự”.* Không những là tượng trưng mà nó thật đang nói pháp. Nếu nói tượng trưng thì mười phương thế giới không có hai. Hoa quả cây lá đều biết nói pháp, đây thật là không thể nghĩ bàn, là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Phật A Di Đà dùng phương pháp này để giáo hoá, khiến mọi người ở mọi nơi mọi chỗ đều được nghe pháp không gián đoạn. Như cổ đức thường nói: “thâm nhập một môn và huân tu lâu ngày” mới có thể đào thải hết tập khí vô minh phiền não của chúng ta. Những thứ đó đều là chướng ngại. Sau khi đoạn tận chướng ngại thì tự tánh liền hiện tiền.

Tu hành ở thế gian này chướng duyên quá nhiều. Những thứ lục căn tiếp xúc toàn là chướng duyên, nó chướng ngại tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng và giác ngộ của chúng ta. Cho nên tu hành ở thế gian này vô cùng khó khăn. Đem so với thế giới Cực Lạc thì lập tức hiểu ngay, thế giới Cực Lạc không có chướng ngại, tiếp xúc với bất cứ ai họ cũng thảo luận Phật pháp, tiếp xúc với cảnh giới nào cũng phát khởi pháp hỷ sung mãn, chúng ta sẽ được giác ngộ. Thấy sắc có chỗ ngộ, nghe âm thanh cũng có chỗ ngộ, hoàn toàn trên con đường bồ đề. Chuyện tốt này tìm ở đâu có? Thế giới chư Phật Bồ Tát tuy có nhưng không sánh bằng thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc thật gọi là đệ nhất\_phương pháp giáo hoá đệ nhất, khéo léo cự kỳ. Nơi nơi chỗ chỗ đều khiến chúng ta không rời Phật pháp, tuyệt diệu chính là ở chỗ này.

Chúng ta đang kinh hành, gió thổi cây lá tự nhiên nói pháp, âm thanh tuyệt diệu nghe không biết chán, càng nghe càng hoan hỷ*. “Tăng trưởng hữu tình thù thắng thiện căn”*. Đây là lợi ích còn có lợi ích thù thắng hơn. *“Linh nhân đắc nhẫn, chứng nhập vô sanh”*, chứng nhập vô sanh pháp nhẫn, là lợi ích lớn, lợi ích viên mãn. Tôi tu học suốt 60 năm, có được sự cảm nhận sâu sắc này nên rất hoan hỷ khi thấy thế giới Cực Lạc vô cùng trang nghiêm. 60 năm này làm thế nào để thành tựu? Ngày ngày huân tập, mỗi ngày không gián đoạn nhưng so ra còn thua xa thế giới Cực Lạc. Chúng ta mỗi ngày huân tập còn gián đoạn, thế giới tây phương Cực Lạc huân tập không gián đoạn. Chúng ta ở đây không xứng tâm, chuyện không như ý quá nhiều. Cổ nhân nói đều không sai, đời người sống ở thế gian việc không như ý thường đến tám chín phần. Tám đến chín phần không như ý còn thật khiến chúng ta như ý chỉ có một hai phần. Quý vị nghĩ xem con người thế gian này đáng thương biết bao!

Chúng ta tu học trong quá trình dài như vậy, thực tế mà nói thì từ một đến hai phần tâm hoan hỷ đó dần dần nâng cao lên, nâng cao cho đến hiện tại có khoảng bảy tám phần xứng tâm như ý, còn một hai phần khiến chúng ta sanh phiền não. Chẳng qua phiền não nghiêm trọng không còn, phiền não nhẹ nên giác ngộ cũng nhanh. Vừa giác ngộ thì phiền não cũng mất. Phương pháp nhanh nhất là đọc kinh rồi chia sẻ với mọi người, như vậy thì âu lo phiền não gì cũng quét sạch hết. Nên người xưa có cách nói này, phương pháp học tập tốt nhất chính là giảng kinh. Tôi đối với việc này có sự cảm nhận sâu sắc. Câu này tôi khẳng định, đồng ý. Là thật không phải giả.

Con đường này của tôi do Chương Gia đại sư dạy, thầy Lý Bính Nam thúc đẩy. Đi con đường này là đúng. Đích thực như thầy Phương Đông Mỹ nói là hưởng thụ cao nhất của đời người. Ân đức của thầy đối với tôi nhớ mãi vĩnh viễn không bao giờ quên.

*“Kỳ nhân”,* đây là nguyên nhân gì? Thế giới Cực Lạc tốt đẹp như vậy là do nguyên nhân gì? *“Đoan tại bỉ Phật”* bỉ Phật là Phật A Di Đà. *“Quả đức oai thần chi lực”.* Phật A Di Đà chứng được cứu cánh quả vị\_diệu giác vị nên đây là quả đức, công đức trên quả vị của Phật Di Đà. Oai thần, bổn nguyện, mãn túc, minh liễu, cứu cánh toàn là quả đức gia trì. Thế giới Cực Lạc không phải là ngẫu nhiên. Thế giới Cực Lạc đáng để vãng sanh, đáng để đến đó an định tu hành thành Phật. Điều này rất có lý. Phật A Di Đà khi còn ở nhân địa đã phát nguyện, tu hành trong năm kiếp, mỗi nguyện trong 48 nguyện đều thực hành, mỗi nguyện đều viên mãn. Điều này quá hy hữu, thật khó được. Gia trì cho tất cả người học Phật muốn thành vô thượng đạo. Chúng ta có nguyện vọng này thì Phật A Di Đà nhất định giúp, thật có thể làm cho chúng ta mãn nguyện, thành tựu trong đời này.

*“Tịnh Ảnh Sớ viết, giai vô lượng thọ Phật oai thần lực giả. Do bỉ Như Lai hiện tại oai lực, cố hoạch tam nhẫn”.* Đây là Huệ Viễn đại sư nói trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Tại sao ở thế giới Cực Lạc đạt được ba loại nhẫn dễ dàng như vậy. Ba loại nhẫn này nếu như ở đây, thập địa Bồ Tát của Biệt giáo mới có thể chứng được. Thực tế mà nói thì ba loại nhẫn này là trình độ thấp nhất, nhưng chúng ta tu hành ở thế gian này cả trăm năm cũng không đạt được. Đây là thật không phải giả. Trong xã hội cổ đại, tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, sĩ nông công thương, bất luận ở giai cấp nào đều dạy con người tôn kính nhân nghĩa đạo đức, tôn sùng lễ nghĩa liêm sỉ, dạy người ít tham muốn tiết kiệm, khiêm hoà cung kính, họ dạy những điều này. Nói cách khác, đối với chúng ta đều là nền tảng tăng thượng duyên. Xã hội hiện nay không phải như vậy, xã hội bây giờ chỉ sợ chúng ta không hư hỏng, càng xấu xa càng tốt, được người tán thán. Nếu học nhân nghĩa đạo đức, đại chúng trong xã hội cho rằng mình lạc hậu, nói chúng ta mê muội, tại sao không cần tiền, tại sao không cần hưởng thụ mà còn đi tu khổ hạnh? Thấy người ăn chay cho là không giống ai, là người ngu ngốc không biết hưởng thụ, có phước không biết hưởng phước mà tự chuốc khổ vào thân, tự tìm cái khổ cho mình, thật là người ngu nhất thế gian.

Xã hội hiện nay là ác tăng thượng duyên, không phải thiện tăng thượng duyên. Chúng ta đều biết, quả báo của thiện nhân ở trong ba đường lành, quả báo bất thiện ở trong ba đường ác, rất rõ ràng. Nếu người muốn tạo ác nghiệp, ác nghiệp là gì? Là tham sân si. Trong kinh điển đại tiểu thừa Đức Phật thường nói, tham tâm là nghiệp nhân của đường ngạ quỷ là nhân tố đầu tiên. Sân nhuế là đường địa ngục, ngu si thì đường súc sanh. Tham sân si là nghiệp nhân đầu tiên của ba đường ác, đức Phật gọi nó là tam độc.

Xã hội ngày nay là giúp người tăng thêm tham sân si, tăng trưởng tham sân si. Duy chỉ sợ quý vị không tham, không sân, không si. Đây là nguyên nhân vì sao xã hội ngày nay hổn loạn. Vì sao ngày nay nhân tâm băng hoại. Vì sao ngay nay địa cầu có nhiều thiên tai. Không những địa cầu mà hệ mặt trời, hệ ngân hà đều xuất hiện hiện tượng thiên tai. Trong kinh đại thừa giải thích chúng ta cần phải tin. Như trong tôn giáo nói, người tin giáo chủ có phước. Người tin kinh giáo đại thừa rất có phước báu. Chúng ta cần bình tĩnh, dùng tâm chân thành cung kính để học tập, học bao nhiêu thì hành trì bấy nhiêu, như vậy sẽ đạt được lợi ích. Nếu học mà không hành trì thì không thể đạt được lợi ích chân thật.

Sau khi hiểu cần phải thực hành. Hiểu rồi mà không hành thì không được lợi ích. Chỉ có y giáo phụng hành mới đạt được lợi ích thật sự. Quý vị xem Đức Thế Tôn sau khi giảng xong một bộ kinh, tôn giả A Nan kiết tập câu cuối cùng luôn là “giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành”. “Giai đại hoan hỷ” là đã minh bạch, đã nghe hiểu. “Tín thọ phụng hành” là nguyện làm theo lời Phật dạy. Phật nói kinh này không uổng phí, rất nhiều người được lợi ích. Ngài đã ban cho lợi ích chân thật.

Câu cuối cùng trong Tịnh Ảnh Sớ nói *“cố hoạch tam nhẫn”,* được Phật lực gia trì, nên Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đều đạt được ba loại nhẫn. Điều này là đúng, là người ở cõi phàm thánh đồng cư. *“Bổn nguyện lực giả, do kỳ quá khứ bổn nguyện chi lực, cố hoạch tam nhẫn”* ở đây nói rõ, bổn nguyện lực là nhiều đời trước nghe pháp tu hành tích luỹ được công đức. Bổn nguyện là tổng là dư tứ, mãn túc, minh liễu, kiên cố, cứu cánh, thị biệt. *“Mãn túc nguyện giả”,* như thế nào gọi là mãn túc nguyện? *“Nguyện tâm viên bị”* cũng chính là nguyện tâm viên mãn. *“Minh liễu nguyện giả”* chú trọng ở chỗ thấu triệt. *“Cầu tâm hiển trước”* tâm này là chân tâm không phải vọng tâm, chân tâm chính là tự tánh, minh tâm kiến tánh. Chân tâm chính là thanh tịnh bình đẳng giác trên đề kinh này. Điều này đã biểu lộ, tôi cầu điều gì? Cầu thanh tịnh, cầu bình đẳng, cầu giác mà không mê.

*“Kiên cố nguyện giả, duyên bất năng hoại”.* Duyên này chúng ta thường nói thuận cảnh nghịch cảnh, thuận duyên ác duyên. Thiện duyên ác duyên là hoàn cảnh thuận hay nghịch của người và việc. Hoàn cảnh không thể nhiễu loạn chúng ta, người và việc cũng không thể làm ta dao động. Đây gọi là kiên cố. Nói cụ thể thì trong hoàn cảnh không tham, không sân, không si. Trong người và việc cũng là không tham, không sân, không si. Không vì cảnh giới mà giao động. Người niệm Phật trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, một lòng muốn hướng về thế giới tây phương Cực Lạc, ngoài ra không để bất cứ điều gì trong tâm. Tất cả tuỳ duyên, A Di Đà Phật, không có gì chẳng tốt. Người khác hỏi tôi trả lời một câu A Di Đà Phật. Hỏi điều gì tôi đều trả lời một câu A Di Đà Phật. Quý vị nghe hiểu thì thật hay. Nghe không hiểu thì cũng đã trồng chủng tử câu A Di Đà Phật vào trong A lại da thức, cũng là việc tốt. Từ sáng đến tối trong suốt hai mươi bốn giờ, ngoài câu A Di Đà Phật ra không còn điều gì nữa. Người này tức thân thành Phật. Trong bất cứ hoàn cảnh nào đều là một câu A Di Đà Phật, đối với họ hoàn cảnh không chướng ngại được.

Có một tấm gương tốt, Đàm Hư pháp sư nói, đầu năm dân quốc Tu Vô pháp sư Chùa Cực Lạc ở Hắc Long Giang thành phố Cáp Nhĩ Tân. Nhiều người rất coi thường vị pháp sư này. Thầy không biết chữ, khi chưa xuất gia làm thợ hồ. Sau khi xuất gia, ở trong tự viện làm khổ công, khổ hạnh. Việc người khác không làm thầy làm hết. Từ sáng đến tối đều một câu A Di Đà Phật. Khi vãng sanh rất tự tại, rất tiêu sái, thầy đã thành công. Đế Nhàn pháp sư khen ngợi thầy là tấm gương tu hành tốt nhất danh bất hư truyền. Thầy có bản lĩnh gì? Bản lĩnh của ngài rất lớn. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì nữa. Đây chính là bản lĩnh của thầy. Bất cứ hoàn cảnh nào cũng không chướng ngại được. Niệm rốt ráo một câu Phật hiệu, đây gọi là người niệm Phật chân chánh.

Xã hội ngày nay quá loạn, loạn chẳng thành ra sao cả. Đặc biệt là internet, tin tức trên mạng quá chấn động, quá nhiều. Có tốt, có không tốt. Đại khái không tốt nhiều còn tốt thì ít. Nên cần phải có trí huệ để phân biệt. Không có trí huệ tốt nhất đừng đụng đến nó, chỉ có thật thà niệm Phật mới là hay. Mặc dù là tốt, đưa tin rất chính xác nhưng biết càng nhiều, đối với chúng ta chướng ngại càng lớn, chẳng như không biết thiên hạ thì vô sự. Nhiều năm nay tôi nói với mọi người tôi không xem ti vi, tôi cũng không biết dùng vi tính. Tôi không có tin tức, chỉ là những người bạn đồng học bên cạnh, lên mạng tải những tin tức quan trọng cho tôi xem. Biết chuyện ít thì phiền não ít, quen biết rộng thì thị phi nhiều. Các bậc tổ đức nói rõ ràng như vậy, chúng ta phải hiểu để tránh. Đặc biệt là lúc mới học, định lực và trí huệ chưa có. Biết càng nhiều, trong tâm hoảng hốt không an định, đặc biệt biểu lộ tính nông nổi. Ngày nay thiên tai nhiều như vậy, làm thế nào để đối phó? Thật ra tôi cũng tiếp nhận không ít thông tin như vậy. Mỗi thông tin sau cùng đều khuyên thật tâm niệm Phật, không phải như vậy là được rồi sao? Tôi chỉ cần câu Phật hiệu này là được. Cho dù là đại thiên tai, niệm Phật cũng có thể hoá giải nên tôi không cần biết gì thêm nữa, niệm Phật là được rồi. Tôi niệm Phật là giải quyết tất cả. Thời gian biết càng nhiều thì luôn muốn tìm một phương pháp để đối phó. Phương pháp đó đã có, dù phương pháp có nhiều đều có thể không cần quan tâm đến. Tại sao? Sợ làm phiền nhiễu câu niệm Phật này, chi bằng chân thật niệm Phật.

Thiên tai đến đây, đến trước mặt tôi liền bị hoá giải. Nếu có cộng nghiệp này thì không thể hoá giải, như vậy thì đến thế giới Cực Lạc. Thiên tai hiện tiền, nhất định thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Đối với thế giới này không có gì hoài niệm, triệt để buông bỏ. Tôi thường nói nên quán xét như vậy. Ngày nay là ngày cuối cùng tôi ở trên địa cầu này, ngày cuối cùng tôi nên làm gì? Điều này phải rõ ràng. Thế giới này thuộc về tôi sao? Thân thể này cũng không phải, thân thể cũng phải vứt bỏ huống gì là vật ngoài thân. Buông bỏ triệt để, thân tâm thế giới không nhiễm một chút trần, chỉ một câu A Di Đà Phật. Thật sự làm được tâm tôi chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm tôi.

Tâm là gì? Thanh tịnh bình đẳng giác. Như thế mới là người niệm Phật chân chánh. Nên nhớ khai thị của Bồ Tát Đại Thế Chí “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Mắt không thấy sắc tướng bên ngoài, tai không nghe âm thanh bên ngoài, thiệt, thân mỗi thứ đều đem nó thu trở về, không rong ruổi bên ngoài. Duyên hướng nội, duyên tự tánh. Tự tánh chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Nhãn thanh tịnh, nhĩ thanh tịnh, tỷ thiệt thân đều thanh tịnh, ý thanh tịnh. Không cần biết, không cần nghe ngóng. Cần biết chính là một câu A Di Đà Phật, đến Phật pháp cũng đều xả bỏ. Chỉ một bộ kinh Vô Lượng Thọ hoặc là bộ Kinh A Di Đà là đủ, không cần nhiều hơn, nhiều thêm sẽ không kịp. Điều này nhất định phải biết, quyết một lòng thâm nhập một môn, niệm rốt ráo một câu Phật hiệu. Đây chính là kiên cố nguyện, cứu cánh nguyện. Cảnh duyên như thế nào cũng không thể thay đổi tín nguyện hạnh của chúng ta. Không thể chướng ngại tín hạnh nguyện của chúng ta. Chúng ta “chung thành bất thoái”.

*“Bỉ thử nguyện cố, sanh bỉ quốc giả tất đắc tam nhẫn”.* Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư. Tôi đặc biệt nói rõ cõi phàm thánh đồng cư, quý vị đã đạt được. Quý vị đạt được rồi, ở nơi Biệt giáo của kinh này, đều là dùng cảnh giới Biệt giáo của Thiên Thai đại sư để nói, thập địa Bồ Tát. Viên giáo trong kinh Hoa Nghiêm là thập trú Bồ Tát. Như vậy mà không đáng nể sao? Ở đâu nơi thế giới Cực Lạc? ở cõi thật báo trang nghiêm.

Bên dưới nói: *“Hựu mãn túc nguyện giả, nghĩa tịch, kinh hưng”.* Hai vị cổ đức này đều nói *“Tứ thập bát nguyện vô khuyết diệt cố*”. Điều này nói rất cự thể. 48 nguyện, mỗi nguyện đều thành tựu, không có nguyện nào khiếm khuyêt. Đây gọi là mãn túc. *“Minh liễu nguyện giả, nghĩa tịch, vọng tây”.* Hai vị cổ đức này nói: *“Minh huệ cộng tương ưng cố”*. Minh là thấu triệt, huệ là trí huệ. Thấu triệt và trí huệ tương ưng đây gọi là minh liễu nguyện. *“Thử thắng tịnh ảnh, kinh hưng vị cầu chi bất hư cố, thử đồng tịnh ảnh. Kiên cố nguyện giả, nghĩa tịch vân, vô thoái tinh tấn sở thành tựu giả. Cứu cánh nguyện giả, nghĩa tịch, vọng tây cụ vị. Kỳ tận hữu tình pháp giới tế cố”*. Trong ngoặc đơn ở dưới nói. “Kỳ” là hy vọng là kỳ vọng độ tận tất cả hữu tình trong pháp giới. Đây là tâm nguyện của Phật Bồ Tát. Nguyện thứ nhất trogn tứ hoằng thệ nguyện, “chúng sanh vô biên thề nguyện độ”. Bồ Tát luôn giữ tâm này, niệm niệm không quên, gặp duyên không bỏ.

Như Bồ Tát Quan Thế Âm ngàn tay ngàn mắt. Mắt thấy thì tay cũng đến, tuỳ duyên. Gặp rồi sao có thể không giúp được? Làm gì có đạo lý này! Giúp mà không chấp tướng gọi là diệu dụng. Đây gọi là Diệu Âm Quán Thế Âm. *“Chư thuyết nghi hợp tham”.* Giải thích của chư vị tổ sư chúng ta đều có thể nghe, có thể để mình tham khảo tu học, đều nói rất hay.

Chúng ta xem đoạn cuối cùng :*“Hựu bổn nguyện lực giả*”. Bổn nguyện lực là nói chung. *“Vãng Sanh Luận viết, quán Phật bổn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải”.* Bốn câu kệ này có chú giải, chú giải của Đàm Loan đại sư. *“Luận Chú viết, y bổn Pháp Tạng Bồ Tát tứ thập bát nguyện, kim viết A Di Đà Như Lai tự tại thần lực. Nguyện dĩ thành lực, nguyện dĩ tựu lực. Nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thuyết. Lực nguyện tương phù, tất cánh bất sai”.* Trong Luận Chú nói đây là y theo 48 nguyện căn bản của Pháp Tạng Bồ Tát. Phật A Di Đà ở nơi nhân địa tu thành 48 nguyện. Bây giờ nói tự tại thần lực của Phật A Di Đà Như Lai. Thần lực tự tại này chính là 48 nguyện. 48 nguyện là nhân, bây giờ tu thành là quả đức. Có sức mạnh như thế, có thể gia trì tất cả chúng sanh đau khổ nên nguyện đã thành lực gọi là nguyện lực. Nếu nguyện không thành tựu thì làm gì có năng lực này? Khoa học gọi là năng lượng. Nếu không có công phu thì làm gì có năng lượng, dùng cái gì để gia trì?

Niệm mấy câu Phật hiệu, tụng một bộ kinh hồi hướng, có thể gia trì được sao? Không được! Vì sao vậy? Vì kinh là kinh của Phật A Di Đà. Phật hiệu là danh hiệu của Phật, nó không liên quan đến chúng ta. Khi chúng ta niệm nó làm sao có thể gia trì người khác? Từ đó cho thấy, cần phải nhiếp công đức của Phật A Di Đà thành công đức chính mình. Như vậy mới có sức mạnh, mới có thể gia trì. Ý này nói rõ hơn một chút, người niệm Phật chúng ta, tâm là tâm của Phật A Di Đà, cùng một tâm với Phật A Di Đà. Tâm của Phật A Di Đà là gì? Ở trước đã đọc qua. Tất cả đều thành Phật đây là tâm của Phật A Di Đà. Cũng chính là nói muốn giúp tất cả chúng sanh mau chóng thành Phật. Vì sao vậy? Vì họ vốn là Phật, nên họ có thể thành Phật được. Nếu họ vốn không phải là Phật họ sẽ không thành được. Ở đây họ vốn là Phật nên có thể giúp được.

Không những hữu tình chúng sanh vốn là Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”*.* Chúng ta biết đến cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Kinh văn ở trước chúng ta đã đọc, một điểm vi tế của một sợi lông mảy trần, đây chính là lượng tử lực học nói, cũng chính là điều Bồ Tát Di Lặc nói: một cái khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Đầy đủ hiện tượng của năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức. Nó vốn là Phật, nó cũng muốn thành Phật. Đây chính là “tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”. Nên điều này đến thế giới tây phương Cực Lạc, thành tựu được đại viên mãn.

*“Nguyện dĩ thành lực, lực dĩ tựu nguyện”.* Nguyện và lực bên dưới nói *“nguyện lực tương phù, tất cánh bất sai”.* Nguyện chính là lực, lực tức là nguyện. *“Nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thiết”.* Hợp thành một chỗ nên gọi là nguyện lực không thể nghĩ bàn. *“Y Pháp Tạng Tỳ Kheo chi bổn nguyện, nãi hữu kim nhật Di Đà Như Lai chi thần lực”.* Thần lực từ đâu mà có? Thông thường chúng ta nói năng lực lớn lao của Phật A Di Đà từ đâu mà có? Từ nguyện lực mà có. *“Dĩ Di Đà nhân trung phát văn danh đắc nhẫn chi nguyện”.* Trong 48 nguyện có nguyện này. *“Dĩ nguyện lực cố, thành tựu Cực Lạc kiến thọ đắc nhẫn chi thù thắng công đức thành tựu”.* Đây đã nói rõ, nói minh bạch. 48 nguyện của Phật A Di Đà mỗi nguyện đều là thật, mỗi nguyện đều thành tựu nguyện lực cứu cánh viên mãn.

Nên cây đạo tràng ở thế giới Cực Lạc chính là cây bồ đề. Mỗi người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, ngày ngày đều thấy. Sanh đến thế giới Cực Lạc sẽ không rời Phật A Di Đà, từng giờ từng phút đều ở bên Phật học tập, nghe ngài giảng kinh giáo hoá. Thấy oai nghi của Phật\_thân hành ngôn giáo, thì sự tiến bộ, chúng ta có thể nghĩ mà biết. Còn có các bạn đồng học, trong các bạn đồng học đẳng giác Bồ Tát rất nhiều, hàng thập địa thì không cần phải nói. Các vị đồng học này giúp chúng ta, cảnh tỉnh chúng ta, cho dù nghiệp chướng có nặng, tập khí có thâm sâu, đến đó không bao lâu nó cũng tiêu trừ hết. Đây là thật không phải giả.

Ngày nay trong hoàn cảnh hiện tại, thực sự là hai con đường. Vì sao vậy? Chúng ta thử nghĩ trong đời này ta tạo nghiệp, giống như Lý Thế Dân nói, tạo nghiệp địa ngục làm sao có thể không đoạ địa ngục? Tạo nghiệp như thế nào thì chịu quả báo như thế đó. Giết người nhất định phải đền mạng, thiếu nợ nhất định phải trả tiền. Người thế gian, muốn chiếm chút tiện nghi của người nhưng không chiếm được. Quý vị nói người nào đó thiệt thòi, không thể, không có chiếm phương tiện, cũng không có chịu thiệt. Đời đời kiếp kiếp báo đáp qua lại. Phải trả nợ! Càng nợ nhiều thì phải trả nhiều, rất khổ! Nên vì sao Đức Thế Tôn dạy người lấy khổ làm thầy? Ít thiếu nợ thì trả nợ ít, nhẹ nhàng. Nếu muốn hưởng thụ nhiều, thì nợ càng nhiều, tương lai phải trả càng nhiều. Khi trả nợ rất khổ.

Hiện nay hưởng thụ, không phải thật hưởng thụ. Nếu bình tĩnh quan sát thì lấy khổ làm vui. Nếu nhìn thấu nhân quả thì quý vị thật đã hiểu, sẽ không còn làm những điều ngu ngốc này nữa.

*“Cực Lạc thế giới kiến bồ đề thọ đắc tam chủng nhẫn”.* Công đức thù thắng này thật không thể nghĩ bàn. *“Do nguyện sanh lực, nhân lực nguyện thành”.* Nguyện đã viên mãn. Nguyện là sức mạnh thúc đẩy chúng ta. Vì sao vậy? Vì phải dõng mãnh tinh tấn thực hiện nguyện lực này. Vì sức mạnh này mà nguyện được thành tựu. *“Cố viết, thử giai vô lượng thọ Phật, oai thần lực cố, bổn nguyện lực cố, linh kiến thọ giả, tất đắc vô sanh pháp nhẫn, đốn chứng nhập địa Bồ Tát”.* Bát trú trong kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là Viên giáo. Biệt giáo là bát địa. Công phu đoạn chứng tuy ngang nhau nhưng thần thông, trí huệ, đạo lực không giống nhau. Viên giáo cao hơn Biệt giáo rất nhiều. Đức Thế tôn giới thiệu rất tường tận, khi chúng ta học có thể minh bạch, hiện tại chưa đến thế giới Cực Lạc đều có thể dùng được. Khuyến khích chúng ta, học Phật phải biết nên tu như thế nào, nên học như thế nào. Chúng ta ngay trong hiện tại làm thế nào để thành tựu bất thoái, không bị hoàn cảnh bên ngoài làm nhiễu loạn, đời này nhất định vãng sanh.

Thế gian pháp tuỳ duyên diệu dụng, nhất định không chấp trước, không phân biệt càng không thể chiếm hữu. Phải thường nghĩ đến chúng ta tuỳ thời có thể vãng sanh, tuỳ thời có thể vãng sanh là đã buông bỏ hết tất cả, tuỳ thời có thể vãng sanh. Nếu còn chưa buông bỏ, còn lưu luyến thì không thể vãng sanh. Phải buông bỏ tất cả vì nó đều là giả, không có gì là thật đâu.

“Bồ đề đạo tràng đệ thập ngũ”, chúng ta học đến đây.

Hết tập 363

# Tập 364

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Bình Minh

Thời gian:06.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 430, hàng thứ ba đếm từ dưới lên.

*“Đường xá lầu quán đệ thập lục”.* Hoàng Niệm Tổ giới thiệu rất đơn giản nội dung phẩm này. *“Bổn phẩm hữu nhị”,* nghĩa là có hai đoạn lớn. Đoạn lớn thứ nhất *“Phật cập chư Bồ Tát cư xứ”.* Đoạn thứ hai là *“Bồ Tát tuỳ ý tu học, tùng nhân đắc quả, tự do hành đạo, giai đại hoan hỷ”.* Ở trước giới thiệu môi trường để học tập, môi trường của đạo tràng này. Phẩm này là giới thiệu về giảng đường, nhà ở. Thầy là Phật A Di Đà\_chỗ ở của ngài, ngoài ra là phòng ốc của học trò\_chỗ ở của Bồ Tát. Chúng ta xem đoạn thứ nhất trước.

*“Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường tinh xá, lầu quán lan thuẩn, diệc giai thất bảo, tự nhiên hoá thành. Phục hữu bạch châu ma ni, dĩ vi giao lạc, minh diệu vô tỷ”* đây là chỗ ở của giáo chủ. Bên dưới *“chư Bồ Tát chúng, sở cư cung điện, diệc phục như thị”.* Đây là chỗ ở của học trò. Thế giới Cực Lạc đích thực là thế giới bình đẳng, chánh báo bình đẳng, nghĩa là vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, cho dù là người ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, thì thể chất cũng là kim thân, thân sắc vàng tía giống như Phật vậy, vô lượng tướng hảo. Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp.

Ở trước chúng ta đã từng xem qua, trong kinh nói 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Đây là Đức Thế Tôn phương tiện nói. Vì người Ấn độ đương thời cho rằng người đại phú đại quý đầy đủ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, nên đức Phật đã thị hiện thân tướng này. Trên thực tế chúng ta biết ở thế giới Cực Lạc Chư Phật là vô lượng tướng, thật là tướng có vô lượng đẹp. Nơi ở, quý vị xem cảnh tuỳ tâm chuyển, tâm tốt thì tướng sẽ tốt, nơi ở đương nhiên cũng không ngoại lệ. Đây là trí huệ phước đức sở hiện. Không như chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề này, chúng ta có thể suy nghĩ mà biết được, vì chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề tâm hành bất thiện nên hoàn cảnh cư trú cho đến phòng ốc cũng không lý tưởng. Đây là điều chúng ta có thể thấy được.

Bây giờ chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Giảng đường giả, thuyết pháp giảng kinh chi đường xá. Tịnh xá, tự viện chi dị danh. Tân Dịch Hoa Nghiêm Kinh Âm Nghĩa viết, tịnh xá giả, phi dĩ xá chi tinh diệu, danh vi tinh xá”.* Nó không phải là ý này. *“Do kỳ tinh luyện hành giả chi sở cư, vị chi tinh xá dã”*. Nơi ở của người tinh tấn tu hành được gọi là tinh xá. Có thể là một mái nhà tranh vô cùng đơn giản nên Tinh xá là nơi cư trú của những người tu hành tinh tấn.

Giảng đường là nơi giảng kinh thuyết pháp. Đức Thế Tôn khi còn tại thế không có tự viện cũng không có giảng đường. Ngài giảng kinh ở đâu? Đều ở phạm vi bên ngoài như trong rừng cây hoặc bên dòng suối, nơi có phong cảnh đẹp. Vì suốt cuộc đời của Đức Thế Tôn là sống cuộc sống du mục, không có chỗ ở cố định, thật là tự do tự tại. Hôm nay ở đây, ngày mai ở nơi khác. Ban đêm ngủ không có phòng xá, ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa. Đây là Đức Thế Tôn thị hiện suốt 49 năm khi ngài còn tại thế. Khi Phật nhập niết bàn trong rừng Sa La song thọ, chứ không phải ở trong phòng. Thị hiện này dụng ý rất sâu sắc.

Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, chướng ngại nghiêm trọng nhất chính là thân, đây là chướng ngại thứ nhất. Chướng ngại thứ hai là phòng xá, nơi họ cư trú. Người Trung quốc đặc biệt chú trọng, họ muốn kiến trúc chỗ ở. Ngày xưa tứ hợp viện rất nhiều mà còn là đại gia đình. Chọn nơi ở nhất định phong thuỷ phải tốt, đặc biệt chú trọng kiến trúc, dùng nguyên liệu đều rất tốt. Cổ nhân kiến thiết một ngôi nhà, ngôi nhà này ít nhất có thể dùng 300 năm. Họ nghĩ rất chu đáo, cho tử tôn đời sau truyền thừa đời này sang đời khác nên đại gia đình có gia đạo, có gia quy, có gia học, có gia nghiệp. Đứa trẻ từ nhỏ sống trong gia đình đã tiếp thu giáo dục tốt, đều dạy rất tốt. Gia học chính là tư thục.

Thường một thôn trang là người một nhà. Đây là Vương trang đó là người nhà họ Vương. Thông thường gia đình khoảng trên dưới 300 người là gia đình bình thường. Giai đình nào hưng thịnh có đến sáu bảy trăm người, nên gia đình của Trung quốc là một tổ chức xã hội. Vì thế có thể trị gia là có thể trị quốc. “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cho nên giáo dục gia đình vô cùng quan trọng. Có từ đường kỷ niệm tổ tiên, có từ đường đại gia đình, có trường học, có tư thục. Trẻ em sáu bảy tuổi có thể đi học, trước khi chưa đi học\_ trước đây chúng tôi đều đã nói qua. Trẻ em từ khi sanh ra cho đến lúc đi học, thời gian này do cha mẹ dạy nên cha mẹ là thầy giáo nhiệm kỳ đầu của chúng. Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Từ nhỏ đã tiếp thu học hỏi từ gương của cha mẹ nên thân giáo quan trọng hơn ngôn giáo.

Đệ Tử Quy dạy con cái như thế nào? Tự mình làm để con cáo noi theo. Từ khi chúng mới sanh đã để cho chúng thấy. Thấy đến ba tuổi 1000 ngày đã thâm căn cố đế. Ngạn ngữ xưa thường nói “tam tuế khán bát thập”, cắm rễ khi ba tuổi đến 80 tuổi cũng không thay đổi, nền tảng vững chắc không thể lung lay. Trung quốc đời này qua đời khác có đại thánh đại hiền quân tử xuất hiện ở thế gian, đều là do giáo dục mà ra, cha mẹ dạy rất tốt, rễ cắm chặt.

Mẹ của Văn Vũ, Chu Công rất nổi tiếng trong lịch sử. Mẹ của Khổng Tử, Mạnh Tử sau một đời cũng đào tạo rất tốt nên chỉ cần là chỗ dạy học thì đều gọi là giảng đường. Đức Thế Tôn giảng ở trong rừng, bên dòng sông tập hợp đại chúng giảng kinh giáo hoá thì đó chính là giảng đường, giảng đường lộ thiên.

Tinh xá là tên gọi khác của tự viện, tự viện cũng gọi là tinh xá. Vì sao vậy? Vì đều là nơi cư trú của người tinh tấn tu hành. Tự là thời nhà Hán, chư vị nên biết Phật giáo chính thức truyền đến Trung quốc là năm Vĩnh Bình thứ mười thời Hán Minh Đế, đây là năm 68 công nguyên, gần 2000 năm. Chế độ thời nhà Hán, tự là cơ cấu trực thuộc hoàng đến làm việc tên gọi là tự. Nhất định phải hiểu điều này. Chủ quản của tự gọi là khanh\_công khanh. Họ trực thuộc hoàng đế quản lý. Dưới Hoàng đế có chín tự. Từ thời nhà Hán kiến lập cho đến Mãn Thanh đều là dùng như vậy, nếu quý vị đến viện bảo tàng cố cung Bắc Kinh tham quan ở trên có treo một tấm bia có chín tự.

Trong kinh thường nói đến Hồng Lô Tự, Hồng Lô Tự là quản ngoại giao nên từ trước ngoại giao là do hoàng đế trực tiếp quản lý. Khanh ở Hồng Lô Tự tương đương với bộ trưởng ngoại giao. Tể tướng không quản lý ngoại giao, hoàng thượng quản lý ngoại giao. Vì những người xuất gia này nhà nước thỉnh từ nước ngoài về. Ai tiếp đãi? Hồng Lô Tự tiếp đãi. Về sau nhà nước hy vọng họ sống lâu dài ở Trung quốc. Sống lâu dài thì không thể để họ tạm trú nơi bộ ngoại giao nên kiến thiết them một cơ cấu nữa cũng gọi là tự. Quý vị nên biết giáo dục Phật giáo do hoàng đế quản lý. Do đó Trung quốc có hai thể hệ giáo dục. Thông thường chính là dùng học thuyết Khổng Mạnh. Đây là Hán Vũ Đế tiếp nhận tiến cử của Đổng Trọng Thư nên thành lập cơ cấu này chuyên quản lý giáo dục quốc dân toàn quốc. Cơ cấu này gọi là bộ lễ.

Đơn vị dưới tể tướng một cấp gọi là bộ. Bộ trưởng gọi là thượng thư. Thượng thư hiện nay gọi là bộ trưởng, thị lang hiện nay chính là phó bộ trưởng hoặc là thứ trưởng thường vụ, thứ trưởng chánh vụ. Lúc đó thị lang cũng có hai là tả hữu thị lang một là thứ trưởng chánh vụ còn một là thứ trưởng thường vụ. Hoàng thượng có tam công cửu khanh. Tam công là cố vấn của hoàng thượng. Cửu khanh là trực tiếp thay hoàng thượng làm việc là trưởng quan trực thuộc, địa vị giống như bộ trưởng. Ngày nay nói chánh bộ cho đến địa vị đều giống nhau nhưng thuộc hoàng đế chuyên quản lý. Địa vị cũng đặc biệt khiến người tôn kính.

Nên Phật giáo đến Trung quốc là kiến lập Tự thứ mười. Nó là cơ cấu làm việc của chính phủ, quản lý giáo dục Phật giáo. Nó không phải là miếu! Miếu là tế thần là tôn giáo, còn Tự là giáo dục. Hiện nay đem Tự và miếu hoà thành một, Phật giáo biến thành tôn giáo. Điều này chúng ta không biết từ khi nào có sự thay đổi này. Ngày xưa Tự quản điều gì? Việc đầu tiên khi Phật giáo đến Trung quốc là phiên dịch kinh điển từ tiếng phạn sang chữ Hán, giống như trung tâm biên dịch của quốc gia ngày nay vậy. Công việc này còn chỉ đạo việc học tập, nên nó trở thành nhà trường. Tự viện dạy học phiên dịch kinh. Công việc này làm rất dài, suốt 800 năm từ thời nhà Hán đến nhà Tống. Tuyệt đại bộ phận kinh điển hình như là 80 phần trăm hoàn thành vào thời nhà Đường. Thời nhà Tống dịch kinh không nhiều, một phần lớn là trước thời nhà Đường nên dịch kinh là là một việc đại sự vào thời đại đế vương của Trung quốc. Đế vương cũng thường đến viện dịch kinh để xem xét, đối với việc này vô cùng chú trọng. Lịch đại đế vương rất nhiều đều là Phật tử, họ cũng rất siêng năng học tập.

Hoàng thượng dẫn đầu do đó giáo dục Phật giáo thành tựu phổ cập vượt qua Nho giáo và Đạo giáo. Hoàng thượng dẫn đầu học, bao triều đại có rất nhiều các bậc cao tăng, cư sĩ tại gia và ẩn sĩ. Trong Đại Tạng Kinh có Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện. Người thành tựu rất nhiều. Hiện nay Phật giáo trở thành tôn giáo, biến thành mê tín, nếu cổ nhân biết họ đau lòng biết bao, sao lại ra nông nỗi này!

Ngày nay chúng ta đã hiểu. Hiểu được Phật pháp thì chúng ta có sứ mạng, có trách nhiệm khôi phục diện mạo vốn có của Phật giáo. Đó chính là nhất định phải làm cho tự viện hiện nay biến thành trường học. Tự viện dạy học giảng kinh.

Lúc thầy Lý ở Đài Trung kiến lập Phật Giáo Liên Xã Đài Trung. Thầy rất chú trọng việc dạy học. Trong Liên Xã ngoài hoạt động niệm Phật, bình thường mỗi tuần đều cố định giảng một lần kinh. Thầy ở Đài Trung 38 năm, 38 năm không gián đoạn. Mỗi tối thứ sáu hàng tuần, thời gian địa điểm cố định không cần tuyên truyền, muốn nghe kinh thì mỗi tối thứ sáu hàng tuần đến Liên Xã nghe thầy Lý giảng kinh. Về sau thành lập một thư viện, thư viện Từ Quang. Thư viện cũng giảng kinh vào thứ ba hằng tuần, nên ở Đài Trung mỗi tuần có giảng kinh hai buổi tối, thời gian cố định, gió mưa cũng không gián đoạn, đến đó nhất định được nghe kinh. 38 năm không gián đoạn, thật không dễ.

Lúc đó chúng tôi mới học, hiểu không nhiều cũng chưa đủ sâu sắc. Nếu lúc đó có được nhận thức như ngày nay tôi sẽ xin với thầy, mỗi tuần một ngày không đủ phải ngày ngày giảng, nếu mỗi ngày giảng Phật giáo Đài Loan sẽ hưng thịnh trở lại, chỉ cần có một người dẫn đầu thật có thể hưng thịnh trở lại. Một người giảng kinh không đủ sức bồi dưỡng thêm học trò. Thầy giảng mỗi tuần một ngày, các học trò khác mỗi người chịu trách nhiệm một lần. Như vậy có thể dẫn đầu năm người học trò như vậy là thật sự đã huấn luyện được họ. Giảng kinh không có gì khác chính là lên bục giảng để luyện tập. Tôi mới học Phật cảm thấy mỗi tuần lên bục giảng một lần không được, một ngày nóng mười ngày lạnh, tuy thầy không phải mười ngày, một ngày nóng mười ngày lạnh. Thật không dễ gì nâng cao lên được. Thật sự muốn nâng cao thì phải ngày ngày giảng. Ngày ngày giảng, chúng ta phải ngày ngày nổ lực học tập, nếu không nổ lực thì không thể giảng được. Điều này ép học sinh cũng rất tốt. Học sinh tự nhiên ngoan ngoãn ngày ngày tham khảo tư liệu, nghiên cứu điều này nên giảng như thế nào? Đặc biệt thầy Lý rất tốt, bắt mọi người phải soạn bài sẵn. Một tuần giảng một lần, không khó lắm. Thời gian năm ngày có thể chuẩn bị bài giảng, như vậy sẽ ép học sinh toàn tâm toàn lực học tập.

Lớp học kinh chúng tôi hơn 20 người, không ai có thể giống như thầy. Nguyên nhân là chúng ta học tập không tập trung, mỗi tuần một lần thật sự không đủ. Tôi có thể học tập được chính là cảm thấy một tuần một lần không được. Lần đầu đến Đài Bắc một tuần tôi giảng ba lần. Sau đó khoảng một hai năm tôi bắt đầu giảng một tuần lên đến sáu lần, một tuần nghĩ một ngày. Ba năm sau, một tuần tôi giảng mười mấy lần. Mỗi ngày sáng chiều tôi đều giảng, lúc đó một lần giảng một tiếng rưỡi đồng hồ. Sáng sớm một tiết, tối đến một tiết. Sáng sớm đối nội, buổi tối đối ngoại. Các vị cư sĩ buổi tối rảnh rỗi đều có thể đến nghe kinh. Ngày ngày giảng, nếu không ngày ngày giảng thì không thể học được.

Tôi nói với thính chúng, quý vị đều là thầy của tôi, đều là giám học của tôi, tôi là người học giảng, ngày ngày giảng cho thầy nghe. Hoan nghênh mọi người phê bình chỉ giáo, không nên xem tôi như pháp sư, tôi chỉ là người mới học giảng kinh. Như vậy mới có thể luyện tập được, mới có thể khiến mình không giải đãi, không tán loạn. Nếu không siêng năng chuẩn bị, khi lên bục giảng không tốt. Khi mới đến Mỹ. Năm 1983 ở Mỹ tôi bắt đầu chính thức giảng kinh.

Năm 1982 đến Mỹ hiểu được hoàn cảnh nơi đó, năm 1983 chính thức chấp nhận lời mời. Cuộc sống của người Mỹ rất bận rộn, mỗi ngày làm việc tám tiếng rất vất vã. Họ chỉ nghĩ hai ngày thứ sáu và chủ nhật, như vậy chúng tôi giảng kinh vào tối thứ năm hàng tuần, suốt ngày thứ sáu và sáng chủ nhật. Những ngày còn lại họ không có thời gian để nghe kinh nên chúng tôi rất tập trung. Đặc biệt suốt ngày thứ sáu. Bài giảng mỗi tối thứ năm hai tiếng, thứ sáu phải giảng ba lần, sáng, chiều, tối sáu tiếng. Có khi phải thêm một tiếng thành 9 tiếng, sáng ba tiếng, chiều ba tiếng, tối ba tiếng, họ thích nghe. Sáng chủ nhật giảng ba tiếng, chiều không giảng kinh, họ trở về chuẩn bị thứ hai đi làm. Nên giảng đường có khi là phòng khách gia đình người ta. Nhà ở của họ rất lớn. Có khi là chỗ thuê mướn, mượn phòng hội nghị của quán bar, mượn giảng đường của nhà trường.

Giảng kinh rất vất vã, cần phải chú ý nhưng có lợi ích rất lớn đối với mình. Nếu tâm không định, không cách nào học giảng kinh được nên kinh nghiệm một đời của tôi, phương pháp này người tính cách như tôi rất ít. Học vấn thật sự là phải buông bỏ hết. Trong đời tôi đích thực Phật tử họ Hàn giúp đở rất nhiều, tuy có thư viện nhưng cô ấy làm chủ quản. Tôi không quản người, không quản việc cũng không quản tiền, tôi chỉ quản lên lớp. Chúng tôi có thư viện nên môn học không gián đoạn. Buổi tối thì thính chúng, ban ngày thì công việc. Buổi tối họ có thời gian đến nghe, lúc đó tối cũng giảng một tiếng 30 phút. Thường niên như vậy không gián đoạn.

Ở Đài Bắc có khi học sinh muốn nghe Phật pháp, chúng tôi lại tổ chức một buổi giảng chuyên về Phật học. Mỗi tuần một lần vào ngày chủ nhật. Sáng chiều tối đều lên lớp cũng làm được thời gian rất dài. Vì thế kết pháp duyên rất thù thắng với lớp trẻ. Sau đó ở hải ngoại, sinh viên ở hải ngoại đều là lưu học sinh, sau khi tốt nghiệp rất nhiều người ở lại đó làm việc. Chúng tôi đã liên lạc nên mỗi lần ra nước ngoài đến các nơi hoằng pháp, đều kết duyên như vậy. Thầy lý ở Đài Trung tổ chức giảng ở thư viện Từ Quang, chuyên giảng về các bộ kinh. Đạo An pháp sư ở Đài Bắc, chuyên giảng các bộ kinh lớn ở đại giảng đường của hội Phật giáo. Thư viện chúng tôi cũng từng tổ chức nhưng nơi này tôi đều tham gia, nên kết duyên rất sâu với các bạn đồng học.

Tôi đến Mỹ có hơn 300 bạn đồng học liên hệ với tôi, ở các thành phố khác nhau. Mỗi lần đến một nơi đều có người tiếp đãi. Đây là khi chúng tôi học Phật, thầy rất coi trọng việc dạy chúng tôi nên kết pháp duyên rộng rãi. Vì thế lúc đó tình hình này rất thịnh. Từ sau khi chúng tôi lưu thông mạng internet và vệ tinh thì duyên này ngày càng thù thắng. Hoàn cảnh tu học của mình, đích thực vì ngày ngày giảng mà cảnh giới không ngừng nâng cao, mỗi năm đều không giống nhau. Sau 30 năm có thể nói là mỗi tháng không giống nhau, ngày càng hoan hỷ, thật là pháp hỷ sung mãn.

Tôi cảm ân Chương Gia đại sư, nghề này của tôi là Chương Gia đại sư thay tôi chọn. Ngài khuyên tôi xuất gia, dạy tôi học Đức Thế Tôn. Tôi nghe lời và y giáo phụng hành. Thực hiện câu nói của thầy Phương học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người, lời thầy nói không sai chút nào. Hưởng thụ cao nhất không phải là địa vị, chúng ta không có địa vị, trong nhà Phật cũng không có địa vị, ở xã hội cũng không cũng không có tài phú. Những thứ chúng ta có là gì? Hoan hỷ. Học mà được thực hành như vậy mà không vui sao? Trong đại thừa Phật giáo Đức Phật thường nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây mới thật sự là hưởng thụ! Ít phiền ít não. Phiền não chưa hoàn toàn đoạn nhưng so ra thì giảm nhẹ rất nhiều, đây là thật. Mặc dù không có nơi ở cố định, đều là sống dựa vào người khác, tự mình không có đạo tràng vì thế không có chỗ ở nhất định.

Hiện nay mọi người mời tôi chỉ cần họ có thiết bị internet. Internet có thể phát xạ mọi nơi đều có thể thu nhận được, tôi đều đồng ý đi. Không có thiết bị này không được. Rất nhiều nơi cùng tu vì trên mạng hầu như không ngừng phát các bài giảng nên mời tôi giảng kinh, yêu cầu duy nhất của tôi chính là có thiết bị này. Chúng ta có thể giảng bộ kinh Hoa Nghiêm này bảy chín lần. Có thể vắng mặt, giảng một nơi, tiếp tục giảng. Bộ kinh này chúng ta đã giảng một năm. Hôm qua tiết thanh minh, tiết thanh minh năm ngoái bắt đầu giảng, vừa đúng một năm. Bộ kinh này đã giảng ở HongKong, Malaysia, ở Đài Loan và ở đây. Đã giảng bốn nơi. Hiện nay kinh này giảng được một nửa.

Nên bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp thì giảng đường rất quan trọng, không nên để họ ngày ngày lên bục giảng mà học không được gì. Để cho họ có hoàn cảnh an định, điều cơ bản nhất như ăn mặc ở không cần phải lo, có chỗ để quý vị ở, có thể mặc ấm, ăn no là đủ, quý vị cứ toàn tâm toàn lực mà học kinh giáo. Mười năm chẳng ai không thành tựu. Sau khi thành tựu còn tự cho mình là học sinh, không giám xưng là thầy giáo, siêng năng nỗ lực để nâng cao cảnh giới của mình. Hai mươi năm, ba mươi năm thật gọi là thâm căn cố đế. Thật sự phát tâm giảng kinh, kiến nghị của tôi là không làm tri sự không nên làm trú trì. Vì sao vậy? Vì quản lý công việc thì rất phức tạp, tâm không thể thanh tịnh.

Thầy của tôi là thầy Phương Đông Mỹ suốt đời làm công việc giáo dục, rất tự tại! Tôi có một vị đồng học là Phó Lạc Thành, bạn trung học thời kỳ kháng chiến. Ông ta là giáo thọ khoá tiến sĩ trường đại học Đài Loan cũng là một đời dạy học, chúng tôi là bạn tốt. Trường đại học Thành Công từng mời ông làm viện trưởng viện văn học. Ông làm được một học kỳ thì xin từ chức. Ông gặp tôi ở Đài Bắc, ông nói rõ ràng không phải việc của con người làm! Suốt đời dạy học, mời ông ta làm viện trưởng xã giao nhiều như vậy, ông ta không chịu nổi nên làm được một học kỳ thì không làm nữa. Tôi nói với ông ta điều đó không sai chút nào! Người bạn học này đáng tiếc đã qua đời mấy năm rồi. Ông cũng là học giả nổi tiếng ở Đài Loan.

Nên giảng đường, tinh xá là để học sinh an cư lạc nghiệp. Sự nghiệp giáo dục văn hoá là vì bồi dưỡng nhân tài cho đời sau. Thần thánh biết bao, cao cả biết bao, tự tại biết bao. Trong này có niềm vui, niềm vui của nó thật vô cùng. Cổ nhân thường nói, giáo dục là để được anh tài của thiên hạ. Đây là sự hưởng thụ lớn lao của đời người.

Bên dưới nói *“lầu quán”* lầu quán là lâu đài. *“Quán giả, lầu dã, đài tạ dã”* đài tạ cũng có thể xem nó như vũ đài, nơi biểu diễn, nơi hội nghị. *“Lan thuẫn, tức lan hạm, tục xưng san lam”*. Dọc gọi là lan, ngang gọi là thuẫn. Lan thuẫn thông thường chúng ta gọi là lan can.

*“Cực Lạc điện các giai tùng Di Đà tịnh tâm lưu hiện. Chúng bảo sở thành, phi tùng mộc thạch, bất giả cận phủ, tuỳ cơ ứng hiện. Cố viết diệc giai thất bảo tự nhiên hoá thành”.*

Đây là nói giảng đường, tinh xá, lâu đài ở thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Là từ trong tâm thanh tịnh và công đức vô lượng của Phật A Di Đà hiển lộ, tự nhiên hiển lộ.

Thế giới Cực Lạc vô lượng trân bảo, cho nên những kiến trúc này là là các loại châu báu hợp thành. Không phải kết cấu của gỗ, không phải kết cấu của đá, cũng không cần nhân công, không có người vẽ, không có ai thiết kế, không cần thợ thủ công. Tuỳ cơ ứng hiện, hoàn toàn tự nhiên. Tuỳ cơ, cơ là cơ cảm. Chúng sanh có cảm tự nhiên có ứng. Điều này thật không thể nghĩ bàn nên trong kinh văn nói: *“diệc giai thất bảo tự nhiên hoá thành”.* Hoá là biến hoá, thành tựu. Chẳng khác nào như người thế gian thường nói tuỳ tâm muốn gì được nấy, tâm tưởng sự thành. Hai câu này dùng ở thế giới Cực Lạc thì là hoàn toàn chính xác. Không phải tán thán, không phải khuếch trương.

Bên dưới nói *“bạch châu”* nghĩa là trân châu, trân châu màu trắng nó sinh ra trong vỏ con trai. *“Bạch khiết giả quý. Bạch chu giả, chu trung chi thượng phẩm”*, nghĩa là trân châu tốt nhất. *“Ma ni”* là như ý bảo châu. *“Giao lạc, vị giao hổ võng lạc”* dùng những thứ này làm vật trang sức ở lầu các lan can. *“Như Hán Dịch viết, phục dĩ bạch châu, minh nguyệt châu. Ma ni châu vi giao lạc, phú cai kỳ thượng”*, dùng những châu bảo này để dệt thành màn báu, rồi lại dùng những màn báu này để che trên cung điện và lầu các. *“Như thị diệu châu ma ni sở thành chi võng lạc, phú ư thất bảo lầu quán lan thuẫn chi thượng, cực vi minh diệu”*. Những tòa nhà cao tầng ở các đô thị hiện nay, chúng ta có thể nhìn thấy trang sức của chúng, ban đêm thì dùng đèn để trang sức, dùng đèn năm sắc biến thành màn để phủ lên trên nóc nhà và trên lan can, bao quanh các cây. Ban đêm quý vị thấy rất đẹp mắt, nhưng so với thế giới Cực Lạc thì còn kém xa. Chúng ta ở đây là nhân công còn ở đó là tự nhiên. Đó chính là điều không thể so sánh được.

*“Hựu Vãng Sanh Luận viết, cung điện chư lầu các, quán thập phương vô ngại, tạp thọ dị sắc quang, bảo lan biến vi nhiễu”.*

Trong Vãng Sanh Luận tán thán cung điện lầu các, nơi cư trú của thế giới Cực Lạc. *“Quán thập phương vô ngại”.* Câu này quá tuyệt! Giống như ở trước chúng ta đọc đến đạo tràng dưới cây đại thọ, đạo tràng Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Bên ngoài đạo tràng cây cỏ hoa lá rất nhiều, tác dụng của những cây này rất lớn, trong cây có thể hiện tất cả quốc độ mười phương chư Phật, có thể nhìn thấy mười phương thế giới, trong cung điện lầu các cũng vậy, cũng có thể hiện. Như ti vi ngày nay có thể hiện mười phương thế giới, quý vị thấy được rất rõ ràng. Thiên thượng nhân gian, lục đạo luân hồi đều có thể nhìn thấy hết. Muốn xem nơi nào thì nơi đó liền hiện tiền.

Như vậy chúng ta liền nghĩ đến, nhất định là chỗ có duyên với mình, nhiều đời kiếp trong quá khứ đã từng ở đây. Chỗ chưa ở qua sẽ không có ấn tượng, nơi từng ở qua rồi mới có ấn tượng, tất cả đều hiện tiền nên chúng ta nghĩ đến cha mẹ anh chị em, đồng học bằng hữu trong nhiều đời kiếp, ở thế giới Cực Lạc mới thật sự đoàn tụ. Ngoài thế giới Cực Lạc ra thì đoàn tụ rất khó. Ngày nay chúng ta xem ti vi thấy được phương xa. Nhìn thấy người, âm thanh họ nói cũng nghe được nhưng tôi không thể nói chuyện với họ, họ cũng không cách nào trả lời tôi. Thế giới Cực Lạc không như vậy, nhìn thấy là có thể nói chuyện, họ gặp khó khăn có thể giúp họ, họ có phước báo có thể tuỳ hỷ, hư đang ở trước mặt vậy. Đây là oai thần bổn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành tựu.

*“Hựu đệ tứ thập nhị”.* Đây là nguyện thứ 42 trong 48 nguyện. *“Triệt chiếu thập phương nguyện*”. Nguyện văn có ba câu ở dưới *“Sở cư Phật sát”*, là Phật A Di Đà nói quốc độ ngài ở khi ngài thành Phật. *“Quảng bác nghiêm tịnh”,* quảng đại, bác đại, trang nghiêm thanh tịnh. *“Quang doanh như kính”,* thanh tịnh không nhiễm chút trần. *“Triệt chiếu thập phương”* nhìn thấy tất cả mười phương thế giới. Chúng ta ở trong đó đều có thể thấy được. *“Quân biểu Cực Lạc chi cung điện lầu quán giai như minh kính, chiếu nạp thập phương. Cố Đàm sư viết”.* Đàm Loan pháp sư nói *“cung điện lầu các, kính nạp thập phương”.* Giống như tấm kính vậy, nó chiếu kiến mười phương thế giới. *“Bảo thọ bảo lan hổ vi anh sức”* Bên ngoài có bảo thọ, cung điện lầu quán đều có lan can, đẹp không sao tả được.

“*Khả kiến Cực Lạc chi minh diệu, vô năng tỷ giả. Cố vân minh diệu vô tỷ”.* Mười phương thế giới cũng có nhưng ánh sáng vi diệu không bằng thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Vì đây là nguyện lực công đức tu hành của Phật A Di Đà thành tựu. Chư Phật trong mười phương thế giới không phát đại nguyện như Phật A Di Đà, thành tựu vô lượng vô biến chúng sanh là thành tựu từ nguyện lực. *“Chí ư Bồ Tát sở cư chi cung điện”* , nghĩa là chúng ta nói chỗ ở của học sinh, cung điện của họ. *“Diệc phục như thị minh diệu, thâm hiển chân thật bình đẳng, như như nhất vị”*. Hai câu này rất quan trọng, thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, ở đó không phải hưởng thụ, không phải tận lực, ở đó không phải nhân công tưởng tượng thiết kế, không phải. Tất cả đều là tự nhiên, do nguyện hành công đức của chúng ta thành tựu. Chúng ta không có nguyện hạnh lớn lao như vậy chỉ là hưởng ánh sáng của Phật A Di Đà, đại nguyện đại hạnh và thần lực của Phật A Di Đà thành tựu.

Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, được ánh sáng của Phật gia trì, nguyện lực của Phật gia trì, khiến chúng ta bất luận là ở thân hình\_tình huống thân thể, trí huệ, thần thông, đạo lực đều tương tợ Phật A Di Đà. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Cũng chính vì như vậy nên tất cả chư Phật mười phương đều tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Trong tất cả các quốc độ, Phật A Di Đà là số một. Ngày nay chúng ta may mắn gặp được có thể nói là vô ý gặp được, muốn tìm cũng không tìm được nhưng vô ý gặp được.

Vô ý cũng chẳng phải không có nguyên nhân. Trong quá khứ có thiện căn phước đức nhân duyên, ngày nay chúng ta mới gặp được. Không có thiện căn phước đức nhân duyên trong quá khứ thì làm sao có thể gặp được? Khi gặp được cần phải nắm bắt cơ hội này, không thể bỏ qua, nhất định phải cầu sanh Tịnh độ. Chúng ta là phàm phu nhất định phải tu học, môi trường tu học này quá tốt, không tìm nơi nào được. Chúng ta ở trên địa cầu này, hiện nay tìm một môi trường tu học thật không dễ, không biết tìm đâu. Suốt đời tôi học Phật 60 năm, sống cuộc đời lưu lạc 60 năm, đến nay vẫn chưa có nơi chốn.

Gần đây ở HongKong có một cư sĩ cúng dường tôi\_cũng coi như là tinh xá, để chúng ta tu hành\_là một ngôi nhà nhỏ để tinh tấn tu hành. Lớn chừng nào? Lớn khoảng bằng phòng nhiếp ảnh này thôi. Ngôi nhà ở trên núi, giống như mảnh đất nhỏ của ngôi miếu vậy. Nhà này được xây dựng đã 90 năm. Nó có ba mẫu đất, vùng núi có ba mẫu đất, bên ngoài có vườn rau. Tôi định muốn dở bỏ làm lại, nhưng người cúng dường cho tôi nói\_ông nói: không nên, tốt nhất pháp sư nên bảo tồn nó. Nhà này làm cách đây 90 năm về trước, vật liệu hiện nay không tìm thấy. Tuy nhìn không đẹp nhưng mùa đông thì ấm mùa hè thì mát. Nay làm lại sợ rằng không được tốt như vậy, cho nên tôi chỉ tu sửa nó. Ở đó rất thoải mái, ngôi nhà rất nhỏ, ở trên núi. Tuy rất nhỏ nhưng rất yên tĩnh cũng rất gần cư dân nhưng vì nó rất nhiều cây cối nên không nhìn thấy. Ở trên một sườn núi nhỏ! Tôi cũng rất thích nơi này cũng đã xem qua hai ba lần.

Con người không có phước báo thì phải lưu lạc khắp nơi. Tôi cũng rất thích. Vì sao vậy? Thầy đã làm gương cho tôi. Đức Thế Tôn khi còn tại thế, suốt 49 năm cũng lưu lạc khắp nơi, lưu lạc sống ở bên ngoài. Tôi lưu lạc khắp nơi còn có nhà để ở, còn được tiếp đãi rất tốt, nghĩ đến thầy tôi cảm thấy rất an ủi, không có chút tâm oán hận nào. Cuộc sống của tôi so với thầy thì thoải mái hơn nhiều. Thầy từng đi khất thực, còn tôi chưa từng đi khất thực nên tôi có tấm gương tốt, chúng ta không thể quên. Sinh hoạt cần phải đơn giản, phải tiết kiệm, đơn giản, tài vật chúng ta cần càng ít thì càng tự tại, không có gì phải lo lắng. Ở tuổi này mỗi ngày vẫn có bốn tiếng đọc sách, có bốn tiếng chia sẻ với những người bạn tâm đầu ý hợp, hạnh phúc biết bao! Đây chính là cuộc sống thần tiên mà nhân gian thường nói, tâm định hoàn toàn. Tất cả hoạt động tôi đều từ chối không còn tham gia. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, như vậy thì ngay trong đời này đã viên mãn rồi.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai bên dưới. Đoạn thứ hai là thắng cảnh tu học\_hoàn cảnh thù thắng. *“Trung hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả”.* Trung ở đây chính là trong giảng đường, tinh xá. Có Bồ Tát ở trong đó giảng kinh, tụng kinh. *“Hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả”* .Thọ là tiếp thu là có thể tin, có thể lý giải, có thể phụng hành. Còn phải thêm vào có thể chứng. Tín giải hành chứng, đây là thọ, đây là nghe kinh ở trên mặt đất.

*“Hữu tại địa kinh hành giả, tư đạo cập toạ thiền giả. Hữu tại hư không giảng tụng thọ thính giả. Kinh hành, tư đạo cập toạ thiền giả”.*

Quý vị xem tự tại biết bao. Muốn ở trên mặt đất thì ở trên mặt đất, muốn ở không trung thì lầu các, giảng đường, túc xá đều nổi lên không trung. Thật là cảnh tuỳ tâm chuyển, được đại tự tại. Chúng ta xem chú giải.

*“Thượng nhất biểu kính”,* là cảnh giới, hoàn cảnh. *“Thử hạ”*, nghĩa là bây giờ chúng ta đọc đoạn thứ hai, ở sau còn có một đoạn nhỏ. *“Biểu kính trung nhân”*, nghĩa là môi trường của những người ở trong đó. *“Chư vãng sanh giả”,* người trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. *“Các y kỳ phẩm vị. Tuỳ kỳ ý lạc, tự tại tu tập, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa. Các các tuỳ ý giảng tụng thính thọ, toạ thiền, hành đạo”.* Đây là sinh hoạt hằng ngày của đại chúng ở thế giới tây phương Cực Lạc. Vì thế chúng ta biết, thế giới Cực Lạc “kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, đây là thế giới như thế nào? Đây là nơi dạy học thuần tuý của Phật A Di Đà, là một ngôi trường!

Quý vị xem, phương thức sinh hoạt của cư dân ở đây không có sĩ nông công thương cũng không thấy tổ chức chính phủ. Không thấy quốc gia này có quốc vương, có đại thần, không nhìn thấy, chỉ có thầy và trò. Như vậy chúng ta biết, đây đích thực là tất cả mười phương chư Phật Như Lai kiến lập một trường đại học Phật giáo, gọi thế giới Cực Lạc là đại học Phật giáo. Thỉnh Phật A Di Đà làm hiệu trưởng, mười phương chư Phật thường đến tha phương đảm nhiệm giáo thọ. Đức Phật thường đến đó dạy học nên Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc có nhân duyên rất sâu với Phật. Tự do tự tại, muốn đến tham học ở thế giới Chư Phật rất dễ, ý niệm vừa khởi thì người đã đến nơi. Muốn mời chư Phật đến thế giới Cực Lạc dạy học, ý niệm vừa khởi thì Phật cũng liền đến. Đạo tràng lớn, giảng đường lớn, trường học lớn!

Chúng ta đến thế giới tây phương Cực Lạc để làm gì? Để làm Phật. Điều này cần phải biết không làm gì khác mà đi làm Phật. Sau khi thành Phật thì làm gì? Sau khi thành Phật liền đến mười phương thế giới phổ độ chúng sanh. Chúng sanh vô biên thề nguyện độ, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, rời xa đau khổ được niết bàn an vui, làm công việc này.

Chúng ta xem tiếp chú giải bên dưới. *“Kinh hành. Cựu vân hành đạo. Nãi ư nhất định chi địa khu, toàn chuyển hoặc trực vãng trực lai, dụng dĩ phòng thuỳ”.* Đây gọi là kinh hành, ngày nay chúng ta gọi là tản bộ. Khi tản bộ tụng kinh, kinh điển thuộc làu. Thuộc bộ kinh giống như kinh Vô Lượng Thọ, không nên nôn nóng, không nên đọc quá nhanh, đọc từng chữ từng câu. Một bộ kinh đọc hai tiếng, hai tiếng đi cũng được hai ba cây số, hai ba cây số đi rất chậm, thích hợp với sáng sớm và hoàng hôn. Thông thường trong nhà Phật không ăn cơm chiều, kinh hành như vậy rất tốt! Hoặc là niệm Phật hoặc là trì chú để nhiếp tâm. Đây là công phu sáng và tối. Mức độ thể dục cũng đủ. Đi đứng ngồi nằm đều đang tu hành. Hành là hành vi, khởi tâm động niệm, hành vi tư tưởng. Trong Phật pháp gọi là ý.

Ngôn ngữ là hành vi của lời nói, thân thể động tác là hành vi của thân. Ba nghiệp thân khẩu ý có sai lầm, có tạo nghiệp, khiến nó tu tập sửa đổi gọi là tu hành. Niệm Phật rất tốt, tụng kinh rất tốt, trì chú cũng rất tốt. Chuyên tu chuyên hoằng, chuyên tu thì dễ được định, được tam muội. Chúng ta tu niệm Phật, khi kinh hành niệm Phật được niệm Phật tam muội. Khi kinh hành tụng kinh Vô Lượng Thọ hoặc tụng kinh Di Đà cũng gọi là niệm Phật tam muội. Sau khi được tam muội, tu hành không gián đoạn, ngày ngày đều làm như vậy, đến khi nhân duyên thuần thục thì tự nhiên đại ngộ tức là đã khai ngộ. Được tam muội, vãng sanh sẽ nắm chắc được, có thể không cần vãng sanh sớm hơn dự định.

Vì sao vậy? Trong kinh Đức Phật dạy, tu hành một ngày ở thế giới Ta Bà bằng tu hành ở thế giới Cực Lạc 100 năm. Vì sao? Ở thế giới tây phương Cực Lạc bình an nên tiến bộ rất chậm, thế giới này biến hoá quá kịch liệt nếu chịu đựng được thì tiến bộ rất nhanh, không chịu đựng được thì đoạ lạc cũng rất nhanh, thế giới Cực Lạc tuyệt đối không bị đoạ lạc chỉ có tiến không có thoái. Còn thế giới Ta bà thay đổi nhanh chóng, nếu chịu được thì tăng tiến rất nhanh mà không đoạ lạc. Cho nên ở thế gian này tu hành như thế nào cũng có thể chấp nhận được, thuận cảnh nghịch cảnh, thuận duyên ác duyên đều có thể như như bất động ở đây rèn luyện, đến thế giới Cực Lạc sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, điều này không phải không được, vì sao vậy? Vì đã thật sự buông bỏ. Nếu không buông bỏ thì không vượt qua được, sẽ bị cảnh giới bên ngoài cám dỗ, đã thật sự buông bỏ thì không sao, thay đổi biến hoá ra sao cũng như như bất động.

Thế gian này người khổ nạn quá nhiều, ngày ngày tiếp xúc những người này tâm từ bi được tăng trưởng, tu đại từ đại bi. Nên nhớ trong cuộc sống tu hành, lý luận trong kinh giáo biến thành tư tưởng kiến giải của chính mình. Tất cả giáo huấn trong kinh điển đều trở thành hành vi sinh hoạt của chúng ta. Xử sự đối nhân tiếp vật nơi nơi đều hành đạo Bồ Tát. Bồ Tát đạo là ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Ở nhà học Phật thì gia đình là đạo tràng, người nhà chính là đối tượng đầu tiên để độ. Nếu thật sự tu hành tốt, người nhà sao lại không hoan hỷ? Sao lại không khâm phục? Nhưng phải thật thật sự tu hành! Thực hành tất cả những gì trong kinh dạy, tự nhiên cảm động được người trong gia đình. Cảm động được gia đình nhất định cảm động được hàng xóm và những vùng lân cận đây mới thật gọi là hành Bồ Tát đạo.

Kinh hành để đề phòng ngủ gục, đối trị mệt mỏi còn có thể dưỡng thân trị bệnh. Thân thể con người là một bộ máy nhất định phải hoạt động, hai chữ hoạt động này hay. Quý vị xem “hoạt động” muốn sống thì phải vận động, không vận động sẽ không sống được. Quý vị thấy ý nghĩa trong văn tự xưa rất có trí huệ. Ngày ngày ngồi bất động sẽ không sống nổi, ngồi khiến nó tiêu mất, nhất định phải hoạt động. Kinh hành là hoạt động, lạy Phật là hoạt động. Hai phương thức này bất luận là pháp môn nào cũng đều dùng nhiều nhất.

*“Huyền Tán Nhị vân, ư trung vãng lai, tiêu thực tụng kinh. Như kinh bố tiêu chi lai khứ, cố ngôn kinh hành”.* Bố tiêu này ngày nay không còn nhìn thấy, đây là cách dệt vải ngày xưa. Không biết quý vị đã từng thấy phụ nữ trong gia đình ngày xưa dệt vải hay không. Đó là phương pháp mấy nghìn năm trước dùng con thoi để dệt thành vải. Trên đồ hoạ còn có thể nhìn thấy, đây là ví như kinh hành, kinh hành này không phải đi vòng quanh mà là đi thẳng, một con đường thẳng nên gọi là kinh hành. Kinh nghĩa là máy kinh vĩ.

*“Hựu Pháp Hoa Kinh Tự Phẩm”.* Ở trước Huyền Tán là Pháp Hoa Huyền Tán, *“vân, vị thường thuỳ miên, kinh hành lâm trung”.* Đức Phật khi còn tại thế buổi tối hành đạo, đi nhiễu vòng quanh trong rừng cây\_kinh hành. *“Vị thường thuỳ miên”* khi mệt thì ngồi nghỉ dưới góc cây, tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần, vạn duyên buông bỏ, tâm định, thân cũng tịnh. *“Hựu tư đạo, tư duy ư đạo dã. Tư lương ư sở đối chi cảnh, nhi liễu biệt chi, viết tư duy”.* Đạo ở đâu? Chẳng nơi nào không phải là đạo. Những thứ lục căn tiếp xúc đến đều là đạo. Đạo là nói về pháp tánh, những thứ lục căn tiếp xúc đều là pháp tướng. Tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai, từ trong tướng thấy tánh. Mắt từ sắc tướng mà thấy tánh, tai từ nghe âm thanh mà thấy tánh, lưỡi từ nếm vị mà thấy tánh. Đó chính là điều trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, Giao Quang pháp sư nói bỏ thức dùng căn.

Bồ Tát Quán Thế Âm “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo” *,* tánh thành vô thượng đạo nghĩa là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh không phải thấy ở trong kinh điển mà ở ngay trong đời sống hằng ngày. Trong lục căn đối với cảnh giới lục trần mà kiến tánh, xem có thấy được không, từ trong động thấy được tịnh, từ trong tạp loạn thấy được bình an. Tất cả pháp đều là tự tánh. Các pháp đều như thế, các pháp đều như vậy nên gọi là tư đạo, không nên nghĩ ngợi này nọ, nghĩ đến những điều khác là hoàn toàn sai. Người thế gian nghĩ là tài sắc danh thực thuỳ, thất tình ngũ dục, họ nghĩ đến những thứ này nên hoàn toàn sai. Trong Phật pháp nên nghĩ làm thế nào để làm được nhiều điều tốt đẹp, độ nhiều chúng sanh, tích luỹ nhiều công đức. Tốt hơn người thế gian nghĩ một chút nhưng cũng là sai. Vì sao vậy? Vì phan duyên ở bên ngoài thì lục căn không thanh tịnh.

Trong giáo lý đại thừa dạy chúng ta tuỳ duyên diệu dụng. Chúng ta tuy tuỳ duyên nhưng không phải diệu dụng, không phải diệu dụng nên nhớ rằng đó là tạo nghiệp, tuỳ duyên tạo nghiệp. Thực tế mà nói thì ý niệm chúng ta vừa khởi, trong Hoàn Nguyên Quán nói ý niệm mới động đã chu biến pháp giới, biến pháp giới hư không giới tất cả đều tiếp nhận được. Thân này của chúng ta giống như đài phát thanh vậy, ý niệm vừa động liền phát xạ ra, biến pháp giới hư không giới đều nhận được, không ai không biết. Tiếp thu được nhưng không biết. Như vậy là sao? Đó là máy móc có sự cố. Hiện tại máy móc chúng ta có sự cố. Tin tức trong mười phương thế giới xưa nay chưa từng gián đoạn, chúng ta đang nhận được nhưng không biết vì không cảm nhận được. Do máy móc có vấn đề nên nó không hoạt động, đã bị tê liệt, không phải không nhận được.

Phàm phu trong lục đạo mê thất tự tánh, nguyên nhân chính là đây. Nếu chúng ta tu hành tâm thanh tịnh liền có thể nhận được một vài tin tức. Càng thanh tịnh càng linh mẫn, những thứ ta nhận được, cảm nhận được càng nhiều. Nếu tâm tư không tập trung thì năm lực này lập tức mất đi, nhưng chúng ta phát đi mỗi niệm đều không gián đoạn. Chúng ta phát ra, tư tưởng tinh thần chúng ta dao động, tạo tác của chúng ta là vật chất, sự dao động của thân thể này biến khắp pháp giới. Chư Phật Bồ Tát nhận được vì các ngài rất rõ ràng, không bị mê hoặc. Thiên địa quỷ thần cũng có thể nhận được. Có một số thiên địa quỷ thần còn hay hơn chúng ta nhiều. Vì sao vậy? Vì họ có tu, chỉ cần có tu thì đều nhận được. Người có tu tâm họ thanh tịnh, tâm thanh tịnh đặc biệt mẫn cảm, linh mẫn nên khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác không thể không thận trọng.

Trong kinh Đức Phật nói tất cả nghiệp chướng chúng ta tạo không những phát xạ mà chúng ta còn lưu trữ tài liệu. Có kho tài liệu. Kho tài liệu này là gì? Là A lại da. Trong A lại da thu thập những chủng tử tài liệu này, vĩnh viễn không bao giờ mất đi. Kho tư liệu này rất kiên cố, trong vô lượng kiếp, thế giới có thành trụ hoại không thì kho tư liệu này cũng không bị hoại. Vì sao vậy? Vì kho tư liệu này không phải vật chất, nó là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất nên nó mãi mãi không hư hoại. Khi đại triệt đại ngộ thì những tài liệu này được chỉnh đốn lại và chuyển thức thành trí. Đem tất cả những tư liệu của mình đều chuyển thành trí huệ. Trí huệ này gọi là hậu đắc trí, “vô sở bất tri”. “Bát nhã vô tri” là căn bản trí. Từ căn bản trí phát sinh hậu đắc trí, “vô sở bất tri” nên phiền não vô tận cũng không sợ. Sau khi chuyển biến đều là trí huệ vô tận. Phiền não không có thì trí huệ cũng không có, chuyển phiền não thành bồ đề. Quý là ở chỗ chuyển biến.

Đặc biệt là chúng ta đang sống trong bối cảnh thời hiện đại này, thiên tai quá nhiều, quan trọng nhất là chuyển tâm lại. Chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, thường nói thuần tịnh, thuần thiện. Điều này rất quan trọng! Tâm chúng ta là thuần tịnh, thuần thiện thì không có thiên tai. Đây là thật không phải giả. Một trận động đất, một trận sóng thần chúng ta cũng tiêu, thân thể không còn. Thân thể là giả, thân thể không phải của ta. Ý niệm thuần tịnh thuần thiện là thật. Nó đi về đâu? Nó đến thế Giới Cực Lạc.

Chúng ta biết những người chết trong thiên tai, Phật A Di Đà cũng hiển diện. Người có duyên với Phật thấy được ngài, người không có duyên thì không nhìn thấy. Đức Phật đều tiếp dẫn hết, điều này không hề hư vọng. Đây là thật nhưng chúng ta phải tu hành chân chánh mới có thể thành tựu, nên từ sáng đến tối ngày ngày tháng tháng niệm Phật không gián đoạn. Phải buông bỏ duyên thế gian, toàn là giả không nên để trong lòng. Gặp được duyên thì vận dụng nó, vận dụng thật siêng năng, làm tấm gương tốt để thế nhân noi không nên làm gương xấu, cần phải làm gương tốt để báo ơn chư Phật, đại chúng trong xã hội thấy đó là người học Phật, học Phật rất tốt, đây là báo ơn chư Phật. Nếu khiến người ta huỷ báng Phật như vậy là chúng ta sai. Chúng ta phải biểu hiện để người ta tán thán không nên để người huỷ báng.

*“Hựu Quán Kinh Vi Đề Hy phu nhân thỉnh viết, ngã kim lạc sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phât sở. Duy nguyện Thế Tôn giáo ngã tư duy, giáo ngã chánh thọ”.*

Đây là một đoạn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Phu nhân Vi Đề Hy gặp biến cố gia đình. Chồng của bà là quốc vương. Biến cố từ đâu mà có? Con trai nghe lời ly gián của Đề Bà Đạt Đa, nên đoạt vương vị của cha, hại cha, hại mẹ gậy nên một biến cố lớn. Gia đình biến cố nên cảm thấy nhân sinh không có chút ý nghĩa, cầu Phật cứu bà. Đức Phật liền đến gặp và an ủi bà. Bà ta khóc lóc bạch Phật rằng: Con không muốn ở trên thế gian này nữa, thế gian này quá nhiều đau khổ. Nếu có cõi nước an ổn thì con nguyện được vãng sanh? Đức Phật dùng thần lực hiện ra cõi nước của Chư Phật trước mặt bà, để chính mắt bà thấy. Bà xem xong, thấy thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà là tốt nhất nên muốn đi về đó. Cầu Phật dạy bà tư duy, dạy bà chánh thọ, cũng chính là nói con cảm thấy thế giới Cực Lạc tốt. Bà Vi Đề Hy đã chọn đúng.

Đến đó bằng cách nào? Cầu Thế Tôn chỉ dạy cho bà. Phật dạy cho bà ta 16 loại quán tưởng. Kinh Thập Lục Quán chính là phu nhân Vi Đề Hy khởi thỉnh. Mười sáu phương pháp này, bất cứ phương pháp nào quán thành đều có thể vãng sanh. Trí Giả đại sư tông Thiên Thai đời nhà Đường đã tu 16 quán này mà vãng sanh. Một bậc tổ sư đã tu thành công pháp môn này nhưng 16 pháp quán này không dễ. Quán cuối cùng trong 16 quán là trì danh niệm Phật nên trì danh niệm Phật cũng ở trong mười sáu phép quán này chứ không phải bên ngoài. Pháp quán sau cùng là trì danh.

Vì sao khó tu? Quán quá vi tế. Phàm phu chúng ta tâm không được tỷ mỷ, thiếu thận trọng quán sẽ không thành. Ví dụ như phép quán thứ nhất “lạc nhật huyền cổ”, quán phương tây, khi hoàng hôn mặt trời hạ núi, quý vị nhìn mặt trời. Như thế nào gọi là quán thành? Sau khi quán thành nghĩa là bất luận ở đâu, mở mắt ra đều thấy mặt trời ở trước mặt, nhắm mắt cũng thấy mặt trời hiện ra trước mặt như vậy là quán thành. Thử xem chúng là có làm được hay chăng? Không được, mở mắt ra mặt trời cũng không có trước mắt mà nhắm mắt lại cũng không có như vậy là quán không thành. Quán thành là có thể vãng sanh. Phàm là người không tỷ mỷ đều tu quán không thành công, cho nên pháp quán sau cùng là dạy chúng ta niệm Phật\_Trì danh niệm Phật. Dùng phương pháp niệm Phật cũng có thể vãng sanh.

Nói tóm lại quán và niệm đều là biện pháp hàng phục phiền não. Tập khí phiền não của chúng ta có thể buông bỏ thì quán hay niệm đều dễ dàng hơn. Ngày nay chúng ta quán hay niệm đều không thành tựu, vì không buông bỏ được. Điều trước tiên chính là thân chưa buông. Thiên kinh vạn luận Đức Phật đều nói đến vấn đề này, nói về việc này, toàn tâm toàn ý không biết nói bao nhiêu lần. Thân không phải là ta. Đức Phật định nghĩa cái ta rất rõ ràng minh bạch. Ta là gì? Cái gì là ta? Đức Phật nói ra tám nghĩa. Trong tám nghĩa đó có hai nghĩa quan trọng nhất cần phải ghi nhớ. Ý thứ nhất là chủ tể, thứ hai là tự tại. Thân thể của chúng ta có chủ tể chăng? Có thể tự tại chăng? Nếu tôi có thể làm chủ được thì tôi mỗi năm đều là 18, tôi không muốn già cũng không muốn bệnh. Làm được như thế chăng? Không làm được, năm này già hơn năm trước, ngày này già hơn ngày kia. Không còn cách nào, chúng ta không làm chủ được.

Chúng ta muốn tự tại. Mùa hè nóng, mùa đông lạnh. Mùa hè tôi không muốn nóng, mùa đông tôi cũng không muốn nó lạnh như vậy. Có thể làm được chăng? Không được. Chúng ta không có cách nào để thoát khỏi người và việc, cùng sự phiền nhiễu của hoàn cảnh tự nhiên nên không thể tự tại. Nghĩ đến Đức Thế Tôn nói về định nghĩa này, tư duy tận tường thì không có, đây gọi là vô ngã. Vì ngộ nhận nên xem thân này là ta vì thân thể này mà tạo nghiệp\_Tạo vô lượng vô biên tội nghiệp để chiêu cảm lấy báo khổ của tam ác đạo, quá sai lầm!

*“Thiện Đạo đại sư chú viết”.* Chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là của Thiện Đạo đại sư. *“Ngôn giáo ngã tư duy giả, tức thị định tiền phương tiện. Tư tưởng ức niệm bỉ Phật, y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm dã”*. Đây là dạy chúng ta tư duy, dạy chung ta quán như thế nào? Nghĩ như thế nào? Xem như thế nào? Y báo, chánh báo bốn loại trang nghiêm của thể giới Cực Lạc ở trước chúng ta đọc qua. Trong Vãng Sanh Luận nói ba loại, mở và khép không giống nhau. Đó là quốc độ trang nghiêm, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm. Chúng ta thường nghĩ đến điều này, như vậy càng tường tận, Kinh Thập Lục Quán nói với quý vị 16 loại rất tường tận. Kinh Vô Lượng Thọ rất tường tận. Kinh này từ đầu đến cuối có 48 phẩm, 48 phẩm quá nhiều. Quý vị quán tưởng 48 nguyện của Phật A Di Đà, điều này rất tốt!

Đem 48 nguyện của Phật A Di Đà Phật biến thành bổn nguyện của mình. Điều trước tiên là phải thuần thục, phải thuộc làu 48 nguyện. Sau khi đọc thuộc, trong cuộc sống hằng ngày khởi tâm động niệm đều có thể tương ưng với 48 nguyện. Như vậy trong niệm Phật thêm hai chữ quán tưởng, rất có hiệu quả. Tập khí phiền não nặng, dùng phương pháp này rất hay! Thật sự có thể nhiếp tâm, luyện tâm trong mọi lúc, mọi cảnh duyên đều không tán loạn. Đây là định tiền phương tiện trong Quán Kinh, dạy chúng ta quán tưởng như thế nào.

Bồ Tát Đại Thế Chí nói nhớ Phật niệm Phật thì hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Quý vị thấy thù thắng biết bao! Thường nghĩ đến Phật, thường nghĩ đến thế giới Cực Lạc, thường có tâm cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Làm gì có đạo lý không vãng sanh đến thế giới Cực Lạc!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 364

# Tập 365

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Bình Minh

Thời gian:07.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 432, hàng thứ hai từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ câu Quán Kinh.

*“Hựu Quán Kinh Vi Đề Hy phu nhân viết, ngã kim lạc sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật sở. Duy nguyện Thế Tôn, giáo ngã tư duy, giáo ngã chánh thọ. Thiện Đạo đại sư chú viết, ngôn giáo ngã tư duy giả, tức thị định tiền phương tiện. Tư tưởng ức niệm bỉ Phật, y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm dã”.*

Hôm qua chúng ta đã học đến đây. Đoạn kinh văn này và chú giải của Thiện Đạo đại sư rất quan trọng. Tu Tịnh độ hy vọng đời này được vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, thì đây là khai thị vô cùng quan trọng, không thể không biết. Thiện Đạo đại sư chú giải đoạn này. Ngài nói: *“giáo ngã tư duy giả, tức thị định tiền phương tiện”*. Định chính là niệm Phật tam muội. Chúng ta hiện nay chưa đạt được niệm Phật tam muội, người đạt được rất ít, đại đa số là chưa đạt được.

Tu bằng cách nào? Dạy chúng ta *“tư tưởng ức niệm bỉ Phật y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm”*. Điều này cũng như trong Viên Thông Chương Bồ Tát Đại Thế Chí nói nhớ Phật niệm Phật hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Nhớ Phật niệm Phật, ý giống như điều chúng ta đang nói, đích thực chúng ta cần phải dừng lại và buông bỏ tất cả ý niệm, chỉ niệm Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc. Bỉ Phật là Phật A Di Đà. Y báo là quốc độ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Chánh báo là trang nghiêm của Phật A Di Đà và tất cả Bồ Tát.

Tứ chủng trang nghiêm, là chánh báo có hai loại, y báo có hai loại. Hai loại chánh báo mọi người đều biết là Phật và Bồ Tát. Hai loại y báo, một là hoàn cảnh lớn\_hoàn cảnh của thế giới tây phương Cực Lạc, hai là giảng đường, đạo tràng của Phật A Di Đà. Quý vị xem, đạo tràng thọ trang nghiêm\_đưa ra một ví dụ, bao gồm đạo tràng ở trước chúng ta nói là ao thất bảo và nước tám công đức. Giảng đường của Phật A Di Đà ở đâu? Không phải một nơi, mà khắp nơi đều là đạo tràng của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà ở thế giới này phân thân nói pháp. Không như thế giới này của chúng ta, chúng sanh mê hoặc, tập khí phiền não sâu nặng. Đức Phật có thể phân nhiều thân ở thế giới này chăng? Đương nhiên có thể. Vậy vì sao ngài không làm? Làm nhưng không ai tin. Vì sao vậy? Vì họ cho Phật là thần. Ngài có thể phân thân, còn chúng ta không thể. Ngài có thể thành tựu, chúng ta làm sao có thể so sánh được? Chẳng những không thể tăng trưởng lòng tin cho mọi người, mà trái lại tăng trưởng nghi hoặc của mọi người. Nguyên tắc trong kinh luận nói là: “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, đây là phương tiện thiện xảo của Đức Phật. Đức Thế Tôn lúc còn tại thế dùng phương pháp nào để phân thân? Dùng đệ tử. Đệ tử tuỳ tùng của ngài có 1255 vị, họ không ngừng nhận lời mời của đại chúng đi khắp mọi nơi để hoằng pháp giáo hoá, chính là dùng phương pháp này. Thế giới tây phương Cực Lạc không cần, Phật A Di Đà có thể phân thân. Vì sao vậy? Vì đến thế giới tây phương Cực Lạc thì mỗi người đều có thể phân thân. Như vậy thì quá dễ. Không như ở đây chỉ có Phật và Bồ Tát mới phân thân được, phàm phu không thể phân thân. Nên ngài không thể dùng phương pháp này. Chúng ta cần phải lãnh hội điều này. Đây là từ bi vô tận của Như Lai.

Ở thế giới Cực Lạc, mỗi người đều có thể phân than, thì Phật A Di Đà sao lại không thể phân than được! Do đó chúng ta có thể nghĩ đến, thế giới tây phương khắp nơi đều là đạo tràng của Phật A Di Đà, khắp nơi đều thấy Phật A Di Đà. Đây là bốn loại y chánh trang nghiêm, chúng ta thường phải nghĩ đến điều này.

Phàm phu mặc dù là vãng sanh vào cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, họ cũng có năng lực mỗi ngày đi cúng dường mười vạn ức Phật. Đi bằng cách nào? Phân thân đi. Còn bản thân mình vẫn bất động trong giảng đường của Phật A Di Đà. Tức là có năng lực phân mười vạn ức thân đi tham bái mười vạn ức vị Phật, cúng Phật nghe pháp. Bản thân không hề rời thế giới Cực Lạc, không rời Phật A Di Đà. Chúng ta thường quán tưởng những cảnh giới này, như vậy là rất tốt, nó sẽ làm tăng trưởng chánh tín, chánh niệm chúng ta. Tăng trưởng tâm nguyện cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, cũng có thể tiêu trừ vọng niệm, tập khí của chúng ta. Không nghĩ gì khác, chỉ chuyên nghĩ đến những điều trong kinh nói.

*“Toạ thiền, toạ nhi tu thiền dã, thiền giả phạm ngữ”.* Chữ thiền này là dịch âm từ tiếng phạn. *“Dịch vi tịnh lự, tư duy tu đẳng”.* Tịnh lự nghĩa là tư duy tu. Tịnh là tâm thanh tịnh, nó thuộc về “chỉ”, lự thuộc về “quán”. Người xưa thường nói “chỉ quán”. Thiền và chỉ quán cùng một nghĩa. “Chỉ” nghĩa là buông bỏ, “quán” nghĩa là thấu suốt. Đích thực tu hành bước thứ nhất là phải buông bỏ, mới có thể thấy rõ chân tướng sự thật. Buông càng nhiều thì thấy càng thấu triệt, thấy càng rộng càng sâu sắc. Dùng cách nhìn thấu triệt để buông bỏ, danh từ này thì chúng ta càng dễ hiểu, chứ dùng chỉ quán không dễ hiểu.

Khi tôi mới học Phật, vừa nhập Phật môn. Chương Gia đại sư không nói với tôi “chỉ quán”, không nói “thiền na”. Ngài chỉ nói là buông bỏ và nhìn thấu suốt. Đại sư vừa nói là tôi hiểu, có thể lãnh hội được. Buông bỏ giúp chúng ta nhìn thấu suốt. Buông bỏ tham sân si mạn, buông bỏ tập khí phiền não, khi đọc kinh nghe giảng rất dễ nắm bắt vấn đề. Nên dễ lãnh hội, dễ ngộ nhập. Lãnh hội cạn thì ngộ nhập sâu. Nếu không thể buông bỏ. Con người thời nay điều đầu tiên cần phải buông bỏ chính là tâm nông nổi, ngã mạn vô lễ. Nếu không buông được hai đều này thì cho dù ngày ngày đến nghe giảng dạy, có thể nói rằng họ càng nghe càng mê hoặc, nghe không hiểu.

Giáo huấn của thánh hiền phải học từ sự cung kính, vì sao vậy? Sở tu, sở học, sở dạy của chư vị thánh hiền đều là tánh đức. Tánh đức là chân tâm, pháp tánh. Đối với chân tâm, pháp tánh không tôn trọng thì làm sao có thể lãnh hội được? Phải tôn trọng thánh hiền, tôn trong giáo huấn của thánh hiền, trên thực tế là tôn trọng pháp tánh. Là tôn trọng chân tâm của chính mình chứ không phải gì khác. Chân tâm hiển lộ chính là chân thành cung kính. Ấn Quang đại sư nói thành kính, đó là chân tâm của quý vị. Chân tâm với chân tâm tương ưng. Vọng tâm với chân tâm không tương ưng, nên quý vị nghe không hiểu.

Kinh điển văn tự mà các bậc thánh hiền lưu lại, toàn là tự tánh hiển lộ ra. Hay nói cách khác, nếu muốn tương ưng thì cần phải dùng chân tâm, dùng vọng tâm thì nhất định không tương ưng được. Dùng vọng tâm chính là dùng A lại da, dùng ý thức. Dùng chân tâm, chứ không dùng A lại da.

Trong Khởi Tín Luận Mã Minh Bồ Tát nói, nghe giáo chính là nghe giảng kinh, nghe dạy học. Cần dùng thái độ như thế nào? Bồ Tát dùng ba loại thái độ không giống với chúng ta là, không chấp tướng ngôn thuyết, không chấp tướng danh tự, không chấp tướng tâm duyên. Quý vị xem đây chính là chân thành cung kính, nên họ nghe sẽ khai ngộ, nghe rồi sẽ chứng quả. Chúng ta không biết nghe, không biết nghe nhưng Phật Bồ Tát vẫn từ bi, vẫn cứ nói. Bất luận là nghe hiểu hay không, chư Phật Bồ Tát vẫn giảng như vậy. Nghe không hiểu cũng tốt, vì sao vậy? Vì đã trồng hạt giống bồ đề vào trong A lại da, trồng một thiện căn, đời đời kiếp kiếp gặp được duyên thì chúng ta sẽ nghe, sẽ đọc tụng, lâu ngày nuôi dưỡng thành thiện căn. Sau đó gặp được Phật pháp thiện căn tự nhiên hiện tiền, cung kính tự nhiên sanh khởi. Điều này có nghĩa là như vậy.

Thành kính, thiện căn đều nhờ vào sự bồi dưỡng lâu dài, không phải trời sanh. Đặc biệt là chúng ta mê lầm trong lục đạo thời gian quá lâu, tập khí ô nhiễm nặng nề. Cho dù gặp được Chư Phật Bồ Tát hay thiện tri thức giáo huấn, cũng rất khó khăn, nhất là ở trong thời đại này, tâm cung kinh đã mất. Khoảng tuổi như tôi, có thể nói là trước bốn năm mươi tuổi. Con người trong xã hội đối với người đều có tôn kính, tâm tôn trọng. Viết cái tên cũng rất cung kính quy cũ, không qua loa. Quý vị thấy tuổi trẻ hiện nay, viết gì cũng chỉ qua quýt cho xong. Chữ viết láu nếu không quan sát tỷ mỷ sẽ không đọc. Điều này ngày xưa nhất định không được, ngày xưa như vậy là đại bất kính.

Thầy giáo ngày xưa chấm bài, chữ không chỉnh tề là không xem, điễm số cũng không có. Chữ viết không đẹp không sao, chỉ cần viết ngay thẳng chỉnh tề, yêu cầu của thời xưa là cẩn thận nắn nót. Từng nét từng chữ cẩn thận ngay ngắn, ngay hàng thẳng lối, chứ đâu giống bây giờ! Thái độ của lớp trẻ như thời nay, cổ nhân sẽ không dạy. Những huấn luyện cơ bản này, ngày xưa đều là trách nhiệm của gia đình, gọi là gia giáo. Trong thời đại này gia giáo không còn, nên quý vị không thể trách cứ lớp trẻ. Nền văn minh văn hoá của toàn xã hội đã suy sụp, xã hội đại loạn. Nhân tâm không có chỗ quay về, không có nơi nương tựa thích hợp, không có cảm giác an toàn, người như vậy sống ở thế gian đau khổ biết bao, trên thực tế đôi khi không bằng cả súc sanh.

Thời đại này chúng ta đã gặp, rất may mắn, chúng ta đã gặp được giáo huấn của thánh hiền, chúng ta gặp được kinh điển đại thừa, đây là điều vô cùng may mắn. Vì sao vậy? Vì có thể y theo những giáo huấn điển tịch này để ra khỏi cảnh khó khăn hiện tại. Gặp được tịnh tông là điều hiếm có, khiến chúng ta có cơ hội ngay trong đời này, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nơi có không biết bao nhiêu người trong biến pháp giới hư không giới muốn đến, mà không gặp được nhân duyên này. Trong một đời viên thành Phật đạo, đến đâu để tìm cơ hội này? Thật không tìm được.

Pháp môn này phàm phu một đời thành tựu không khó, điều kiện rất đơn giản: thật tin, thật muốn đi và đồng ý niệm Phật liền có thể vãng sanh. Then chốt ở đây chính là một chữ “chân”. Quý vị phải dùng chân tâm. Vọng tâm là không cung kính, không tôn trọng, giống như trò đùa vậy. Như vậy thì không thể vãng sanh, chỉ là trồng chút thiện căn, chứ đời này thì không thể thành tựu. Đời này có thể thành tựu là phải tính tấn tu hành. Tôi thật tin, thật muốn đi và thật tâm niệm Phật.

Nên toạ trong chữ toạ thiền không nhất định là chỉ cho việc ngồi thiền, mà là lấy ý của chữ này. Toạ nghĩa là gì? Toạ là bất động. Toạ ở đây chính là bất động. Không phải thân bất động. Thân không phải ta, nó động hay không động thì có liên quan gì? Quan trọng là tâm bất động. Trong kinh đại thừa thường nói, đi đứng ngồi nằm đều là thiền. Chúng ta đi, đứng, ngồi hay nằm ngủ trên giường hết thảy đều là thiền, tâm bất động. Trú tâm ở một cảnh giới. Ngày nay chúng ta toạ thiền chính là trú tâm trên Phật A Di Đà. Đi đứng nằm ngồi trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì cả, như vậy là đang ở trong thiền định. Thiền này trong Đại Tập Kinh Đức Thế Tôn tán thán. Ngài nói trì danh niệm Phật là thiền vô thượng thậm thâm vi diệu. Điều này được nói ra từ kim khẩu của Đức Thế Tôn. Thiền trong đại thừa thường nói nó cao hơn pháp môn khác một bậc, nhưng niệm Phật là thiền vô thượng thậm thâm vi diệu, so với thiền lại cao hơn một bậc.

*“Cụ viết thiền na”.* Người xưa thích đơn giản, nên đã lược bớt âm đuôi chỉ dùng một chữ thiền, ý là tịnh lự. Tịnh là tâm thanh tịnh. Chế tâm một chỗ là tịnh, cho nên nó là “chỉ”. Lự là “quán”. Tâm của họ không phải chết, cũng không phải không, nó có cảnh giới, nên giữ ở cảnh giới này. Cảnh giới của người niệm Phật chính là một câu danh hiệu Phật A Di Đà, hoặc là Nam Mô A Di Đà Phật cũng được. Mọi lúc mọi nơi, mỗi niệm đều giữ chặt câu danh hiệu này, không cho phép bất cứ tạp niệm nào xen vào, như vậy công phu niệm Phật chúng ta sẽ thành tựu, chắc chắn chúng ta được vãng sanh tây phương Cực Lạc, nhất định được vãng sanh. Lúc này niệm Phật, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm Phật, đây gọi là biết niệm. Đại đa số người không biết niệm, miệng thì niệm Phật nhưng vẫn còn rất nhiều tạp niệm trong đó, nghĩ điều này, nghĩ cái kia, làm phá hoại toàn bộ công phu niệm Phật mà tự mình không hề hay biết, cứ cho rằng mình là người niệm Phật. Tôi ngày ngày niệm Phật, mỗi ngày niệm biết bao nhiêu vạn danh hiệu Phật. Nhưng không biết trong bao nhiêu vạn thanh Phật hiệu đó có hoài nghi, có tạp niệm nên đã bị phá hoại mất hết rồi. Niệm Phật như vậy không phải là thiền.

Nếu niệm Phật chuyên chú vào một niệm, không có hoài nghi, không có tạp niệm thì đó là thiền. Niệm Phật như vậy chính là điều đức Thế Tôn nói thiền vô thượng thậm thâm vi diệu. Nên cần phải hiểu ý nghĩa của thiền.

Phật pháp đại thừa có tám vạn bốn ngàn pháp môn, tất cả đều là tu thiền, nghĩa là dùng tám vạn bốn ngàn phương pháp tu thiền khác nhau. Tu tịnh lự, tu tư duy tu, cho nên pháp môn là bình đẳng không có cao thấp, vì sao vậy? Vì đều có thể được thiền định, đều có thể khai ngộ, đều có thể minh tâm kiến tánh. Vì chúng sanh căn tánh không đồng, nên tu học có khó dễ khác nhau, khác biệt rất nhiều. Phật A Di Đà vì phổ độ chúng sanh mà đề xuất một phương pháp gọi là trì danh niệm Phật. Phương pháp này dể dàng, đơn giản, ai cũng tu được, và nó rất thù thắng. Chỉ cần như lý như pháp thì đây chính là thiền vô thượng thậm thâm vi diệu. Nếu niệm Phật có tạp niệm thì không phải là thiền, trong thiền không cho phép có tạp niệm và hoài nghi. Không hoài nghi, không tạp niệm chính là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là thiền vô thượng thâm diệu, nhất tâm trú trên danh hiệu Phật.

Trong thời đại này. Tôi không biết dùng vi tính, tôi nghe các vị đồng học nói, trên internet có rất nhiều tin tức. Đặc biệt là nhiều loại dự ngôn khác nhau nói về thiên tai. Chúng tôi được một vài thông tin, kết luận của nó rất đơn giản, con người nếu vì tự tư tự lợi thì thiên tai này không sao tránh khỏi, còn nếu không có tự tư tự lợi, người thiện tâm, người niệm Phật thì dù ở trong thiên tai cũng có thể bảo toàn. Chư Phật Bồ Tát, thiên thần, quỷ thần đều sẽ gia hộ. Hầu như đều là cách nói này. Chúng ta hiểu được đạo lý này thì những thông tin này có thể không cần đến, không cần xem nó. Xem nó có giải quyết được vấn đề chăng? Trái lại còn khiến cho công phu niệm Phật của chúng ta lại bị tạp niệm, lại bị phá hoại. Chúng tôi từ đây về sau không xem nữa mà nhất tâm niệm Phật.

Siêng năng thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, thì quý vị là người trong kinh Phật nói “thiện nam tử thiện nữ nhơn”, như vậy là được. Thiên tai như thế nào cũng không sợ không hãi, hoàn toàn dùng tâm bình thường để xem nó. Thiên tai là cộng nghiệp chiêu cảm ra. Chúng ta không tránh khỏi cũng không để ý, thân này không phải ta. Chúng ta tâm thiện hành vi thiện, niệm Phật cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Như vậy khi thiên tai đến, Đức Phật A Di Đà ở trên không trung đến nghinh tiếp chúng ta. Là việc tốt, không phải việc xấu. Điều này mới quan trọng. Nhất tâm nhất ý đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ và niệm Phật A Di Đà. Ngoài ra hoàn toàn buông bỏ, không còn nghĩ đến nữa. Như vậy chúng ta sẽ bình an, bình tĩnh vượt qua đại thiên tai này. Không thể có ý niệm tự tư tự lợi, không thể có hành vi tự tư tự lợi. Gặp chúng sanh đau khổ, tuỳ nhân duyên tuỳ sức lực mà giúp là được. Toàn tâm toàn lực để giúp, nhưng không được làm ảnh hưởng đến việc niệm Phật của mình. Đây là nguyên tắc.

Nếu chướng ngại chúng ta niệm Phật, khiến khi niệm Phật chúng ta không thể chuyên nhất, có tạp niệm. Như vậy thì không thể được. Nhất định phải biết, trước khi chưa niệm Phật thì điều trước tiên là tự độ, tự độ là ưu tiên. Đến thế giới Cực Lạc có thể toàn tâm toàn lực để giúp chúng sanh khổ nạn, nên không cần để ý. Khi có được năng lực này, mặc dù ở trong thiên tai cùng gặp nạn với mọi người, nhưng mỗi người có chỗ đi riêng, nghiệp lực đang làm chủ tể, tự mình không làm chủ được, nghiệp lực làm chủ, Phật Bồ Tát cũng không thể làm chủ. Nhìn thấy chúng ta tuỳ nghiệp lưu chuyển. Nếu lòng tin chúng ta kiên định, lúc này sẽ khởi tác dụng rất lớn, tin thật và nguyện thật sẽ chiêu cảm được đức Phật đến tiếp dẫn.

Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, chính là công đức viên mãn. Nên tư duy, ở đây nói là “tư tưởng ức niệm bỉ Phật y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm”, nghĩa là nương vào kinh Vô Lượng Thọ là được.

Thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư là người đầu tiên khai sơn tịnh độ tông Trung Quốc, ngài đã nương theo kinh Vô Lượng Thọ. Ngài ở Lô Sơn kiến lập Đông Lâm Niệm Phật Đường. Khi đó kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật vẫn chưa phiên dịch. Nên đề xướng niệm Phật đều y theo kinh Vô Lượng Thọ.

Chúng ta hiện nay đề xuất kiến lập thôn Di Đà, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với đương thời Huệ Viễn đại sư ở Lô Sơn thành lập niệm Phật đường. Tập hợp những người thật sự cùng chí hướng, mọi người cùng nhau niệm Phật cầu vãng sanh. Niệm Phật Đường Đông Lâm quy củ rất nghiêm khắc. Quanh niệm Phật đường có một dòng suối nhỏ, dòng suối nhỏ này làm ranh giới, người không cho phép các bạn đồng tu rời khỏi ranh giới này, nên tâm rất định. Vào niệm Phật Đường chỉ có một mục tiêu, tôi muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ngoại duyên đều buông bỏ hết. 123 người đều thành tựu, thật gọi là công đức viên mãn.

Chúng ta y theo giáo huấn của Ấn Quang đại sư, trong hoàn cảnh hiện tại, không cần quá lớn, 20 người trong một đạo tràng nhỏ, 20 người tu hành chơn chánh, người phát tâm hộ trì cũng không cần quá 20 người, tất cả 40 người ở trong đạo tràng nhỏ này, 20 người là hộ trì. Tuy không phải là bế quan, là ở nhà tranh như cổ nhân thường nói. Phạm vi lớn hơn bế quan một chút, phạm vi nhỏ này là phạm vi hoạt động của chúng ta. Rất tốt, nhất định có thể thành tựu. Buông bỏ tất cả, không có chút vướng bận nào. Nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến tôi sắp chết, chết rồi còn nghĩ được điều gì? Không mang theo được gì. Nên không cần hỏi han, cứ tuỳ thuận hết thảy. Đây là đại sự nhân duyên, thật sự hành trì!

Bên dưới vẫn tiếp tục giải thích nghĩa của thiền. Thiền na phiên dịch thành chữ Hán là tịnh lự, tư duy tu… *“Tĩnh lự giả, thiền na chi thể vi tịch tịnh”.* Điều này nhất định phải biết, thể của thiền là tịch tịnh. Cũng chính là nguyên tắc chung: không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là thể của thiền, là tịch tịnh. *“Nhi diệc cụ phan lự chi dụng”.* Nó khởi tác dụng là quán chiếu, chứ không phải không khởi tác dụng. Quán chiếu là gì? Quán chiếu là thấu triệt, trong thấu triệt không có tác ý, họ không dùng ý thức mà dùng tự tánh, dùng kiến tánh để thấy sắc bên ngoài, như vậy liền thấy được sắc tánh, dùng văn tánh liền có thể nghe được thanh tánh. Đây chính là minh tâm kiến tánh. Nếu dùng nhãn thức để nhìn bên ngoài thì đó là phân biệt, dùng nhĩ thức nghe thanh trần, đây cũng là phân biệt chấp trước. Chấp trước tức nhiễm ô.

Như vậy chúng ta biết, thông thường nói thiền định là có một trình độ chỉ quán nhất định. Chỉ quán chính là tu thiền định, cần buông bỏ thì phải buông bỏ, cần nắm giữ thì phải nắm giữ. Quý vị xem, người niệm Phật buông bỏ vạn duyên là tịch tịnh, nắm giữ Phật hiệu là quán tưởng, chúng ta có thể tư duy y chánh trang nghiêm của thế giới tây phương, có thể nhớ đến tướng hảo quang minh Phật A Di Đà, đây gọi là tư duy tu.

*“Cụ thẩm lự chi dụng, cố viết tịnh lự. Tịnh tức định, lự tức huệ. Định huệ quân đẳng chi diệu thể viết thiền na”.*

Định huệ nhất định là bình đẳng, đây là cảnh giới thiền định. Nếu định nhiều lự ít thì hiện tượng hôn trầm liền khơi lên, như vậy là định nhiều huệ ít. Còn nếu huệ nhiều định ít chính là trôi nổi gọi là trạo cử, nghĩa là vọng niệm quá nhiều, đó đều là chướng ngại cho việc tu thiền.

Ngày nay chúng ta dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để tu thiền, là thiền vô thượng thậm thâm vi diệu trong nhà thiền, Điều này không thể không biết. Thiền rất được nhiều người hâm mộ, nhiều người hướng về, nhưng nhiều người không biết rằng trì danh niệm Phật là thiền định, là tu thiền, rất ít người biết. Người tu học tịnh độ cũng rất ít nắm giữ. Thật hiểu rõ ràng minh bạch thì đối với thiền sẽ không ngưỡng mộ. Vì sao vậy? Vì chúng ta tu cũng như họ, cũng được định giống như họ.

*“Như Câu Xá Luận Nhị Thập Bát viết, y hà nghĩa cố lập tịnh lự danh? Do thử tịch tịnh năng thẩm lự cố. Thẩm lự tức thị thật liễu tri nghĩa. Như thuyết tâm tại định, năng như thật liễu tri”.*

Mấy câu này trong Câu Xá Luận giải thích rất hay. Dựa vào nghĩa gì để thành lập tên gọi là tịnh lự, mà chúng ta đặt cho nó cái tên này? Bên dưới giải thích rằng:*“Do thử tịch tịnh năng thẩm lự cố”.* Thẩm lự này không phải phân biệt, không phải chấp trước, là tự nhiên thấu triệt. Đây là trí huệ. Trong bài kệ hồi hướng của kinh điển đại thừa nói “Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu”. Đây là tịnh lự.

Từ đó cho thấy, dạy học trong thời xưa, chúng ta không bàn Phật pháp, chỉ bàn pháp thế gian, dạy học của pháp thế gian coi trọng ngộ tánh của học trò, nhớ giỏi đứng thứ hai, ngộ tánh mới là đều quan trọng nhất. Ngộ tánh là huệ, nhớ nhiều là tri thức, ngộ tánh là trí huệ, không giống nhau! Đứa trẻ có trí huệ, thầy giáo đặc biệt quý trọng, dạy tốt nó sẽ có thành tựu lớn. Có tri thức, nghe rộng nhớ nhiều, chúng ta nói sức lý giải kém một chút, người này nếu huấn luyện tốt, tương lai sẽ là quân tử thánh hiền. Người có trí huệ có thể đến thánh hiền. Như vậy là sao? Bởi tâm họ thanh tịnh, thiện lương, thật thà trung hậu. Tâm thanh tịnh liền sanh trí huệ. Lục căn vừa tiếp xúc liền thông đạt thấu suốt, không cần suy nghĩ. Danh từ ngày nay gọi là trực giác, không cần suy nghĩ cũng có thể thấu triệt.

Mọi người cùng xem một sự việc như nhau, nhưng họ thấy rất sâu sắc, rất thấu đáo hơn, người thường không làm được, vì họ có chướng ngại. Chướng ngại chính là tâm trôi nổi, vọng niệm quá nhiều, ọ dùng tâm phân biệt chấp trước, đây là tri kiến của phàm phu. Còn người kia không dùng tâm ý thức, đó là tri kiến của tự tánh. Thông thường chúng ta gọi là tri kiến của thánh hiền, không dùng tâm ý thức, không dùng A lại da, điều này thật đáng nễ. A lại da là gì? Ghi lại dấu vết rất khó phai mờ. Không dùng A lại da là gì? Không ghi lại dấu vết, cho nên không có nhiễm ô, ghi lại dấu vết là có nhiễm ô. Họ không tiếp thu nhiễm ô, không phân biệt không chấp trước. Vừa tiếp xúc liền thông triệt thấu đáo, đây chính là thiền. Nên tịch tịnh có thể thẩm lự. Thẩm lự là chân thật liễu tri.

Bên dưới đưa ra một ví dụ. *“Tâm tại định, năng như thật liễu tri”.* Họ nghe được câu này rất rõ ràng thấu triệt. Ngày nay chúng ta trong tâm có Phật A Di Đà, tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A di Đà tức là tâm tôi. Trong Tam Thời Hệ Niệm thiền sư Trung Phong khai thị rằng: “đây tức là tịnh độ, tịnh độ tức là ở đây”. Y chánh trang nghiêm ở ngay trước mắt. *“Hựu tư duy tu giả”.* Như thế nào gọi là tư duy tu? Chỉ nhân mà nói, thì nhất tâm tư duy nghiên cứu tu học là vì nhất tâm, ở đây điểm quan trong cuối cùng chính là nhất tâm. Cổ nhân thường nói: “đạo dạy học, quý là ở chuyên”*.* Nhất tâm chính là chuyên, không thể nghĩ quá nhiều, không thể học quá nhiều. Học quá nhiều nó sẽ tạp nham, không phải nhất tâm, chần chừ do dự, nên rất loạn. Tinh thần ý chí của mình không thể tập trung, chỉ có thể nhận thức một vài tri thức sơ sài, không thể thâm nhập.

Nên xã hội hiện nay các trong trường học, chúng tôi cũng đã tham quan, trên thế giới có không ít trường nổi tiếng. Sau khi tham quan chúng tôi cảm nhận sâu sắc rằng, những thứ họ học được toàn là tri thức, không có trí huệ cho nên tâm học sinh trôi nổi. Quan sát tường tận thì tư tưởng, hành vi lời nói của họ là tri thức chứ không phải trí huệ. Chúng tôi thấy vậy cảm xúc rất sâu sắc. Trung quốc từ xưa đến nay đời đời tương truyền, Hán học là trí huệ không phải tri thức. Ngày nay chúng ta thấy người ngoại quốc nghiên cứu Hán học, họ đã đi sai phương hướng, họ đang học tri thức của Hán học, chứ chưa hiểu được trí huệ của Hán học. Trí huệ của Hán học học như thế nào? Học từ tịnh lự, học từ tư duy tu.

Nhà Phật học tập theo những nguyên lý nguyên tắc này và truyền đến Trung Quốc. Nho giáo của Trung Quốc đã áp dụng giới định huệ, Đạo giáo cũng đã áp dụng. Giới là gì? Là quy củ. Nếu không tuân thủ quy củ thì chúng ta không học được điều gì. Quy củ là gì? Quy củ là giúp chúng ta tu định, dạy ta buông bỏ. Hướng dẫn tập trung ý chí và tinh thần. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Đây chính là trì giới.

Thực hành thì sao? Hành trì chính là tu định. Định đến trình độ nhất định, tự nhiên sẽ khai huệ, hoát nhiên đại ngộ. Trong Phật pháp có khai ngộ, Nho giáo cũng có khai ngộ, Đạo giáo cũng có khai ngộ. Được định thì đột phá không gian duy thứ. Thông thường có một số người nói đạt được thần thông, đạt được thần thông không có gì lạ, vì thần thông là bản năng của mỗi người. Chỉ cần tâm thanh tịnh tự nhiên nó sẽ hiện tiền. Thần thông của một số người vì sao mất đi? Vì tâm họ loạn, vọng tưởng tạp niệm quá nhiều, nên nó không thể hiện tiền. Nếu tâm đạt được thuần tịnh thuần thiện. Vọng niệm ít hoặc không có vọng niệm, thì thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông hết thảy đều hiện tiền. Cho nên trong Phật pháp đối với việc thần thông hoàn toàn không có gì là hy hữu. Đức Phật nói sáu loại thần thông là bản năng của tất cả chúng sanh, chúng ta vốn là như vậy. Vẫn là một câu vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng ngộ.

*“Nhất tâm tư duy nghiên tu”.* Chính là trong kinh giáo Đức Phật nói “chỉ tâm nhất xứ”. Đem tâm dừng lại một nơi, hoặc là nói chế tâm một chỗ cũng được. Đây là nhân. Chúng ta ngày nay để tâm trên câu A Di Đà Phật. Các thứ khác thì sao? Đều buông bỏ, đây là nhân. *“Tùng thử nãi đắc định”,* tức là được tam muội. Để tâm dừng lại nơi Phật A Di Đà, đây gọi là niệm Phật tam muội, trong tâm thật có Phật, ngoài Đức Phật ra tất cả đều buông bỏ, dừng lý đến nói. Nhớ Phật niệm Phật, quả báo là hiện tiền hay tương lai nhất định thấy Phật. *“Cố danh tư duy tu”,* tư duy tu chính là nhất tâm bất loạn. Tôi chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, tôi chỉ niệm Phật A Di Đà, tôi chỉ nhớ đến Phật A Di Đà, tôi chỉ nguyện thân cận Phật A Di Đà. Đây gọi là chơn chánh niệm Phật, gọi là biết niệm.

*“Thượng ngôn thiền giả*”. Ở trước nói về ý nghĩa của thiền, tất cả đều là thiền định ba la mật trong lục độ. Tất cả Bồ Tát đều đang học. Chúng ta xem tiếp kinh văn ở dưới.

*“Hoặc đắc Tu đà hoàn, hoặc đắc Tư đà hàm, hoặc đắc A na hàm, A la hán. Vị đắc A Duy Việt Trí giả. Tắc đắc A Duy Việt Trí, các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, mạc bất hoan hỷ”.*

Đây là nói học trò ở thế giới tây phương Cực Lạc, Bồ Tát là học sinh, được quả tự tại, họ ở đó tu học thành tích đều hiển thị ra. Chưa chứng được Tu đà hoàn, thì chứng được quả Tu đà hoàn, chưa chứn được A Duy Việt Trí thì chứng được A Duy Việt Trí. Đó là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đều được A Duy Việt Trí. *“Các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, pháp hỷ sung mãn”.* Nói ra sự thành tựu của người vãng sanh. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

*“Hựu minh bỉ độ nhân dân”.* Người trong mười phương đi vãng sanh, *“tuỳ sở tu tập các đắc kỳ quả”.* Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc căn tánh không giống nhau. Căn tánh tiểu thừa được quả tiểu thừa. Căn tánh đại thừa được quả đại thừa. Ở trước nói tứ quả, đến A la hán là căn tánh tiểu thừa. A Duy Việt Trí là căn tánh đại thừa. Đắc quả sớm hay muộn đều là thiện căn phước đức nhân duyên tu hành của mỗi người trong nhiều kiếp không giống nhau. Nhất định thành tựu vô thượng bồ đề, chứng được đại bát niết bàn, nhưng mỗi người thời gian sớm muộn không giống nhau. Hay nói cách khác, họ đích thực là một phương hướng, cùng đi trên một con đường thành Phật.

*“Tu đà hoàn nãi chí A la hán, nãi Thánh văn thừa thánh quả chi sai biệt”.* Đầu tiên là giới thiệu kinh văn này. “*Nhất, Tu đà hoàn quả”.* Tu đà hoàn là tiếng phạn, dịch thành chữ Hán có nghĩa là nhập lưu, dự lưu hay nghịch lưu đều là tên gọi của sơ quả. Trong tiểu thừa giống như lớp một tiểu học. Nhập lưu ví như đã nhập học, nhập tiểu thừa sơ quả, họ đã chính thức đi học, là học sinh của ngôi trường này. Hiện nay chúng ta tuy nói là học đại thừa, nhưng đại thừa chúng ta cũng chưa nhập lưu.

Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói là Bồ Tát, đại thừa là Bồ Tát đạo. Thứ tự của Bồ Tát có 50 cấp, thập tín ví như tiểu học của đại thừa, thập trụ ví như trung học, thập hành, thập hồi hướng ví như đại học, thập địa ví như thạc sĩ, đẳng giác ví như lớp tiến sĩ. Tôi ví dụ như vậy mọi người sẽ dễ hiểu.

Tiểu học của tiểu thừa là Tu đà hoàn. Đại thừa là lớp một tiểu học. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi họ là Bồ Tát sơ tín vị. Đại thừa thật sự là lớp một tiểu học Bồ Tát sơ tín vị. Công phu đoạn phiền não với Tu đà hoàn là bình đẳng. Tu đà hoàn đoạn 88 phẩm kiến hoặc. Bồ Tát sơ tín vị của đại thừa cũng đoạn 88 phẩm kiến hoặc như vậy, nhưng trí huệ không giống nhau. Ý muốn nói là Bồ Tát sơ tín vị, trí huệ đức năng cao hơn nhiều so với Tu đà hoàn. Điều này hiển thị sự thù thắng của đại thừa. Vì sao có sự sai biệt lớn như vậy? Vì bài học của họ không giống nhau.

Đoạn phiền não là nói về đức hạnh, đức hạnh không giống nhau. Công phu tu hành không giống nhau. Tâm lượng của đại thừa lớn, tâm lượng tiểu thừa nhỏ. Tuy tâm lượng nhỏ, nhưng họ buông bỏ tự tư tự lợi, đã phá trừ thân kiến, không còn chấp trước thân này là ta. Bồ Tát sơ tín vị của đại thừa trí huệ cao hơn, chẳng những biết được thân này không phải ta, mà còn dần dần lãnh hội được biến pháp giới hư không giới và chính mình là một thể, nhưng họ chưa thể chứng được. Khi nào mới có thể chứng được? Tốt nghiệp tiểu học lên trung học là chứng được. Tứ quả của tiểu thừa A la hán đã hoàn toàn đoạn tận kiến tư phiền não, chỉ ngang bằng với Bồ Tát thất tín vị trong thập tín. Bồ Tát thất tín vị đã đoạn kiến tư phiền não, ngang bằng với A la hán.

Bồ Tát Bát tín ngang bằng với Bích chi Phật. Bồ Tát cửu tín vị ngang bằng với Bồ Tát trong mười pháp giới. Bồ Tát thập tín vị chính là Phật trong mười pháp giới. Pháp giới của Phật cao nhất trong mười pháp giới. Nên thập tín Phật chưa vượt qua mười pháp giới. Thập tín Phật nếu đoạn tận vô minh, nghĩa là không khởi tâm, không động niệm, thì sẽ ra khỏi mười pháp giới nhập vào sơ trú. Sơ trú là chân Phật. Giới hạn chính là ở chỗ này.

Phật Bồ Tát trong mười pháp giới vẫn là dùng bát thức. Trên sơ trú không còn dùng bát thức, đã chuyển tám thức thành tứ trí. Họ dùng chân tâm chứ không dùng vọng tâm. Dùng chân tâm là chân Phật. Trong mười pháp giới vẫn dùng bát thức nên không gọi là chân Phật. Thiên Thai tông gọi họ là tương tợ tức Phật, tương tợ tức Phật trong lục tức Phật, rất giống nhưng không phải thật. Thật hay giả ở chỗ dụng tâm, dùng chân tâm là thật, dùng vọng tâm là giả. Chân tâm là gì? Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, h là chân tâm. Chúng ta cần phải từng giờ từng phút nghĩ đến, nếu còn khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước là dùng vọng tâm.

Người tu hành chơn chánh thì ngay trong cuộc sống hằng ngày, sinh hoạt, công tác, đối nhân, tiếp vật đều đang rèn luyện. Luyện gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước phải giảm nhẹ, ngày càng ít đi, như vậy công phu tu tập mới tăng tiến. Đến lúc nào không còn nữa thì biết rằng, chúng ta đã nhập vào sơ trú.

Bồ Tát sơ trú sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, sanh vào cõi nào? Sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Dùng phương pháp niệm Phật gọi là lý nhất tâm bất loạn. Quý vị xem là niệm câu A Di Đà Phật này, niệm đến khi nào công phu thuần thục. Như có câu niệm mà không niệm, không niệm mà niệm. Niệm đến khi đoạn trừ tâm ý thức, nó đoạn tận lúc nào không hay, vì tâm chúng ta chỉ chuyên chú vào Phật A Di Đà. Phương pháp này vô cùng xảo diệu. Cổ nhân thường nói: “an hợp đạo diệu, thuỷ đáo cừ thành”. Công đức niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta là phàm phu, tập khí phiền não rất nặng, không thể đốn ngộ giống như Đức Thế Tôn hay ngài Huệ Năng.

Khi tôi mới học Phật, ba vị thầy đều nhắc nhở tôi không nên tự cho mình thông minh. Người xưa nói: “thông minh trái lại bị thông minh hại”. Chính mình phải thừa nhận, chắc chắn mình không phải là hàng thượng thượng căn. Điều này rất quan trọng. Đốn ngộ, đốn tu, đốn chứng đó là hàng thượng thượng căn, là người thông minh tuyệt đỉnh, chứ chúng ta không làm được. Làm không được thì sao? Làm không được thì tiệm tu, tiệm ngộ. Giống như lên cầu thang vậy, chúng ta phải bước lên từng bậc từng bậc. Chương Gia đại sư, thầy Phương Đông Mỹ và thầy Lý đều dạy tôi đi con đường này. Con đường này rất ổn định, thời gian tuy dài nhưng rất ổn định, từng bước từng bước đi lên, chứ không thể nào đốn ngộ được. Ngộ không được sẽ bị rơi xuống. Giống như một bước lên trời, không lên được thì thịt nát xương tan, huỷ luôn cả chính mình. Nên con người sợ nhất chính là đeo đuổi mục tiêu quá xa vời không thiết thực.

Chúng ta buông bỏ điều gì? Tập khí phiền não trên ba nguyên tắc đều buông hết, nhất định phải biết điều này. Điểm then chốt là đầu tiên chúng ta phải buông bỏ chấp trước, đối với thế xuất thế gian pháp đều không chấp trước, học tuỳ duyên, không chấp trước chính là diệu dụng, tuỳ duyên là không chấp trước. Không chấp trước chính là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Họ không còn chấp trước, nhưng có phân biệt. Buông bỏ chấp trước, sau đó buông bỏ phân biệt, phân biệt buông bỏ, sau đó buông bỏ khởi tâm động niệm. Chúng ta đi từng bước từng bước một. Cũng rất mệt, đi từ từ cũng đủ mệt.

Phật A Di Đà có diệu pháp, tức là dạy chúng ta chuyên tâm niệm câu A Di Đà Phật. Trên thực tế cả ba đều buông bỏ. Quý vị xem có tuyệt hay không? Dùng phương pháp gì? Chấp trước Phật A Di Đà, phân biệt Phật A Di Đà, khởi tâm động niệm toàn là Phật A Di Đà. Như vậy chúng ta sẽ đến thế giới Cực Lạc, đây gọi là đới nghiệp vãng sanh. Công phu giỏi thì đi về đâu? Sanh vào cõi phương tiện hữu dư, vì chưa thật sự buông bỏ. Nên địa vị cao nhất là cõi phương tiện hữu dư thượng bối vãng sanh. Đến thế giới Cực Lạc, hào quang của Phật A Di Đà vừa chiếu đến, liền được nâng lên gấp bội. Còn thêm oai thần bổn nguyện gia trì, lập tức được lên đến cõi thật báo. Rất nhanh! Là quả dự lưu.

Nhập lưu và dự lưu ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Dự là tham dự, chúng ta đã bước vào cửa Phật, đã nhập môn. Chúng ta hiện tại chưa đoạn 88 phẩm kiến hoặc, chưa nhập môn. Trước đây tôi giảng kinh cũng thường nhắc nhở các bạn đồng học, tôi khuyên mọi người phải nỗ lực, nhất định phải buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần và buông bỏ tham sân si. Thật sự buông bỏ, như vậy đã nhập môn chăng? Chưa nhập môn. Chúng ta mới đến trước cửa. Tôi nói với mọi người, tiêu chuẩn là đến trước cửa. Còn vào cửa thì sao? Nhập môn nhất định dùng tiêu chuẩn của Phật, tiêu chuẩn của chúng ta không được.

Nhập môn của Phật chính là đoạn tận kiến hoặc, tức là nhập môn. Trong kinh luận đại thừa tiểu thừa đều nói, tam giới 88 phẩm kiến hoặc, đoạn hết thảy 88 phẩm kiến hoặc chứng được tiểu thừa Tu đà hoàn và đại thừa Bồ Tát sơ tín vị. Đây là Viên giáo chứ không phải Biệt giáo. Tu đà hoàn và Bồ Tát sơ tín vị, nói cho chư vị biết, trong kinh Kim Cang nói đã phá được bốn tướng. Họ thật sự làm được “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.” Vừa mới phá, phá được tứ tướng, là vô ngã. Phá tứ tướng từ sơ quả đến tứ quả đến A la hán đều phá tứ tướng. Công phu có sâu cạn không tương đồng, công phu của A la hán sâu, công phu của Tu đa hoàn cạn. Cũng chính là nói đối với “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng” không còn chấp trước. Dùng cách thông thường để nói, thì đoạn được tình chấp mới có thể chứng quả.

Chúng ta xem tiếp phần giảng nghĩa. *“Vị tùng phàm phu sơ nhập thánh đạo chi pháp lưu”.* Sơ nhập thánh đạo. *“Nghịch lưu giả, vị nhập thánh vị, nghịch sanh tử chi bộc lưu”.* Họ chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, nhưng đã nhập vào con đường lớn liễu sanh tử xuất tam giới. Họ đang đi trên con đường này. Khi nào có thể ra khỏi lục đạo? Chứng A la hán la ra khỏi lục đạo. Sau khi chứng được sơ quả, trong lục đạo họ chỉ sanh vào cõi trời hoặc cõi người, không còn bị đoạ vào trong ba đường ác, cũng sẽ không biến thành A tu la, chỉ vào hai đường trời và người, bảy lần đi và trở lại liền chứng được A la hán. Nên họ chứng được là vị bất thoái. Không còn thoái chuyển đến quả vị phàm phu, họ là thánh nhân, chứ không phải là phàm phu. Tiểu thánh hoặc gọi là tiểu tiểu thánh, nhất định không đoạ lạc trong phàm phu. Nói cách khác, họ liễu sanh tử xuất tam giới có kỳ hạn.

Chúng ta xem tiếp. *“Dữ thượng văn tự duy dị, thật nghĩa tương đồng. Đoạn tam giới chi kiến hoặc”*. Chính là 88 phẩm kiến hoặc của tam giới. Kiến là gì? Là kiến giải sai lầm, hoặc là mê hoặc\_Kiến giải lầm lạc. *“Tức đắc thử giới”,* chúng la liền chứng được quả Tu đà hoàn. 88 phẩm kiến hoặc. Trong lúc Phật thuyết kinh giáo hoá phương tiện khởi kiến quy nạp thành năm loại lớn, chính là năm loại kiến hoặc.

Thứ nhất là thân kiến, thân nhất định không phải là ta. Chấp trước thân này là ta, như vậy là sai lầm. Tất cả đều vì thân này mà tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, đoạ ba đường ác chịu khổ báo cũng vì thân này. Chúng ta đều hy vọng thân thể mạnh khoẻ không có bệnh tật, thì công phu tu hành mới có thể đắc lực. Thân thể đó có thể quan tâm chăng? Nếu chỉ quan tâm trên thân mình, tâm trú trên thân là sai lầm. Tâm trú trên Phật A Di Đà mới đúng. Tâm trú trên Phật A Di Đà thì thân này như thế nào? Thân này nhất định mạnh khoẻ trường thọ. Vì sao vậy? Chúng ta không có bệnh. Vì chúng ta trú tâm trên thân nên bệnh không thể khỏi được. Đó là vọng niệm, vọng niệm sai lầm. Nên biết, thân là cảnh giới tuỳ tâm chuyển. Tâm chúng ta là Phật A Di Đà, thì thân chuyển thành Phật A Di Đà, là thân kim cang bất hoại, là thân mạnh khoẻ nhất. Nhưng đạo lý này chúng ta đã nghe mà không tin tưởng, vẫn nghĩ cách để quan tâm đến thân thể này. Đây chính là nói chúng ta có nghi hoặc nên không tin!

Chư Phật Bồ Tát từ bi hằng thuận chúng sanh. Nói với quý vị, quý vị không tin, không tin thì tuỳ quý vị. Quí vị còn làm nào là bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khoẻ, thôi thì tuỳ quí vị. Người thật sự tin tưởng, thì thật quá dễ dàng, họ không tìm những phiền phức này, như vậy tâm mới có thể chuyên nhất.

Trong kinh điển đại tiểu thừa Đức Phật nói với chúng ta một bí quyết. Chúng ta cũng biết nhưng dùng không được. Dùng nó thì tự tại biết bao! Câu này là gì? “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Không việc gì không làm được khi ta chế tâm ở một nơi. Như vậy thành Phật được chăng? Được. Làm Phật còn làm được huống gì các việc khác!

Hôm nay ở đây báo cáo với chư vị. Chế tâm một chỗ, chỗ này là đâu? A Di Đà Phật. Đức Phật không có nói nơi nào, Phật nói nguyên tắc, bất cứ nơi nào cũng được. Vì sao vậy? Vì chúng ta đã được định. Tâm chúng ta chỉ cần chuyên nhất là được định, định khai trí huệ. Nếu chế tâm ở chỗ Phật A Di Đà là vô cùng thù thắng, lập tức được oai thần Phật A Di Đà gia trì và liền thông với Phật Di Đà. Vì sao không thông được? Vì tâm không chuyên nhất. Tâm chúng ta như ánh sáng vậy, nó chiếu ra bốn phương tám hướng, biến chiếu khắp mọi nơi. Nếu tập trung ánh sáng này ở một chỗ, ngày nay chúng ta nói là tia tử ngoại，tia laser. Ánh sáng đó rất khủng khiếp. Quý vị xem hiện nay, ánh sáng tản mác này\_ánh sáng tản mác của điện, cách một trang giấy cũng không thể thấu qua, không có sức mạnh này. Nếu đem nó tập trung biến thành laser, biến thành tia tử ngoại, thì tấm gang cũng có thể xuyên suốt.

Hiện y học trị liệu vận dụng laser rất tiện lợi, đem tia sáng tập trung một điểm, nó chỉ lớn như một mũi kim, rất tiện lợi. Nên chế tâm một chỗ, vấn đề liền được giải quyết. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều là chế tâm một chỗ. Tôi nói cho chư vị biết, tôi đã nhiều năm làm như vậy, chư vị thật sự có thể đem tâm để nơi Phật A Di Đà, tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Nói với chư vị, nếu như vậy thì thiên tai gì cũng không có. Thiên tai là chúng sanh, thiên tai đối với tôi không có phần. Chúng ta ở trong thiên tai được đại tự tại, điều này không hề hư vọng. Như vậy tại sao không làm? Vì sao còn phải chần chừ, còn phải suy nghĩ lung tung? Cổ nhân nói tự làm tự chịu, không thể trách ai.

Chúng ta thật sự hiểu, thật quay đầu thì để tâm nơi Phật A Di Đà, mới thật sự cảm được ân của Phật, mới thật sự hiểu được lợi ích thù thắng này thật không thể nghĩ bàn.

*“Nhị, Tư đà hàm quả”.* Tư đà hàm dịch thành chữ hán là nhất lai, lại gọi là nhị quả. *“Nhất lai giả, đoạn dục giới, cửu phẩm tư hoặc trung chi tiền lục phẩm”.* Cửu địa tổng cộng có 81 phẩm tư hoặc, họ đoạn sáu phẩm trước. *“Nhân thượng dư hậu tam phẩm”.* Đây là cửu địa cửu phẩm, mỗi địa đều có chín phẩm, chín nhân chín bằng 81. Còn ba phẩm tư hoặc cuối cùng của dục giới. *“Cố nãi tu tại nhân gian dữ dục thiên thọ sanh nhất độ, cố viết nhất lai”*. Nhị quả vẫn phải đến nhân gian một lần nữa, nên gọi là nhất lai. *“Tức nhất độ vãng lai chi nghĩa”.* Nhị quả còn đến nhân gian lại một lần.

Tam quả A na hàm. *“Tam, A na hàm quả, cựu dịch bất lai, tân vân bất hoàn”.* Tân cựu này là lấy Huyền Trang đại sư làm cột mốc. Kinh điển phiên dịch trước Huyền Trang đại sự gọi là cựu dịch, kinh điển được dịch sau khi ngài từ Ấn Độ trở về gọi là tân dịch. Sau này quí vị nhìn thấy cựu dịch và tân dịch thì chính là vấn đề này. Tam quả A na hàm ngài Huyền Trang dịch là bất hoàn. Trên thực tế bất lai và bất hoàn ý nghĩa tương đồng. *“Nãi đoạn tận dục giới tư hoặc tàn dư chi hậu tam phẩm, bất tái hoàn dục giới chi vị”.* Không còn trở lại dục giới. *“Nhĩ hậu thọ sanh tắc vi sắc giới hoặc vô sắc giới”.* Họ chưa ra khỏi lục đạo, nhưng đây chính là quả vị thứ ba. Quả thứ ba đa phần đều ở cõi trời tứ thiền. Tứ thiền có chín cõi trời, trong đó có năm cõi trời bất hoàn. Ngũ bất hoàn thiên đa phần là những người này ở đó tu hành. Cũng có các tôn giáo khác, họ cũng có năng lực tu đến đẳng cấp này, đều ở đây tu hành, họ không đến cõi trời dục giới, họ chỉ có sắc giới, vô sắc giới, không còn đến dục giới. Nên gọi là bất lai, bất hoàn\_Không còn trở lại nữa.

*“Tứ, A la hán”.* A la hán dịch thành sát tặc, ứng cúng, bất sanh*. “Nãi đoạn tận thượng chí phi tưởng xứ, nhất thiết tư hoặc chi thanh văn thừa cực quả*”. Đây là đoạn tận kiến tư phiền não. A la hán là quả vị cao nhất của tiểu thừa*. “Dĩ đoạn tận nhất thiết kiến tư hoặc cố danh sát tặc”.* Tặc ở đây ví cho kiến tư phiền não. 88 phẩm kiến hoặc, 81 phẩm tư hoặc. Ở trước nói là cửu địa, mỗi địa có chín phẩm, chín chín 81 phẩm, đều đoạn tận. Vì kiến tư phiền não chướng ngại chúng ta kiến tánh, nên ví nó như giặc cướp khiến chúng ta bị hại, khiến tự tánh chúng ta, còn gọi là công đức pháp tài đều bị nó đào bới và lấy đi hết, hoặc là bị chúng đoạt mất, chính là ý này. Đây hoàn toàn là ví dụ. Gọi là sát tặc, tuyệt đối không nên ngộ nhận A la hán còn phạm giới sát, còn đi giết giặc cướp. Như vậy là giải thích sai hoàn toàn.

Thứ hai là ứng cúng. Ý nghĩa thứ ba là bất sanh. Ở sau có giải thích. *“Ký đắc tiểu thừa cực quả, ứng thọ nhân thiên cúng dường, cố viết ứng cúng”.* Đây là Đức Phật nói, họ là phước điền, có phước. Chúng ta cúng dường họ được phước báo lớn. Nên họ nhận sự cúng dường của người và trời. Vì sao vậy? Vì để tạo phước điền cho chúng trời và người, ý muốn nói cúng dường họ chúng ta được phước báo lớn. Đức Phật cũng hy vọng, mỗi mỗi chúng sanh đều có phước báo. Phước Đức Phật không thể cho, mà phải tự mình trồng. Đức Phật cũng không thể làm trái định luật nhân quả, nên ngài dạy chúng ta phương pháp phát tài. Đức Phật không có cách nào ban cho chúng ta của cải. Ngài dạy chúng ta làm thế nào để phát tài? Bố thí\_cúng dường bố thí. Bố thí và cúng dường cùng một nghĩa, dụng tâm khác nhau. Dùng tâm cung kính chính là cúng dường, tâm chân thành cung kính bố thí thì gọi là cúng dường, không có chân thành cung kính đó gọi là bố thí. Nên bố thí được phước ít, còn cúng dường được nhiều phước. Dụng tâm không giống nhau!

Pháp cúng dường được thông minh trí huệ, vô uý cúng dường được mạnh khoẻ trường thọ. Phải làm thật, không nên keo kiệt, không nên sợ hãi. Không cần tôi cho hết, nhưng cho hết sau đó phải làm thế nào? Người ta sợ nên không dám cúng dường. Không nên sợ, cứ thử xem, càng thí càng nhiều. Lời Phật dạy không sai chút nào!

Tôi học Phật năm 26 tuổi, Chương Gia đại sư dạy tôi. Đại sư rất giỏi, biết xem tướng. Đại sư thấy tôi còn trẻ mà không có phước báo, số mạng rất khổ. Ngài coi tướng nói tôi hoàn toàn không có của cải, cũng không có chức vị, nghĩa là nói làm quan, tôi không có số làm quan, cũng không có số phát tài. Vậy thì số gì? Bần tiện, bần tiện đến cùng tột, phải đi ăn xin. Mạng như vậy là do trong quá khứ không tu tài bố thí, không tu vô uý bố thí, cũng may là trong quá khứ có một chút pháp bố thí, nên còn một chút thông minh trí huệ. Thầy dạy tôi phải nhanh bổ sung những thứ thiếu sót đó. Vì sao vậy? Hoằng pháp lợi sanh cũng không thiếu được tài, không có tài lực ủng hộ, thì không làm được việc hoằng pháp lợi sanh. Nên dạy tôi nổ lực thực hành phương pháp này.

Lúc đó tôi nói với Thầy, tôi không có tiền tài, đến tiền ăn còn thành vấn đề thì làm gì có của cải mà bố thí? Chương Gia đại sư rất nghiêm khắc nói với tôi. Thầy nói, một cắc có hay không? Tôi nói một cắc thì được. Một hào có hay không? Được. Một đồng thì sao? Cũng miễn cưỡng. Nên bắt đầu từ một cắc, một hào, một đồng đó. Cứ như vậy mà làm. Như vậy tôi mới hiểu! Một hào một đồng đi đâu để bố thí? Có. Vì tiếp xúc Phật giáo, trước đây không hề vào chùa, hiện nay thường đi đến chùa. Đến chùa làm gì? Mượn Đại Tạng Kinh xem, tôi ở trong chùa xem kinh, chép kinh. Có người in kinh, in sách từ thiện. Cầm một tờ giấy đến kêu mọi người ủng hộ, tôi cũng đăng ký một đồng, năm hào. Như vậy chính là bố thí. Còn có phóng sanh, phóng sanh cũng lấy một tờ giấy, tập trung tiền lại mua cá phóng sanh. Điều này tôi cũng thích làm, đó là vô uý bố thí. Nên bắt đầu làm như thế. Chỉ cần thật có tâm bố thí là tốt rồi, càng thí càng nhiều.

Lúc trẻ không giám mơ mình làm được như vậy. Những năm gần đây, mỗi năm bố thí bao nhiêu tiền? Trên một vạn tiền Mỹ, tiền từ đâu mà có? Không biết. Họ đến cúng dường trên nhiều phương diện, tôi đều bố thí hết, càng thí càng nhiều. Mới biết đức Phật không nói vọng ngữ. Quý vị xem những gì tôi đạt được, của cải dùng không thiếu, như vậy là đã đủ. Tiền đem đi làm việc có ích hết.

Pháp bố thí thì tăng trưởng thông minh trí huệ. Chính tôi cảm nhận được điều này. Mỗi năm trí huệ không giống nhau, đích thực đang tăng trưởng. Vô uý bố thí mạnh khoẻ trường thọ. Tôi đã làm 60 năm, chứng minh lời Đức Thế Tôn nói đều là thật không phải giả. Chúng ta chịu làm, lập tức được lợi ích, không có gì phải lo lắng. Tiền tài thì lo lắng gì? Muốn làm gì cần bao nhiêu tiền nó sẽ đến, không có chướng ngại. Nó không đến, cũng có nghĩa là việc này không nên làm. Việc nên làm thì tiền tự nhiên có. Chư Phật Bồ tát đang quan tâm, Chư Phật Bồ Tát đang thúc đẩy. Quý vị nói tự tại biết bao, an vui biết bao.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 365

# Tập 366

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:07.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 434, đoạn cuối của hàng thứ ba. Bắt đầu xem từ *đệ tứ A la hán quả.*

*“Tứ, A la hán, dịch vi sát tặc, ứng cúng, bất sanh”.* Có ba ý này. *“Nãi đoạn tận thượng chí phi tưởng xứ nhất thiết tư hoặc chi Thanh văn thừa cực quả”.* Phi tưởng xứ chính là trời phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là tầng cao nhất trong tứ không thiên. *“Dĩ đoạn tận nhất thiết kiến tư hoặc, cố danh sát tặc”.* Sát tặc là ví dụ. *“Tức đắc tiểu thừa cực quả, ứng thọ nhân thiên cúng dường, cố viết ứng cúng*”.

Đây là phước báo lớn nhất trong tiểu thừa. Đức Phật từ bi thường nhớ tưởng đến chúng sanh, đều hy vọng chúng sanh tu phước. Phước báo thù thắng nhất của tu phước là cúng dường thánh hiền. A la hán là thánh nhân trong hàng tiểu thừa, nên cúng đường họ có thể được đại phước báu.

*“Ư nhất sanh trung tận chư quả báo, nhập vô dư niết bàn, bất tái lai tam giới, cố viết bất sanh”.*

Họ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, không còn trở lại nữa, trở lại là để giúp đỡ chúng sanh, thông thường chúng ta gọi là người tái sanh, chúng sanh có cảm ngài liền có ứng, nên gọi tái sanh, đây là ứng hoá thân không phải nghiệp báo thân, nghiệp báo trong lục đạo họ đã đoạn tận.

*“Thượng vân đắc tứ chủng thanh văn quả giả”.* Từ sơ quả đến đến tứ quả. *“Giai chỉ đoạn hoặc nhi ngôn”.* Họ ở thế giới tây phương Cực Lạc còn phải đoạn hoặc, không đoạn hoặc thì không thể tiến bộ, không thể nâng cao cảnh giới. Từ đó cho thấy, oai thần bổn nguyện của Phật Di Đà gia trì. Về mặt hiện tượng, về mặt hình tướng thì trí huệ, thần thông, đạo lực giống như pháp thân đại sĩ, trên thực tế thì phiền não chưa đoạn tận, vẫn phải ở bên đó đoạn phiền não. Như vậy mới hợp tình hợp lý. Phật A Di Đà chỉ là giúp chúng ta môi trường, còn công phu thì vẫn tự mình tu, vẫn phải tự mình buông bỏ.

Thực tế mà nói thì những người vãng sanh này, đều phát tâm bồ đề và đều là nhất Phật thừa. Dùng tiểu thừa để làm ví dụ đoạn phiền não. Trên thực tế, điều kiện sanh đến thế giới Cực Lạc, tam bối vãng sanh nói rất rõ ràng, phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Nếu không phát tâm bồ đề thì không thể vãng sanh. Chúng ta biết tứ quả A la hán chưa phát tâm bồ đề. Nếu họ phát bồ đề tâm vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Vì sao vậy? Vì họ đoạn hoặc, kiến tư phiền não đã đoạn. Không như phàm phu chúng ta, tuy phát tâm bồ đề nhưng phiền não chưa đoạn. Đến thế giới Cực Lạc còn phải đoạn phiền não, còn phải buông bỏ, chẳng qua là đến thế giới Cực Lạc dể buông bỏ thôi. Đối với đạo lý tại sao phải buông bỏ này rất rõ ràng, và thấu triệt. Ngày ngày nghe Phật A Di Đà thuyết pháp giáo hoá, những tập khí này đều có thể đoạn tận.

*“Sở vị Thanh văn giả”.* Đây là chỉ trình độ đoạn hoặc của nó, là thuận theo thế tục để nói mà thôi. Ở đây nói rất rõ ràng, minh bạch. Bên dưới nói A Duy Việt Trí và giải thích về từ A Duy Việt Trí. *“Hựu tác A bệ bạt trí”.* Tiểu bổn kinh Di Đà gọi là A Bệ Bạt Trí, cùng một ý nghĩa. *“Nãi bất thoái chuyển ư thành Phật đạo lộ chi nghĩa”*. Giải thích này cũng rất hay. Ư thành Phật, con đường này không thoái chuyển. Tiểu bổn Từ Ân Sớ Khuy Cơ đại sư chú giải. Trong chú giải kinh A Di Đà có nói. *“A Bệ Bạt Trí giả, a chi ngôn vô”.* Dịch thành chữ hán a có nghĩa là vô. “*Bệ Bạt Trí ngôn thoái chuyển*”, nên từ tiếng phạn dich thành chữ hán có nghĩa là vô thoái chuyển. *“Cố đại phẩm kinh”,* đây là kinh Bát Nhã. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói bất thoái chuyển, còn gọi là A Tỳ Bạt Trí. *“Kinh nhất đại a tăng kỳ kiếp tu hành chi Bồ Tát phương chí thử vị”*. Thông thường trong kinh có ví dụ nói rằng, tu hành phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Vị Bồ Tát này đã tu hành một a tăng kỳ kiếp, trên con đường thành Phật nhất định không thoái chuyển. Nên gọi là A Duy Việt Trí, điều này trong kinh luận nói như thế.

*“Đản tịnh độ pháp môn đại dị ư thị”.* Pháp môn tịnh độ nói A Bệ Bạt Trí không giống với ý này. Tiểu bổn Di Đà nói *“Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí”.* Phàm là người vãng sanh, chỉ cần đến thế giới Cực Lạc, đều là A Bệ Bạt Trí*. “Kim viết, vị đắc A Duy Việt Trí giả, tắc đắc A Duy Việt Trí, lưỡng bổn chánh đồng”.* Kinh Vô Lượng Thọ và trong tiểu bổn Kinh Di Đà nói giống nhau. *“Hựu Di Đà Yếu Giải viết, A Bệ Bạt Trí, thử vân bất thoái”.* Bất thoái có ba loại.

Thứ nhất là: “*vị bất thoái, nhập thánh lưu, bất đoạ phàm địa”.* Vị bất thoái, người như thế nào chứng được? Tu đà hoàn chứng được. Tiểu thừa sơ quả, đừng cho rằng quả vị của họ rất thấp, tuy thấp nhưng họ là thánh nhân, họ sẽ không thoái chuyển để làm phàm phu. Tuy chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, ở trong lục đạo vãng sanh chỉ có hai cõi là cõi trời và cõi người. Ở trước chúng ta đã học qua, cõi trời và cõi người còn bảy lần sanh tử\_bảy lần đi về thì chắc chắn họ thành A la hán. Hay nói cách khác, họ vượt ra khỏi luân hồi lục đạo chứng A la hán, vĩnh viễn không còn trở lại trong lục đạo. Họ đến là để hoá độ chúng sanh, là nương thuyền từ trở lại độ chúng sanh. Đây là vị bất thoái thứ nhất.

Thứ hai *“hành bất thoái. Hằng độ sanh, bất đoạ nhị thừa địa”.* Điều này A la hán không có. Bốn loại quả vị của A la hán đều không có hành bất thoái. Độ chúng sanh rất khó! Chúng sanh không dễ độ, nó không nghe lời, làm trái với chúng ta, thậm chí còn làm tổn thương chúng ta, A la hán nổi giận, thôi không độ ông nữa, như vậy là họ bị thoái chuyển. Bồ Tát không như vậy, Bồ Tát rất từ bi, họ có thể nhẫn chịu sự phản nghịch của chúng sanh, mà không trách cứ họ, vẫn chờ đợi cơ duyên. Nên Bồ Tát có hành bất thoái, hằng độ sanh. Họ sẽ không trở thành nhị thừa, nhị thừa là Thanh văn và duyên giác, cũng là những người giúp đỡ chúng sanh, nhưng họ cứu giúp những chúng sanh có duyên, không có duyên thì không giúp. Chúng ta tìm họ, thì họ giúp chúng ta. Không tìm họ, họ sẽ không chủ động tìm chúng ta. Không giống Bồ Tát, họ chủ động đi tìm chúng sanh đau khổ, chủ động giúp đỡ. Nên làm bạn không mời mà đến của chúng sanh. Chúng sanh không mời nhưng Bồ Tát lại đến. A la hán không như vậy, nhất định phải tìm họ. Họ hoan hỷ thì dạy, họ không hoan hỷ sẽ không để ý đến nữa. Đây là A la hán, Bích chi Phật.

Thứ ba *“Niệm bất thoái”.* A Duy Việt Trí thực tế mà nói là niệm bất thoái. *“Niệm niệm lưu nhập tát bà khổ hải”.* Như thế nào gọi là tát bà khổ hải? Tát bà khổ hải là tiếng phạn. *“Thử vân nhất thiết chủng trí hải”.* Nhất thiết chủng trí quảng đại vô lượng vô biên vô tận. Nên dùng nước biển để làm ví dụ. *“Tức Như Lai quả hải”.* Nói thực tế chính là tự tánh, cũng gọi là tánh hải, hàng Biệt giáo sơ địa Bồ Tát chứng được, theo Kinh Hoa Nghiêm thì Viên giáo sơ trú Bồ Tát chứng được. Điều kiện chứng đắc của họ là phá một phần vô minh, chứng một phần pháp than, mới có thể xả bỏ nhị biên, toàn quy về trung đạo, họ thật sự buông bỏ. Buông bỏ này là gì? Không khởi tâm, không động niệm. Đây gọi là trung đạo.

Nhị biên là không hữu nhị biên, nghĩa là đối lập nhị biên, họ hoàn toàn không có, không lập nhị biên, trung đạo không tồn tại. Nếu còn ý niệm trung đạo thì họ chưa rời được, chưa chứng được cảnh giới này. Trung đạo là chỉ cho chúng ta nói mà thôi, chứ họ tuyết đối không được có ý niệm này. Nếu thấy có trung đạo thì nó lại đối lập với hai đầu có và không. Nên trung đạo cũng không có, chỉ là bất đắc dĩ dùng trung đạo, gọi là toàn quy trung đạo. Thực tế mà nói chính là hoàn toàn quy tự tánh, hoàn toàn quy thường tịch quang.

“*Niệm niệm lưu nhập tát bà khổ hải, túc kiến niệm bất thoái chi na chứng”.* Chúng ta hiện nay là người niệm Phật, nếu quý vị thật sự có thể phát tâm, nhất tâm xưng niệm Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra, tất cả tạp niệm đều buông bỏ hết. Tôi nói với các vị rằng, điều này đồng nghĩa với niệm niệm bất thoái tát bà khổ hải. Nên tịnh độ tông rất thù thắng, tịnh tông thật là đại viên mãn. Tát bà khổ hải phải là Viên giáo sơ trú và Biệt giáo sơ địa mới chứng được. Ngày nay chúng ta niệm Phật, nhất tâm niệm Phật A Di Đà, đồng nghĩa với niệm niệm nhập lưu tát bà khổ hải. Đây là sự thật. Vì nhất tâm xưng niệm nhất định được vãng sanh. Sanh đến thế giới Cực Lạc, được sức bổn nguyện công đức của Phật A Di Đà gia trì, quý vị ngang bằng với A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. Nguyện thứ 20 trong 48 nguyện, phàm là người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà thành tựu. Nói cách khác, tu các pháp môn khác, nghĩa là chúng ta thường nói đường lớn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chứng được quả vị này vô cùng khó khăn, nhất định phải cần rất nhiều thời gian, trong một đời chắc chắn làm không được. Nhưng tu tịnh độ thì điều đó rất dễ dàng, sanh đến thế giới Cực Lạc là đồng nghĩa với chứng được A Duy Việt Trí. Vậy tập khí phiền não thì sao? Từ từ mới đoạn. Giống như ở trước nói kiến tư phiền não, trần sa phiền não và vô minh phiền não đoạn từ từ. Trí huệ, thần thông, đạo lực của chúng ta tương đương với pháp thân Bồ Tát. Đây là Phật lực gia trì, không phải tự mình chứng được. Phật lực gia trì có tác dụng không phải không có tác dụng, nên có năng lực giống như pháp thân Bồ Tát. Cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh có duyên khắp biến pháp giới hư không giới. Nghĩa là chúng sanh có duyên với chúng ta từ vô lượng kiếp trong pháp giới hư không giới, họ khởi tâm động niệm chúng ta đều biết hết. Họ có khổ nạn cần giúp đỡ, chúng ta tự nhiên mà ứng, để đến giúp họ. Công đức lợi ích thù thắng này, các kinh luận khác không có, các pháp môn khác không có, trong cõi báo của tất cả Chư Phật Như Lai không có, chỉ có thể giới Cực Lạc, thật là quá thù thắng, chúng ta cần phải biết.

*“Đản tịnh độ diệu pháp”.* Diệu ở chỗ “ngũ nghịch thập ác”. Tạo tội địa ngục, là vô gián địa ngục, cũng gọi là A tỳ địa ngục. A tỳ là tiếng phạn, trong địa ngục này chịu khổ không gián đoạn, từ ngày vào địa ngục cho đến khi ra khỏi, chịu khổ trong đó, thật là từng phút từng giây đều không gián đoạn, khổ không sao nói hết, không thể nào hình dung được. *“Thập niệm thành tựu, đới nghiệp vãng sanh. Cư hạ hạ phẩm giả, giai đắc tam bất thoái”.* Điều này thật không thể nghĩ bàn. Chúng sanh tạo ngũ nghịch thập ác, mà họ có thể tin, họ có thể phát nguyện, đây là nói lâm mạng chung thời, gặp thiện hữu đến khuyên bảo họ, họ thật sự có thể sám hối. Điều này rất quan trọng, thật sự có thể quay đầu, có thể tin, có thể nguyện, tiếp đến là niệm Phật, một câu hay mười câu đều có thể vãng sanh. Đây là điều không thể!

Chúng ta đều biết, người ác như vậy khi lâm mạng chung có người khuyên bảo họ niệm Phật, họ có thể tiếp nhận. Tôi tin rằng người này, trong nhiều đời trước thiện căn rất sâu dày. Đời này mê hoặc vì không có người dạy họ, họ không có nhân duyên để gặp được thiện tri thức. Nếu có người khuyên họ, hay gặp được thiện tri thức nhất định có thể tiếp thu. Vì sao vậy? Vì đời trước của họ thiện căn sâu dày. Đây là nói trong đời này không gặp được thiện duyên, khi lâm mạng chung gặp được thiện duyên, họ vẫn có thể tin, vẫn có thể tiếp thu.

Trước đây chúng tôi ở Mỹ, Ông Chu Quảng Đại ở Mã Lợi Lan Châu. Suốt đời ông không có tôn giáo tín ngưỡng, con người của ông rất tốt, tuyệt đối không phải ngũ nghịch thập ác. Ông ta là một người thiện, là người tốt, chỉ là không có tín ngưỡng tôn giáo. Ở Mỹ ông mở một tiệm bánh bao, ông mắc bệnh ung thư, bệnh viện đã từ bỏ trị liệu cho ông về nhà, nói rằng thọ mạng ông chỉ còn mấy ngày nữa. Lúc này người nhà đi khắp nơi cầu thần bái Phật, hy vọng có được dịp may. Lúc đó các bạn đồng học tịnh độ chúng tôi, thành lập ở bên đó hội Phật giáo Hoa Phủ, không bao lâu, mời tôi làm hội trưởng. Mới thành lập chưa được bao lâu, chưa đến một năm, thì gặp chuyện của Chu Quảng Đại, người nhà đã tìm đến. Chúng tôi có mấy vị đồng học rất nhiệt tâm đến giúp ông trợ niệm.

Sau khi thấy ông và bệnh tình của ông, đích thực không có cách nào hồi phục được, nên khuyên ông ta cầu vãng sanh, nói với ông ưu điểm của thế giới Cực lạc. Ông ta nghe rồi rất hoan hỷ và thật sự đã tiếp nhận. Ông ấy nói với người nhà, không nên trị liệu cho ông nữa, không nên tìm bác sĩ tìm thuốc, không cần. Tất cả mọi người hãy niệm Phật, tất cả đều niệm Phật để giúp ông vãng sanh. Nên người nhà rất hợp tác, cả gia đình họ cùng với những bạn đồng học chúng tôi, niệm Phật suốt ba ngày. Niệm Phật suốt ba ngày ba đêm, ông ấy thật sự vãng sanh. Chứng minh trong kinh Di Đà nói là từ một ngày, hai ngày, ba ngày. Đó là thật không phải giả.

Quý vị xem suốt một đời không hề tiếp xúc Phật pháp, cũng chưa từng nghe qua. Chỉ có niệm Phật ba ngày khi lâm mạng chung, cũng không đọc kinh, chỉ niệm duy nhất câu Phật hiệu này, niệm theo như vậy, và ông ta thật sự đã vãng sanh. Đới nghiệp vãng sanh, thì vãng sanh thế giới Cực Lạc là hạ hạ phẩm, đều được tam bất thoái. Chúng tôi cũng rất may mắn, có cơ duyên tốt như vậy, tự thân thấy được một điển hình thực tế. Tin rằng những gì trong kinh nói không hề sai.

*“Thị dĩ Linh Phong Đại Sư Tán viết”.* Linh Phong là Ngẫu Ích đại sư. Ngài ở Tây Thiên Mục Sơn, nơi ngài giảng kinh là giảng đường Linh Phong. Ngài tán thán rằng: *“Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng*”. Không có danh xưng này, cũng không có hiện tượng này. *“Vô thử giai vị”.* Vị thứ của Bồ Tát, không có địa vị này. “*Vô thử pháp môn”,* trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không có pháp môn này, chỉ có thế giới Cực lạc có, quốc độ của mười phương chư Phật đều không có.

*“Phi tâm tánh chi cực chí”.* Đây là nói về Phật A Di Đà, thế giới tây phương Cực Lạc là tâm tánh tột cùng của Phật A Di Đà thành tựu. “*Trì danh chi kỳ huân”.* Trì danh chi kỳ huân là nói người vãng sanh, thật là một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. *“Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử!”* Làm gì có thành tựu trang nghiêm thù thắng như vậy? Ngẫu Ích đại sư tán thán rất hay. Chúng sanh có thể gặp được, nhân duyên này sâu dày biết bao, phước báo biết bao. Bài kệ khai kinh nói, “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được.” Cư sĩ Bành Tế Thanh nói cũng là tán thán điều này, nói rằng: “đây là ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”, mà chúng ta đã gặp được. Ngày nay chúng ta đã gặp được nhất định không thể để nó qua đi một cách vô ích. Bỏ qua thì thật đáng tiếc! Như vậy thì tội nghiệp này thật là vô lượng vô biên.

Nhân duyên thù thắng như vậy, sao có thể bỏ lỡ được? Ít nhất thì cũng phải tranh thủ một địa vị của cõi đồng cư hạ hạ phẩm, mới không có lỗi với Phật A Di Đà, mới thật sự báo ân Phật. Ít nhất chúng ta cũng là cõi đồng cư thượng bối vãng sanh. Điều này chúng ta có thể nỗ lực đạt được. Chúng ta đối với kinh sách tu học của Tịnh độ tông, có mười mấy năm, hai ba mươi năm, có thời gian dài như vậy, nhưng chướng ngại của chúng ta chính là chưa buông bỏ. Năng tín, năng giải, nhưng lại thiếu hành. Ngay bây giờ, nếu chúng ta gặp đại thiên tai, không buông cũng không được.

Tôi thường nói hiện tại chỉ có hai con đường, nếu không buông bỏ chính là địa ngục A tỳ, còn buông bỏ thì đến thế giới Cực Lạc. Trước mặt chúng ta là hai con đường, không còn cách nào để lựa chọn. Quý vị có thể nói tội ngũ nghich thập ác mình chưa tạo chăng? Quý vị đã hiếu thảo cha mẹ chưa? Đã tôn kính sư trưởng chưa? Thật sự tin Phật chưa? Đã thật tâm học Phật chưa? Sánh với các bậc cổ đức thì còn kém xa. Niệm Phật, tụng kinh, bái sám mà không đầy đủ tâm chân thành cung kính, thì làm sao có cảm ứng được? Trong nhà Phật, bất luận làm điều gì, nhưng nếu chưa buông bỏ lợi ích của mình, tự tư tự lợi. Vì sao chúng ta lạy Phật? Vì sao học Phật? Vì thăng quan phát tài, cầu Phật Bồ Tát bảo bình an. Lạy Phật, học Phật để cầu xin những điều này. Đức Phật rất từ bi nên không trách chúng ta. Cầu Phật gia hộ cho phát tài, có thể phát tài chăng? Không thể. Đức Phật không có năng lực này. Cầu Phật gia hộ được bình an. Đức Phật có năng lực này không? Cũng không thể. Nói cách khác, chúng ta ở trước Đức Phật cầu nguyện, sẽ không đạt được bất cứ điều gì. Điều này trong kinh nói rất rõ. Nếu muốn cầu điều gì, thì cần phải thay đổi tâm mình trước. Tâm mình không chánh thì Phật Bồ Tát muốn giúp cũng không giúp được, tâm chánh mới giúp được. Nên khi Đức Phật giúp được, vẫn là tâm hành phải chánh. Mình tu hành có công đức thì Đức Phật có thể giúp được.

Thế giới ngày nay quá loạn, chưa từng thấy trong lịch sử. Giai đoạn cuối của nhà Thanh tuy rất loạn, người là gọi là “nguỵ quân tử”, nhưng vẫn còn chút lương tâm. Làm việc xấu vẫn còn sợ người phê bình, vẫn nghĩ nhiều cách để che đậy, miệng còn nói nhân nghĩa đạo đức. Còn con người bây giờ làm việc xấu không sợ người phê bình. Xã hội ngày nay rất kỳ quái, làm việc xấu mọi người còn khen ngợi là có bản lĩnh. Làm việc tốt trái lại bị cười nhạo, người này thật thà, lạc hậu. Hiện nay trở thành như thế, nên mới phát sanh đại kiếp nạn. Chúng ta gặp được, người học Phật gặp được, thì đây là việc tốt. Vì sao vậy? Để chúng ta có cảnh giác cao độ, tỉnh ngộ ra thấy rằng không tu không được, nhất định phải siêng năng, hoàn cảnh ép chúng ta không thể không tu. Tin thật, nguyện thiết, một lòng chuyên niệm. Tin thật, nguyện thiết nghĩa là phát tâm bồ đề, một phương hướng, một mục tiêu, ngoài ra đều buông bỏ, như vậy nhất định sẽ thành công.

Sau cùng *“chư vãng sanh giả, nhân tuỳ ý tu hành. Thọ dụng chủng chủng đại thừa pháp lạc, tịnh tự tại đắc quả, cố mạc bất hoan hỷ”.* Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là hoàn cảnh tu học ở thế giới tây phương Cực Lạc. Chứng quả chỉ là đưa ra ví dụ, đưa tiểu thừa tứ quả. Tình trạng chứng quả thật sự trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ, có 51 địa vị. Sơ tín của thập tín ngang bằng với Tu đà hoàn. Tam tín bằng nhị quả, ngũ tín bằng tam quả. Thất tín bằng với tứ quả A la hán. Bát tín chính là Bích Chi Phật. Cửu tín là Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập tín là Phật trong mười pháp giới. Đây đều chưa kiến tánh, đều là vị bất thoái.

Lên cao thêm nữa chính là sơ trú, sơ trú mới thật sự chứng được hành bất thoái và niệm bất thoái. Ở đó tu hành, quả vị cũng chính là thành tích học tập, không ngừng nâng cao lên, pháp hỷ sung mãn, mỗi ngày đều có chỗ ngộ, đây là ngồn gốc của pháp hỷ. Vì sao nói như vậy? Ngày ngày đều có điều ngộ, ngày ngày đều có tâm đắc mới.

Chúng ta xem tiếp phẩm thứ 17. *“Tuyền trì công đức đệ thập thất*”. Tuyền trì là ao thất bảo, công đức là nước tám công đức. Đây cũng là hoàn cảnh lớn, hoàn cảnh tu học lớn. Chúng ta xem giới thiệu của Hoàng Niệm Tổ. *“Bổn phẩm minh Cực Lạc tuyền trì, bất khả tư nghị công đức”*. Đưa ra ba điểm.

Thứ nhất *“Thủ minh trì đức chi tổng tướng, tịnh liệt tiêu trì lượng”.* Đây là giới thiệu sự lớn nhỏ của ao thất bảo\_nước trong ao thất bảo, cây xung quanh ao, và hoa sen trong ao.

Thứ hai *“Trì dương diệu pháp, thành thục thiện căn”.* Ao thất bảo và nước công đức cũng là pháp.

Thứ ba *“Thập phương sanh giả, liên trì hoá sanh”.* Sanh ra từ hoa sen. Người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, tất cả đều là liên hoa hoá sanh. Mời quý vị xem kinh văn.

*“Hựu kỳ giảng đường tả hữu, tuyền trì giao lưu. Tung hoành thâm thiển, giai các nhất đẳng”.* Trong ao lớn nhỏ không giống nhau. *“Hoặc thập do tuần, nhị thập do tuần. Nãi chí bách thiên do tuần, trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức”.* Ao báu này ở thế giới Cực Lạc rất nhiều. Ao nhỏ thì mười do tuần, 20 do tuần. Ao lớn thì trăm ngàn do tuần, giống như đại hải vậy. Ở nơi thế giới này của chúng ta, ao nhỏ thì như ao hồ, ao lớn như đại hải. Bất luận là ao nhỏ hay ao lớn, *“Trạm nhiên hương khiết”,* nước đều đầy đủ tám công đức. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

*“Giảng đường tả hữu, tuyền trì giao lưu thị tổng tướng. Biểu bảo thọ liên trì, chu biến kỳ quốc”.* Ở thế giới Cực Lạc quý vị có thể nhìn thấy. *“Quán Kinh viết, nhất nhất trì thuỷ, thất bảo sở thành, kỳ na ni thuỷ, lưu chú hoa gian”.* Hoa gian là hoa sen trong ao, hai bên ao là cây báu. Cây báu cần nước công đức nuôi dưỡng. Nước tự nhiên chảy đến rưới vào cây, tự tìm cây mà đến. Nước này thật vi diệu. Nước trong ao chúng ta chỉ có thể chảy xuống, không thể chảy ngược dòng. Nước ở thế giới Cực Lạc có thể chảy ngược dòng. Có thể thấy thế giới Cực Lạc rất trang nghiêm vi diệu, vượt trên tất cả. Tất cả các thế giới khác không có, đến thế giới Cực Lạc thấy được hết.

*“Biệt tướng trung, thủ vi tuyền trì chi hình lượng. Tung giả trường độ, quảng giả khoan độ. Trì chi trường khoan thâm thiển, ứng cơ hoá hiện, kỳ lượng phi nhất”.*

Ao lớn hay nhỏ, nước sâu hay cạn không giống nhau, nó tuỳ theo ý của con người. Chúng ta thích sâu thì nó liền sâu, thích cạn thì nó liền cạn. Nó tuỳ ý người. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đến thế giới Cực Lạc hoàn toàn thành hiện thực. Tất cả pháp tuỳ tâm niệm mà sanh, nên ao lớn hay nhỏ, sâu hay cạn cũng như thế*.*

*“Xưng kỳ hình thể, các vi nhất đẳng. Tùng thập do tuần, nãi chí bách thiên do tuần, giai tuỳ ứng nhi hiện”.*

Trong này đặc biệt không thể nghĩ bàn được. Nó có thể ứng theo tâm niệm của mỗi người. Tôi muốn ao này nhỏ một chút, quý vị muốn ao kia lớn một chút. Chúng ta cùng ở trong ao này, nhưng cảm xúc của tôi thì nhỏ, còn cảm thọ của quí vị lại lớn. Tôi muốn cạn, cảm thọ của tôi rất cạn, quý vị muốn sâu một chút, thì cảm nhận liền thấy rất sâu. Cùng trong một ao, thật không thể nghĩ bàn. Ở thế giới Cực Lạc không có gì không như ý.

“*Thứ biểu thuỷ đức, thị chư tuyền trì, tức nhập công đức trì. Trì thuỷ trạm khiết, thanh phân phương phức, cố viết trạm nhiên hương khiết”.*

Đây là công đức của nước, ưu điểm của nước, thế giới chúng ta không có. Nó có tám loại công đức, ở dưới đều nói đến. Nên nước trong ao rất sạch, không nhiễm chút trần, thanh khiết thấu suốt. Trên mặt nước nhìn thấy tận đáy ao, dưới đáy ao trải toàn cát vàng. “Thanh hương, thanh phân phương phức”. Ngửi mùi hương của nước trong ao này, hương thơm thanh khiết nhẹ nhàng. Thân tâm chúng ta ở trong hương thơm này, như chúng ta nói là đạt được dưỡng chất sung mãn, đạt được năng lương đầy đủ. Nên trong kinh văn dùng từ“trạm nhiên hương khiết” để tán thán nó.

*“Thuỷ cụ bát đức, cố xưng bát công đức thuỷ. Xưng Tán Tịnh Độ Kinh viết, hà đẳng danh vi bát công đức thuỷ. Nhất giả trừng tịnh”.*

Trừng là bất động, nước không có gợn sóng. Tịnh là sạch sẽ, không có chút nhiễm ô nào. Nước bình lặng như tấm gương vậy. *“Nhị giả thanh lãnh”,* thông thường chúng ta gọi là thanh lương. Thanh lãnh có nghĩa là thanh lương, khi chạm vào nó cảm giác rất dễ chịu. “Trừng tịnh thanh lãnh” này, thế giới chúng ta có. Trong hồ nước có thể nhìn thấy. Hiện nay ít thấy, hiện nay vì không khí ô nhiễm, nguồn nước nhiễm ô, nên không có nhiều nguồn nước trừng tịnh thanh lương này. Những nhiễm ô này đều do con người tạo nên.

*“Tam giả cam mỹ*”. Nước ở thế gian chúng ta không có như vậy. Còn nước ở thế giới Cực Lạc là ngọt. Đây là nói mùi vị của nước, nó rất ngọt.

*“Tứ giả khinh nhuyễn”,* điều này thế gian chúng ta cũng không thấy được. Nước thế gian này rất nặng. Còn nước ở đó nhẹ nhàng mềm mại.

*“Ngũ giả nhuận trạch”.* Nhuận trạch thì nước ở thế gian chúng ta có. Tư nhuận, là da dẻ chúng ta không khô khan. Đối với cây cỏ hoa lá được thấm nhuần.

*“Lục giả an hoà”.* Điều này thì chúng ta không có. Nước ở thế giới tây phương Cực Lạc bình an êm ấm. Không biết bơi bị rớt xuống ao cũng không chết đuối. Vì sao vậy? Nước tuỳ theo ý mình. Tôi muốn cạn một chút thì nó liền cạn, muốn nước cạn dưới chân đi đến bờ thì liền được như vậy. Nó có thể tuỳ theo ý người.

*“Thất giả ẩm thời trừ cơ khát”.* Uống nước này có thể đạt được dưỡng chất sung mãn, nuôi dưỡng thân tâm chúng ta, nước này giống như cam lộ vậy. Có thể trị trăm bệnh *“Trừ chi khát đẳng vô lượng quá hoạn”.*

*“Bát giả ẩm dĩ định năng trưởng dưỡng chư căn tứ đại”*. Khi uống nước này nó có thể trưởng dưỡng lục căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Tứ đại chính là thân thể chúng ta. “*Tăng ích”,* điều này thật quá tuyệt! *“Chủng chủng thù thắng thiện căn”.* Nó có thể giúp chúng ta tăng trưởng thiện căn. Điều này thế gian chúng ta không có. *“Đa phước chúng sanh thường lạc thọ dụng”.* Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là chúng sanh có phước báu. Nên thế giới Cực Lạc không cần các loại ẩm thực khác. Trong ao thất bảo cung cấp nước tám công đức, nó giải quyết mọi vấn đề. Nước tám công đức đều là từ trong tự tánh chảy ra.

*“Đức thuỷ, Cực Lạc chi thuỷ, năng linh ẩm giả tăng trưởng chủng chủng thù thắng thiện căn. Khả kiến Cực Lạc bất khả tư nghị”.*

Đây là đem nước công đức trong ao báu, công đức thù thắng không thể nghĩ bàn giới thiệu cho chúng ta. Thế giới Cực Lạc ao báu vô lượng vô biên, nước công đức lấy không hết dùng không cùng tận, giống như nước suối vậy. Không như thế gian chúng ta, thế giới này các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh báo, tương lai chúng ta sẽ có nguy cơ về lương thực, nguy cơ về nguồn nước, nguy cơ về nguồn năng lượng. Nguy cơ quá nhiều. Thế giới Cực Lạc không nghe có những nguy cơ này. Nơi tốt đẹp này chúng ta nhất định có thể đến đó được, không phải không thể đi, thật sự có thể đi được. Phật A Di Đà, đại chúng ở thế giới tây phương Cực Lạc chẳng ai không hoan nghênh chúng ta đến. Vậy tại sao không đi?

Đến thế giới Cực Lạc, thì những vật phẩm cần thiết đối với thân thể và sinh hoạt, không có điều gì phải lo lắng. Nơi ở cung điện lầu quán ở trước chúng ta đã nói qua, toàn là do biến hóa ra. Muốn cung điện như thế nào, thì nó liền hiện cung điện như thế đó. Muốn lớn có lớn, muốn nhỏ có nhỏ. Muốn ở trên không trung cũng được, muốn ở trên mặt đất cũng không sao. Quý vị xem tự tại biết bao. Khi đi du lịch cung điện mang theo, người ở thế gian này không làm được. Thế giới tây phương Cực Lạc mỗi thứ đều hiện hành. Xem tiếp cây ở hai bên bờ.

*“Ngạn thọ hương quang. Ngạn biên vô số chiên đàn hương thọ, kiết tường quả thọ, hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu, tu điều mật diệp. Giao phú ư trì, xuất chủng chủng hương, thế vô năng dụ, tuỳ phong tán phức, duyên thuỷ lưu phân”.*

Đây là phong cảnh hai bên ao sen bảy báu, ây cỏ hoa lá, vô số cây hương chiên đàn. Đây là đưa ra ví dụ. Chiên đàn là bảo hương. *“Kiết tường quả thọ”,* có hoa có trái. Hoa quả thường thoảng ra hương thơm không bao giờ tàn. Nên mới gọi nó là nhất chân pháp giới.

Trong mười pháp giới có cây cỏ hoa lá, nhưng nó là vô thường. Chúng sanh trong mười pháp giới, con người có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa, khoáng vật có thành trụ hoại không. Không có gì là vĩnh hằng bất biến, không có, tìm không thấy. Thế giới Cực Lạc mọi thứ đều là vĩnh hằng bất biến. Điều này quá vi diệu! Nên gọi là nhất chân pháp giới.

Vì sao nó không có biến hoá? Trong đại thừa kinh điển Đức Phật dạy chúng ta, vũ trụ vạn vật từ đâu mà có. “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Chúng sanh trong mười pháp giới có tình thức, đó chính là nói họ có biến hoá. Người ở thế giới tây phương Cực Lạc, sanh đến thế giới Cực Lạc, mỗi người đều chuyển thức thành trí. Trong cõi phàm thánh đồng cư tuy có tình thức, đây gọi là đới nghiệp, đem nghiệp đến đó nhưng không khởi tác dụng. Chúng ta có lý do để tin, chúng ta đến thế giới Cực Lạc, quanh mình đều là đại Bồ Tát, đều là đẳng giác Bồ Tát. Nên phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm không thể sanh khởi. Chúng ta học theo những tấm giương xung quanh, ai khởi tâm động niệm? Ai có phân biệt, ai có chấp trước? Không có những thứ này là không có biến hoá, nên thân thể con người cũng không có biến hoá.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, không phải vãng sanh, giống như trẻ em từ từ lớn lên, không phải như vậy mà do hoá sanh. Đến thế giới tây phương Cực Lạc, hiện thân ở trong ao sen bảy báu, thân đó hoàn toàn giống với thân của Phật A Di Đà. Thể của thân là thân tử ma châu kim sắc. Tướng của thân\_trong kinh Vô Lượng Thọ đức Thế Tôn giới thiệu, là lấy quan niệm của người Ấn độ đương thời\_có 32 tướng 80 vẽ đẹp. Cho rằng đây là tướng tốt, là quý tướng. Nhưng trên thực tế trong Quán Kinh nói, thân Phật A Di Đà có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp. Tức là không phải chỉ có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

Các bậc cổ đức xưa nay thường tán thán báo thân của Như Lai. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đó là thật. Ít nhất chúng ta phải tin lời trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói\_Thập Lục Quán Kinh\_báo thân của Như Lai có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tuỳ hình. Nó bất biến. Vì sao bất biến? Vì họ không có 8 thức và 51 tâm sở, đó là năng biến, họ không có những thứ đó. Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, vượt ra khỏi mười pháp giới. Nên thế giới Cực Lạc, đến những thứ trong cõi phàm thánh đồng cư đều bất biến. Khi đã hình thành thì không bao giờ thay đổi. Điều này quá hy hữu.

Trong chú giải nói: *“Hựu hiển trì ngạn diệu thọ trang nghiêm chi tướng”. “*Chiên đàn”ở trước có nói qua. Người Trung quốc gọi là đàn hương. Hiện nay chiên đàn thật không còn nữa. Thời Đức Phật còn tại thế có, ngày xưa có. Chúng ta nhớ hình như trong kinh có ghi chép. Có một vị pháp sư Ấn độ mang đến loại hương này, không nhiều, số lượng rất ít. Sau khi đến Trung Quốc, ông làm lễ vật để dâng cho hoàng đế, lễ vật dâng hoàng thượng, dù vật quý giá đến đâu, giống như hương chiên đàn này thì ít nhất phải một ký, chưa được một cân không thể dâng hoàng đế, nó không đủ. Số lượng không lớn như vậy, nên đã bị cự tuyệt. Vị pháp sư này nhặt một viên chiên đàn hương, đốt một viên hương chiên đàn này lên. Không ngờ hương thơm này có thể bay xa đến 40 dặm, trong vòng 40 dặm đều có thể ngửi được mùi hương này. Hoàng đế thật sự biết được sự hiếm quý này, nên bất luận nhiều hay ít đều chấp nhận. Khi ngửi được hương thơm chiên đàn này cũng có thể trị bệnh. Trị rất nhiều bệnh, đây là bảo hương.

*“Kiết tường quả”,* cũng là vật của Ấn Độ, Trung Quốc không có. *“Trạng tợ qua lâu, hoàng xích sắc. Kim dĩ thử phương chi thạch lựu nghĩ sung chi”.* Đại khái gần giống như trái lựu vậy, hình dáng gần giống như vậy, đây là quả kiết tường.

*“Thạch lựu nhất hoa đa quả, cố dĩ thạch lựu nghĩ kiết tường quả. Kim kinh vân, trì lưu hoa thọ, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành. Thị cố hoa quả hằng phương, hằng phương thị thường hương”.*

Mùi hương của nó không bao giờ dứt, màu sắc của hoa không thay đổi, trái cây lại chín muồi. Không phải từ nhỏ lớn dần lên, nó là do biến hoá ra, chúng ta có thể tưởng tượng được. Trái này chúng ta hái xuống, quý vị xem trên cây lại mọc ra trái khác. Như vậy mới tuyệt diệu! Thiên biến vạn hoá. Hương thơm của hoa quả vô cùng tận, đẹp không sao nói được.

*“Quang minh chiếu diệu giả”,* ở trước chúng ta nói qua. *“Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực. Khả kiến thử chư hoa thọ”*. Tức là cây cối và hoa lá xung quanh ao báu này. *“Ký thổ phân hương, phục phóng diệu quang dã*”. Những điều này thế giới chúng ta không có. Cây cối ở thế gian này đều là thân cỏ thân cây, còn cây cối ở đó là trân bảo. Ở trước có nói với chư vị, đều là bảy báu. Thất là trượng trưng cho sự viên mãn, tượng trưng cho vô lượng. Có thứ do một loại báu hợp thành, có thứ do hai loại báu hợp thành, cũng có chúng bảo hợp thành. Bảo có ánh sáng, nó tự nhiên phóng ra ánh sáng. Đặc biệt là thế giới Cực Lạc không có biến hoá, nên gọi là nhất chân pháp giới, nó là thật. Có biến hoá là giả.

Mười pháp giới không phải thật, vì nó có biến hoá, chẳng có điều gì không biến hoá. Thế giới tây phương Cực Lạc hoàn toàn là tự tánh sở hiện. Trong đó không có thức, nên nó không có biến hoá. Trong mười pháp giới có tâm, có thức, chân và vọng hoà hợp. Thể là tự tánh, là chân, tướng tuỳ theo tâm niệm người mà khởi biến hoá.

Người ở thế giới tây phương, tâm đều như trên đề kinh nói là thanh tịnh bình đẳng giác. Họ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không có vọng tưởng, nên họ tỉnh giác, giác mà không mê. Không có phân biệt nên họ bình đẳng. Không có chấp trước vì thế họ được thanh tịnh. Thanh tịnh bình đẳng giác đều tương ưng. Ba loại phiền não lớn của chúng ta, kiến tư phiền não là nhiễm ô. Trần sa phiền não là phân biệt. Vô minh phiền não là không giác. Cho nên đoạn tận được vô minh phiền não là giác mà không mê. Đoạn tận trần sa phiền não thì tâm bình đẳng hiện tiền. Đoạn trừ kiến tư phiền não thì tâm thanh tịnh hiển lộ. Đây là chân tâm, là thanh tịnh bình đẳng giác. Đạo lý của nó là như vậy.

Bổn nguyện của Phật Di Đà và công đức năm kiếp tu hành đã thành tựu nên như thế. Chúng ta vãng sanh được Phật lực gia trì, nên tự tánh chúng ta với tự tánh Phật A Di Đà là một không phải hai. Cho nên có thể đem công đức bổn nguyện của Phật Di Đà, biến thành bổn nguyện công đức của mình, nhiếp thọ của người khác thành của mình. Chúng ta thật sự đạt được lợi ích.

Không những ở thế giới Cực Lạc, mà ở đây cũng được. Không thể đạt được viên mãn, thì cũng đạt được ít phần. Chỉ cần chúng ta thực hành thì đều có thể làm được. Tin thật, nguyện thiết, một lòng chuyên niệm thì có thể hưởng được lợi ích. Ở sau giải thích về *“tu điều”.* Tu có nghĩa là dài, cành của cây này dài. *“Giao giả, tương tiếp, phú giả, thuỳ cái”.* Giống như cây dương liễu. Cành của cây dương liễu rất dài. Cành dương liễu cũng thường mọc ở bên ao, che phủ xuống mặt ao. *“Ngạn trắc bảo lâm, chi trường diệp mậu”.* Cây này rất đẹp. *“Lăng không tương tiếp”,* cây rất to lớn. Vô cùng tươi tốt, phủ xuống che lấy mặt ao. *“Như thị lâm thọ xuất chủng chủng diệu hương. Kỳ hương thù thắng, phi thế gian sở hữu. Cố vân thế vô năng dụ”*. Không cách nào có thể ví dụ, vì nó quá tốt. Mùi hương này cũng giống như nước tám công đức vậy, có thể trưởng dưỡng thiện căn, cũng có thể hoá giải trăm bệnh. Người ở thế giới này mạnh khoẻ trường thọ, xưa nay chưa từng nghe nói bị bệnh, không có đoản mệnh, không có. Mỗi người đều là vô lượng thọ.

Chúng ta chỉ thấy vãng sanh, chứ không nghe nói thế giới Cực Lạc có tử vong, không có. Chẳng những con người không có, mà cây cỏ hoa lá cũng không có. Nên gọi là nhất chân pháp giới. Đến khi nào không có? Đến khi đoạn tận hết tập khí vô thỉ vô minh, liền chứng được quả vị diệu giác. Cảnh giới chúng ta được nâng cao, cao đến thường tịch quang, như vậy thì cõi thật báo cũng không còn. Cho nên cõi thật báo phù hợp với những điều trong Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng,” cõi thật báo cũng không phải là thật. Trở về cõi thường tịch quang, như vậy chúng ta sẽ biết được cõi thật báo từ đâu mà có? Từ tập khí vô thỉ vô mình mà có. Vô minh đã đoạn, nhưng tập khí vẫn còn, tập khí không còn, thì hiện tượng này cũng biến mất. Nhưng tập khí và khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước không giống nhau. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều là tình chấp, là vô thường, là thức biến. Nó có thể biến. Tuy tập khí vô thỉ vô minh vẫn còn, nhưng nó sẽ không biến. Nên chúng ta thấy cõi thật báo ở thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, thường trú, bất diệt, ở đây gọi là bất sanh bất diệt. Điểm thù thắng nhất của nó không phải là cỏi thật báo, mà là cõi phàm thánh đồng cư. Cõi phàm thánh đồng cư cũng là bất biến. Đây là điều thật hiếm có. Chư vị cổ đức giải thích vì sao cõi phàm thánh đồng cư cũng không thay đổi? Đó là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà thành tựu nên, chứ không phải do nghiệp lực chúng sanh thành tựu được. Nên nghiệp lực chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay ở trong mười phương thế giới, tuyệt đối không phải chỉ có ở cõi Ta Bà.

Kiếp trước của mỗi chúng ta, có khi ở trên địa cầu này, có khi ở các tinh cầu khác. Các tinh cầu khác đến đầu thai ở địa cầu này. Rời thân thể này, thì không gian hoạt động của linh hồn rất rộng lớn, nó không bị câu thúc, nó không có hiện tượng vật chất nên không bị câu thúc. Tốc độ nhanh đến nỗi chúng ta không sao tưởng tượng được. Nên chúng ta có duyên, có duyên với mười phương thế giới, mười phương thế giới đều là không gian hoạt động thác sanh của chúng ta. Sau khi lạc mất tự tánh, không có gì là không tạo nghiệp. Nên chúng sanh trong mười pháp giới, trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, toàn là đới nghiệp vãng sanh. Nhưng những tập khí nghiệp này ở thế giới Cực Lạc không khởi tác dụng, tham sân si cũng không sanh khởi được.

Tham sân si từ đâu mà có? Từ vật chất, thường gọi là trân bảo, nó rất hiếm nên biến thành vô cùng quý báu. Nếu nó có quá nhiều, quá nhiều thì mọi người sẽ không cần nữa. Thế gian chúng ta mọi người đều thích vàng ròng, nghĩ mọi cách để cất giữ. Còn ở thế giới Cực Lạc lấy vàng ròng để lót đường. Như vậy còn cần nó chăng? Không cần. Tự nhiên không cần chúng. Còn chúng ta đây một hạt trân bảo, một viên bảo thạch, đem nó luyện thành nhẫn, làm thành những đồ trang sức, cảm thấy rất quý giá. Còn ở đó dùng để làm gì? Làm vật liệu xây dựng, giống như gạch ngói vậy. Nên khi đến đó tự nhiên tâm tham này được đoạn tận.

Chúng ta ngày ngày đều lo miếng ăn chỗ ở, nhưng đến đó không cần phải lo gì hết, khi ta cần nó liền biến hiện ra, không cần thì nó liền mất đi, không cần thu dọn. Muốn mang y phục, áo quần đã mặc trên thân, không muốn nó liền biến mất, cũng không cần cất dọn. Trong mỗi gia đình đều rất sạch sẽ, không có bất cứ thứ gì, nhưng khi có khách đến, mỗi người đều có bảo toạ. Đó đều là do biến hoá làm ra. Khi khách đi, những thứ đó tự nhiên không còn. Thật là không nhiễm chút bụi trần. Đúng là lý tưởng của chúng ta. So với lý tưởng, chúng ta còn chưa nghĩ đến, những thứ chúng ta không thể tưởng tượng, ở thế giới Cực Lạc đều thấy được, đều hưởng thụ được. Như vậy chúng ta mới nghĩ, cuộc sống ở thế gian này quá đau khổ. Nên ở đó mới gọi là thế giới Cực Lạc!

Chúng ta muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui, trước nhất chính bản than mình phải được lìa khổ được vui. Muốn làm được điều đó thì chỉ có vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Ở đây chỉ là lý tưởng, không thể hiện thực được. Đến thế giới Cực Lạc mới thật là là khổ đạt được vui. Nếu thấu suốt minh bạch, chỉ hận mình không thể đi ngay bây giờ! Sống ở thế gian này thêm một ngày thì chịu tội thêm một ngày. Sớm một ngày đến thế giới Cực Lạc thì sớm một ngày hưởng phước. Đây là chân tướng sự thật. Như vậy còn lưu luyến thế giới này chăng? Không lưu luyến. Thế gian này còn rất nhiều thân bằng quyến thuộc, tôi muốn giúp họ, được! Đến thế giới Cực Lạc sau đó trở lại giúp họ. Đây là thật, có thể trở lại.

Người thế gian này, bất luận đầu thai đến thế giới nào, con đường nào. Chúng ta ở thế giới Cực Lạc đều thấy hết, đều quen biết. Lúc này mới có năng lực giúp họ. Nên thật sự thấu hiểu bộ kinh này, thì đúng là không thể không đến đó.

Ở dưới nói *“Tuỳ phong tán phức, tuỳ đức phong nhi tán bá kỳ hương phức. Duyên thuỷ lưu phân, thuận kỳ thuỷ nhi lưu tống kỳ phân phương. Thử nãi đệ tứ thập tam bảo hương phổ huân nguyện chi sở nhiếp”.*

Cũng là bảo hương phổ huân nguyện thành tựu. Nên 48 nguyện trên thực tế chính là miêu tả y chánh trang nghiêm của thế giới tây phương Cực Lạc. Đức Thế tôn giảng bộ kinh này là để giới thiệu cho chúng ta, trên thực tế chính là giải thích 48 nguyện. 48 nguyện là tự thân Phật A Di Đà nói. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới.

*“Hựu phục trì sức thất bảo địa bố kim sa”.* Địa ở đây là nói đến đáy ao. *“Ưu bát la hoa, bát đàm ma hoa, câu mâu đầu hoa, phân đà lợi hoa, tạp sắc quang mậu, di phú thuỷ thượng”.* Đây là tả sự trang nghiêm trong ao bảy báu. Trong ao toàn là hoa sen. Trong kinh chỉ đưa ra bốn ví dụ, tức trong Kinh Di Đà nói *“thanh sắc thanh quang”*. Hoa sen màu xanh, hoa sen màu vàng, hoa sen màu đỏ, hoa sen màu trắng. Đức Phật đưa ra bốn loại này, trên thực tế thì vô lượng tạp sắc\_Vô lượng màu sắc. Bốn loại này là bốn màu gốc, khi trộn lẫn hoà hợp lại biến thành vô lượng màu sắc.

Điều này khoa học chỉ biết được ba loại màu sắc gốc, là đỏ, xanh và vàng, màu trắng là do ba loại này trộn lẫn phối hợp mà ra. Ba màu gốc. Đây là trong kinh nói về khoa học. Nó tượng trưng cho vô lượng màu sắc khác. Ngũ vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn tượng trưng cho vô lượng mùi vị. Nó đều là hỗn hợp.

*“Hựu hiển trì trung trang nghiêm chi tướng. Trì sức thất bảo giả, Ngô Dịch viết, giai phục hữu tự nhiên lưu tuyền dục trì, giai dữ tự nhiên thất bảo câu sanh”.* Ý của kinh văn rất rõ ràng. Nước chảy trong ao. Trong Ngô Dịch đặc biệt là có ao tắm, giống như ngày nay chúng ta gọi là hồ bơi vậy. Là để chúng ta dùng. *“Giai dữ tự nhiên thất bảo câu sanh”*. Ở đây nói rõ rằng, những thứ này không cần thiết kế, không cần kiến tạo, cũng không cần vật tư để kiến trúc. Chúng ta cần là nó hiện tiền, ao tắm này sẽ hiện tiền, toàn là đồ trân bảo.

Thất tượng trưng cho sự viên mãn. Chúng ta muốn điều gì, nó liền hiện thứ đó. Tất cả đều tuỳ theo tâm nguyện của mình. Như Đức Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đến thế giới Cực Lạc, những thứ này điều thành hiện thực. Tuỳ theo tâm tưởng của mình, không phải tuỳ người khác, chúng ta muốn, thì tất cả pháp đều tuỳ theo tâm mình muốn mà sanh ra. Như vậy thì còn tham muốn gì? Tâm tham không có, sân nhuế không có. Tham mà không được mới nổi nóng, mới sân nhuế. Còn ở đây nghĩ đến là có, làm gì có cơ hội để sân giận.

Ở thế giới đó bất luận là thấy sắc hay thấy ánh sáng, hoặc là ngửi mùi hương. Tất cả đều trưởng dưỡng thiện căn, khai mở trí huệ, không còn ngu si. Nên đến thế giới Cực Lạc, Phật Di Đà không quan tâm đến tham sân si, tự quý vị sẽ đoạn tận, tự nhiên đoạn tận. Giới định huệ tự nhiên cũng hiện tiền. Nên đạo tràng tu hành không nơi nào có thể sánh được sự viên mãn của thế giới Cực Lạc. Tâm người tu hành chúng ta rất tốt, nhưng tìm không ra được đạo tràng lý tưởng, nên tham sân si cũng không đoạn được, tập khí phiền não không thay đổi được. Nhưng khi đến thế giới Cực Lạc, không ai quan tâm đến điều đó, mà tự nhiên cũng không còn. Tất cả tập khí phiền não đều đoạn tận, giới định huệ cũng tự nhiên tăng trưởng. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài đều làm tăng trưởng trí huệ, sanh khởi thiện căn.

*“Trì bố kim sa”.* Địa là chỉ cho đáy ao. *“Hán Dịch viết, hữu thuần bạch kim trì giả, kỳ để sa giai hoàng kim dã. Trung hữu thuần hoàng kim trì giả, kỳ thuỷ để sa giai bạch ngân dã. Trung phục hữu nhị bảo cộng tác nhất trì giả, kỳ thuỷ để sa giai kim ngân dã. Nãi chí trung phục hữu thất bảo cộng tác nhất trì giả, kỳ trì để sa giai kim, ngân, thuỷ tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não dã”.*

Ở đây đưa ra ví dụ, trên thực tế thì thế giới Cực Lạc trân bảo này rất nhiều. Thế gian chúng ta không có, nên Đức Phật không đưa ra. Đưa ra, nói ra chúng ta cũng không hiểu, vì không có ấn tượng. Những ví dụ đưa ra đều là thế giới chúng ta có, khiến chúng ta có thể lãnh hội được một ít. Những thứ không có sẽ không nói. Đợi khi đến thế giới Cực Lạc, chúng ta sẽ hoàn toàn thấu triệt.

Tình trạng chân thật ở thế giới tây phương Cực Lạc, thù thắng hơn rất nhiều so với nhưng gì Đức Thế Tôn giới thiệu ở đây. Chư Phật Như Lai tán thán thế giới Cực Lạc chưa đến một phần vạn. Điều này chúng ta nhất định phải hiểu. Nên đến thế giới Cực Lạc mới biết cảm ân Phật, mới thật sự nghĩ đến báo ân Phật. Con người bây giờ thì sao? Họ không biết ân đức, không có ý niệm báo ân, không có khai niệm này. Vừa đến thế giới Cực Lạc mới hiểu ra điều này, không phải ân đức của Phật, thì làm gì có môi trường tu học tốt như vậy? Trong môi trường này, bảo đảm trong một đời nhất định thành vô thượng đạo. Chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn.

*“Hạ minh”,* đoạn kinh văn bên dưới nói. *“Trì hoa hữu tứ chủng diệu liên. Hội Sớ viết, ưu bát la”.* Ưu bát la là tiếng phạn, dịch thành chữ Hán là liên hoa xanh. Bát đàm hoa, ở đây gọi hoa sen đỏ. Hoa này thế gian chúng ta có. Câu mâu đầu gọi là hoa sen vàng, phân đà lợi là hoa sen trắng. *“Tiểu bổn sở vị tứ sắc hoa dã*”. Tiểu bổn Kinh A Di Đà do ngài Cưu Ma La Thập dịch nói thanh sắc thanh quang, xích sắc xích quang, hoàng sắc hoàng quang, bạch sắc bạch quang. Bốn màu này hổn hợp, hoa sen trong ao này đẹp biết bao, vô lượng sắc hoa. Những hoa này đại khái ở thế giới Cực Lạc, chỉ có hoa trong ao báu này có biến hoá, còn ngoài ra đều không thấy.

Hoa này không phải người ở thế giới Cực Lạc trồng, không phải. Vậy nó từ đâu mà có? Người niệm Phật trong mười phương thế giới, có người niệm Phật muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc, thì trong ao bảy báu mọc lên một đoá hoa. Trên hoa này có tên của người đó, tương lai vãng sanh đức Phật liền cầm hoa này đến tiếp dẫn. Màu sắc, ánh sáng của hoa, lớn hay nhỏ đều tuỳ theo công phu niệm Phật của người này. Nên hoa này có lớn có nhỏ không giống nhau. Có hoa rất đẹp, có hoa mọc lên rồi dần dần khô héo. Đó là vì sao? Vì người đó đã thoái tâm.

Niệm Phật mấy năm nay không niệm nữa, nay muốn tu pháp môn khác. Nên hoa này khô héo đi. Họ không muốn đến thế giới Cực Lạc, nên hoa này cũng không còn. Chỉ có điều này có biến hoá, ngoài ra đều không thấy có sự biến hoá.

Chúng ta phát tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ, trong ao báu liền có hoa mọc lên. Khi nào hoa nở? Ngày chúng ta vãng sanh thì hoa nở. Đức Phật cầm đoá hoa này đến tiếp dẫn. Nên hoa này là công đức niệm Phật chúng ta thành tựu được. Tâm chúng ta phải thanh tịnh, phải thiện lương, thì ánh sáng và sắc hoa mới đẹp. Không nên hoài nghi, không thể tạp niệm, hoài nghi tạp niệm thì hoa này liền bị phá hoại. Do đó chúng ta thật sự lãnh hội được những gì trong kinh điển dạy, phát bồ đề tâm một lòng niệm Phật. Tâm bồ đề là chân tâm.

Mười mấy năm nay, cũng khoảng hơn hai mươi năm, khi tôi ở Mỹ đã đề xuất ra, nói với mọi người về tâm bồ đề, tôi dùng đề kinh Vô Lượng Thọ. Thể của tâm bồ đề là chân thành, tâm chân thành là thể của bồ đề tâm. Chúng ta cần phải dùng chân tâm, dùng thành ý để xử sự đối nhân tiếp vật. Không nên sợ người khác lừa gạt mình, người khác giả dối với mình, cứ dùng thành tâm đối với họ. Vì sao vậy? Tôi muốn đến thế giới Cực Lạc. Người khác giả dối với tôi, tôi cũng giả dối để đối phó họ, như vậy thì không thể đến thế giới Cực Lạc được. Nếu giả dối thì sao? Thì lăn lộn trong luân hồi lục đạo. Đừng làm, không nên làm những điều này! Đừng sợ người khác lừa gạt, đừng sợ thiệt thòi, cũng đừng sợ mắc mưu người khác, không sợ gì cả, chỉ nên dùng chân tâm đối đãi với người, dùng tâm chân thành đối đãi với người. Tâm chân thành đối với chính mình, đây là tự thọ dụng, đối với người khác là tha thọ dụng. Tâm bồ đề có thể có dụng. Đối với mình, thanh tịnh bình đẳng giác đối với mình. Điều này trong kinh điển gọi là thâm tâm. Thâm tâm là thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Đối với người thì đại từ đại bi. Nên tôi dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đây chính là tâm bồ đề.

Trong cuộc sông hằng ngày, khởi tâm động niệm phải dùng tâm này chăng? Nếu là tâm này, thì thật sự ta đang trú trên tâm bồ đề, đúng là đang phát tâm bồ đề. Niệm trong thời khoá không tính. Tụng xong thời kinh là quên ngay, đây là tâm hư nguỵ đối với người, như vậy là sai! Trong khoá tụng không có hiệu quả, chẳng những không hiệu quả, quý vị thử suy nghĩ kỹ xem đây có phải là dối Phật chăng? Tụng kinh sáng gạt ngài một lần, tụng kinh tối lại gạt ngài lần nữa. Quý vị thử nghĩ, tội mình nặng bao nhiêu! Sao lại có thể gạt Phật? Phật không ở trước mặt, chúng ta cúng chỉ là bài vị, cúng chỉ là tượng Phật, nên chúng ta lừa gạt ngài. Tâm như vật thật quá bất thiện. Nên nhất định phải đem tâm bồ đề thực hiện trong cuộc sống hàng ngày.

Bây giờ tôi khuyên chư vị đồng học, đem tâm đổi thành Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Khi tôi dùng thanh tịnh bình đẳng giác để đối nhân tiếp vật, đây chính là tâm Phật A Di Đà, không khác gì Phật A Di Đà. Phật A Di Đà đích thực là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Tôi cũng dùng tâm này, bao gồm người ác ý huỷ báng tôi, sỉ nhục tôi, hãm hại tôi, tôi đều dùng tâm này đối với họ. Như vậy là đúng, chúng ta không có chút sai lầm nào. Chúng ta đều biết dùng tâm luân hồi thì tạo nghiệp luân hồi, như vậy cần phải chịu khổ. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, mỗi niệm ta không quên người có duyên. Thiện duyên là có duyên, ác duyên cũng là có duyên, bất luận thiện hay ác đều là người có duyên. Người có duyên sẽ có cảm ứng đạo giao với chúng ta. Họ gặp khó khăn và có nhu cầu giúp đỡ, ta đều biết hết. Họ có cảm ta liền có ứng, như vậy là đúng!

*“Hựu Tiên Chú viết”.* Tiên Chú về kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Đinh Phước Bảo. *“Tây phương chi liên, hữu thanh hoàng xích bạch tứ chủng. Hựu tuỳ vị phu, khai, lạc chi tam thời nhi dị danh”.*

Thứ nhất là hoa chưa khai, người niệm Phật chưa vãng sanh. Nụ hoa sen chưa nở. Thứ hai là hoa nở. Hoa nở chính là người vãng sanh, hoa nở thấy Phật. Thứ ba là hoa tàn. Hình như không có khi nào rụng, hoa không có khi nào rụng. Quý vị ở trong hoa sen, cũng trú trong hoa sen, cung điện lầu quán của chúng ta cũng trong hoa sen. Như vậy hoa sen làm sao tàn được? Không phải tàn, mà nó bay theo gió vào không trung. Chúng ta muốn đến đâu, thì hoa sen liền bay đến đó. Muốn ở trên mặt đất thì hoa sen liền đậu xuống mặt đất. Muốn ở trong ao bảy báu thì hoa sen ở trong hồ. Muốn ở không trung, thì hoa sen ở trên không trung. Đồng nghĩa với hoa sen là chỗ ở phòng nhà của chúng ta, nó tượng trưng cho sự không nhiễm chút bụi trần nào. Hoa sen mọc lên từ bùn mà không nhiễm mùi bùn. Bùn tượng trưng cho lục đạo. Trên mặt bùn là dòng nước trong xanh. Nước trong xanh này tượng trưng tứ thánh pháp giới Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Hoa nở trên mặt nước là nhất chân pháp giới. Nên bùn và nước là tượng trưng cho việc đã vượt trên mười pháp giới. Chúng ta thường nghĩ đến hoa sen, chẳng những lực đạo không nhiễm ô, không tiêm nhiễm, mà tứ thánh pháp giới cũng không ô nhiễm. Tứ thánh là tịnh độ, lục đạo là uế độ. Tịnh hay uế đều không nhiễm, chính là vào nhất chân pháp giới. Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới là tịnh độ, lục đạo phàm phu là uế độ. Tứ thánh hay phàm phu lục đạo đều bất nhiễm. Đây là thật sự vượt ra ngoài mười pháp giới.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 366

# Tập 367

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:08.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 438, hàng thứ sáu, câu cuối cùng. Bắt đầu xem từ câu *Hựu Tiên Chú viết.*

*“Tây phương chi liên, hữu thanh hoàng xích bạch tứ chủng. Hựu tuỳ vị phu khai, lạc chi tam thời nhi dị danh. Phân đà lợi vi bạch liên hoa chi chánh khai phu giả”*. Hoa phân đà lợi này đã nở, không phải chưa nở. *“Hựu thử hoa tối đại, hoa biện số bách, nhất danh bách diệp hoa. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh chi liên hoa, tức thử bạch liên hoa, bách diệp chi phân đà lợi hoa dã”*.

Đoạn này ở trước chúng ta đã nói qua. Đức Phật dùng hoa sen để biểu tượng, hy vọng tâm người như hoa sen vậy. Nói về nhân quả đồng thời trong thực vật, thì hoa sen hiển thị điều này rõ ràng nhất. Khi chưa nở, trong nụ hoa đã có hạt, khi hoa nở thì hạt đã chín muồi, hoa là nhân, hạt là quả, nhân quả đồng thời. Nó không như các loại thực vật khác, nó nở hoa trước rồi sau đó mới kết quả, nhân quả không đồng thời. Hoa sen khiến chúng ta lãnh hội được điều này rất rõ rang, trong nhân có quả, trong quả có nhân, nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Đây là chân tướng sự thật. Chúng sanh khởi tâm động niệm, khởi một thiện niệm là nhân, thì thiện quả thực sự sẽ hiển lộ, mà chúng ta không biết.

Trong điển tịch của cổ nhân có ghi chép, người thiện này mới động niệm, hành vi thiện còn chưa thành tựu, thì quả báo đã là cõi trời. Cung điện trên trời hầu như đã làm xong để chờ họ. Nhưng nhân gian không biết, chính họ cũng không biết.

Cùng một đạo lý này, quý vị động một ác niệm, thì địa ngục đã hình thành sẵn chờ quý vị, nhưng quý vị không hề biết. Đợi sau khi mạng chung liền đến thẳng địa ngục, đích thực là nhân quả đồng thời. Đức Phật dùng hoa sen để tượng trưng, ý nghĩa vô cùng sâu xa. Cũng là để cảnh tỉnh chúng ta, từng giờ từng phút phải biết khởi tâm động niệm chính là nhân, huống gì là ngôn ngữ tạo tác, thì nhân đó liền viên mãn.

Chúng ta đạt được rất nhiều thông tin về địa ngục. Địa ngục vô lượng vô biên không sao đếm hết. Làm gì có nhiều đến thế? Có. Một ý niệm ác chính là một địa ngục. Một niệm thiện chính là một thiên đường. Đối với đạo lý này hiện nay chúng ta đã có thể chấp nhận.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng là “xuất sanh vô tận”. Từng niệm sanh ra thì từng niệm diệt tận. Trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật nói: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận.” Thực sự là ngay tại đây, nhân quả ngay tại đây, báo ứng ngay tại đây. Chúng ta thấy thế giới này muôn hình muôn vẻ, đó chính là tướng tương tực của mỗi niệm. Ý niệm chấm dứt thì quả liền diệt. Niệm là nhân\_đã chấm dứt thì quả cũng không còn. Nên các bậc cổ nhân thường nói: “không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm.” Con người nhất định không thể mê hoặc. Mê hoặc, mỗi niệm là ác, đang tạo nghiệp địa ngục. Nếu niệm niệm là giác mà không mê, nhất định nghiệp mình tạo là thiện, quả báo chính là thiên đường. Người học Phật mỗi niệm đều tạo quả báo thế giới Cực Lạc. Hoa sen tượng trưng cho ý nghĩa thậm thâm này.

Chúng ta tiếp tục xem tiếp đoạn dưới. *“Hựu thử hoa đa xuất ư A nậu đạt trì, nhân gian vô hữu. Cố xưng vi nhân trung hảo hoa, hy hữu hoa đẳng”.*

Đây là xưng tán nó. Ao A nậu đạt ở đâu? Tại trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn. Chúng ta gọi nó là thiên trì. Nơi cao như vậy có ao, bên cạnh ao có loại hoa này, rất hy hữu. Các nơi khác không cách nào trồng được. Chỉ có nơi cao nguyên như vậy, trong hoàn cảnh khí hậu đó nó mới có thể sanh trưởng. Hoa sen chỉ giới thiệu đơn giản đến đây thôi.

*“Hựu tạp sắc quang mậu, tạp giả, hoà dã, hợp dã, chúng dã, tập dã”.* Có rất nhiều ý nghĩa. *“Cố viết tạp sắc*”. Tạp sắc tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho điều hoà, tượng trưng cho hợp tác. Nên Đức Phật áp dụng. Tiếng phạn gọi là cà sa. Trên thân chúng tôi đang mang đây là cà sa. Cà sa có nghĩa là gì? Là tạp sắc. Nó không phải một loại màu sắc. Năm sắc đỏ, vàng, lam, trắng, đen hỗn hợp nhuộm thành màu sắc này nên gọi là tạp sắc.

Trong nhà Phật ngày xưa là khất thực. Bát cơm này không phải một nhà cúng dường, mỗi nhà cúng dường một ít, bảy nhà hợp thành một bát cơm cũng gọi là cà sa, vì nó là hỗn tạp. Cơm không giống nhau, thức ăn cũng không giống nhau, tất cả đều trộn chung một chỗ. Nên ý nghĩa cà sa chính là rất nhiều loại tập hợp lại một chỗ. Vì thế nó có nghĩa là chúng tập hoà hợp. Đức Phật áp dụng điều này để tượng trưng cho sự bình đẳng, không có tâm thiên vị, không có tà niệm. Bình hoà trung chánh, ngài áp dụng ý nghĩa này. Bát cơm này chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa của nó. Chúng ta mang lên mình tấm y này cũng phải hiểu ý nghĩa của nó. Từng ô từng ô trên y tượng trưng cho điều gì? Khác chủng tộc, khác bộ lạc, khác văn hoá nhưng tất cả đều hợp lại một chỗ, bao vây trên thân của ta.

Mở ra xem kỹ từng ô này, dài ngắn như nhau, nhưng sắp xếp thứ tự là xen nhau. Xen nhau có nghĩa là gì? Trùng trùng vô tận. Quý vị muốn tìm không ra cái nào tề chỉnh. Nó cứ từng ô từng ô kéo dài xuống dưới, nó tượng trưng cho ý nghĩa vô cùng vô tận. Cho nên trong Phật pháp, mặc áo ăn cơm, tất cả dụng cụ đều là tượng trưng, là tượng trưng cho tự tánh viên minh cụ đức, trong kinh thường dùng bốn chữ này. Viên là viên mãn, minh là quang minh. Quang minh tượng trưng giác ngộ, giác ngộ, thấu triệt. Trùng trùng vô tận. Tánh không cùng tận, tướng cũng không cùng tận, dụng cũng như vậy.

Thông đạt thấu triệt chính là Phật, là Bồ Tát. Mê hoặc là không sáng suốt, đó gọi là phàm phu. Phật Bồ Tát và phàm phu không có sai biệt, bình đẳng nhất như. Chỉ có giác và mê là không tương đồng, ngoài giác và mê ra, không có điều gì là không bình đẳng.

*“Cố tạp sắc, chỉ chúng sắc hoà hợp dã”.* Hiểu được ý của nó là tốt. *“Quang mậu giả”*. Quang là quang minh, mậu là tươi tốt. *“Minh thạnh dã. Tiểu bổn viết, trì trung liên hoa, đại như xa luân. Thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang. Diệc hiển tạp sắc quang mậu dã”.*

Ở đây đại bổn, tiểu bổn đều nói đến. Điều này rất quan trọng. Quan trọng nhất là có thể lãnh hội được sự tượng trưng thù thắng của nó. Thông đạt thấu triệt trượng trưng cho nghĩa thú, mới thật sự gọi là viên minh cụ đức. Quý vị đã thật sự lãnh hội được.

*“Di giả, mãn dã. Liên hoa biến mãn bảo trì, phú ấm thuỷ diện, cố viết di phú thuỷ thượng”.* Hiển thị người niệm Phật trong mười phương thế giới rất nhiều, vì hoa sen không phải do con người trồng. Vậy hoa sen từ đâu mà có? Mười phương thế giới có một người, nghe được danh hiệu Phật Di Đà, nghe được kinh Vô Lượng Thọ, hoặc là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tiểu bổn kinh Di Đà. *“Tâm hưởng vãng chi”*. Trong tâm muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, muốn thân cận Phật A Di Đà, thì trong ao báu liền mọc một đoá hoa sen. Đoá hoa này chưa nở. Tâm cầu vãng sanh của họ càng khẩn thiết\_tin thật nguyện thiết, niệm Phật niệm thành khẩn tinh cần, thì hoa này sẽ lớn dần lên từng ngày. Cho nên hoa sen này lớn nhỏ không giống nhau, màu sắc cũng không giống nhau. Nếu người niệm Phật này thoái tâm, muốn học pháp môn khác, thì hoa này liền bị khô héo, nên hoa này có tàn. Sao lại bị tàn? Vì người này thoái tâm, không muốn đến đó nữa, vì thế nên hoa tàn. Đây là ở thế giới Cực Lạc, chỉ có hoa sen trong ao bảy báu là thấy có sanh có diệt, ngoài ra tất cả vạn vật không thấy sự sanh diệt, không có tướng sanh diệt.

Vì hoa sen là tâm niệm của chúng sanh trong mười phương thế giới, không phải tâm niệm của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chỉ cung cấp ao bảy báu. Hoa sen là ý niệm của mỗi chúng sanh, ý niệm thành tựu. Trong kinh nói rất rõ rang: Trên hoa sen còn có tên của mình, tuyệt đối không nhầm lẫn, dù cùng tên cùng họ cũng sẽ không nhầm lẫn. Nhất định phù hợp, sẽ không nhầm lẫn. Người trong mười phương thế giới vãng sanh tây phương tịnh độ nhiều vô số, từng giây từng phút đều không gián đoạn. Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo.

*“Nhược bỉ chúng sanh”.* Bỉ là thế giới Cực Lạc. *“Quá dục thử thuỷ”.* Ao bảy báu có thể bơi lội, có thể ở trong đó tắm rửa. *“Dục chí túc giả”,* đây là nói nước tám công đức. Tôi chỉ muốn nước ở ngang chân tôi, thì nước chỉ lên đến đó. *“Dục chí tất giả”*, muốn nước đến đầu gối, nó liền đến đầu gối. *“Dục chí yêu dịch”,* muốn đến ngang hông thì nó đến ngang hông*. “Dục chí cảnh giả”,* muốn đến ngang cổ thì nó đến ngang cổ. Nước này rất nghe lời. *“Hoặc dục quán thân”,* nước từ trên không trung xối xuống, hiện nay chúng ta gọi là tắm mưa, nước đích thực từ trên cao rưới xuống thân. Đây là hoàn toàn nói về hình dáng.

Bên dưới nói về nhiệt độ. *“Hoặc dục lãnh giả, ôn giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả. Kỳ thuỷ nhất nhất, tuỳ chúng sanh ý, khai thần duyệt thể, tịnh nhược vô hình”.*

Đây chính là công đức chân thật. Tắm rửa ngay trong ao nước này. “Khai thần” là tinh thần sảng khoái. “Duyệt thể” là thân thể nhẹ nhàng, chúng ta nói là an vui không gì sánh được.

*“Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu”.* Đáy hồ là cát vàng. Dù ao rất sâu vẫn thấy đáy một cách rõ ràng, chứng tỏ nước rất sạch, rất thanh khiết, không hề có chút ô nhiễm. Dù cho có nhiều chúng sanh tắm rửa trong ao, nước vẫn không dơ bẩn, không có chút ô uế nào, chứng tỏ thân thể mỗi người ở thế giới tây phương Cực Lạc đều gọi là thân kim cang bất hoại. Thân thể thanh khiết, không hề bị cấu nhiễm, tắm trong ao thất bảo, ao thất bảo cũng không bị ô uế. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

*“Hựu hiển thuỷ cụ diệu dụng, thiện như nhân ý”.* Ở đây quan trọng nhất là chữ “thiện”. Như ý người là rất khó được. Thiện như nhân ý, là như ý muốn của mỗi người. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta ở trong ao nước này, hy vọng nước mát một chút thì nó liền mát, quý vị ở cùng với tôi, nhưng quý vị hy vọng nước nóng hơn một chút, thì liền cảm thấy nước nóng, còn tôi thì cảm thấy mát. Cùng trong một ao nước, nhưng có thể tuỳ ý tất cả chúng sanh. Như vậy mới tuyệt diệu! Đây là diệu dụng, hiểu được ý người khác.

*“Quá dục thử thuỷ giả. Hội Sớ viết, bỉ độ nhân thiên phi thuỷ xác thân”.* Như thế nào gọi là “thuỷ xác than”? Con người ở thế gian của chúng ta, thân gọi là thuỷ xác thân. Mọi người đều biết, cơ thể của con người 70 phần trăm là nước. Nuôi thân thể này, dùng gạo, lương thực để nuôi thân thể này, nếu thiếu gạo, thiếu nước thì thọ mạng này không thể duy trì. Thế giới Cực Lạc không cần, con người ở đó hoàn toàn không giống với thể chất của chúng ta. Họ là thân kim cang bất hoại, không cần ẩm thực. Trong kinh nói đến ẩm thực nghĩa là sao? Là tập khí. Người mới đến thế giới Cực Lạc chưa bao lâu, thường nghĩ sao lâu như vậy mà chưa ăn cơm? Ý niệm vừa khởi thì cơm và thức ăn hiện ra trước mắt. Có ăn chăng? Không ăn. Ngay khi đó nghĩ tôi bây giờ không cần nữa, vật của thế giới Ta Bà này tôi không cần, lập tức liền không có. Không thấy nữa, tất cả đều do biến hoá làm ra. Nên người ở thế giới Cực Lạc thanh tịnh thành tựu.

Có cần tắm rửa chăng? Không cần. Vì sao vẫn phải xuống nước? Trong nước đó, hai câu sau đã nói ra điều này. *“Tuỳ ý thọ lạc, đãng trừ tâm cấu”.* Nó có ưu điểm như vậy. Tắm trong nước này đó là hưởng thụ. Nó có thể rửa sạch tập khí phiền não thừ vô thỉ kiếp của chúng ta, vì thế thân tâm nhẹ nhàng thoải mái. Hay nói cách khác, người ở thế giới Cực Lạc ngâm mình trong ao bảy báu để làm gì? Để đoạn phiền não, khai trí huệ. Nó có công đức thù thắng như vậy. Hoàng Niệm Tổ giải thích ý của đoạn Hội Sớ này. Ý nói rằng, nhân và thiên ở quốc độ này đều do hoa sen hoá sanh, không cần ăn uống để duy trì thân mạng, họ không cần, hoàn toàn không như chúng ta. *“Bổn lai thanh tịnh, hà tu tẩy dục?”* Họ không cần tắm rửa. *“Cái tuỳ ý lạc nhi dục, vi trừ tâm cấu nhĩ”*. Vì đoạn tập khí phiền não. *“Tâm cấu tiêu trừ”,* tập khí phiền não đã đoạn. “*Tự nhiên thần khai thể thích”.* Tinh thần rất tốt, thân thể nhẹ nhàng thoải mái.

Nên đoạn kinh văn sau tiếp tục *“khai thần duyệt thể. Thử công đức thuỷ chi diệu dụng, thật bất khả tư nghì”*. Diệu dụng chân thật của nước tám công đức này thật không thể nghĩ bàn. Vị trí trên dưới, nhiệt độ cao hay thấp, nước chảy nhanh hay chậm, tất cả đều tuỳ theo ý của chúng sanh. Điều này khoa học hiện đại không làm được, nhưng thế giới tây phương Cực Lạc hoàn toàn hiện thực. Nếu như có người muốn nước này đến ngang chân, hoặc đến ngang eo, đến cổ hay tắm toàn thân. Cùng trong một ao nước nhưng tuỳ theo ý niệm của mỗi người mà nước lên xuống tự tại. Thậm chí nước từ trên hư không xối xuống, nước dâng lên hư không rồi từ trên đó xối xuống, xối xuống để tắm, đây là thế giới Cực Lạc. Bên dưới nói *“Nhân gian chi thuỷ, kỳ tánh hướng hạ”.* Ở nhân gian chúng ta nước chỉ chảy xuôi dòng, còn nước ở thế giới Cực Lạc, lên xuống vô ngại, có thể chảy xuống, cũng có thể chảy lên.

*“Cánh hữu tiến giả”,* càng tiến thêm một bước, có nhiều người cùng tắm trong một aonước, nhưng tuỳ theo ý thích mỗi người mà nước có sự khác biệt. Như nước cao hay thấp, ấm hay mát, chảy nhanh hay chậm. Nước này có thể hiểu được ý của chúng sanh nên tất cả đều tuỳ theo ý của họ. Điều này ở trước chúng ta đã nói đến. Đức Phật nói tất cả pháp đều tuỳ tâm tâm tưởng của chúng sanh mà sanh ra, không sai. Ở thế giới Cực Lạc, đối với câu nói này của Phật không làm cho chúng ta sanh tâm nghi hoặc, nó hoàn toàn ứng nghiệm. Cùng ở một lúc một nơi, nhưng tuỳ theo sở nguyện của mỗi người mà hiện ra như thế. Đúng là “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện.” Đây là ở thế giới Cực Lạc.

*“Đương tư thử thuỷ, thị hà đẳng chi thuỷ. Như tư cảnh giới, thị hà đẳng cảnh giới”.* Hoàng Niệm Tổ đưa ra hai câu này là để chúng ta suy nghĩ tận tường. Đây là cảnh giới gì? Và đây là nước gì? Ở thế giới Cực Lạc có thể làm được, vì sao ở thế gian chúng ta không thể được? Về lý mà nói, thế giới Cực Lạc có thể làm được, thì mọi lúc mọi nơi trong biến pháp giới hư không giới đều phải làm được. Vì sao vậy? Vì pháp tánh bình đẳng, pháp tướng bình đẳng và tác dụng cũng bình đẳng. Như vậy thì sao có chuyện không làm được? Nhưng vì sao làm không được? Chính là do chúng ta đã mê thất tự tánh. Vấn đề chính là ở đây. Chúng ta đích thực là mê mà không giác, cho nên tất cả các khổ nạn đều từ đây mà sanh ra.

Mê thất tự tánh nên tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm, và ngôn ngữ tạo tác lại càng sai hơn. Mê nên gọi là tạo nghiệp. Nghiệp có tịnh có nhiễm. Tịnh nghiệp thì sanh tịnh độ, tịnh độ của Chư Phật Như Lai, là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, đây gọi là tịnh độ. Nhiễm độ \_ nhiễm ô, là luân hồi lục đạo. Lục đạo thêm tứ thánh gọi là mười pháp giới. Trong lục đạo, thiện tâm thì sanh vào ba đường lành, ác niệm liền sanh vào ba đường ác. Đích thực ý niệm vừa khởi thì quả báo đã hình thành. Đức Phật nói không sai chút nào!

Quý vị muốn hỏi, sao đức Phật biết? Đức Phật tận mắt thấy được, chứ không phải suy đoán, cũng không phải tưởng tượng. Ngài thấy được khi ở trong thiền định. Thiền định không có không gian duy thứ. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều thấy rõ. Do đó chúng ta biết tu hành là tu điều gì? Tu tâm! Hàng thượng thượng căn họ tu khi đang khởi tâm động niệm. Làm sao có thể khiến tâm mình khôi phục về chân thường\_thường trú chân tâm. Chân thường là gì? Chân thường là khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần mà không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây chính là tâm Phật, tâm của quả vị diệu giác. Nếu chúng ta hiểu được để tu ngay ở đây, niệm Phật cầu sanh tịnh độ được sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, chứ không phải cõi đồng cư, cũng không phải cõi phương tiện, thành Phật cũng rất nhanh! Đây là hàng thượng thượng căn

Thượng trung căn không làm được như vậy. Khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lực trần, họ tu không phân biệt, không chấp trước, tu hai lĩnh vực này. Đức Phật thường dùng bốn chữ để tượng trưng là y chánh trang nghiêm. Nghịch cảnh thuận cảnh, thiện duyên ác duyên. Duyên là người, việc và hoàn cảnh. Người thiện hay ác đều dùng tâm thanh tịnh để nhìn họ, dùng tâm bình đẳng để đối đãi họ. Đây là Bồ Tát, mới thật là thiện nhân. Biết được giữa vũ trụ không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, chúng ta liền trở về với thanh bình. Thanh là thanh tịnh, bình là bình đẳng. Tâm niệm Phật như thế được vãng sanh về cõi phương tiện hữu dư của thế giới Cực Lạc. Trong cuộc sống hằng ngày nên nuôi dưỡng thói quen tốt này, đây gọi là tu định. Tâm tuyệt đối không dao động theo cảnh giới bên ngoài, luôn giữ tâm thanh tịnh bình đẳng cho chính mình. Như vậy tánh đức tuy chưa hoàn toàn hiển lộ, những cũng có thể hiện ra một nửa, nên nhất định không đoạ vào trong lục đạo, không vào ba đường ác, sẽ không bị đoạ vào trong lục đạo. Nghĩa là không còn trở lại trong ác đạo. Niệm Phật sanh vào cõi phương tiện hữu dư ở thế giới tây phương Cực Lạc. Nên cần phải biết tu. Tu hành chơn chánh thì ở thế gian này, chỉ cần ta chế tâm một chỗ thì mọi việc sau đó không có gì không làm được. Liễu sanh tử, ra khỏi tam giới cũng không có gì là hy hữu, là chuyện thường gặp. Đây là thật không phải giả.

Thời nay chúng sanh khó độ. Độ có nghĩa là gì? Chúng ta dùng cách nói hiện nay chính là giúp đỡ, hiệp trợ. Chúng sanh hiện nay rất khó giúp họ, vì sao vậy? Vì họ không chấp nhận, không tin tưởng. Như vậy thì không còn cách nào khác. Họ tiếp nhận hoặc là tin tưởng mới có thể giúp được. Nên nói độ được người nào hay người đó. Không nên nghĩ rằng tôi đi giúp người khác, vì sao vậy? Vì chính mình chưa thành tựu, tự mình chưa thành tựu làm sao thành tựu người khác được!

Trong kinh Đức Phật nói rất hay. Tự mình chưa thành tựu mà muốn giúp người khác thành tựu, không có điều này, không có lý đó. Nhất định phải tự độ, sau đó mới thật có thể độ người.

Như vậy đứng trước thiên tai. Mạng internet, truyền thông, lời dự báo, các nhà khoa học đều cho chúng ta biết rất nhiều thông tin, chúng ta đối phó không xuể. Đừng coi trọng những lời dự báo, mà hãy coi trọng điều gì? Coi trọng phương pháp đối phó của họ, nghĩa là họ dùng phương pháp gì để đối phó những thiên tai này. Chúng ta thấy rất nhiều, đại đa số đều chủ trương\_giống như Bố Lai Đăng người Mỹ nói đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm. Trong Phật pháp đều dạy chúng ta niệm Phật, niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ. Nếu tin thật nguyện thiết, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh tịnh độ, thì tất cả thiên tai đều hoá giải hết.

Nếu chúng ta có cộng nghiệp với thiên tai này. Thiên tai giáng xuống thân mình, sẽ nhìn thấy Phật A Di Đà ở trên không trung tiếp dẫn mình đến thế giới Cực Lạc. Nguyện vọng bức thiết hằng ngày nay thật sự đã ứng nghiệm. Không vui sao? Tâm sanh đại hoan hỷ. Cuối cùng cũng thoát ly được luân hồi sanh tử. Từ vô lượng kiếp đến nay không có cách nào thoát ly, lúc này được thoát ly thật là chuyện vui lớn! Nếu như thọ mạng vẫn còn thì tự nhiên được bình an vượt qua thiên tai. Sống trên thế gian này, nhất định có sứ mạng và nhiệm vụ cho chúng ta. Chúng ta cần phải giúp chúng sanh quay đầu là bờ. Sau khi thiên tai đi qua, chúng sanh đều là thiện nhân, họ đều tin, đều có thể tin, có thể hiểu và có thể hành trì, tất cả đều là người tốt. Cho nên khi thiên tai đến chúng ta lưu lại là việc tốt, vãng sanh lại là việc tốt hơn. Như vậy chúng ta có cần biết về thiên tai chăng? Không cần thiết. Có người nói thì gật gật đầu, tôi biết rồi. Thật tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ, thì vấn đề này đã được giải quyết.

Tâm phải định, không cần biết quá nhiều. Biết nhiều chính là chướng ngại. Biết ít chuyện thì phiền não cũng ít, quen nhiều người thì thị phi cũng nhiều. Không nên quen quá nhiều người, cũng không nên biết quá nhiều chuyện, không cần thiết. Thật tâm niệm Phật, mỗi ngày nghe kinh niệm Phật an lạc biết bao. Như vậy là đúng.

Hoàng Niệm Tổ đưa ra hai vấn đề. Nước ở đây là gì? Cảnh giới này là gì? Bên dưới dẫn hai câu kệ trong kinh Pháp Hoa. Trong kinh Pháp Hoa nói: “thôi thôi chẳng nên nói, pháp của ta vi diệu thật khó nghĩ bàn.” Hoàng Niệm Tổ đưa ra đáp án cho hai nghi vấn này. Rất tuyệt diệu! Hai câu này trong kinh Pháp Hoa. *“Thử chánh thị nan tư chi diệu pháp”*, giống như những gì trong kinh Pháp Hoa nói. “Nan tư” nghĩa là không thể nghĩ bàn.

Bên dưới “tư ư”. Tư nghĩa là hiện nay không cần phải miễn cưỡng nói ý của nó. Đức Phật Di Đà khi còn ở nơi nhân địa, ngài trú trong huệ chân thật, Ngài khai hoá hiển thị chân thật rốt ráo cõi tịnh độ trang nghiêm. Đây là ý nghĩa tinh tuý của kinh Vô Lượng Thọ. Miễn cưỡng nói về chân thật rốt ráo này, tức thực tế lý thể. Vẫn là không dể hiểu, câu sau dễ hiểu hơn. *“Đương nhơn tự tâm”.* Thực tế lý thể là gì? Chính là chân tâm của mỗi chúng ta, không phải vọng tâm, mà là chân tâm, mỗi chúng ta ai ai cũng có! Chỉ là hiện tại chúng ta đang mê. Khi mê dùng tâm gì? Dùng vọng tâm. Phiền phức của chúng ta là ở chỗ này.

Biết dùng chân tâm, trong Phật pháp đại thừa gọi họ là pháp thân Bồ Tát. Dùng vọng tâm thì là phàm phu. Chư vị nên biết, lục đạo là phàm phu, trong cõi tứ thánh pháp giới - Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật cũng gọi là phàm phu. Trong kinh đại thừa đều phân biệt rất rõ ràng. Lục đạo gọi là nội phàm, phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới là ngoại phàm, phàm phu bên ngoài lục đạo. Vì sao vậy? Vì họ dùng là vọng tâm, chứ không phải dùng chân tâm. Vọng tâm chính là A lại da, mười pháp giới đều dùng A lại da. Nếu không dùng A lại da là vượt ra khỏi mười pháp giới, đó chính là pháp thân Bồ Tát. Họ không dùng A lại da, họ dùng chân tâm.

Chân tâm nghĩa là chân thật rốt ráo, là lý và thể thực tế. Thế nào gọi là chân? Không mang theo vọng chính là chân. Cái gì là vọng? Khởi tâm động niệm là vọng, phân biệt chấp trước là vọng. Nói thô hơn một chút thì tự tư tự lợi là vọng, thị phi nhân ngã là vọng, danh văn lợi dưỡng là vọng, thất tình ngũ dục là vọng, ngũ dục lục trần là vọng. Chúng ta suốt tháng suốt năm đều dùng vọng tâm, chứ không biết chân tâm.

Chân tâm là gì? Chính là tâm bồ đề. Chúng tôi quy nạp nó thành mười chữ, rất dễ nhớ. Chân thành là chân tâm, thanh tịnh là chân tâm, bình đẳng là chân tâm, chánh giác là chân tâm, từ bi là chân tâm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nếu có thể tương ưng với mười chữ này, đó là đang dùng chân tâm, đang hành Bồ Tát đạo. Chúng ta đi con đường này là con đường thành Phật, là con đường chính đáng! Nếu chúng ta còn phân biệt chấp trước, còn tự tư tự lợi, còn tật đố phiền não. Như vậy là sai, không phải hành Bồ Tát đạo, mà chúng ta đi con đường nào? Đi vào ba đường ác. Chúng ta nghĩ đến chính mình, đồng thời cũng nghĩ đến người khác. Nghĩ đến người khác nhưng vẫn không quên chính mình, đây là đường nhân thiên. Không quên “ta”, đương nhơn là chính mình. Tất cả pháp là tự tâm của chính mình. Rời tự tâm của chính mình thì không có tất cả pháp.

*“Diệc tức thị nhất pháp cú, nhất thanh tịnh cú”.* Vãng Sanh Luận nói *“chân thật trí tuệ vô vi pháp thân”.* Đây chính là tự tâm của chính mình. *“Thử thuỷ tức thị chân thật chi tế, cố năng phổ môn thị hiện. Quảng mãn chúng nguyện, nhất nhất huệ dĩ chân thật chi lợi dã”.* Phải là người giác ngộ mới được lợi ích này. Thế gian này của chúng ta nước bị nhiễm ô, lần động đất này của Nhật Bản, không những nước biển bị nhiễm ô, mà không khí cũng bị nhiễm ô. Tuy không nghiêm trọng, nhưng đây chính là ông trời cảnh cáo loài người, có thể sau này còn có thiên tai nghiêm trọng hơn phát sanh, chúng ta cần phải chuẩn bị tâm lý. Chuẩn bị như thế nào? Nỗ lực niệm Phật để hoá giải thiên tai. Làm như thế có được chăng? Được. Đạo lý là gì? Cảnh tuỳ tâm chuyển. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Tâm niệm chúng ta chuyển đổi, buông bỏ tự tư tự lợi. Mỗi niệm thường nghĩ đến hết thảy chúng sanh khổ nạn trên địa cầu. Ý niệm đã chuyển đổi cho nên chí công vô tư.

Người học đại thừa đều biết, biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Những điều phát ra là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Như vậy thì quá tốt, đây chính là chân thật rốt ráo. Nó tương ứng với tự tánh, chân thật tương ưng với tự tánh, như vậy năng lượng sẽ rất lớn.

Những vật chất nhiễm độc nghiêm trọng, vừa tiếp xúc với chúng ta, thì trí huệ, thần thông, đạo lực của chúng ta sẽ làm cho nó được hồi phục trở lại bình thường, trở thành không mang độc bệnh. Bệnh độc này đến bên chúng ta liền bị hoá giải. Vì sao vậy? Độc bệnh từ đâu mà có? Độc bệnh từ tham sân si biến hiện ra. Chúng ta không có tham sân si, nên chúng ta có thể hóa giải, khiến cho nó được trở lại bình thường. Đạo lý chính là như vậy, chúng ta cần phải tin tưởng đạo lý này. Không tin nó không khởi tác dụng, tin mới thật sự khởi tác dụng. Nên nước ở đây chính là rốt ráo chân thật. Chúng ta biết được câu này sẽ có năng lực, dùng năng lượng của chính mình để hoá giải nó. Cho nên thế giới Cực Lạc nó có thể phổ môn thị hiện. “Môn” là con đường vào cửa, nghĩa là phương pháp. “Phổ’ là phổ biến, không có chướng ngại. Có thể hiện ra bất cứ điều gì, có thể là vừa lòng tất cả chúng sanh. Tất cả đều có thể ban cho lợi ích chân thật.

*“Hạ viết, thuỷ diễn diệu pháp, di hiển thử ý”,* ý này ngày càng rõ ràng hơn, chúng ta xem tiếp đoạn giảng giải ở sau. *“Khai thần, thần giả, minh dã. Hựu hữu tình chi tâm thức linh diệu bất khả tư nghị, cố viết thần thức, tục xưng vi linh hồn”.* “Thần” nghĩa là thần thức, khai thần. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, Bồ Tát của cõi đồng cư, Bồ Tát của cỏi phương tiện vẫn dùng thần thức. Thần thức là vọng tâm, vẫn dùng nó, chưa chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi họ không còn ở cõi phương tiện hay đồng cư, họ không ở đây mà đến cõi thật báo. Cho nên thế giới Cực Lạc có cõi phàm thánh đồng cư, có cõi phương tiện hữu dư. Giống như thế giới chúng ta có mười pháp giới vậy.

Nhưng ưu điểm của họ là cho dù người ở cõi đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đều đạt được nguyện thứ 20 trong 48 nguyện gia trì. Nguyện thứ 20 nói đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Tuy là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nhưng bản chất của họ chưa rời thần thức, vẫn chưa chuyển đổi, thực tế mà nói thì thật không thể nghĩ bàn. Nó là hiện tượng tự nhiên, cũng là hiện tượng tinh thần, nhưng không có hiện tượng vật chất. Hoàn toàn đột phá được chướng ngại về vật chất.

Giống như thiên nhân sanh vào cõi tứ không thiên vậy, nhưng người ở trời tứ không mê mà không giác, còn các vị Bồ Tát này ở trong hai cõi phương tiện và đồng cư của thế giới Cực Lạc, họ là những chúng sanh giác mà không mê, hoàn toàn không giống với mười pháp giới trong mười phương thế giới. Họ không mê, vì sao không mê? Vì Phật A Di Đà ngày ngày dạy họ. Tuy chưa khai ngộ, phiền não chưa đoạn, nhưng người này ngày ngày ở cùng với Chư Phật Bồ Tát, chưa khai ngộ cũng như đã khai ngộ. Chúng ta đối với họ nhất định có cảm xúc này, hình như là đã khai ngộ. Thật ra họ chưa khai ngộ. Vì sao hình như khai ngộ? Họ nghe Phật giảng kinh nhiều, nên đã đem thân tâm mình tắm trong ánh hào quang của Phật, đều tắm trong trí huệ của Phật, nên xem ra họ phảng phất giống Phật. Huống gì ở thế giới Cực Lạc đều đạt được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, như vậy thì càng không cần phải nói. Không những mọi thứ giống, mà trí huệ cũng giống, thậm chí thần thông, đạo lực cũng giống, chẳng có gì là không giống. Mỗi ngày đều ngâm mình trong ao hoa sen, công lực nâng lên, ngày ngày đều được nâng lên.

*“Hựu như Triệu Chú Duy Ma Kinh Tự viết, phu đạo chi cực giả. Khải khã dĩ hình ngôn quyền trí, nhi ngữ kỳ thần vức tai!”* Câu này Hoàng Niệm Tổ có giải thích. *“Thị tắc dĩ chân chứng chi bất khả tư nghì cảnh giới, vị chi thần vức”.* Quý vị thật sự chứng được cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tìm không ra danh từ để hình dung nó, nên bất đắc dĩ gọi là thần vức. “Thần” là không thể nghĩ bàn, “vức” chính là cảnh giới. Đây là nghĩa của chữ “thần” ở chổ này.

“*Hựu tự tại triệt kiến sự lý chi trí tuệ*”. Gọi là thần trí, là trí huệ. Chúng ta không hề tác ý, mà tự nhiên nhìn thấy, chẳng những nhìn thấy, mà còn nhìn thấy một cách triệt để. Trí huệ của tất cả sự lý trong vũ trụ, tự tánh vốn đầy đủ. Trí huệ bát nhã hiện tiền, mới thấy được chân tướng của tất cả sự và lý! Trong kinh đại thừa nói thật tướng các pháp. Chúng ta đã hiểu đã minh bạch tướng chân thật của tất cả pháp, đây gọi là thần trí. *“Cố tri khai thần”.* Khai thần có nghĩa là gì? *“Năng sử dục giả”,* nghĩa là những người tắm rửa trong ao bảy báu. *“Khai hiển thức tánh trung bổn hữu chi thần trí dã”.* Nước tám công đức thật không thể nghĩ bàn! Thường ở trong đó tắm rửa có thể minh tâm kiến tánh, đạt triệt đại ngộ. Nó có ưu điểm như vậy, đó thật gọi là vô lượng công đức.

Nước có thể rửa sạch tập khí của kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não từ trong vô lượng kiếp. Tắm mình trong dòng nước này, dòng nước này có công năng như vậy, khiến chúng ta đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây gọi là khai thần.

*“Hựu thuỷ cụ bát đức”,* ở trước đã đọc qua. *“Điều hoà thích ý, cố duyệt thể”.* Có tám ưu điểm khi tắm trong ao nước này. Thân thể cảm thấy rất thoải mái. Duyệt là hoan hỷ. *“Tịnh giả, thanh trừng vô cấu”,* nước này rất thanh khiết. Trừng là bất động, thanh là bất nhiễm. Nước không có ô nhiễm, không có gợn sóng nên gọi là trừng thuỷ. Không có gợn sóng, có nghĩa là tịnh.

*“Vô hình giả, biểu chí thanh dã. Dĩ thuỷ chí thanh, năng sử trì để bảo sa thanh triệt ánh hiện”.* Nước trong sạch không có chút vẩn đục, giống như mặt gương, giống như lưu ly vậy. Trong xanh đến mức độ nào? Trong xanh đến nỗi không thấy được hình trạng của nước. Nhìn giống như không có gì cả, nước hoàn toàn trong suốt. Từ trên mặt nước nhìn xuống đáy ao, đáy ao là cát báu, cát báu phóng ánh sáng, nước trong ao cũng phóng ánh sáng, nên mới có ảnh hiện trong veo. Trong kinh nói là *“bảo sa ánh triệt. Triệt chiếu chí để, cố viết vô thâm bất chiếu. Tịnh nhược vô hình, thuỷ chi tướng dã”.* Hoàn toàn xuyên suốt, giống như không có hình tướng của nước tồn tại.

*“Khai thần duyệt thể”* là đức dụng của nước. *“Tướng dụng câu diệu, thật nhân thuỷ chi bổn thể diệu dã”.* Ý cây này rất thâm sâu. Bổn thể là gì? Là chân như, là tự tánh. Bổn thể của muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới là một thể. Không có thể thì hiện tượng từ đâu mà có? Ngài Huệ Năng nói rất hay: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Pháp giới hư không đều là tự tánh sanh, đều là tự tánh hiện. Tự tánh năng sanh năng hiện. Vì sao chỉ có thế giới Cực Lạc mới cảm nhận được? Vì sao thế gian chúng ta không thể cảm nhận được? Ở trước nói rất rõ, đại chúng ở thế giới Cực Lạc dùng chân tâm, thấy được chân tánh. Điều này trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất rõ. Vọng tâm chỉ có thể duyên đến cảnh giới hư vọng, không duyên được chân thật. Chân thật là gì? Thể của tất cả hiện tượng là chân thật.

Tướng là huyễn tướng, thể như như bất động. Tướng là một tần suất, xưa nay chưa hề dừng nghĩ. Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay là 32 ức một trăm ngàn niệm. Niệm này chính là tần suất. Một giây nó chấn động bao nhiêu lần? 1600 triệu lần. Đây là cách nói thông thường. Bất luận là hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất, cho đến hiện tượng tự nhiên, tần suất một giây chấn động bao nhiêu lần? 1600 triệu lần. Nhưng thể của nó là bất động, thể vốn không dao động, xưa nay đều là bất động.

Chúng ta không dùng A lại da thì lập tức nhìn thấy thể. Thể -tướng -dụng đều thấy một cách rõ ràng minh bạch. Chúng ta không dùng chân tâm, dùng ý thức của A lại da, như vậy chỉ có thể thấy được A lại da, không thấy được tự tánh. Có thể thấy được tướng của A lại da, tác dụng của A lại da, còn thể của A lại da thì không thấy được. Những điều ở trước nói đều là tướng và dụng của A lại da. Vì sao có tác dụng thù thắng không thể nghĩ bàn như thế? Vì họ đã kiến tánh. Nên bản thể của nước chính là tự tánh. Chúng ta ở thế gian này minh tâm kiến tánh, thực tế mà nói thì hiện tượng này ở thế giới Cực Lạc, ở trên địa cầu cũng có thể nhìn thấy. Nghĩa là chúng ta cần phải buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Như vậy là có thể thấy.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói, chứng được sơ trú Bồ Tát là phá một phẩm vô minh, thấy một phần pháp thân. Nên Phật pháp thật sự là khoa học, dạy chúng ta tự thân chứng. Chỉ nghe Phật nói không chưa đủ, phải tự mình chứng được. Chứng được mới hưởng được lợi ích, nếu không chứng được thì không hưởng được lợi ích. Chúng ta xem tiếp đoạn sau. Nước này càng diệu dụng, nó biết thuyết pháp.

*“Thuỷ diễn pháp âm. Vi lan từ hồi, chuyển tướng quán chú, ba dương vô lượng, vi diệu âm thanh. Hoặc văn Phật pháp tăng thanh, ba la mật thanh, chỉ tức tịch tịnh thanh, vô sanh vô diệt thanh, thập lực vô uý thanh. Hoặc văn vô tánh vô tác vô ngã thanh, đại từ đại bi hỷ xã thanh, cam lồ quán đãnh thọ vị thanh”.*

Nước có thể diễn thuyết vô lượng diệu pháp. Ở đây Đức Phật giản lược đưa ra mấy ví dụ.

Chúng ta xem chú giải. *“Hữu đoạn”,* đoạn kinh văn bên trái. *“Minh bổn phẩm chi nhị”*, đoạn lớn thứ hai. *“Thuỷ diễn diệu pháp. Quảng diễn vô tình thuyết pháp chi diệu đế”.* Nước là khoáng vật, trong kinh luận gọi động vật là hữu tình. Hữu tình nghĩa là có tình cảm. Hữu tình có yêu có ghét, thuận theo ý của chính mình thì tham luyến, trái với ý mình thì oán hận. Đây gọi là tình chấp. Vô tình không có hiện tượng này, cây cỏ hoa lá không có hiện tượng này, sơn hà đại địa, khoáng vật cũng không có hiện tượng này. Cuối cùng chúng ta cũng hiểu được, thực vật, khoáng vật đều là vô tình, không phải không có hiện tượng này, hiện tượng này của nó biểu hiện chậm chạp hơn, trì trệ hơn. Không như biểu hiện kích động, kịch liệt như loài hữu tình. Trên thực tế nó cũng có cảm tình.

Tiến sĩ Giang Bổn người Nhật làm thí nghiệm nước, chính là chứng cứ khoa học rất rõ ràng. Nước là khoáng vật, nó thật sự hiểu được ý người, chúng ta đối mặt với một ly nước, nói tôi rất thích bạn, tôi yêu bạn. Nước này biến thành kết tinh để đáp lại, là một đồ án rất đẹp, nó cảm nhận được nên nó phản ứng lại. Chúng ta nói, tôi ghét bạn, tôi không thích bạn. Nó kết tinh đồ án để đáp lại rất khó coi, thật đã khởi tác dụng.

Trong đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc chúng ta đã thấu hiểu. Gọi là hữu tình và vô tình nhất định là một không phải hai, nó không thể nào phân khai. Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, mỗi niệm đều thành hình, hình là hiện tượng vật chất, hình đều có thức. Chỉ cần là hiện tượng vật chất, nó sẽ có thọ tưởng hành thức. Nên trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Bồ Tát Quán Tự Tại nhìn thấy ngũ uẩn đều là không”. Ngũ uẩn là gì? Ở trước chúng ta đã nói qua.

Điểm vi tế của một sợi lông mảy trần. Các nhà lượng tử lực học nói, hiện tượng vật chất nhỏ nhất là gì? Tiểu thể thì mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được, nguyên tử chúng ta cũng không nhìn thấy, tiểu thể còn nhỏ hơn cả nguyên tử. Ngày nay các nhà khoa học có thể nhìn thấy một phần trên một trăm ức tiểu thể, gọi là lượng tử, cũng gọi là tiểu quang tử. Một trăm ức tiểu quang tử tổ hợp thành một tiểu thể. Một vật nhỏ như vậy, nó là hiện tượng vật chất. Trong kinh Phật nói, một hiện tượng vật chất nhỏ như vậy, nó cũng có thọ tưởng hành thức. Vật chất là sắc, nghĩa là nó có đầy đủ sắc thọ tưởng hành thức, đầy đủ ngũ uẩn. Pháp nhãn của Bồ Tát Quán Thế Âm có thể nhìn thấy hiện tượng nhỏ này. Đương thể giai không gọi là ngũ uẩn giai không, không phải thật. Nên nói “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Tin tức trong này, quan trọng nhất chính là trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần, tinh thần và vật chất không thể độc lập, không thể phân khai, nó là một thể. Vật chất là do tinh thần biến hiện ra, không có thọ tưởng hành thức, sẽ không có hiện tượng vật chất.

Điều này nhà khoa học Phổ Lãng Khắc người Đức phát hiện. Phổ Lãng Khắc là thầy của Ái Nhân Tư Thản. Ông nói giữa vũ trụ vốn không có thứ gọi là vật chất. Bản chất của vật chất là ý niệm. Học thuyết này các nhà khoa học hiện đại đều thừa nhận, họ đều đã thật sự nhìn thấy. Nên nước diễn nói pháp âm vi diệu là thật không phải giả. Phật A Di Đà có thể khiến nước tám công đức trong ao bảy báu, giúp ngài thuyết pháp lợi sanh, giúp ngài dạy học. Những thứ này đều trở thành công cụ dạy học của Phật A Di Đà. Mục đích dạy học là thuần thục thiện của chúng sanh ở thế giới Cực Lạc. Đây là trí huệ chân thật diệu dụng của Phật A Di Đà. Là do đại nguyện của Phật A Di Đà thành tựu nên.

*“Vi lan, thuỷ sanh tế văn viết ba, đại ba viết lan. Kim viết vi lan, nãi chỉ tế ba”.* Chư vị nên biết, khi tỉnh lặng, là bất động. Bất động không có âm thanh, nhưng khi nước chảy liền có âm thanh. Như âm thanh của gợn sóng chúng ta không nghe được, tâm ý chúng ta thô thiễn. Chúng ta có thể nghe được âm thanh gì? Tiếng thác đổ, tiếng thác đổ rất rõ. Nước từ trên cao chảy xuống, âm thanh đó rất lớn. Tiếng nước chảy của sóng nhỏ chúng ta có thể nghe được, sóng biển âm thanh này chúng ta nghe được. Chỉ có gợn sóng li ti chúng ta không nghe được. Từ điểm này chúng ta có thể lãnh hội được, tâm chúng sanh ở thế giới Cực Lạc tĩnh lặng biết bao. Vì họ đang ở trong định, đang ở trong tịch tịnh, nên gợn sóng cực kỳ vi tế họ cũng nghe được. Chúng ta đọc kinh văn này, nên đối chiếu tỷ mỷ tường tận sẽ hiểu được điều vi diệu trong đó.

*“Từ hồi”.* Từ là chậm chạp, hồi là chảy ngược. Nước chảy ngược. Nếu lớn thì toàn bộ địa cầu, nước biển là chảy ngược. Trên mặt biển không nhìn thấy, nhưng dưới đáy biển thì nước chảy ngược. Người lặn sâu xuống đáy biển đều biết. Tốc độ và phương hướng nó chảy có quỹ đạo nhất định, có trật tự nhất định. Hiện nay trật tự đã loạn, trật tự chảy ngược của nước biển đã loạn. Nước chảy theo gió trên mặt biển cũng có phương hướng, có quỹ đạo, hiện nay cũng loạn. Điều này rất phiền phức. Đối với hàng hải tạo nên phán đoán sai lầm, dễ làm mất phương hướng, cũng dễ tạo thành tai nạn trên biển. Đây là nguyên nhân gì? Phật pháp nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tâm con người có quy luật, có nguyên tắc, thì sơn hà đại địa cũng rất tuân thủ quy cũ, nó cũng có phương hướng, có nguyên tắc. Tâm con người nếu không có quy luật, thì hoàn cảnh lớn bên ngoài cũng mất theo.

Xuân hạ thu đông là vận hành trật tự của địa cầu trong vũ trụ. Hiện nay trật tự này rõ ràng rất điên đảo, không bình thường. Hai mùa xuân thu ngày càng ngắn. Các nhà khoa học nói, có thể mùa xuân và mùa thu chỉ có một tháng. Mùa hạ trở nên dài. Mùa hạ năm tháng, mùa đông năm tháng. Mùa hạ càng nóng, mùa đông càng lạnh. Khác thường, không bình thường. Những hiện tượng này là sở biến, năng biến là tâm niệm của chúng ta. Ý niệm chúng ta không bình thường, nên chiêu cảm y báo của sơn hà đại địa bên ngoài cũng không bình thường. Vấn đề này nên làm thế nào? Khôi phục bình thường phải dựa vào trật tự. Trật tự gì? Luân lý là trật tự, đạo đức là trật tự, nhân quả là trật tự, giáo huân của thánh hiền là trật tự. Nếu vứt hết những thứ này thì xã hội đại loạn, địa cầu cũng đại loạn. Như vậy chúng sanh trên địa cầu sẽ rất khổ!

Đạo lý này chỉ có trong đại thừa kinh điển mới nói rõ ràng minh bạch. Nhưng hiện nay không ai tin vào đại thừa, nói đây là mê tín, không hợp với khoa học. Như vậy chỉ có đợi thiên tai nghiêm trọng phát sanh, đến khi nhân loại đi vào ngõ cụt cũng có thể sẽ quay đầu. Ngạn ngữ thường nói: “không nghe lời người đi trước thì thiệt thòi ngay trước mắt.” Trước mắt nhất định chịu thiệt, phải chịu đại khổ nạn, như vậy mới có thể hồi đầu. Cũng chính là nói, chúng ta phải trả một giá rất thảm khốc mới đi tìm người có kinh nghiệm, tìm tổ tông. Không chịu tìm tổ tông, không chịu tìm người đi trước thì không có phương pháp giải quyết. Đây là sự thật.

“*Thuỷ ba từ hoãn vãng phục, hổ tương kích đãng, triển chuyển sanh ba, cố vân chuyển tướng quán chú. Thuỷ ba tương kích, phát vi diệu duyệt nhĩ chi thanh”.*

Hiện tượng này người ở gần biển hằng ngày đều có thể thấy. Quý vị nhìn thấy trên bãi biển, sóng biển vỗ vào bờ, sau đó lại trở ra, rồi lại tiếp tục con sóng khác, đây chính là từ hồi. Âm thanh nó phát ra cũng có tiết tấu. Nếu chúng ta quan sát tường tận, yên tĩnh để lắng nghe, thì ở trên bờ biển quan sát biển cũng có thể khai ngộ.

*“Kỳ thanh chi chủng loại vô lượng, vi diệu diệc vô lượng. Cố viết ba dương vô lượng vi diệu âm thanh. Sở ngôn vô lượng vi duệ giả, dĩ năng quảng thuyết vô lượng diệu pháp cố”.*

Điều này thật không thể nghĩ bàn, tất cả đều là bổn nguyện oai thần của Phật Di Đà. Oai thần năm kiếp tu hành và mỗi nguyện đều thực hiện, tự nhiên thành tựu đức tướng thù thắng. Đức Phật lấy điều này để tiếp dẫn đại chúng trong mười phương thế giới, giúp họ đoạn phiền não, khai trí huệ, giúp họ chuyển mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh. Không những như vậy, mà ngài còn làm một cách triệt để rốt ráo. Giúp những chúng sanh có duyên, phàm là người cầu sanh thế giới Cực Lạc đều có duyên với Phật A Di Đà, càng tinh tấn càng dụng công thì duyên càng sâu. Ngài Di Đà giúp chúng ta thành vô thượng đạo, Ngài Di Đà giúp chúng ta trở về tự tánh, giúp chúng ta trở về thường tịch quang.

Chúng ta mới biết, thế giới Cực Lạc đích thực là một đạo tràng lớn\_Đạo tràng lớn để thành Phật. Người muốn thành Phật đến nơi này, chẳng ai không thành tựu. Muốn thành Phật nhất định phải biết ưu điểm của việc thành Phật. Thành Phật vĩnh viễn không còn chịu khổ, thật đúng như thực tế của nó là lìa khổ được vui. Trong kinh Đức Phật thường nói, rời đau khổ cùng cực để đạt cứu cánh an lạc. Cứu cánh là viên mãn, cứu cánh viên mãn. Thế giới Cực Lạc, nếu chúng ta muốn học Phật, thì nghe pháp là điều quan trọng nhất. Chỉ có nghe pháp mới có thể nhanh chống giúp chúng ta giác ngộ.

Quý vị xem thế giới Cực Lạc có Phật A Di Đà thuyết pháp, Bồ Tát thuyết pháp, chư Phật trong mười phương thế giới đến thế giới Cực Lạc để thuyết pháp. Thế giới Cực Lạc lục trần thuyết pháp, cây thuyết pháp, nước thuyết pháp, mắt nhìn thấy sắc tướng thuyết pháp, tai nghe được âm thanh thuyết pháp, lục trần đều thuyết pháp. Ở thế giới tây phương Cực Lạc nghe pháp nhất định không gián đoạn. Thể chất con người với mười phương thế giới không giống nhau, không phải thân huyết nhục nên không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ.

Tôi nói cho chư vị biết, ngũ dục tài sắc danh thực thuỳ trên thế giới này của chúng ta, ở thế giới này hoàn toàn không có. Thế giới Cực Lạc là thế giới quang minh, đức Phật phóng ánh sáng, Bồ Tát phóng ánh sáng, mỗi người đều có thân ánh sang, vạn vật đều phóng quang minh, nên gọi nó là quang minh thế giới. Không cần dùng ánh sáng nhật nguyệt, mà chính bản thân mình phóng quang. Ánh sáng cũng rất nhu hoà, ánh sáng chiếu trên thân, chẳng khác nào tắm mình trong dòng nước vậy, ánh sáng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, có thể giúp hoá giải tập khí phiền não, có thể giúp tăng trưởng trí huệ.

Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, đều là công đức không thể nghĩ bàn thành tựu. Nên ở thế giới tây phương Cực Lạc chỉ có tiến bộ không có thoái bộ. Trong một đời nhất định thành Phật, điều này không thể không biết. Không thể không hướng đến và không thể không đi!

*“Sở ngôn vô lượng vi diệu giả, dĩ năng quảng thuyết vô lượng diệu pháp cố”.*

Bên dưới cũng lược đưa ra vài ví dụ. Hết giờ rồi, đoạn văn bên dưới ngày mai chúng ta tiếp tục học.

Hết tập 367

# Tập 368

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:09.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 441, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ “Phật Pháp Tăng thanh”.

*“Phật Pháp Tăng thanh. Phật Pháp Tăng giả, tam bảo dã. Tiểu bổn viết, văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng chi tâm”.*

Ở đây Hoàng Niệm Tổ không có chú giải nhưng vẫn phải nói sơ qua Phật Pháp Tăng ba danh tướng này, vì người học Phật đối với nó ngộ nhận quá nhiều. Như thế nào gọi là Phật? Như thế nào gọi là Pháp? Như thế nào gọi là Tăng? Vì sao gọi nó là Tam Bảo? Bảo có thể giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề. Chúng ta có bảo tức là có tài bảo, của cải có thể giải quyết tất cả vấn đề sinh hoạt vật chất của chúng ta, cho nên gọi nó là bảo. Còn Phật pháp có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề luân hồi lục đạo, giúp chúng ta giải quyết vấn đề đoạn phiền não, giúp chúng ta giải quyết luân hồi lục đạo, thậm chí vấn đề của mười pháp giới. Bảo này không phải châu báu thế gian có thể sánh được, cho nên Chư Phật Bồ Tát đối với Tam bảo tán thán không ngớt.

Đầu tiên là Phật, chữ Phật này tiếng phạn gọi là Phật đà da. Người Trung Quốc xưa nay chỉ thích đơn giản vắn tắt nên thường tỉnh lược bớt âm đuôi. Phật đà da chúng ta chỉ gọi là Phật chỉ dùng một chữ này, ý của nó là giác ngộ. Hay nói cách khác, Phật đà da chính là nói đến giác tánh của chúng ta, người xưa thường gọi là ngộ tánh. Người Ấn độ nói giác tánh, nói rất nhiều, người Trung quốc gọi là ngộ tánh.

Lúc nhỏ đi học ở trường, trong lúc các thầy giáo nói chuyện, chúng ta ở bên cạnh nghe được họ nói với nhau, học sinh đó ngộ tánh rất cao, ý muốn nói rằng họ nghe hiểu bài thầy giảng, thậm chí người này đôi khi còn lãnh hội sâu sắc hơn người kia, đây gọi là ngộ tánh. Trên thực tế ngộ tánh này từ đâu mà có? Trong tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, trong Phật pháp gọi là Phật tánh. Tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, chỉ đơn giản gọi phần này là Phật tánh. Nếu nói chung về tự tánh thì thường dùng từ pháp tánh. Nói chung tự tánh là lý thể của tất cả vạn pháp trong biến pháp giới hư không giới. Vạn pháp này từ đâu mà có? Hoàn toàn do tự tánh biến hiện ra nên tự tánh là năng sanh năng hiện.

Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói rằng: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.” Chữ “năng” trong câu “năng sanh vạn pháp” này, ngày nay các nhà khoa học gọi là năng lượng, trong đại thừa Phật pháp thường gọi là pháp tánh. Chư vị nên biết pháp tánh và Phật tánh là cùng một tánh. Pháp tánh là đứng trên toàn diện mà nói, còn Phật tánh chỉ đơn thuần là từ trong pháp tánh, trong bát nhã trí huệ mà nói, thì đều có thể gọi là Phật. Pháp tánh là Phật, giác tánh cũng là Phật, nó là một không phải hai. Tất cả chúng sanh đều có tự tánh, chẳng những có tự tánh mà tất cả chúng sanh đều có giác tánh. Cho nên trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, tất cả chúng sanh vốn là Phật, lời này nói không hề sai. Tại sao hiện nay chúng ta lại ra nông nỗi này? Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: “vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng được.” Chúng ta ngày nay biến thành phàm phu, trở thành ngu muội, tạo nghiệp thọ những khổ báo này, điều này rốt cuộc là thế nào? Đều là do ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên tuy có Phật tánh nhưng cũng không thể chứng đắc. Phật tánh của chúng ta có mất đi chăng? Không mất! Chẳng những không mất đi mà nó còn khởi tác dụng, nhưng tác dụng này đã bị méo mó, bị lệch lạc, dùng tà nguỵ, dùng thiên lệch, chứ không khởi tác dụng chơn chánh. Tác dụng chơn chánh là giác ngộ được các pháp, nghĩa là thông đạt thấu triệt tất cả pháp trong thế xuất thế gian, tác dụng như vậy là đúng. Vì có vọng tưởng phân biệt chấp trước khiến cho tác dụng chơn chánh trở thành méo mó. Méo mó nên Phật dùng danh từ khác để gọi nó, gọi là phiền não, gọi là tập khí. Rất nhiều các bạn đồng học cũng thường thấy trong kinh, trong kinh Đức Phật nói phiền não tức bồ đề, bồ đề chính là giác tánh. Bồ đề và phiền não là một, dùng chánh thì gọi là bồ đề, dùng sai thì gọi là phiền não. Hay nói cách khác quý vị dùng tâm, trong tâm này xen tạp tập khí phiền não, đây gọi là phàm phu.

Phiền não có ba loại lớn là: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Những phiền não này chúng ta đều đã học qua. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thực tế mà nói thì không phải bồ đề làm chủ. Nếu bồ đề làm chủ thì không gọi là phàm phu mà gọi quý vị là Phật Bồ Tát\_dùng chân tâm. Chúng ta hiện nay là vọng tưởng phân biệt chấp trước làm chủ, đây gọi là phàm phu, cho nên cách xưng hô giữa thánh và phàm do đây mà có. Phật Bồ Tát giác mà không mê, phàm phu chúng ta mê mà không giác. Mê ngộ không phải là hai, nó một thể nhưng khởi hai tác dụng, tác dụng của giác và tác dụng của mê. Phật là đại giác viên mãn, Bồ Tát tuy giác ngộ nhưng chưa viên mãn cho nên gọi là Phật bảo. Ý nghĩa thật sự của Phật bảo chúng ta cần nên biết đó là giác tánh của chính mình. Phật bảo gọi là tự tánh Phật cũng chính là tự tánh giác. Vào cửa Phật điều đầu tiên là thầy đem điều này truyền cho chúng ta. Đây là cương lĩnh chung, mục tiêu chung và phương hướng chung của việc tu học Phật pháp. Vì sao học Phật? Học Phật chính là phục hồi tự tánh. Tự tánh giác là Phật bảo. Tự tánh chánh là Pháp bảo. Tự tánh tịnh là Tăng bảo. Không phải ở bên ngoài, bên ngoài là giả không phải thật. Nhân thật sự là tự tánh Tam bảo.

Pháp là đại danh từ chung. Tự tánh sở hiện như ngài Huệ Năng đại sư nói là năng sanh vạn pháp, “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.”

Muôn sự muôn vật trong vũ trụ, trong kinh điển đại thừa thường dùng sáu chữ nhưng nó đã bao hàm hết thảy. Thứ nhất là tánh, nghĩa là tự tánh. Thứ hai là tướng, tướng có thể sanh ra vạn pháp. Trong vạn pháp có sự lý nhân quả, cho nên tánh tướng sự lý nhân quả, nó bao hàm hết biến pháp giới hư không giới. Dùng một danh từ để tượng trưng đó chính là “Pháp”. Cho nên “Pháp” là đại danh từ chung.

Trong Tam bảo đều nói tự tánh. Pháp là tự tánh chánh\_chánh tri chánh kiến. Đối với tất cả pháp hoàn toàn có thể lý giải rõ ràng thấu triệt, không có sai lầm, không thiên lệch tà nguỵ, gọi là chánh tri chánh kiến, đây gọi là Pháp bảo. Nếu nói đã mê, mê thì tri kiến chúng ta không chánh, biến thành tà tri tà kiến, như vậy là sai.

Thứ ba là Tăng. Tăng có nghĩa là hoà hợp, là hài hoà, là hoà đồng, nó có nghĩa là như vậy. Thanh tịnh tức là hoà hợp, như vậy thì tự nhiên hoà hợp. Phiền não tập khí đều không có, tâm thanh tịnh liền hiện tiền. Trên đề của kinh này, thanh tịnh là Tăng, bình đẳng là Pháp, giác tức là Phật. Cho nên trên đề kinh có đầy đủ Tam bảo. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Tam bảo Phật Pháp Tăng. Trong tự tánh mỗi chúng ta vốn đầy đủ tam bảo, nhưng hiện nay bị mê, hoàn toàn mê. Học Phật không có gì khác ngoài mục đích giúp chúng ta phá mê khai ngộ, tìm lại tam bảo. Công đức của Tam bảo vô lượng vô biên. Sau khi tìm được rồi thật sự hạnh phúc viên mãn, được đại tự tại.

Tăng là thanh tịnh, tịnh mà không nhiễm. Nhiễm ô chính là phiền não. Nhiễm ô từ đâu sanh khởi? Quan niệm sai lầm đầu tiên chính là chấp trước cái gọi là ta, là ngã kiến trong Mạt na thức. Kiến chính là khái niệm sai lầm\_hữu ngã, vấn đề này về sau có đề cập đến. Hữu ngã nên nó cùng khởi lên với ngã\_ngã tham. Trong Mạt na thức của tướng tông gọi là ngã ái, ngã ái chính là tham\_ngã tham, ngã mạn chính là sân nhuế, ngạo mạn, ngã si, quý vị xem tham sân si, tam độc phiền não này do ngã mà sanh khởi, tam độc phiền não này là nguồn gốc tật bệnh sanh tử của tất cả chúng sanh. Nếu đoạn tận được tam độc này thì chẳng những không có bệnh mà sanh tử cũng không còn. Nhưng điều kiện tiên quyết là nếu muốn không có tham sân si, thì phải vô ngã mới có thể đạt được. Chỉ cần hữu ngã nhất định có tham sân si, phiền phức là đây vì nó sanh ra từ bản ngã.

Mở đầu của Kinh Kim Cang đức Phật đã nói lời thật: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Nếu muốn tìm bản ngã sẽ không thể tìm được. Ta ở đâu? Tìm không ra ta nên thật sự cần phải tu quán. Trên thân này của chúng ta quý vị nói cái đầu là tôi, như vậy tay chân không phải là tôi, tôi chỉ có một, không thể có nhiều. Tương lai thành Phật cũng chỉ có thể thành một vị Phật, không thể thành nhiều Phật, đầu thành một vị Phật, chân cũng thành một vị Phật, tay cũng thành một vị Phật. Quý vị thành nhiều Phật như vậy chăng? Không có điếu đó. Chúng ta chỉ có thể thành một vị Phật nên ở trên thân thể này, đầu, mắt, não, tuỷ, lục phủ ngũ tạng đều không tìm thấy, như vậy thì làm gì có cái ta? Ta ở đâu?

Tiểu thừa dùng phương pháp này, tìm tới tìm lui mới biết thật sự không có ngã nên họ đã chấp nhận, nên họ liền có thể phá trừ được thân kiến, nghĩa là không còn chấp trước thân này là ta. Thân này tìm không thấy ta, phá được thân kiến thì chứng quả Tu đà hoàn, nhập vào dòng thánh. Tuy chưa ra khỏi luân hồi lục đạo nhưng vĩnh viễn không đoạ vào ba đường ác. Cõi trời hay cõi người họ còn phải bảy lần đi về nữa mới chứng quả A la hán, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. Cho nên cửa ải tu hành đầu tiên này khó phá nhất, phá được cửa này thì về sau sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Cửa ải đầu tiên là phá ngã kiến, đoạn tận được ngã kiến. Phá ngã kiến tiếp đến tham sân si đều đoạn tận, đó chính là chuyển Mạt na thức thành bình đẳng tánh trí đến khi đó sẽ phát hiện có chân ngã.

Chân ngã là gì? Chân ngã nghĩa là muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới đều là ta. Vũ trụ vạn hữu với ta hợp thành một thể. Danh từ trong kinh điển đại thừa gọi là pháp thân, đã chứng được pháp thân. Chứng được pháp thân chính là pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát đã tìm được ta. Pháp tánh là ta là thể của ta. Pháp tướng là ta là hình tướng của ta. Đã chứng được tam đức, nghĩa là đã tìm thấy Pháp thân- Bát nhã- giải thoát. Bát nhã là giải thoát, tự tánh vốn là giác, giải thoát ở đây là khởi tác dụng, được đại tự tại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói bốn loại vô ngại là: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, thật sự giải thoát. Quý vị xem thể của ta, tướng của ta, tác dụng của ta. Đã tìm được chân ngã. Tự tánh là thể, bát nhã là tướng, giải thoát là dụng. Có chân ngã, quý vị nên biết về chân ngã, chứ không nên biết về giả ngã. Thiền tông nói về chân ngã “bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh”*,* đó chính là chân ngã. Bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh là pháp tánh là pháp thân.

Học Phật bài học đầu tiên thầy truyền cho chúng ta là quy y Tam bảo. Chính là đem mục tiêu sau cùng của Phật pháp truyền trao cho chúng ta. Học Phật là học điều gì? Là học Phật Pháp Tăng. Phật Pháp Tăng là tiếng Ấn Độ, dịch thành chữ hán có nghĩa là Giác Chánh Tịnh, nghĩa là học thanh tịnh bình đẳng giác trên đề kinh này. Thanh tịnh là Tăng, bình đẳng là Pháp, giác là Phật, không phải tu gì khác. Như vậy quý vị đã chứng được thanh tịnh bình đẳng giác viên mãn rồi. Chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Siêng năng tu học, đích thực đã ngộ nhập cảnh giới nhưng chưa viên mãn, đây gọi là Bồ Tát.

Nên biết rằng Phật Pháp Tăng không phải là mê tín, đây là đại học vấn. Tam bảo hoàn toàn nói về tự tánh. Tự tánh giác, tự tánh chánh, tự tánh thanh tịnh. Đến thế giới tây phương Cực Lạc nghe những âm thanh này. Âm ở đây có nghĩa gì? Âm thanh thuyết pháp của Phật ở thế giới tây phuơng Cực Lạc, âm thanh phát ra khi gió thổi động vào cây cỏ hoa lá, âm thanh nước chảy. Nhĩ căn nghe được tất cả âm thanh đều sanh tâm niệm Phật niệm pháp niệm tăng. Câu này quý vị nên hiểu niệm Phật là tâm đã giác ngộ, niệm pháp là tâm chánh, niệm tăng là tâm thanh tịnh. Ở thế giới tây phương Cực Lạc nhĩ căn tiếp xúc với tất cả âm thanh đều có thể giúp chúng ta trở về với chánh giác tịnh. Nghĩa của Phật Pháp Tăng là như thế.

Chúng ta ở thế gian này cũng rất muốn thanh tịnh, muốn bình đẳng, muốn giác ngộ nhưng vẫn cứ là mê hoặc điên đảo. Mê mà không giác, tà mà không chánh, nhiễm mà không tịnh. Chúng ta ngày nay đối với Tam bảo hoàn toàn thay đổi 180 độ. Chúng ta là mê, là tà, là nhiễm. Mê tà nhiễm mới tạo nghiệp, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp nên chiêu cảm lấy khổ báo. Ngày nay xã hội đại loạn, địa cầu thiên tai dị thường. Nhân tâm hoảng hốt không biết bắt đầu từ đâu, đây là do mê tà nhiễm gây nên. Con người nếu có thể thay đổi thái độ, từ mê tà nhiễm trở về với chánh giác tịnh, như vậy thì trật tự xã hội được khôi phục, thiên tai của địa cầu cũng tự nhiên được hoá giải, đây là thật không phải giả.

Đức Thế Tôn thường nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tất cả hiện tượng trong biến pháp giới hư không giới đều do tâm hiện thức biến. Trong kinh điển đại thừa nói một cách rõ ràng minh bạch rằng: mỗi người đều là Phật, đều là Bồ Tát, nghĩa là hồi đầu!

Kế đến là “Ba la mật”. Trong kinh văn nói: *“hoặc văn Phật pháp tăng thanh, ba la mật thanh”.* Ba la mật là tiếng phạn dịch là đáo bỉ ngạn, cũng dịch là độ vô cực. Đơn giản là dùng một chữ độ, hoặc là sự cứu cánh. Sự cứu cánh viên mãn nên gọi là đáo bỉ ngạn. Đáo bỉ ngạn là tiếng Ấn độ, người Trung quốc không gọi là đáo bỉ ngạn. Người Trung quốc gọi là đến nơi đến chốn, là công phu rất rốt ráo, nghĩa là viên mãn. Bất luận làm điều gì cũng làm một cách viên mãn. Ví dụ như nấu cơm nấu đến mức tốt nhất, như vậy là bản lĩnh nấu cơm của chúng ta đã đến nơi đến chốn. Bất luận làm việc gì, việc làm đó làm rất tốt, rất viên mãn, thì người Ấn độ đều gọi là ba la mật.

Văn chương viết rất hay, công phu văn chương của quý vị rất tuyệt nên đây là một thuật ngữ rất bình thường. Trong Phật pháp gọi là đáo bỉ ngạn. Bỉ ngạn là đại niết bàn. Ngạn là sanh tử trong luân hồi lục đạo. Làm thế nào có thể từ nơi sanh tử của bờ này, độ đến bất sanh bất tử của bờ kia. Bỉ ngạn bất sanh bất tử, thử ngạn là sanh tử. Điều này không giống với ý nghĩa thông thường.

Độ vô cực, vô cực nghĩa là bỉ ngạn. Độ có nghĩa là đến, cho nên độ vô cực và đáo bỉ ngạn có nghĩa tương thông. Vô cực có nghĩa là cứu cánh, cũng có nghĩa là viên mãn, nói đơn giản là độ. Ý nghĩa của sự cứu cánh mọi người đều đã hiểu, bất luận là việc gì đều làm đến cứu cánh viên mãn, gọi là ba la mật.

*“Dĩ Bồ Tát chi đại hạnh, năng cứu cánh nhất thiết tự hành dữ hoá tha chi sự, cố danh sự cứu cánh”*

Trong kinh điển đại thừa, sự cứu cánh là chỉ cho Bồ Tát. Sự của Bồ Tát là tự độ và hoá độ chúng sanh, cả hai điều này đều làm đến viên mãn, nên gọi là ba la mật. Có tiêu chuẩn chăng? Có. Trong đại thừa giáo, thật sự có thể triệt để buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tự độ viên mãn. Khi tự độ viên mãn rồi, thì độ tha cũng đồng thời viên mãn. Cho nên trong kinh Phật nói, tự mình chưa độ, mà muốn độ chúng sanh, Đức Phật nói “vô hữu thị xứ”, nghĩa là không có đạo lý này. Nhất định phải tự độ viên mãn, sau đó mới có thể độ chúng sanh. Mức độ thấp nhất là có thể chứng được pháp thân, mới có thể độ chúng sanh. Nếu không thể chứng pháp thân, cũng không thể độ chúng sanh. Nếu nói độ chúng sanh là giả không phải thật, không có đạo lý này.

Pháp thân Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm là viên giáo sơ trú Bồ Tát mới tự độ. Vì sao vậy? Vì đã phá vô minh, vô minh chính là vọng tưởng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong tất cả kinh giáo đại thừa đều nói như thế, vô minh phiền não là vọng tưởng, trần sa phiền não là phân biệt, kiến tư phiền não là chấp trước. Đại thừa nói đoạn tận ba loại phiền não này, trong Kinh Hoa Nghiêm nói buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ vượt ra khỏi mười pháp giới. Quý vị nên biết mười pháp giới là giả, không phải thật. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng: là nói về mười pháp giới. Đoạn tận ba loại phiền não là thoát ly mười pháp giới, sanh đến cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo là thật, gọi là nhất chân pháp giới. Hạng người nào ở nhất chân pháp giới? 41 vị pháp thân đại sĩ gồm có: thập trú Bồ Tát, thập hạnh Bồ Tát, thập hồi hướng Bồ Tát, thập địa Bồ Tát, đây là 40 vị, ở trên một vị nữa là đẳng giác. 41 vị Bồ Tát này ở cõi thật báo, thân của họ được gọi là báo thân, nơi họ ở gọi là cõi báo. Chỉ có tâm hiện không có thức biến nên thế giới đó không có biến hoá, con người không có biến hoá. Thọ mạng con người được bao nhiêu? Trong kinh Đức Phật nói họ đã đoạn vô minh nhưng tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn nên thế giới đó là do tập khí vô thỉ vô minh thành tựu, sự thật chính là như vậy. Đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh thì thế giới này không còn nữa. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Tướng của nhất chân pháp giới cũng là hư vọng, có thập khí vô thỉ vô minh tồn tại thì thấy có, tập khí vô thỉ vô minh không tồn tại thì không có nó, không có là vô thỉ vô minh đã đoạn tận, tập khí đã đoạn tận, chính là diệu giác Như Lai. Diệu giác trú ở đâu? Diệu giác trú ở thường tịch quang, từ cõi thật báo trang nghiêm chuyển đến thường tịch quang, nó chính là ý này. Thường tịch quang là thuần chân không vọng, đại giác viên mãn, thuần tịnh thuần thiện.

Cõi báo là vì nhất chân, không có phân biệt, không có chấp trước, không có hai thứ này là không có biến hoá. 41 vị Bồ Tát này từ sơ trú đến đẳng giác cần bao nhiêu thời gian để đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh? Ba đại a tăng kỳ kiếp, đây là thọ mạng của Bồ Tát ở cõi thật báo, vô lượng thọ. Chúng ta gọi là vô lượng thọ. Vô lượng này là vô lượng đối với hữu lượng, không phải vô lượng thật, nhưng có thể gọi nó là vô lượng thật, Vì sao vậy? Tiếp sau nó là diệu giác, là thường tịch quang, thường tịch quang thật sự là vô lượng, nó không phải là vô lượng đối với hữu lượng. Cõi thật báo ba đại a tăng kỳ kiếp, thời gian dài như vậy nhưng con người trẻ mãi, không có thay đổi, không có suy yếu, không có già nên gọi là nhất chân.

Trong mười pháp giới có sanh lão bệnh tử nhưng ở đó không có. Thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà rất vi diệu. Vi diệu chỗ nào? Vi diệu không phải ở cõi báo, vì cõi báo và cõi báo của mười phương chư Phật Như Lai không phải hai, nó là tương đồng. Vi diệu ở chỗ cõi phàm thánh đồng cư và cõi phương tiện hữu dư, nghĩa là mười pháp giới, vi diệu ở chỗ này. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, nhưng ở thế giới Cực Lạc được sự đãi ngộ ngang bằng như pháp thân Bồ Tát ở cõi thật báo. Điều này quá vi diệu, ở mười phương thế giới không có. Cũng có nghĩa là Bồ Tát cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, thần thông đạo lực trí huệ đức năng của họ giống như pháp thân Bồ Tát. Không phải họ tu được, không phải họ chứng được, mà là nguyện lực không thể nghĩ bàn và oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì cho họ. Tuyệt diệu ở chỗ này, thù thắng ở chỗ này. Cho nên thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, cõi thật báo, cõi phương tiện và cõi đồng cư là bình đẳng. Điều này trong quốc độ của mười phương Chư Phật không tìm thấy. Chư Phật Như Lai tán than đối với thế giới Cực Lạc, tán thán đối với Phật A Di Đà chính là việc này. Bình đẳng thành Phật.

Ở dưới Hoàng Niệm Tổ giải thích. *“Thừa thử đại hạnh, năng do sanh tử chi thử ngạn, đáo niết bàn chi bỉ ngạn, cố danh đáo bỉ ngạn. Nhân thử đại hạnh năng độ chư pháp chi quảng viễn, cố danh độ vô cực”.* Đây hoàn toàn là chư vị cổ đức giải thích cho chúng ta. *“Chỉ tức, chỉ giả, đình chỉ chi nghĩa, trú chỉ ư đế lý bất động”*. Ngày nay chúng ta thường gọi đế lý là chân lý, nghĩa của nó tương đồng với chân lý, thật không phải giả. Trong Tứ Thư Đại Học nói “chỉ ư chí thiện”, “chỉ ư đế lý” và “chỉ ư chí thiện” ý nghĩa tương đồng. Cho nên khi Phật pháp truyền vào Trung quốc nó đã dung hợp thành một thể với văn hoá Trung quốc. Đích thực Phật pháp đã làm đậm đà thêm giá trị nền văn hoá truyền thống bản địa. Như câu “chỉ ư chí thiện”, “chí thiện” ví như “đế lý”, như thế là được nâng cao lên rất nhiều. Đế lý là thiện đến tột cùng, thật sự là chí thiện viên mãn. Ai chứng được? Quả vị Diệu giác chứng được, như như bất động. Câu này có rất nhiều nghĩa, như chúng đi học vậy, tiểu học tốt nghiệp là tiểu học đã đạt được chí thiện. Tốt nghiệp trung học là trung học đã chí thiện. Tốt nghiệp đại học là đại học đã được chí thiện đều là “chỉ ư chí thiện”. Cảnh giới cạn sâu rộng hẹp không giống nhau.

Tiểu thừa tứ quả A la hán đã đạt được chỉ ư chí thiện. Đại thừa Bồ Tát đến đẳng giác là chỉ ư chí thiện. Nếu phân ra mà nói thì đệ thập trú trong thập trú Bồ Tát là chỉ ư chí thiện, đệ thập hạnh là chỉ ư chí thiện, đệ thập hồi hướng cũng là chỉ ư chí thiện, đệ thập địa cũng là chí ư chí thiện. Một giai đoạn đạt đến chỗ cao nhất, viên mãn nhất gọi là chỉ ư chí thiện.

Đứng về pháp môn niệm Phật mà nói, nếu công phu niệm Phật niệm đến chỗ công phu thành phiến thì đây là chỉ ư chí thiện. Cao hơn nữa là niệm đến sự nhất tâm bất loạn\_chỉ ư chí thiện. Niệm đến lý nhất tâm bất loạn cũng là chỉ ư chí thiện. Phẩm vị vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc không giống nhau. Chúng ta cần phải nổ lực không nên giải đãi, phải làm cho cảnh giới tu tập của ta ngày càng lên cao. Muốn nâng cao cảnh giới không có gì khác, chỉ cần buông bỏ vạn duyên. Ngày nay chúng ta sinh tồn trong xã hội này, trên địa cầu này gặp một cuộc cách mạng lớn của thời đại. Thời này này đối với người tu hành mà nói, nghĩa là xem chúng ta vận dụng như thế nào? Nếu vận dụng chánh đáng là việc tốt, dùng bất chánh là việc xấu. Phải dùng như thế nào? Tâm phải chánh, như vậy chúng ta sẽ làm đúng là việc tốt. Ở trong đại thiên tai này có thể vãng sanh thế giới Cực lac, sao không phải là việc tốt? Dụng bất chánh, trong lòng sẽ sợ hãi bất an, phiền phức này nhất định đưa chúng ta vào ba đường ác, đó chính là việc xấu. Là việc tốt hay việc xấu đều không phải ở bên ngoài, mà do việc dụng tâm của chính mình.

Rất nhiều tin tức về thiên tai trên nhiều phương diện. Có bạn đồng học nói với tôi tin tức này trên mạng rất nhiều, chúng ta có cần xem nó chăng? Không cần thiết. Vì sao vậy? Xem nó cũng vô dụng, không có lợi ích gì. Biết được nhiều như vậy thì phiền não càng nhiều, tâm không thể định được. Tất cả đều không xem không nghe không hiểu. Làm sao để hoá giải và đối phó những thiên tai này? Chính là một câu tổng nguyên tắc chung, dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh. Giữu tâm tốt, nói lời hay, hành việc thiện và làm người tốt là được. Chúng ta còn có thọ mạng, chắc là chưa ra đi lúc này. Sau khi thiên tai qua đi, chúng ta vẫn còn lưu lại. Nếu số mệnh là như thế thì có cộng nghiệp sẽ ra đi trong thiên tai cùng với một số người khác. Tuy đi cùng một lần nhưng mỗi người đến một nơi khác nhau, tôi đến thế giới Cực Lạc, là việc rất tốt. Cho nên bất cứ thiên tai nào cũng không kinh không sợ, tâm luôn an định, lấy bất biến ứng vạn biến. Đầu óc bình tĩnh, niệm rốt ráo một câu Phật hiệu, để Phật A Di Đà trong tâm. Thường nghĩ rằng tâm ta tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta, như vậy mỗi câu Phật hiệu đều có cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà. “Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, như vậy làm gì có lý không vãng sanh!

Sanh đến thế giới Cực Lạc thì tất cả đều viên mãn, cho nên đây là việc tốt. Nhắc nhở chúng ta, khuyến khích chúng ta, đốc thúc chúng ta buông bỏ vạn duyên, nhất tâm hướng đạo. Nhất tâm hướng đạo chính là nhất tâm niệm Phật. Tuân thủ phương pháp niệm Phật mà Bồ Tát Đại Thế Chí dạy cho chúng ta, *“*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. đô nhiếp lục căn là thu lục căn từ cảnh giới bên ngoài trở về, thu hồi nhãn căn từ sắc, nhĩ căn từ âm thanh, lục căn duyên với sáu trần bên ngoài. Phải duyên bên trong, bên trong là gì? Bên trong là tự tánh. Ở mắt là tánh thấy, ở tai là tánh nghe. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng phương pháp này, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Bồ Tát Quán Thế Âm thành Phật như thế nào? Là ngài tu phương pháp này mà thành Phật. “Đô nhiếp lục căn” chính là “phản văn văn tự tánh”. Nhãn phản quán, quán tự tánh tức là minh tâm kiến tánh. Tịnh niệm tương tục là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, không hoài nghi, không xen tạp. Hai câu này nói thì dễ nhưng làm rất rất khó. Niệm Phật chưa đến một cây hương mà trong đo có rất nhiều vọng niệm xen tạp, khiến công phu niệm Phật bị phá hoại. Điều này không nên nôn nóng, càng nông nói càng hỏng việc. Đó là gì? Từ đây quý vị có thể nhận ra rằng, tâm của mình tán loạn biết bao.

Bình thường ta không phát giác được, đến khi niệm Phật liền phát hiện ra điều này, tại sao tâm lại loạn như vậy, sao vọng tưởng lại nhiều như vậy? Bây giờ mới phát hiện. Lúc này nên làm thể nào? Đừng lý tới nói, mặc kệ nó. Tâm chú ý vào danh hiệu Phật, không quan tâm đến tạp niệm. Lâu ngày vọng niệm sẽ ít đi, ngày càng ít, như vậy sẽ chứng minh công phu của quí vị ngày càng tiến bộ. Nỗ lực niệm hy vọng có thể trong một năm tạp niệm giảm ít đến mức độ thấp nhất. Niệm Phật một tiếng có khoảng một hai tạp niệm, được, không thể có quá nhiều. Hai tiếng đồng hồ có năm ba tạp niệm cũng được, như vậy công phu cũng không tệ. Tạp niệm từ đâu mà có? Đều từ tự tư tự lợi mà có, cho nên bình thường dùng tâm, tâm lượng phải mở rộng, không nên chỉ nghĩ đến mình, nghĩ nhiều đến thế giới Cực Lạc, “nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”, đây là việc tốt.

Nên nghĩ nhiều đến thế giới Cực Lạc, nghĩ nhiều đến Phật A Di Đà, cũng có thể nghĩ nhiều đến những chúng sanh khổ nạn. Thấy chúng sanh chịu khổ chịu nạn như vậy tâm từ bi liền sanh khởi. Tự mình nhất định nên biết, hiện nay chúng ta không có năng lực giúp họ, chỉ còn cách mau về thế giới tây phương Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc đã thành tựu, tự mình có hrí tuệ, có năng lực, có thần thông rồi, thì lên thuyền từ trở lại độ những chúng sanh đau khổ này vẫn còn kịp, điều này không thể không biết, cho nên tâm phải dừng lại ở chân lý, cũng có thể nói tâm trú nơi chân lý bất động.

*“Tức giả”* là nghĩ. *“Chỉ Quán Tam viết”,* tam là quyển thứ ba. *“Tức nghĩa giả, chư ác giác quán, vọng niệm tư tưởng, tịch nhiên hưu tức”*. Thực tế nói chính là buông bỏ, buông bỏ hết tất cả những ý niệm bất thiện. Buông bỏ vọng niệm, buông bỏ tư tưởng tâm sẽ định gọi là tịch nhiên hưu tức. Bình thường thật sự cần phải nổ lực, vọng niệm ít thì thân tâm mạnh khoẻ. Thân tâm chúng ta không tốt chính là vọng niệm quá nhiều. Vọng niệm ít thì ăn uống cũng giảm ít. Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế ngài biểu diễn cho chúng ta thấy trong suốt 49 năm\_thị hiện ngày ăn một bữa. Ẩm thực là bổ sung năng lượng, ngày ăn một bữa có đủ chăng? Đủ. Ngày ăn một bữa ăn nhưng cũng ăn không nhiều. Vì sao đủ? Vì ngài ít tiêu hao năng lượng.

Năng lượng chúng ta hầu như là 90 phần trăm tiêu hao vào vọng niệm. Vọng niệm càng ít thì tiêu hao năng lượng càng ít. A la hán tâm thanh tịnh, một tuần đi khất thực một lần, cũng có nghĩa là một tuần ăn một bửa cơm. Công phu của Bích Chi Phật cao hơn A la hán. A la hán đã đoạn tận kiến tư phiền não nhưng tập khí chưa đoạn. Bích Chi Phật đã đoạn hết tập khí kiến tư phiền não. Bích Chi Phật nửa tháng đi khất thực một lần\_nửa tháng ăn một bữa cơm, bổ sung một lần họ có thể dùng nửa tháng. Điều này nói lên rằng, tâm càng thanh tịnh thì vọng niệm càng ít, năng lượng bổ sung càng ít. Ngày ngày ăm cơm không phải là việc tốt, mỗi ngày ba bữa, còn muốn ăn khuya, ăn điểm tâm. Một ngày từ sáng đến tối đều bận rộn cho việc ăn uống, quý vị nghĩ xem như vậy thì vất vã biết bao, ăn đến nỗi thân mang một thân bệnh. Ẩm thực giảm ít không phải vì điều gì khác, có thể khiến năng lượng tiêu hao đến mức độ thấp nhất nên thân tâm mạnh khoẻ, tinh thần sung mãn. Điều này không phải nói tuỳ tiện đâu.

Ngày xưa khi tôi còn trẻ, theo học kinh giáo với thầy Lý. Tôi theo thầy mười năm từ năm 33 đến 43 tuổi, mười năm. Thầy Lý tuy là cư sĩ tại gia nhưng ngày ăn một và ăn rất ít, tôi đã từng nói với chư vị lượng công việc của thầy bằng lượng công việc của năm người bình thường, cho nên tôi mới biết điều này với lao tâm lao lực hoàn toàn không liên quan. Lao tâm lao lực tiêu hao năng lượng rất nhiều, tiêu hao năng lượng nhiều nhất là suy nghĩ lung tung. Suy nghĩ lung tung bị tiêu hao nhiều nhất. Cho nên ẩm thực có thể giảm ít cũng chứng minh rằng tâm chúng ta thanh tịnh. Năng lượng chúng ta duy trì rất tốt, không lãng phí.

Bên dưới nói, *“cố tức giả, tức chư vọng niệm dã”,* buông bỏ vọng niệm là tức. *“Thử tựu sở quán nhi đắc danh, cố chỉ tức tức chỉ quán. Hựu Chỉ Quán Tam viết, pháp tánh tịch nhiên viết chỉ, tịch nhi thường chiếu viết quán”.* Đây thuộc về tự tánh, là bản năng của tự tánh. Pháp tánh chính là tự tánh cũng chính là bản tánh. Bản tánh vốn tịch nhiên\_tự tánh chỉ. Quý vị xem khi ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt.” Tất cả đều thuộc về tịch nhiên, đều thuộc về “chỉ”. “Vốn tự đầy đủ”, đầy đủ là chiếu theo bản năng. “Vốn không dao động” là thuộc về chỉ, “năng sanh vạn pháp” thuộc về quán. Trong năm câu ngài nói hai câu thuộc về “quán”, ba câu thuộc về “chỉ”, đây là tự tánh. Chúng ta nói nhìn thấu, buông bỏ. Buông bỏ chính là “chỉ”, nhìn thấu suốt là “quán”.

*“Hựu vô minh tức minh, bất phục lưu động, cố danh vi chỉ”*. Thế nào gọi là “vô minh tức minh”? Vô minh chỉ cần bất động thì đó chính là minh, động thì gọi là vô minh. Trong kinh Phật thường dùng nước để làm ví dụ. Nước nếu nhiễm ô thì nước này không sạch sẽ, nó bị nhiễm ô. Có gió thổi liền dậy sống, đây gọi là động. Nếu nước sạch, không có ô nhiễm, cũng không có gió, mặt nước bình lặng như gương, thì nước ở đây chính là “chỉ” gọi là “chỉ thuỷ”. Nó giống như mặt gương vậy. Cảnh giới bên ngoài đều chiếu vào đó một cách rõ ràng, đây gọi là “quán”.

*“Lãng nhiên đại giác”,* gọi là đại tịnh cũng được, *“hô chi vi quán”*, nó có thể khởi tác dụng quán chiếu*. “Hựu Chỉ Quán Bổ Hành viết”,* đây là thời khóa tu học quan trọng của Tông Thiên Thai. *“Trung đạo tức pháp giới, pháp giới tức chỉ quán, chỉ quán bất nhị, cảnh trí minh nhất”.* Ý nghĩa này rất sâu sắc. Trung đạo, trung đạo là gì? Trung quán chính là pháp giới, đúng vậy. Pháp giới chính là tất cả pháp. Trong tất cả pháp chúng ta dùng chân tâm để đối đãi, trong chân tâm không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, nhất niệm bất sanh, đây là chân tâm. Nhất niệm bất sanh, thì chỉ và quán đều đầy đủ. Nhất niệm bất sanh là “chỉ”, tác dụng của “chỉ” là chiếu, chính là quán\_quán chiếu.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm bát nhã ba la mật đa ngài nhìn thấy năm uẩn đều là không.” Thâm bát nhã ba la mật đa nghĩa là gì? Chính là “chỉ”. Trong kinh điển Đức Thế Tôn thường nói chúng ta phải thường xuyên ôn tập câu này, đừng quên: Chế tâm một chỗ chính là chỉ, nó khởi tác dụng chính là quán. Quán ở đây là gì? Không có gì không làm được. Chúng ta thể hội được sâu sắc về tầm quan trọng trong câu nói này của Đức Thế Tôn, chúng ta làm thế nào để thực hiện? Chúng ta đem tâm dừng ở Phật A Di Đà, được vậy thì thật quá tuyệt vời. Vì sao vậy? Vì dừng tâm ở trên Phật A Di Đà, chẳng những tự tánh chúng ta dùng chánh đáng mà còn được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì\_được hai loại lợi ích. Dừng ở một nơi là một loại lợi ích, dừng ở Phật A Di Đà thì được Phật A Di Đà gia trì. Đem vô lượng công đức của Phật A Di Đà chuyển thành công đức của chính mình. Điều này ở trước đã nói rất rõ ràng tường tận rồi.

Dừng ở Phật A Di Đà công đức thật không thể nghĩ bàn, chưa đến thế giới tây phương Cực Lạc đã được lợi ích. Tâm con người thế gian vì sao lại rất loạn? Họ cũng chế tâm một chỗ, nhưng họ chế tâm ở chỗ nào? Ở danh lợi, danh lợi là hai nơi. Trong danh lại có rất nhiều chỗ, trong lợi cũng có rất nhiều chỗ nên tâm họ là tán loạn, họ không phải thật sự chế tâm một chỗ. Tuyệt đại đa số người ở trong thời đại hiện nay đều để tâm vào việc kiếm tiền. Phương pháp kiếm tiền rất nhiều, họ đều nghĩ đến nên tâm rất loạn. Tiền có thể tìm được hay chăng? Đó là do số của họ, phước báo của họ. Nếu số có thì nhất định có thể kiếm được. Số không có thì cho dù có suy nghĩ bao nhiêu cách cũng không kiếm được, quý vị nghĩ xem có oan uổng chăng?

Số mạng có, hà tất phải nghĩ đến nó? Đến thời thì tự nhiên nó đến! Đây là thật không phải giả. Số mạng không có thì dù có nghĩ hết biện pháp cũng không kiếm được, đạo lý này không thể không hiểu. Dù sở hữu của cải nhiều cách mấy, địa vị cao cỡ nào, cũng chỉ có thể làm sung túc ngay trong đời này của chúng ta. Quý vị nghĩ mình có thể hưởng thụ được bao nhiêu năm? Sau khi mạng chung cũng không mang theo được điều gì, tất cả đều là giả, để tâm ở chỗ Phật A Di Đà đó mới là thật. Tương lai đến thế giới Cực Lạc\_trong kinh này nói đều là giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị xem ở đó thù thắng biết bao, viên biết bao mãn, tất cả đều đạt được. Những gì có thể nghĩ ra đều đạt được, những thứ ta không thể ngờ cũng rất nhiều, đến đó mới hiểu được, chưa đến đó thì không biết được. Đức Phật cũng không nói, vì nói ra chúng ta cũng không hiểu được, cho nên vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc liền được đại tự tai, được đại viên mãn.

Trong Chỉ Quán nói rất hay, pháp giới chính là chỉ quán, chỉ quán bất nhị là một không phải hai. Thấu triệt gọi là quán, bất động nên gọi là chỉ, nó là một không phải hai. Tâm thanh tịnh là chỉ, tâm thanh tịnh sanh trí huệ đó là quán. Tâm bình đẳng là chỉ, tâm bình đẳng khởi tác dụng là quán. Vô duyên đại từ đồng thể đại bi thì tâm bình đẳng liền sanh khởi.

*“Giác, chỉ quán quân đẳng, chỉ quán bất nhị, cảnh trí nhất minh”.* Đó là giác mà không mê. “Lãng nhiên đại giác”, tông môn thường nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh đó là chỉ và quán không phải hai. *“Tịch tịnh, kiến tiền chư căn tịch tịnh chú”* điều này không còn lặp lại, nghĩa là thanh tịnh tịch diệt.

*“Vô sanh vô diệt giả, niết bàn chi chân lý”.* Chân là không phải giả, lý là lý thể. Chân lý liên kết lại ý nghĩa cũng rất rõ ràng. Chân lý không phải giả, vốn không sanh diệt. Ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đây là đại bát niết bàn. Tánh tướng nhất như, lý sự bất nhị. Cảnh giới này ở đâu? Ngay tại đây, xưa nay chưa từng rời xa chúng ta, nhưng chúng ta mê mà không giác, không biết nó. Biết thì quá tốt, biết thì liền thành Phật, thì gọi là chứng quả. Thông tin này Chư Phật Bồ Tát đã nói ra cho chúng ta biết.

Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Ở đây muốn nói lên điều gì? Chính là nói chân lý của niết bàn vốn không sanh diệt. Một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm là bao nhiêu? Trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân cho 10 vạn, có phải là 320 triệu. Một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm. Một phần 320 triệu là một khảy móng tay. Dùng suy nghĩ cũng không cách nào tưởng tượng được, cho nên Đức Phật nói vốn không sanh diệt. Sanh diệt này là một trên 320 triệu phần là huyễn tướng của cõi thật báo trang nghiêm. Trong tự tánh không có sanh diệt, mà do một niệm bất giác khởi hiện tượng dao động này. Chính là những điều Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm vi tế. Đó là chấn động, là dao động vi tế.

Bồ Tát lại tiếp tục nói “niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Mỗi niệm vi tế đều có hình, hình là hiện tượng vật chất. Thức là thọ tưởng hành thức, mỗi hiện tượng vật chất đều có thọ tưởng hành thức, đây là hiện tượng tinh thần. Tinh thần và vật chất là một thể, tinh thần có trước sau mới có vật chất, nhưng tốc độ của nó rất nhanh, chúng ta không cách nào có thể thấy được, cũng không cách nào có thể nghĩ được, thật là không thể nghĩ bàn, nghĩ cũng không được, nhưng cho chúng ta một khái niệm tinh thần và vật chất là một không hai.

Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn thấy ngũ uẩn đều là không. Quý vị xem trong dao động vi tế đó có sắc thọ tưởng hành thức\_có hiện tượng này, bất khả đắc nên gọi là “ngũ uẩn giai không”. Đây là đơn vị vật chất nhỏ nhất, đơn vị nhỏ nhất không tồn tại, tích luỹ thành những hiện tượng này, nó có thể tồn tại chăng? Hình như là tồn tại nhưng trên thực tế không tồn tại. Hình như tồn tại là chúng ta thấy sai, chúng ta mê nên thấy sai. Nếu khi ta thật sự giác ngộ thì sẽ biết được, tồn tại tức là không tồn tại. Thật giống như chúng ta xem hình ảnh các tiết mục trên ti vi. Màn hình của ti vi là tự tánh vốn không sanh diệt. Chúng ta xem những tiết mục này là cảnh tượng ở trong đó, những cảnh tượng này cho chúng ta biết một sự thật, nghĩa là vốn không sanh diệt, quý vị có thể lãnh hội được chăng? Màn hình không sanh không diệt quý vị có thể lãnh hội được, nhưng hình ảnh trên màn hình cũng là không sanh không diệt, quý vị thể hội được chăng? Nó có hiện tượng, thật sự thấy được, không sai. Hiện tượng trên màn hình là sinh diệt đồng thời nên cũng là không sanh không diệt\_sanh diệt đồng thời.

Quý vị nói đã sanh đã diệt, rồi lại nói đã diệt nhưng lại sanh, mỗi hiện tượng đều độc lập, không phải tương tục. Tương tục là cùng một tướng không có thay đổi, đó gọi là tương tục. Nó không phải tương tục nên chúng ta gọi nó là tướng tương tợ tương tục, không phải thật. Tuyệt đối tìm không thấy hai hiện tượng tương đồng. Vì sao vậy? Vì năng sanh không giống nhau. Năng sanh là ý niệm, mỗi niệm đều không tương đồng. Năng sanh là ý niệm, sở sanh là hiện tượng. Niệm không giống nhau thì hiện tượng làm sao giống nhau được?

Tướng người chúng ta tức là lấy thân thể này để làm ví dụ. Tôi của ngày hôm qua và tôi của ngày hôm nay nhất định không giống nhau, không phải một cái tôi. Tôi của một giờ trước với tôi hiện tại, không phải một cái tôi. Cùng một đạo lý này, tôi của một phút trước và tôi của một phút sau, không phải một cái tôi. Nói thêm với quý vị đến chỗ cứu cánh thì tôi của niệm trước và tôi của niệm sau, không phải một cái tôi. Quý vị đi đến đâu để tìm cái tôi? Sau đó mới có thể lãnh hội được ý của Bồ Tát Di Lặc, một khảy móng tay có 320 triệu, một trên 320 triệu phần cái tôi và hai trên 320 triệu phần cái tôi, không phải một cái tôi. Như vậy chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, lời Đức Phật nói là vô ngã tướng. Chẳng những không có ngã tướng, mà ngã kiến cũng không có.

Nửa phần trước của bộ Kinh Kim Cang nói phá bốn tướng, nửa phần sau là phá bốn kiến nên bốn kiến cũng không có, như vậy dần dần mới có thể ngộ nhập. *“Chỉ quán bất nhị, cảnh trí minh nhất”.* Cảnh là cảnh giới, là sở giác. Trí là trí huệ, là năng giác. Chưa có thể chuyển thức thành trí. Giác tánh này là từ trong A lại da sanh ra, đã chuyển thức thành trí, tự tánh như trong kinh đại thừa nói trí tuệ bát nhã. Cảnh giới này vô cùng vi tế, quý vị quán bằng cách nào? Hiện nay chúng ta đối với chân tướng sự thật này có nhận thức sơ bộ, nhưng chúng ta chưa làm được, vì sao vậy? Vì tâm niệm của chúng ta không tinh tế, gọi là thiếu thận trọng. Không có năng lực để giác sát. Ai có năng lực thấy được? Pháp thân Bồ Tát, Viên giáo sơ trú cấp bậc thấp nhất của pháp thân Bồ Tát, cũng có nghĩa là viên giáo sơ trú đã nhìn thấy.

Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới giống như chúng ta, chỉ nghe Phật nói nhưng chưa thấy được. Địa vị của họ cao hơn chúng ta, thần thông trí huệ cũng lớn hơn. Nói cách khác họ biết rõ hơn chúng ta, những vẫn chưa chứng quả, nhất định phải buông bỏ khởi tâm động niệm họ mới chứng được. Vừa chứng được họ liền vượt ra mười pháp giới, đã thăng cấp sanh đến cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta gọi họ là pháp thân Bồ Tát, pháp thân đại sĩ.

*“Nhân Vương Kinh viết, nhất thiết pháp tánh chân thật không, bất lai bất khứ, vô sanh vô diệt”*.

Câu này nói rất thật, Đức Thế Tôn tuỳ theo chân đế mà nói. Chúng ta biết Thế Tôn thuyết pháp y theo nhị đế, đây là nguyên tắc giảng kinh thuyết pháp của ngài, là nhị đế. Chân đế là cảnh giới tự thân ngài chứng được, phàm phu không hiểu. Y tục đế hoặc y thế đế, đó là thường thức mà người thế gian có thể hiểu được, cho nên đức Phật vừa nói là chúng ta hiểu ngay. Đức Phật nói nhân nghĩa đạo đức, điều này chúng ta nghe hiểu được, tuỳ thuận tục đế. Tuỳ thuận chân đế chúng ta sẽ không hiểu, đây là thuộc về chân đế của tất cả pháp. Nói tất cả pháp là đứng về tướng mà nói, tất cả pháp tánh là đứng về thể mà nói, tất cả pháp là sở sanh sở hiện, tất cả pháp tánh là năng sanh năng hiện. Năng sanh sở sanh là một không phải hai. Pháp tánh pháp tướng vĩnh viễn không rời nhau, nhưng chúng ta không ở chỗ pháp tướng nhìn thấy pháp tánh, khó là khó ở chỗ này. Vì sao không thấy được pháp tánh? Vì mê! Mê nên có chướng ngại, chướng ngại này gọi là phiền não. Vô minh phiền não là chướng ngại nặng nề nhất. Trần sa phiền não là chướng ngại nặng thứ hai. Kiến tư phiền não là chướng ngại nặng thứ ba. Chúng ta ở chỗ tướng không nhìn thấy tánh, chân tướng của tướng chúng ta cũng không hiểu. Chúng ta nhìn thấy là huyễn tướng, vọng tướng. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Chúng ta chỉ thấy được tướng này, chứ không thấy được chân tướng.

Trong kinh Nhân Vương nói: “nhất thiết pháp tánh chân thật không”, năng sanh là chân thật không, sở sanh không thể biến thành chân thật hữu. Năng sanh sở sanh là một không phải hai. Tánh đã là không thì tướng làm gì có? Nên kinh điển đại thừa thường gọi tánh là chân không, gọi tướng là diệu hữu. Chư vị tổ sư nói rằng: “chân không bất không, diệu hữu phi hữu.” Các ngài giải thích rất hay. Chân không bất không nghĩa là gì? Là nó có thể sanh ra vạn pháp nên không không phải là vô. Nó thật sự là chân không, nó có thể sanh vạn pháp. Tuy có vạn pháp nhưng vạn pháp này đương thể tức không, liễu bất khả đắc nên vạn pháp này có thể thưởng thức nó nhưng không thể khống chế nó, bao gồm cả thân tướng chúng ta, thân tướng thân thiết nhất của chính mình. Thân này chúng ta có thể khống chế nó chăng? Không thể. Có thể chiếm hữu nó chăng? Không thể. Nếu có thể khống chế nó, tôi sẽ khiến cho thân thể này không bị già yếu bệnh tật. Không làm được, không thể khống chế được. Ăn cơm phiền phức biết bao, nếu có thể khống chế nó, tôi khiến nó không cần ăn được chăng? Không được, không làm được như thế. Như vậy chiếm hữu càng không cần nói. Khống chế cũng làm không được thì làm sao có thể chiếm hữu? Nên nói khống chế, chiếm hữu là vọng tưởng, không phải thật. Vọng tưởng thật sự quá nhiều. Có thể nói chúng sanh trong lục đạo hoàn toàn sống trong cảnh giới vọng tưởng, không có điều gì là chân thật. Biết được tất cả pháp tánh thật sự là không, thì chúng ta sẽ biết được tất cả pháp tướng vô sở hữu, tất cả pháp tướng bất khả đắc, không đến không đi. Đó chính là điều trong kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói. Điều này rốt cuộc là như thế nào? “Đương xứ xuất sanh, tuỳ xứ diệt tận”. Quý vị thử nghĩ xem niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói có phải là đương xứ xuất sanh tuỳ xứ diệt tận chăng? Mỗi niệm đều là đương xứ xuất sanh tuỳ xứ diệt tận, bất khả đắc.

Chúng tôi xem qua một lượt kinh Đại Bát Nhã và tổng kết thành 20 chữ, “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Tất cả pháp là bao gồm cả thế pháp và Phật pháp. Phật pháp cũng là vô sở hữu, tất cánh không bất khả đắc. Cho nên Đức Thế Tôn nói “pháp còn phải xả, huống là phi pháp”, đến Phật pháp còn phải xả, không chấp trước huống là tất cả pháp của thế gian. Buông bỏ tất cả liền trở về tự tánh và chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Vô lượng công đức, vô lượng trí huệ và vô lượng tướng hảo trong tự tánh, chúng ta hoàn toàn hưởng được lợi ích. Đây là cảnh giới gì? Đây là cảnh giới của cõi thật báo. Cõi thường tịch quang không có hiện tướng, hiện cõi thật báo trang nghiêm, trở về tự tánh, trở về thường tịch quang còn có thể hiện chăng? Có thể hiện. Vì sao vậy? Vì pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo có cảm, chư Phật trong cõi thường tịch quang tự nhiên có ứng\_ hồi ứng. Vừa hồi ứng chính là hiện tướng, không hồi ứng là không hiện tướng, nhất định hồi ứng. Hồi ứng này là hiện tượng tự nhiên. Giống như chúng ta đánh trống vậy, chúng ta vừa đánh, nó nhất định phát ra tiếng. Đánh mạnh thì kêu lớn, đánh nhẹ thì kêu nhỏ, không đánh thì không kêu, nhất định có hồi ứng.

Không sanh không diệt, không thể nói nó sanh cũng không thể nói nó diệt. Nếu nói nó sanh thì nó đã diệt, nếu nói nó diệt thì nó lại sanh. Sanh diệt không trú! Đây là chân tướng sự thật.

*“Hựu Viên Giác Kinh viết, nhất thiết chúng sanh ư vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt, thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử”*.

Đây là lời chân thật. Nhất thiết chúng sanh là nói chúng sanh trong lục đạo, thực sự là vô sanh. Trong vô sanh họ đã nhìn sai, cho rằng có sanh diệt, họ đã nhìn thấy sanh diệt. Nhìn thấy hoa nở, qua mấy ngày đã thấy hoa tàn, hoa này có sanh diệt. Thấy người này ra đời, sau mấy mươi năm nhìn thấy người này già chết, có sanh có diệt. Động vật thì sanh lão bệnh tử, thực vật thì sanh trụ dị diệt, khoáng vật như sơn hà đại địa có thành trụ hoại không. Những hiện tượng này người thế gian đều nhìn thấy, đều cho rằng là thật. Nếu thật sự có thể lãnh hội được nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, khi nghe thêm những lời Phật dạy *“*đương xứ xuất sanh, tuỳ xứ diệt tận”, chúng ta mới hiểu được thật sự không có sanh diệt.

Chúng ta nhìn thấy sanh diệt là vọng kiến, không phải chân kiến. Chỉ có đại Bồ Tát mới có chân kiến, còn phàm phu toàn là vọng kiến.

*“Cố thuyết danh chuyển luân sanh tử”.* Cố thuyết danh, đây không phải lời thật. Có sanh tử luân hồi chăng? Không có, giống như nằm mộng vậy. Trong kinh Bát Nhã Đức Phật đưa ra ví dụ, như mộng huyễn bào ảnh, đây là chân tướng. Chân tướng không ai biết, hiện nay chúng ta đọc những kinh văn này, thấy báo cáo của các nhà lượng tử học. Họ đều đã chứng minh những lời Phật nói trong kinh, khiến chúng ta càng rõ rang hơn, đối với vấn đề này không còn hoài nghi nữa. Khiến chúng ta tin rằng những gì trong kinh Phật nói là khoa học tối cao.

*“Hựu thanh lương vân, nhược văn vô sanh giả, tiện tri nhất thiết chư pháp giai tất không tịch vô sanh vô diệt”*.

Nghe Phật nói vô sanh, ngài nói câu này, họ liền biết tất cả các pháp đều là không tịch, không sanh không diệt. Đây là ai? Là người như thế nào? Là pháp thân Bồ Tát. Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới không được, nhưng Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới nghe Phật nói lời này không hoài nghi, có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng tuy công phu chính mình chưa đủ. Cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh của chính mình chưa đạt đến trình độ này, cần phải thanh tịnh hơn.

Thật sự đạt được thanh tịnh tịch diệt Bồ Tát có thể thấy được, pháp thân Bồ Tát đều đã nhìn thấy. Trong Kinh Hoa Nghiêm có thể nói là trên sơ trú đã nhập vào cảnh giới này, đây là thật hoàn toàn không phải giả. Chúng ta ngày nay có thể tin rằng, có thể nói câu này, không phải chúng ta chứng được. Chúng ta thấy báo cáo của các giới khoa học hiện đại, các nhà khoa học chứng minh, họ đã nhìn thấy, nhìn thấy vật chất rốt cuộc là gì? Họ nói bản chất của vật chất là ý niệm, chính là ý niệm của chúng ta, là ý niệm tích luỹ sinh ra huyễn tướng. Điều này với những gì Bồ Tát Di Lặc nói cùng một đạo lý. Nhưng huyễn tướng này, ý thức huyễn tướng này rốt cuộc là từ đâu mà có? Thì họ lại nói là bịa đặt.

Phật pháp nói đó là từ trong tự tánh sanh ra. Giới khoa học không nhìn thấy tự tánh, tự tánh vĩnh viễn không nhìn thấy được, vì sao vậy? Tự tánh không thể dụng sáu thức để nhìn vì nó không phải là hiện tượng. Nó không phải hiện tượng vật chất cũng không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên nên không thấy được, khoa học cũng không thể đo lường được. Như thế nào mới thấy được? Buông bỏ vọng niệm phân biệt chấp trước là thấy được, chân tướng được phơi bày. Phật pháp là khoa học tối cao, là cảnh giới và thành tựu cao nhất của khoa học. Chúng ta nên đem những thông tin này nói với các nhà khoa học. Chỉ cần họ buông bỏ thì sẽ hiểu được ngay.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập368

# Tập 369

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên Tập: Bình Minh

Thời gian:10.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*,* trang 442, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ câu *thập lực*.

*“Thập lực giả, Như Lai chứng đắc thật tướng chi trí, liễu đạt nhất thiết, vô năng hoại, vô năng thắng, cố danh vi lực. Tường kiến đệ tứ thập lục phẩm thập lực chú”.*

Phẩm 46 vẫn còn ở sau. Ở đây chúng ta đơn giản giới thiệu qua về Như Lai quả địa. Có mười loại năng lực thù thắng mà người thường chúng ta không có. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng không có, đều chưa đạt đến cảnh giới của Như Lai. Bồ Tát cũng có thập lực nhưng so với thập lực của Phật thì còn kém xa, đây là chứng được trí huệ nhận biết về chân tướng của các pháp một cách viên mãn. Thật tướng là chân tướng của tất cả pháp. Nó khởi tác dụng là liễu đạt tất cả, tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới “vô năng hoại. Chúng ta cần phải lãnh hội được tất cả pháp tánh không tướng có. Tánh thị chân không, tướng thị huyễn có, có mà không có, chân không bất không cho nên “vô năng hoại.” Ý muốn nói rằng không có năng lực nào có thể phá hoại nó.

Thứ hai là “vô năng thắng”, thắng là siêu thắng. Ý muốn nói tất cả pháp là bình đẳng, tất cả pháp là nhất như. Chúng ta cần phải lý giải cách đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc trong Bồ Tát Xứ Thai Kinh, thì chúng ta mới có thể lãnh hội được hai câu này.

Bên dưới liệt kê ra danh tướng của Thập lực. Thứ nhất *“như thị xứ phi xứ trí lực”.* Thế nào là thị xứ? Thế nào là phi xứ? “Xứ” là xứ sở. Nhất là trong thời đại hiện nay của chúng ta, xã hội động loạn, trên địa cầu thiên tai đích thực chưa từng có trong lịch sử, mấy ngàn măm trước không có hiện tượng này, hiện nay chúng ta đã gặp, cho nên biết bao người đều muốn tìm một môi trường cư trú an toàn. Đến đâu để tìm? Có thể tìm thấy chăng? Nếu quí vị có phước báo thì bất luận ở đâu cũng an toàn, nếu không có phước báo thì đến đâu cũng không an toàn. Từ đó cho thấy, “thị xứ” thật sự là thiện tâm. Còn phi xứ thì sao? Chính là tâm bất thiện. Có tâm nhất định có hành, ba nghiệp thân khẩu ý nó dính liền nhau không thể tách rời. Có tâm đương nhiên có hành động, cho nên tâm hành thiện là thiện xứ. Trong thiện xứ lại có thiện xứ thật và thiện xứ giả. Trong thiện xứ lại có thiện xứ vĩnh hằng, có thiện xứ nhất thời, nó không giống nhau, nhưng Như Lai biết hết. Thiện xứ cứu cánh viên mãn là thường tịch quang. Trong thường tịch quang thân và cõi là nhất như, thân pháp tánh và cõi pháp tánh là một không phải hai, đó thật là cứu cánh kiên cố, đích thực là “vô năng hoại, vô năng thắng”, không có thể thắng được.

Thứ hai vẫn là “thị xứ”, chứ không phải “phi xứ”, đó chính là cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, chỉ kém là chưa đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh. Ngoài điều này ra thì cũng có thể nói là cứu cánh viên mãn, đây là “thị xứ’ chân thật, đã chứng được pháp thân. Phá vô minh chứng pháp thân đây là “thị xứ”, còn mười pháp giới đều là “phi xứ”.

Chúng ta tu đạo nếu có thể đem mục tiêu định ở A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới đều coi là “phi xứ”, như vậy là sai. Tiểu thừa cho là “thị xứ” nhưng đại thừa biết đó không phải là “thị xứ”. Phàm phu tham lam đối với lục đạo, mỗi niệm đều hy vọng hưởng thụ phước báo nhân thiên. Mục tiêu họ tu thiện tích đức là sanh thiên, họ không biết rằng cõi trời vẫn chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, sau khi thọ mạng kết thúc vẫn bị đọa lạc. Cho nên ở trong lục đạo, ba đường ác là “phi xứ”, ba đường thiện là “thị xứ”. Trong ba đường thiện sắc giới, vô sắc giới là “thị xứ”, cõi nhân thiên là “phi xứ”. Mỗi cấp bậc đều có “thị xứ” và “phi xứ”. Đức Phật đối với những điều tánh tướng, sự lý, nhân quả, thông đạt thấu triệt viên mãn, đây gọi là “tri thị xứ phi xứ trí lực”

Người ta thường nói, tạo ác nhất định chịu ác báo. Bình thường chúng ta nói thiện có thiện báo ác có ác báo, nhân quả báo ứng không sai chút nào, đây đều là “thị xứ phi xứ trí lực”. Chúng ta nghe Đức Phật giảng kinh thuyết pháp thật sự nghe hiểu được rõ ràng, “thị xứ” nên cố gắng nổ lực thêm để học tập, “phi xứ” nên xả bỏ nó một cách sạch sẽ, đây là đệ tử chân chánh của đức Phật. Như vậy chúng ta sẽ hiểu thập thiện là “thị”, thập ác là “phi”. Lục độ là “thị”, lục tệ là “phi”. Điều gì cần đoạn thì phải đoạn, điều gì cần buông bỏ thì phải buông bỏ. Nói đến chỗ cứu cánh, nói cho chư vị biết, phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm, cầu sanh Tịnh độ tuyệt đối là “thị xứ”, không muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, chúng ta thật sự là “phi xứ”, như vậy là sai.

Pháp môn khác chẳng phải là không tốt, mà cần phải trường thời huân tu, hiện nay thời gian quá gấp, không còn kịp nữa, chẳng thể không buông bỏ. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều không thể phan duyên đến, phải buông bỏ. Nhất tâm nhất ý trở về với câu A Di Đà Phật như vậy là đúng. Ngay trong đời này tuỳ thời có thể ra đi, Phật Di Đà cũng tuỳ thời đến tiếp dẫn, như vậy là đúng, hoàn toàn đúng.

Thứ hai *“tri tam thế nghiệp báo trí lực”.*  Tam thế là quá khứ hiện tại vị lai. Quý vị tạo nghiệp như thế nào thì có quả báo như thế đó, nghiệp duyên quả báo không sai tí nào. Tất cả chúng sanh tâm có sở niệm, tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, huống gì là Chư Phật Bồ Tát, chẳng ai không biết. Vì sao vậy? Vì tự tánh khởi tác dụng. Lý thể trong pháp giới hư không giới là một. Chân như tự tánh, tự tánh “năng sanh vạn pháp”, liên quan mật thiết với vạn pháp. Chúng ra nói từng giờ từng phút, thời gian này vẫn quá dài. Tình hình thực thế thật là không thể nghĩ bàn. Ý niệm cực kỳ vi tế vừa động thì mười phương thế giới đều nhận được tin tức này. Quả báo không phải người khác sắp đặt, thực tế mà nói thì không liên quan gì đến Chư Phật Bồ Tát, không liên quan đến thiên thần, không liên quan đến quỷ thần. Quả báo từ đâu mà có? Quả báo là do nghiệp lực của chính mình thành tựu, như ở trước chúng ta đã học qua.

Trong Vãng Sanh luận nói y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc có 29 loại trang nghiêm, 29 loại thành tựu, là tự nhiên. Chúng ta khởi tâm động niệm là nhân, quả báo tự nhiên hiện tiền, cho nên nói tự làm tự chịu.

Có người hoài nghi vì nghe nói địa ngục nhiều vô lượng vô biên, sao lại nhiều như vậy? Tâm khởi một niệm địa ngục thì liền hiện một địa ngục. Chúng ta có bao nhiêu tâm địa ngục thì hiện ra bấy nhiêu địa ngục. Ý niệm đó không có cảnh dừng nên địa ngục cũng không có cảnh dừng. Vì tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, tâm bất động thì mười pháp giới y chánh trang nghiêm cũng không có. Tâm động nó liền xuất hiện, quý vị có thể thấy được nó tồn tại. Tâm bất động thì hoàn toàn không có, đích thực giống như màn hình ti vi vậy. Quý vị bấm nút mở nó liền hiện ra. Nó không có không phải thật không có, nó có cũng không phải thật có, đây là chân tướng sự thật. Nhất định phải hiểu cho rõ ràng minh bạch thì đường đạo bồ đề không có chướng ngại, không có hoài nghi, rất thuận lợi không có chút chướng ngại nào.

Nên nghiệp là hoạt động, hoạt động của thân khẩu ý chẳng thể không cẩn thận, nhất định không thể tạo ác nghiệp, tự làm tự chịu. Đặc biệt là không thể làm gương xấu cho đại chúng trong xã hội, tội đó rất nặng. Người học mình càng nhiều thì tội mình càng thêm nặng. Nếu đoạ vào địa ngục vô gián thì biết khi nào mới ra được? Nghiệp nhân thứ nhất để ra khỏi luân hồi là chúng ta đã có hồi tâm chuyển ý, có một chút giác ngộ, biết mình đã làm sai, như vậy sẽ có cơ hội ra khỏi địa ngục. Tuy tự mình biết sai, nhưng người bị hại vẫn tiếp tục bị hại, trong tình huống này không thể ra khỏi được. Nhất định phải đợi đến những người bị chúng ta làm hại dần dần hồi phục, sức khoẻ của họ dần dần trở lại bình thường, đây là điều kiện bên ngoài. Sám hối trong tâm và điều kiện bên ngoài nhất định phải phối hợp thì chúng ta mới có thể ra khỏi được. Ý nghĩa trong này rộng sâu vô cùng tận, cho nên mỗi loại lực của mười điều này đều gọi là trí lực, nó là trí huệ chân thật.

Trong kinh điển Đức Thế Tôn hiển thị sức mạnh thành tựu mười loại trí huệ của Như Lai, hiện nay gọi là năng lượng. Năng lượng này có thể giúp tất cả chúng sanh giải quyết vấn đề. Ba đời, nghiệp nhân tạo trong quá khứ thì đời này thọ báo, đời này tạo nghiệp nhân thì đời sau thọ quả báo hoặc là nói đời sau nữa thọ báo, khi nào thọ quả báo? Ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Chúng ta tạo có nhân, nhân gặp duyên liền khởi hiện hành, đó gọi là thọ báo, gọi là nhân duyên quả báo. Chẳng thể không cẩn thận, bất luận là ai cũng không tránh được. Giết người phải đền mạng, thiếu nợ thì phải trả nợ. Sát hại những chúng sanh có linh tánh lớn, thường bị báo ứng ở hiện đời rất nhanh. Trong sách sử có ghi chép, chỉ cần chúng ta lưu ý một chút liền có thể thấy rất nhiều ví dụ, điều này không hề giả.

Thứ ba *“Tri chư thiền giải thoát trí lực.”* Có trí huệ này. Thiền rất phức tạp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, nghĩa là tám vạn bốn ngàn phương pháp tu hành đều có thể đạt được thiền định, đều có thể đạt được lợi ích trong thiền định, gọi là giải thoát. Phật pháp coi trọng thiền định, thế gian cũng có không ít giáo phái trong Tôn giáo, đối với thiền định rất coi trọng và rất nổ lực học tập. Cảnh giới trong thiền định, trí huệ đức tướng trong thiền định, đức Như Lai rất rõ ràng.

Giải thoát cũng phân ra nhiều thứ lớp, giải trừ lớp này thì còn lớp khác. Ngạn ngữ thường nói “trong tâm có muôn ngàn khúc mắc”, khúc mắc này chính là phiền não trói buộc, mở từng cái từng cái, thoát ly từng việc từng việc. Đến khi nào giải thoát hết tất cả kiến tư phiền não, trần sa phiền não và vô minh phiền não? Mở được kiến tư phiền não liền thoát lý luân hồi lục đạo. Chúng ta có thể giải trừ ý niệm ác, ngôn ngữ ác và hành vi ác. Thật sự buông bỏ thì vĩnh viễn không đoạ vào ba đường ác, thật sự giải trừ nó.

Có thể đoạn trừ được tư hoặc phiền não thì vượt lên trên luân hồi lục đạo, không còn chịu khổ báo luân hồi nữa. Luân hồi không còn, không thấy. Có thể đoạn tận trần sa phiền não thì thoát ly hai vị thứ cuối cùng của tứ thánh pháp giới, là A la hán và Bích chi Phật, từ đây ta được giải thoát. Nếu tiếp tục cố gắng giải trừ luôn trần sa phiền não và vô minh phiền não, chúc mừng quý vị, quí vị đã vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, đây là thiền định giải thoát. Đức Phật hiểu được nên gọi ngài là đại y vương. Bất luận ta bị bệnh tật gì đến gặp Phật, ngài đều có phương pháp giúp chúng ta, thật là thuốc đến bệnh lành. Giúp chúng ta giải thoát khổ đau sanh tử, sanh tử là nguồn gốc của tất cả khổ.

Thứ tư *“Tri chư căn thắng liệt trí lực”.* Chư căn là nói đến lục căn: nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý\_lục căn này, căn nào lanh lợi, căn nào chậm chạp, đức Phật biết. Biết điều này có lợi ích gì? Biết được điều này mới có thể giáo hoá chúng sanh, đây là khế cơ dạy học. Biết được đạo lý có thể khế lý, biết căn tánh của chúng sanh là khế cơ, như vậy thì dạy học có thể đạt được thành tựu thù thắng. Cho nên tìm một vị thầy tốt không phải dễ! Không biết căn tánh của chúng sanh làm sao dạy được? Dạy học như vậy là thất bại.

Hiện nay người ta dùng phương pháp trắc nghiệm để kiểm tra, chuẩn xác chăng? Chẳng thể nói không chuẩn, cũng không thể nói rất chuẩn, đạo lý này chúng ta cần phải hiểu. Dùng phương pháp khoa học ngày nay để trắc nghiệm, trắc nghiệm được điều gì? Được tri thức, nhưng không trắc nghiệm được trí huệ. Trí huệ và tri thức là hai việc khác nhau. Ngày nay xã hội xảy ra vấn đề, nguyên nhân thật sự ở đâu? Là lạc mất trí huệ, con người không có trí huệ, hoàn toàn dựa vào vọng tưởng vọng tác của mình, cổ nhân gọi là làm xằng nghĩ bậy, làm sai việc mang đến quả báo. Nên biết rằng sáu căn của chúng sanh không tốt, điều này vô cùng quan trọng. Ai biết được? Phàm phu rất khó nhận ra. Cổ nhân thường nói: “tri nhân tri diện bất tri tâm”. Trong lòng họ đang nghĩ gì, ta không biết được, nhưng Phật Bồ Tát biết, biết được căn cơ của chúng sanh thì sẽ dễ dạy hơn.

Thứ năm *“tri chủng chủng giải trí lực.”* Đây cũng là nói về căn tánh của chúng sanh. “Giải” nghĩa là họ có thể lý giải, có thể tiếp thu vài phần, đây là phương tiện thiện xảo. Thế gian này đích thực có hàng thượng thượng căn, nên một lần nghe ngàn lần ngộ. Nghe được một câu một chữ trong kinh Phật, họ có thể thông đạt toàn bộ ý nghĩa của kinh. Ngộ tánh cao, một điều ngộ thì tất cả đều ngộ, chưa học đã biết, nhưng hạng người này rất ít, không thấy nhiều. Thời xưa hạng người này có. Cách truyền đạt cũng không giống nhau, có người một ngày học được rất nhiều, có người một hai tháng không có tiến bộ, nguyên nhân ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Cho nên Phật pháp là nhân duyên sanh pháp, duyên liên quan đến sự thành công hay thất bại của một con người.

Hiện tại duyên của chúng ta vô cùng thù thắng, gặp được đại thừa, gặp được pháp môn trong đời này thành tựu đới nghiệp vãng sanh, thật sự có thể gọi là vô thượng đại pháp, một đời thành tựu viên mãn. Then chốt vẫn ở chỗ thiện căn, phước đức, người có thiện căn và chịu tu phước nhất định được độ. Không có thiện căn, không có phước đức bây giờ siêng năng nổ lực tu học vẫn còn kịp. Nên biết cửa Phật không từ bỏ một ai, đây là lời chân thật không phải giả. Đức Phật xưa nay chưa từng nói vọng ngữ.

Trong Kinh Kim Cang nói Như Lai có ngũ ngữ, những điều ngài nói đều y theo năm nguyên tắc này. Thứ nhất là “chân ngữ”, nhất định không có hư vọng. “Như ngữ” là những lời nói ra nhất định tương ứng với chân tướng sự thật, đây đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Hàng thượng thượng căn thì Đức Phật giảng cho họ pháp thượng thượng thừa, đó chính là hoa khai kiến Phật. Đối với hạng hạ hạ căn ngài giảng pháp thượng thừa họ sẽ không hiểu được, không thể lý giải được cho nên không được lợi ích. Phải tùy theo căn cơ của họ, hàng hạ hạ căn thì giảng hạ hạ pháp họ mới được lợi ích.

Hạ hạ pháp là gì? Thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo. Tu thập thiện thì được phước, tạo thập ác liền bị tai hoạ. Nói như vậy hạng hạ hạ căn sẽ dễ hiểu, dễ tiếp thu nên Phật không có nói pháp nào nhất định mà tuỳ cơ để nói.

Thứ năm *“trí chủng chủng giải”.* Giải ở đây ngày nay chúng ta gọi là lý giải, khác với giải thoát ở trước. Giải thoát là đứng về mặt quả mà nói. Giải ở đây như ngày nay chúng ta nói, xem sách đã hiểu được, nghe giảng đã minh bạch. Năng lực này mỗi chúng sanh trong mười pháp giới không giống nhau.

Rõ ràng nhất là thấy từ việc phiên dịch, rất ít người có thể y theo ý nghĩa vốn có của nó để dịch, hoàn toàn phiên dịch ra, điều này hầu như vô cùng khó khăn. Phiên dịch có thể duy trì một nữa ý nghĩa vốn có của nó, đó là cũng rất khó rồi. Dịch đến sáu phần bảy phần là vô cùng hy hữu. Đây là hiện tượng phổ biến, là sự thật trước mắt. Nói như vậy thì kinh điển phiên dịch ở Trung quốc có đáng tin chăng? Chúng ta lấy một bài trong Cổ Văn Quán Chỉ ra để những người thông đạt tác phẩm văn cổ phiên dịch thành văn bạch thoại. Một trăm người dịch thì có một trăm cách khác nhau, tuyệt đối không thể có hai người dịch hoàn toàn tương đồng. Điều này khiến chúng ta thấu triệt rằng, giải có vô lượng cách giải, mỗi người có cách lý giải khác nhau. Tự mỗi người hàng ngày lý giải khác nhau. Lý giải ngày hôm qua và lý giải của ngày hôm nay không giống nhau, ngày mai đọc lại có lý giải mới nên giải có rất nhiều. Trí huệ của Như Lai là hoàn toàn thấu triệt, chẳng có gì không thông suốt.

Loại thứ sáu *“tri chủng chủng giới trí lực”.* Giới ngày nay chúng ta gọi là “loại biệt”. Trong Kinh Dịch nói “vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân”, đây là hiện tượng tự nhiên. Người có sở thích hợp với nhau, họ luôn tập trung lại một nơi, người sở thích không giống nhau thì họ không hợp lại được, vạn vật cũng như vậy. Quý vị xem cây cỏ hoa lá không nên xem công nhân vun xới đó là nhân lực đang chi phối nó. Quý vị thấy cỏ dại nó cũng mọc theo từng loại từng loại. Vạt này là cây Sam, chúng ta xem cả một vạt lớn toàn là cây Sam. Sườn núi đó là cây Tùng thì tất cả đều là Tùng. Đó là tự nhiên, không phải do nhân công trồng trọt, có thể nói đây là tánh đức hiển lộ. Đức Phật biết chủng loại khác nhau của mỗi chúng sanh. Họ là thuộc hàng Thanh văn hay thuộc hàng Bồ Tát, là quyền giáo Bồ Tát hay là thật giáo Bồ Tát, điều này Đức Phật đều biết. Cho nên gặp Phật, được ngài dạy mới thật là khế lý khế cơ cứu cánh viên mãn. Học với Phật chắc chắn không khô khan vô vị, nhất định được pháp hỷ sung mãn. Đức Phật rất khế cơ nên những gì ngài dạy, chẳng những chúng ta có thể lý giải, mà còn có thể lý giải một cách sâu sắc. Chúng ta được lợi ích gọi là pháp hỷ sung mãn. Vì sao vậy? Vì nó có liên quan mật thiết với đời trước của mình. Trong quá khứ đã từng học pháp môn này, trong đời này gặp được cảm thấy rất quen thuộc, cảm thấy không khó khăn. Trong quá khứ chưa từng học, lần đầu tiên gặp được sẽ rất khó khăn, đây là thiện giáo trong mười lực. Đầy đủ mười lực này là phổ độ chúng sanh.

Thứ bảy *“tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực”.* Những thứ tất cả chúng sanh học, và tạo chủng chủng nghiệp khác nhau. “Chí xứ” chính là nơi họ đạt được, chúng ta có thể nói là họ nhất định chiêu cảm lấy quả báo. Tu nhân nhất định chiêu cảm được quả, Đức Phật biết được. Chúng ta tu học đời đời kiếp kiếp trong quá khứ được quả báo là duyên. Trong A lại da thức của mỗi người nghiệp thức chủng tử vô lượng vô biên vô cùng vô tận. Trong kinh Đức Phật nói rất hay, nếu những nghiệp tập chủng tử này có thể tích, thì thể tích này dù nhỏ, nhỏ như hạt nguyên tử ngày nay vậy. Đức Phật nói biến pháp giới hư không giới cũng không dung nạp được. Có thật như vậy không? Là thật.

Nên biết chúng ta mỗi phút khởi bao nhiêu ý niệm? Bồ Tát Di Lặc nói, 1600 triệu trong một giây. Như vậy một ngày ta khởi bao nhiêu ý niệm? Một năm khởi bao nhiêu ý niệm? Suốt đời khởi bao nhiêu ý niệm? Còn có đời trước, từ vô thỉ kiếp trong quá khứ, Đức Phật nói lời này không hề hư vọng. Nhiều nghiệp tập chủng tử như vậy, mỗi nghiệp tập chủng tử khi gặp duyên đều có quả báo. Khi thọ quả báo lại tạo nghiệp, nghiệp tập chủng tử chỉ có gia tăng không có giảm ít, quý vị nghĩa xem đáng sợ biết bao, không dừng được!

Người tu hành chơn chánh đều y theo giáo huấn của Phật để tu hành. Họ biết dừng lại, họ hiểu được đạo lý này, nên biết tâm chúng ta cần phải như nước không gợn sóng vậy, phải thanh tịnh, bất động. Đây chính là nói công phu tu hành, đây là tam muội, là công phu thiền định. Định ở một nơi không để họ tạo nghiệp. Nguyên tắc chung, cương lãnh chung chính là trên đề Kinh Vô Lượng Thọ, định ở nơi thanh tịnh, định ở nơi bình đẳng, định ở giác, giác mà không mê, đây là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, là chánh giác tịnh. Chánh giác tịnh tuy là ba điều nhưng sự liên quan của nó rất mật thiết. Một cái đạt được thì cả ba đều đạt được. Người giác ngộ làm gì có không chánh, làm gì có không định. Không chánh không định làm sao giác được? Người tâm địa thanh tịnh nhất định có định, định khởi tác dụng nhất định là huệ, nhất định là giác nên đây là một mà ba, ba mà một. Tu một cái nhưng cả ba cái đều đạt được.

Chư Phật Như Lai và chư vị tổ sư dạy chúng ta dừng lại một nơi, chế tâm một chỗ là vô cùng chính xác, đây là lời chân thật không hề giả dối.

Ngày nay chúng ta nên để ý niệm trên Phật A Di Đà, mục tiêu chắc chắn ở thế giới Cực Lạc, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ. Cuốn Kinh Vô Lượng Thọ này giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc, là cuốn sách nói rõ về lý sự nhân quả. Sau khi chúng ta đọc rồi, đối với thế giới tây phương Cực Lạc rõ như trong lòng bàn tay. Biết được thế giới Cực Lạc là tất cả chư Phật giới thiệu pháp môn thành đạo cứu cánh cho pháp giới chúng sanh. Pháp môn này đơn giản, dễ, ổn thoả và nhanh, thành tựu lại rất thù thắng. Mỗi người đều có thể tu, người người đều có thể thành tựu, vậy tại sao không học?

Thứ tám *“tri thiên nhãn vô ngại trí lực”.* Năng lực lớn nhỏ của thiên nhãn cũng là mỗi người không giống nhau. Đức Phật đều biết, ngài đều có thể thấy được.

Thứ chín *“tri tức mạng vô lậu trí lực”.* Túc mạng là chúng sanh trong lục đạo đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo xả thân hay thọ thân, chủng chủng tạo tác, chủng chủng quả báo, Đức Phật đều thấy nghe và đều hiểu được. Lậu tận là phiền não đã đoạn tận, đoạn tận kiến tư phiền não. Kiến hoặc đã đoạn tận chứng được sơ quả tiểu thừa. Đoạn tận tư hoặc chứng được tứ quả A la hán. Đoạn tận trần sa phiền não, quý vị chứng được quả vị Bồ Tát. Vô minh đã buông bỏ, biết rằng quý vị chứng đến quả vị của Như Lai nhưng tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn được, vì thế ở trong cõi thật báo. Chúng ta đạt được thân pháp tánh, cõi pháp tánh nên gọi nó là nhất chân pháp giới. Pháp giới này là bình đẳng, mỗi người đều không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước nên nó tự nhiên bình đẳng.

Cho nên mỗi người đoạn tập khí nhiều ít không giống nhau. Tập khí nhiều hơn một chút thì thập trú, thập hạnh. Nhạt hơn một chút thì thập địa. Địa vị của Bồ Tát ở trong này quá vi tế người thường chắc chắn không nhìn thấy được, nhưng Như Lai biết rất rõ quý vị còn mấy phần tập khí chưa đoạn, Đức Phật đều biết hết, đây là tri túc mạng vô lậu trí lực.

Điều cuối cùng *“tri vĩnh đoạn tập khí trí lực”.* Thấy đẳng giác Bồ Tát đoạn tận phẩm cuối cùng của tập khí vô thỉ vô minh, họ chứng được diệu giác quả vị. Từ đẳng giác nâng lên đến diệu giác quả vị. Ai biết được điều này? Phật biết được, tự ngài biết được, người chứng được diệu giác quả vị biết, người có địa vị tương đồng với họ biết. Dưới thập địa đều không biết. Mười loại này gọi là thập lực *“thị vi thập lực”*.

Bên dưới nói có bốn loại vô sở uý. Trong kinh điển đại thừa thường nói là tứ vô uý.

*“Vô uý giả, hựu vân vô sở uý”* không có sợ hãi. *“Phật ư đại chúng trung thuyết pháp, thái nhiên vô uý chi đức giả”*, chư Phật Bồ Tát ở trong đại chúng giảng kinh thuyết pháp giáo hoá, thái độ tự nhiên không hề sợ hãi, không sợ người đặt vấn đề. Đặt vấn đề không đáp được thì thật khó coi, do đây mà sinh ra sợ hãi. Đưa ra bất cứ vấn đề nào ngài cũng đối đáp được như nước chảy, không có vấn đề nào làm khó được ngài, điều này thật không dễ. Đức Thế Tôn khi còn tại thế có ai cố ý làm khó ngài chăng? Có rất nhiều. Trong kinh điển tiểu thừa quý vị có thể thấy được. Trong Kinh Chăn Trâu, Đức Thế Tôn không có chăn trâu, đột nhiên đưa ra vấn đề này. Tôi chăn trâu thì trâu nên chăm sóc như thế nào? Làm sao có thể chăm sóc tốt nó? Ngài sẽ nói cho quý vị mỗi thứ đều biết. Đây là gì? Đây là một vài người không tin rằng, đức Như Lai có nhất thiết trí và hiểu hết mọi điều, họ không tin nên cố ý tìm phiền phức để thẩm vấn ngài, để khảo nghiệm ngài, Đức Phật đều đối đáp rất có đạo lý và rõ ràng, khiến người ta tâm phục khẩu phục, điều này có bốn loại gọi là tứ vô uý.

Thứ nhất *“nhất thiết trí vô sở uý. Phật ư đại chúng trung minh ngôn ngã vi nhất thiết tri nhân nhi vô uý tâm”.* Đây là điều người thông không dám nói, đến Khổng Lão Phu Tử cũng không dám nói. Khổng Lão Phu Tử trả lời người khác rằng: “tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã”. Quý vị đến hỏi tôi, những gì tôi biết đều nói với quý vị. Tôi không biết thì nói với quý vị điều này tôi chưa từng học. Ai dám nói mình là người nhất thiết trí? Chỉ có Đức Phật dám nói. Phật ở đây, quý vị nói viên giáo sơ trú Bồ Tát chính là Phật thật. Thập lực, tứ vô uý ngài có chứng được chăng? Chứng được, sơ trú Bồ Tát đã chứng được nên trong mười pháp giới hoá độ chúng sanh, ngài thật không có gì sợ hãi. Ngài không học nhưng những điều này ngài đều biết. Vì sao vậy? Vì đã minh tâm kiến tánh, tất cả pháp không rời tự tánh. Chỉ cần kiến tánh thì tất cả pháp tự nhiên thông suốt hoàn toàn. Bất luận quý vị hỏi điều gì, không có gì ngài không biết.

Lúc Đức Thế Tôn tại thế, chúng ta biết năm 19 tuổi ngài xuất gia đi cầu học, thân cận các bậc cổ đức đương đại. Các bậc đại sư của Tôn giáo và giới học thuật ngài đều thân cận, suốt 12 năm. 12 năm có thể học hết các điều chăng? Không thể, học suốt một đời cũng không thể, giống như đại học hiện nay vậy, mỗi khoá phải học bốn năm, mười khoá mất hết 40 năm, có thể có 100 khoá chăng? Quý vị làm sao có thọ mạng dài đến thế. Quý vị không học thì không biết được nhưng học rồi chưa chắc hoàn toàn biết được, như vậy mới biết được điều này rất khó. Chư Phật Bồ Tát đều không cần học, các ngài cần là kiến tánh, là khai phát trí huệ vốn có trong tự tánh. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đây là điều các ngài cần. Đã kiến tánh đó chính là hàng nhất thiết trí. Không kiến tánh thì đến thánh nhân của thế gian cũng không làm được, nên trong nhà Phật gọi thánh nhân là gì? Là minh tâm kiến tánh, mới gọi là đại thánh.

Tứ quả La hán là tiểu thánh chỉ thoát ly luân hồi lục đạo nhưng chưa kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới thật sự là đại thánh, gọi họ là Bồ Tát Ma Ha Tát. Ở Trung quốc ngài Huệ Năng kiến tánh, điều này trong Lục Tổ Đàn Kinh đã chứng minh cho chúng ta thấy. Ngài Huệ Năng không biết chữ, chưa từng học qua kinh giáo. Sau khi kiến tánh ngài lại có năng lực giải thích tất cả các kinh điển. Quý vị đọc cho ngài nghe, nơi nào không hiểu có hoài nghi, ngài đều giảng giải tường tận cho quý vị hiểu. Ví dụ này xuất hiện ở Trung quốc, người như vậy rất nhiều, đây là dùng ngài để làm đại biểu. Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên có 1700 người, trí huệ năng lực của họ bằng với ngài Huệ Năng. Còn trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, giáo môn đại khai viên giải niệm Phật nhất tâm bất loạn đều là cảnh giới này, cùng một cấp bậc, họ đều có năng lực này.

Người xưa đọc sách không như người hiện nay. Người bây giờ cầu tri thức, cổ nhân cầu trí huệ. Trí huệ có thể thành tựu nhất thiết trí, còn tri thức thì không thể. Tri thức nếu quý vị không học\_thường nói không trong nghề không biết tình hình nghề đó\_thì không thể thông suốt nhưng trí huệ thì thông suốt, nên nói một kinh thông suốt thì tất cả kinh đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả pháp môn đều thông. Đây là phương pháp học tập của Đông và Tây phương, là ở chỗ không tương đồng của lý niệm mục tiêu và hiệu quả.

Thứ hai *“lậu tận vô sở uý. Phật ư đại chúng trung minh ngôn ngã đoạn tận nhất thiết phiền não, nhi vô uý tâm”*. Đây là thật, ở đây nói về Phật, chúng ta có thể coi ngài là phần chứng tức Phật trên sơ trú, ngài đích thực có năng lực này. Vì sao vậy? Vì ba phiền não lớn, vô minh phiền não là khởi tâm động niệm, trần sa phiền não là phân biệt, kiến tư phiền não là chấp trước. Chúng ta đem những điều đại thừa và Kinh Hoa Nghiêm nói hợp lại sẽ rất dễ hiểu. Bồ Tát này đã hoàn toàn buông bỏ ba loại phiền não này, cũng chính là nói lục căn ở trong cảnh giới lục trần không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Phiền não này đã đoạn tận, tập khí vô thỉ vô minh không làm chướng ngại sự việc. Trong nhất chân pháp giới không chướng ngại sự việc, thật đã đoạn tận.

Nhân đây tôi nói với mọi người, vì ở trong thời thế loạn lạc này tôi tin rất nhiều người thường nghe được ai đó là Bồ Tát gì đó tái sanh, là Phật gì đó tái sanh, tất cả đều không phải thật. Ngày xưa thường nói chân nhân bất lộ tướng, lộ tướng không phải chân nhân. Nói họ là Bồ Tát gì đó tái sanh, họ vẫn ở nhân gian chưa nhập niết bàn. Nếu là thật khi thân phận bị bại lộ thì sao? Thị họ viên tịch ngay, ra đi liền. Đó là thật không phải giả.

Lịch sử Trung quốc ghi chép khi thân phận Vĩnh Minh Diên Thọ bại lộ ngài liền ra đi. Bố Đại hoà thượng tự mình tuyên bố, ngài là Bồ Tát Di Lặc tái sanh, sau khi tuyên bố rồi ngài liền nhập niết bàn, ngài liền ra đi, đây là thật. Hiện nay chúng ta nghe được rất nhiều lời đồn họ là Bồ Tát gì đó tái sanh, họ vì sao không đi? Chúng ta nên biết chúng ta nói Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Quán Thế Âm có bao nhiêu? Vô lượng vô biên! Họ là Bồ Tát Quán Âm nào? Không phải một người. Nếu nói vị Quán Thế Âm Bồ Tát nào đó, như vậy thì được đó là chỉ chính ngài. Nếu chỉ đơn thuần nói Bồ Tát Quán Âm thì nhân số rất nhiều. Phàm là người tu học pháp môn này đều gọi Quán Âm Bồ Tát. Tu học Pháp môn Địa Tạng đều gọi Địa Tạng Bồ Tát. Tu học pháp môn Phổ Hiền đều gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Bồ Tát có bao nhiêu địa vị? 51 địa vị, họ là Bồ Tát Phổ Hiền của năm thứ mấy? Có Phổ Hiền Bồ Tát sơ tín vị, có Phổ Hiền Bồ Tát thập tín vị, có Phổ Hiền Bồ Tát sơ trú có Phổ Hiền Bồ Tát sơ hạnh, có Phổ Hiền Bồ Tát thập hồi hướng, thập địa. Ngài là địa vị nào? Chúng ta đã thấu triệt sẽ không cảm thấy kỳ lạ.

Ngày nay chúng ta học là pháp môn gì? Chúng ta học vô lượng thọ, chúng ta học Phật A Di Đà. Phàm là người học Phật A Di Đà thì tất cả đều là Phật A Di Đà, quý vị phải học thật giống. Hiện tại chúng ta học vẫn chưa giống. Lớp học của chúng ta hiện nay là lớp học nào? Chúng ta đang học lớp dự bị, năm thứ nhất còn chưa đạt được. Chúng ta học Phật A Di Đà, lớp dự bị của Phật A Di Đà\_khoa dự bị. Vì sao vậy? Chúng ta phải đoạn 88 phẩm kiến hoặc mới học được năm thứ nhất lớp của Phật A Di Đà. Kinh Hoa Nghiêm có 51 địa vị. Thập tín chúng ta ví nó như tiểu học\_thập tín là tiểu học. Thập trú là trung học, sơ trung. Thập hạnh là cao trung. Thập hồi hướng là đại học. Thập địa là thạc sĩ. Đẳng giác là tiến sĩ. Chúng ta dùng cách này để ví dụ sẽ dễ hiểu hơn.

Chương trình chúng ta học là gì? Là Phật A Di Đà. Quý vị là địa vị nào? Phật A Di Đà của lớp nào? Tôi giải thích như vậy quý vị chắc đều đã hiểu. Tâm Phật A Di Đà là tâm gì? Chúng tôi thường khuyến khích và hướng dẫn chư vị đồng học, để Phật A Di Đà trong tâm, tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Lời này không phải tôi nói, mà là Trung Phong thiền sư đã nói trong Hệ Niệm Pháp Sự, đây là nói thật không phải giả. Ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ chính là ở đây, đều là nói rất thật. Đây là Chư Phật Bồ Tát thuận theo chân đế mà nói pháp, không phải tục đế là tuỳ thuận chân đế. Chúng ta dùng lý niệm này để giải thích sẽ rất thông suốt, không có gì gọi là hy hữu. Họ không phải, họ là học vị Bồ Tát này, họ không phải đẳng giác Bồ Tát. Rất nhiều học sinh đều giống như chúng ta đang học lớp dự bị. Đây là lớp mẫu giáo, chưa lên được lớp một. Mẫu giáo cũng có lớp lớn, lớp nhỏ, lớp trung, quý vị là Bồ Tát của lớp nào? Điều này không thể không hiểu.

Người học Phật A Di Đà nhiều, cần phải thực hiện bộ kinh này và bốn mươi tám nguyện. Phẩm 32 chúng ta chưa học đến, từ phẩm 32 đến phẩm 37 là giới luật trong kinh Vô Lượng Thọ. Hoàn toàn giảng nhân quả, trong đó nói về ngũ giới thập thiện nói rất tường tận. Chúng ta phải thực hành nó, phải làm được. Đó là hạnh của Phật A Di Đà, giới là hạnh, 48 nguyện là nguyện. Tâm của Phật A Di Đà thật là từ bi đến tột cùng, chỉ có một lý niệm mà ở trước chúng ta đã học, là tất cả đều thành Phật. Đây là tâm của Phật A Di Đà, cũng chính là tâm này thành tựu thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là giúp tất cả chúng sanh chứng được quả Phật viên mãn ngay trong đời này, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Chúng ta còn nghe người ta nói đây là Phật hay Bồ Tát gì đó tái sanh, chúng ta sẽ dùng tâm bình thường để đối đãi, như vậy là chính xác. Biết được điều gì? Họ là Phật Bồ Tát, tôi cũng là Phật Bồ Tát và quý vị cũng như thế. Không có ai không phải, mỗi người đều là Phật Bồ Tát. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: tất cả chúng sanh vốn là Phật, Đức Thế Tôn đã nói như thế. Vậy quý vị là Phật gì? Là vị Phật nào? Quý vị học vị Phật nào thì quý vị chính là vị Phật đó. Quý vị học Đức Thế Tôn thì quý vị chính là Đức Thế Tôn, học Phật A Di Đà thì quý vị chính là Phật A Di Đà, học Dược Sư Như Lai thì quý vị chính là Phật Dược Sư. Vì Phật Di Dà là mười phương chư Phật đều tán thán, mười phương chư Phật đều giới thiệu nên người học Phật A Di Đà rất đông. Phật A Di Đà chu biến thế giới. Tánh Phật biến khắp mọi nơi, nguyện của Phật cũng biến khắp mọi nơi, thần thông đạo lực của Phật cũng biến khắp mọi nơi.

Chư vị tổ sư dạy nếu chúng ta phát lòng tin chân thật và nguyện thiết tha một lòng xưng niệm, sẽ có năng lực nhiếp lấy vô lượng công đức của Phật A Di Đà trở thành công đức chính mình, như vậy vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc không khó. Chẳng những nhất định vãng sanh, mà vãng sanh thế giới Cực Lạc có phẩm vị rất cao, cần nên học, đây là nói đoạn phiền não. Tập khí phiền não nhất định phải buông bỏ, buông bỏ mới có thể thâm nhập kinh tạng. Kinh tạng chính là cuốn Kinh Vô Lượng Thọ này và chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chính là cuốn này.

Thứ ba *“thuyết chướng đạo vô sở uý. Phật ư đại chúng trung, thuyết cảm nghiệp đẳng chư chướng pháp nhi vô uý tâm”.* Chướng đạo, chướng là chướng ngại. Những gì là chướng ngại? Mê hoặc là chướng ngại, tạo nghiệp là chướng ngại, hoặc chính là vô minh. Nghiệp thì phân biệt chấp trước đều là nghiệp. Nghiệp là tạo ra, khi đang tạo ra là sự, chúng ta gọi nó là sự, sau khi tạo xong thì gọi nó là nghiệp. Nghiệp là nguyên nhân thứ nhất của quả báo. Đức Phật có thể nói rõ ràng điều này, vô minh chướng đạo, chướng điều gì? Chướng ngại sự khai ngộ, chướng ngại sự tu hành. Vô minh là không có trí huệ nên chướng ngại chúng ta tu hành, chướng ngại ta đạt định, nghĩa là chướng ngại ta được tâm thanh tịnh, và chướng ngại ta chứng quả. Trong pháp môn niệm Phật thì chướng ngại ta vãng sanh, điều này phiền phức chăng? Nên người niệm Phật nhất định phải cầu trí huệ. Tu hành phải phối hợp mật thiết với kinh giáo, những gì trong kinh giáo nói chúng ta đều phải thực hiện nó mới được.

Chúng ta nghe hiểu, nghe hiểu nhưng không thể thực hành nó thì không có lợi ích. Nghe hiểu rồi có thể thực hành mới thật sự được lợi ích. Lợi ích này chính là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, chúng ta đã tiếp nhận và có cảm ứng. Nếu nghe hiểu nhưng không làm được vẫn là một loại chướng ngại, như vậy chúng ta hiểu được tín nguyện hạnh thì hạnh quan trọng biết bao. Hạnh nghĩa là đem những lý luận trong kinh điển nói, biến thành tư tưởng kiến giải của mình. Tư tưởng kiến giải của chúng ta là chánh tri chánh kiến. Cách nhìn cách nghĩ không giống với kinh điển là tà tri tà kiến. Chuyển tà thành chánh cần phải dựa vào kinh giáo, lấy kinh giáo làm tiêu chuẩn. Không có tiêu chuẩn thì chuyển bằng cách nào? Dựa vào đâu để chuyển? Dựa vào tiêu chuẩn này để chuyển.

Nghe kinh phải nghe như thế nào mới thật sự hiểu được? Các bậc cổ đức dạy tâm chân thành, tâm cung kính. Ấn Quang đại sư dạy mọi người, một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Hay nói cách khác, không có tâm thành kính thì dù ngày ngày nghe kinh, nghe đến cả trăm năm cũng không được lợi ích. Vì sao vậy? Vì quý vị coi nó như trò đùa, không siêng năng, như vậy làm sao được lợi ích? Tâm chân thành từ đâu mà có? Từ việc hiếu thảo với cha mẹ. Người bây giờ rất khó, vì sao vậy? Vì không còn ai dạy về hiếu thảo, từ nhỏ chưa học, cha mẹ chúng ta cũng không dạy, không ai làm tấm gương hiếu thảo để chúng ta noi theo, cũng không ai dùng lời nói để dạy. Vì thế quý vị không hiểu hiếu đạo cũng không thể trách quý vị, như trong kinh này Đức Phật nói: *“*tiên nhân bất thiện”, tiên nhân là cha mẹ, tổ phụ mẫu, tằng tổ phụ mẫu thậm chi là cao tổ phụ mẫu họ đều đã lãng quên và không nổ lực dạy quý vị. Họ không phải không biết điều này mà là họ lơ là. Ngày nay quý vị phạm những lỗi lầm này đều nên tha thứ không nên trách cứ quý vị. Chư Phật Bồ Tát có lòng thương xót.

Nhưng khi chúng ta đến ba bốn mươi tuổi, đến tuổi già mới nghe được giáo huấn của Phật, mới biết thì ra có điều này. Thật hiếm có, thật không dễ! Sau khi nghe xong có thể ngộ nhập bao nhiêu, đó là tâm biết xấu hổ và tâm biết sám hối của chúng ta, từ đây chúng ta có thể đạt được vì chúng ta thật tâm sám hối, thật biết xấu hổ nên đã bù đắp cho tâm cung kính. Có được một chút như vậy thì quý vị thật sự nghe hiểu được một chút. Từ đây dần dần trưởng dưỡng, kiên trì không bỏ tìm tâm thành kính của chúng ta trở về. Đây là gì? Đây là chân tâm của mình. Tất cả pháp mà Đức Phật dạy đều từ chân tâm hiển lộ ra. Chỉ có dùng chân tâm mới có thể tiếp nhận họ còn dụng vọng tâm không tương ưng với họ được. Dù Họ giảng có nhiều bao nhiêu cũng chỉ hoài công, một câu cũng không nghe lọt vào tai. Chân tâm đối với chân tâm thì pháp này sẽ truyền cho quý vị và thật đã đạt được.

Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này là Phật A Di Đà trực tiếp truyền cho chúng ta. Quý vị có 12 phần chân thành, quý vị có 12 phần chân thành nên Phật A Di Đà truyền bộ kinh này cho quý vị. Họ cũng có tâm chân thành như vậy, Phật A Di Đà cũng đem bộ kinh này truyền cho họ, như vậy không phải hiện tại có ba vị Phật A Di Đà rồi sao? Đây là nói thật với quý vị, không phải dùng lời hư vọng, quý vị có đồng ý tiếp nhận chăng?

Bồ Tát Quan Âm có ba bộ kinh. Trước đây chúng ta có đề cập đến, cả ba bộ kinh đều được ấn chứng. Nó không phải độc lập mà ở trong Đại Tạng Kinh. Mọi người đều biết Kinh Phổ Môn là một phẩm trong kinh Pháp Hoa. Quan Âm còn có trong Kinh Hoa Nghiêm 53 lần tham bái cầu học của Thiện Tài Đồng Tử, “Đệ thất hồi hướng” là Quán Thế Âm Bồ Tát. “Đệ thất hồi hướng chương” này là Quán Thế Âm Bồ Tát nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong Kinh Lăng Nghiêm có Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương. Y theo pháp môn này tu là tu pháp môn Quán Âm.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói Bồ Tát làm thế nào để thành tựu? Ngài dùng nhĩ căn, dùng tánh nghe nghe âm thanh của tánh, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Đây là Bồ Tát Quán Âm nói ra, ngài đã tu hành như thế nào để thành Phật. Dùng pháp môn này là tu pháp môn Quán Âm. Đại từ đại bi, nhìn thấy chúng sanh khổ nạn lập tức đưa tay giúp đỡ, thiên thủ thiên nhãn là tượng trưng cho ý này, nên hoặc nghiệp chướng đạo, nói về nó một cách rõ ràng là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói khởi tâm động niệm là hoặc, phân biệt chấp trước là nghiệp. Chúng ta chỉ cần có ba thứ này thì việc tu học Phật pháp sẽ rất khó, vì sao vậy? Vì có ba thứ này thì tâm quý vị không thành, không kính\_không có chân thành cung kính. Đức Phật có thể đem điều này nói một cách rõ ràng minh bạch, không sợ hãi điều gì, vì sao vậy? Vì ngài hoàn toàn không có những chướng ngại này, ngài đã đoạn tận tất cả.

Điều thứ tư sau cùng là *“thuyết tận khổ đạo vô sở uý. Phật ư đại chúng trung, thuyết giới định tuệ đẳng chư tận khổ chi chánh đạo, nhi vô uý tâm, thị danh tứ vô uý”*. Đây là gì? Ở trước là biết khổ, phương pháp nào có thể đoạn tận khổ, đây chính là tận khổ đạo. Phương pháp này chính là tam học giới định tuệ. Tam học, lục độ, thập nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Tam học là tổng cương lĩnh, tất cả Phật pháp không rời tam học nên quý vị thấy Đại Tạng Kinh, phương pháp biên tập của nó là kinh luật luận. Luật là giới học, kinh là định học, luận là huệ học, không rời được ba cương lĩnh lớn này. Nếu chúng bỏ giới, không trì giới, điều này không thể được? Không trì giới làm sao có thể được định? Tâm thanh tịnh là định, tâm bình đẳng là định. Không trì giới thì không thể phục hồi thanh tịnh bình đẳng. Không có thanh tịnh bình đẳng thì trí huệ không khai mở. Giác ở đằng sau là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Là chữ giác trong thanh tịnh bình đẳng giác.

Thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền, quả báo chính là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm ở trên đề kinh. Đại thừa là tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng hảo. Quý vị xem trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Trí huệ của Như Lai là đại thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm, tất cả đều ở trên đề kinh.

Cư sĩ Bành Tế Thanh nói Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bổn Hoa Nghiêm, không sai, là thật không phải giả. Cho nên đặc biệt trong hoàn cảnh hiện tại này chúng tôi dừng lại không giảng Kinh Hoa Nghiêm, gấp rút giảng bộ kinh này một lượt tường tận tỷ mỹ, chúng ta ở đây cùng nhau chia sẻ. Trong kiếp nạn này, dùng bộ kinh này, dùng phương pháp này nhất tâm trì danh hiệu Phật. Văn tự trong kinh là “phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm”, như vậy chúng ta có thể giải quyết thiên tai, giải quyết vấn đề chính mình. Cũng giúp xã hội, giúp địa cầu này hoá giải thiên tai. Làm như vậy được vô lượng công đức, chúng ta nên biết và cố gắng nổ lực.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tâp 369

# Tập 370

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:10.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 443, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

*“Vô tánh giả, Pháp Hoa Kinh viết, tri pháp thường vô tánh. Tánh giả thể dã, nhất thiết chư pháp giai vô thật thể, cố viết vô tánh”.*

Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng một câu trong Kinh Pháp Hoa là: “tri pháp thường vô tánh”, đây là chân trí, Phật tri Phật kiến. Tánh là gì? Tánh là thể. Chúng ta thường gọi là tánh chất, tánh thể. Cái gì thành tựu pháp tánh này? Ví dụ chúng ta xem một cuốn sánh thì sách này là nhất pháp. Thể của sách là gì? Là trang giấy. Khi những trang giấy này tập trung lại đóng thành một cuốn sách nhưng xé nó ra thì không gọi là sách nữa mà gọi là giấy, từng trang từng trang giấy.

Thể của sách là giấy, giấy thật sự có thể chăng? Giấy không có thể, giấy do xơ chế tạo thành. Không có xơ thì giấy cũng không có nên sách không có tự thể, giấy nó cũng không có tự thể. Phân tích tỷ mỷ thì tất cả pháp trong thế gian này đều không có tự thể. Những người thông minh, người có trí huệ biết, cho nên biết tất cả pháp thường vô tánh. Tất cả pháp đều không có thật thể, cho nên gọi là vô tánh. Trong kinh Đức Phật thường nói duyên tụ thì hiện, duyên tán thì mất. Như cuốn sách chúng ta lấy giấy đóng lại thì nó hình thành cuốn sách, nhưng sau khi tách rời ra thì sách cũng không còn. Một ngôi nhà cũng cùng một đạo lý như vậy, trong đó có sắt thép, có nước xi măng, có rất nhiều chất liệu kiến trúc, sau đó chiếu theo đồ hoạ kết hợp xây dựng nên, phòng nhà liền hiển thị ra nhưng khi phá bỏ thì nó lại trở về thành từng đống vật tư xây dựng ban đầu, phòng ốc cũng không còn nên tất cả pháp đều là khi duyên tụ thì có, duyên tán không, do đó chúng ta hiểu được chân tướng sự thật.

Đức Phật nói con người chúng ta là duyên tụ bốn đại năm uẩn. Tứ đại là nói đất nước gió lửa, hiện tượng vật chất. Ngoài hiện tượng vật chất ra có thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần, nên nó là duyên tụ. Năm uẩn tụ tập hiện ra tướng người này, khi năm uẩn tán thì tướng người này cũng không tồn tại, duyên tụ duyên tán. Khi duyên tụ có nhưng không có thật. Khi duyên tán mất cũng không phải là thật mất. Nếu chúng ta thấu triệt được điều này, mới lãnh ngộ được tất cả pháp vốn không sanh không diệt, tất cả đều là duyên tụ duyên tán mà thôi. Duyên tụ duyên tán thì sức mạnh nào tạo thành hiện tượng này? Hiện nay các nhà khoa học không ngừng nghiên cứu nhưng Phật pháp đã có đáp án từ sớm.

Quý vị xem trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư nói “hiển nhất thể”, nhất thể này là tự tánh là chân như, là chân tâm, lại gọi là bổn tánh, danh từ rất nhiều. Nó tồn tại, nó là bản thể của tất cả pháp, nhưng lục căn của chúng ta nhãn nhĩ tỷ thiệt thân đều duyên không được nó, cũng không cách nào tiếp xúc được nó. Lục căn có thể tiếp xúc được hiện tượng, vì sao không tiếp xúc được tự tánh? Tự tánh nó không phải hiện tượng, không có hiện tượng, nó không có vật chất, không có hiện tượng vật chất, nó cũng không phải tinh thần, nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Trong vũ trụ có rất nhiều hiện tượng nhưng quy nạp lại thì không ra ngoài ba loại lớn này.

Nếu là hiện tượng vật chất thì năm căn trước có thể duyên tới. Chúng ta có thể thấy được, có thể nghe được. Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân có thể duyên được hiện tượng vật chất. Nếu hiện tượng tinh thần thì đệ lục ý thức duyên được, đệ lục ý thức là tư tưởng, có thể tư có thể tưởng, có thể tư duy tưởng tượng nhưng nó không phải hiện tượng tinh thần, nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nó không phải là gì cả nhưng nó tồn tại, nó hiển diện mọi lúc mọi nơi, tuy nó tồn tại mọi lúc mọi nơi nhưng lục căn không tiếp xúc được, nên trong Phật pháp đại thừa thường gọi là không, gọi là vô. Vô chẳng phải là không có, không ý của nó cũng không phải là vô nhưng nó có thể hiện. Cái gì nó cũng không phải, nhưng nó có thể hiện hiện tượng, đến hiện tượng tự nhiên cũng là nó hiện, nó không phải hiện tượng tự nhiên.

Khi một niệm bất giác liền hiện ra A lại da. Điều thứ nhất trong ba tế tướng của A lại da là nghiệp tướng. Nghiệp tướng chính là hiện tượng dao động. Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, hiện tượng dao động này là nghiệp tướng, thuộc về hiện tượng tự nhiên. Từ nghiệp tướng biến hiện ra chuyển tướng, chuyển tướng chính là thức thứ bảy tức là Mạt na. Mạt na là bốn đại phiền não thường tương tuỳ, đây chính là hiện tượng tinh thần. Thứ nhất là ngã kiến, thứ hai là ngã ái, thứ ba là ngã mạn, thứ tư là ngã si. Quý vị xem cái đầu tiên là cái “ngã” đã xuất hiện. Không có ngã nhưng ngộ nhận cho rằng có ngã, theo ngã xuất hiện chính là tham sân si.

Quý vị xem ái chính là tham, mạn tức là sân nhuế còn ngã si là tham sân si. Tam độc phiền não liền theo đến, đây là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần, họ lại yêu cầu, họ có ý niệm này. Từ trong ý niệm liền xuất hiện ngã kiến ngã ái ngã mạn ngã si, nên xuất hiện hiện tượng vật chất, xuất hiện cảnh giới tướng. Tứ phần của bát thức thì kiến phần và tướng phần xuất hiện. Tướng phần là hiện tượng vật chất. Vật chất từ đâu mà? Các nhà khoa học nói vật chất xuất hiện từ ý niệm, không có ý niệm thì không có vật chất, cho nên ý niệm có trước vật chất có sau, cũng có nghĩa là hiện tượng vật chất có trước, hiện tượng vật chất có sau. Hiện tượng tinh thần đến từ hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tự nhiên là hiện tượng dao động. Trong tự tánh cả ba loại hiện tượng đều không có, nên ba loại hiện tượng này đều là vô tánh, tất cả là không tự tánh. Quí vị chẳng thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Nói nó không có nhưng hiện tượng đích thực tồn tại, nói nó có nhưng hiện tượng này đương thể tức không, liễu bất khả đắc, như vậy mới thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật.

Như vậy làm sao biết được có tự tánh? Đối với nó thì khoa học không có biện pháp, triết học cũng không có cách nào. Vì sao vậy? Vì khoa học, triết học không rời ý thức. Chúng ta muốn nghiên cứu thì phải dùng đệ lục ý thức, đệ lục ý thức là hư vọng. Hư vọng chỉ có thể duyên được hư vọng, không duyên được chân thật. Đức Phật làm sao biết có chân tướng? Đức Phật từng nói buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước liền thấy được. Vì sao vậy? Vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là vọng tâm. Vọng tâm buông bỏ thì chân tâm liền hiện tiền, đó gọi là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới có tác dụng, mới có thể giải quyết vấn đề. Thực tế mà nói thì triết học và khoa học không giải quyết được vấn đề, mà càng làm cho vấn đề phức tạp hơn, như vậy rất phiền phức.

Thế giới ngày nay khoa học kỷ thuật văn minh đã đem địa cầu đến ranh giới của sự huỷ diệt, đây là tác dụng phụ của nó. Cho nên học thuật đông phương tôn sùng trí huệ, chứ không phải tri thức. Khoa học và triết học đều là tri thức. Đặc biệt là Phật pháp đại thừa, là cầu trí huệ chân thật, không phải tri thức. Trí huệ và tri thức là hai lãnh vực khác nhau. Tri thức xuất hiện từ trong vọng tâm, lấy A lại da làm nền tảng. Trí huệ lấy chân tâm, lấy tự tánh làm nền tảng, trong tự tánh vốn có. Ngài Huệ Năng khi kiến tánh ngài dùng năm câu để miêu tả tự tánh. Câu thứ nhất ngài nói tự tánh là thanh tịnh, “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”.* Đâu ở ở đây nếu dùng cách nói hiện nay nghĩa là thật không ngờ, thật không ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, xưa nay chưa từng nhiễm ô. Hiện nay chúng ta mê như vậy, tự tánh có nhiễm ô chăng? Không có, nó nhất định không bị nhiễm ô.

Hiện tượng thứ hai nó không sanh không diệt. Hiện tượng thứ ba nó vốn tự đầy đủ. Nó tuy không có gì cả nhưng nó lại có thể hiện tất cả, đây gọi là tánh đức. Câu này trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất rõ ràng, ngài nói tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, đây chính là câu ngài Huệ Năng nói “vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Đầy đủ trí huệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo. Hiện tượng thứ tư nó vốn bất động, xưa nay chưa hề động, “vốn không dao động”. Huyễn tướng đang động nhưng nó bất động. Câu cuối cùng nói “đâu ngờ tự tánh năng sanh ra vạn pháp”, tất cả các pháp trong biến pháp giới hư không giới đều là nó sở sanh, nó sở hiện. Nó là năng sanh năng hiện, vạn pháp là sở sanh sở hiện. Nó không có hiện tượng nào, không phải vật chất, không phải tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, nên nó hiện ra những hiện tượng này, đương thể tức không liễu bất khả đắc. Vậy nó hiện như thế nào? Bồ Tát Di Lặc nói đó chính là phương pháp hiện. Điều này các nhà khoa học cũng đã nhìn thấy. Chúng ta đối với các nhà khoa học này không thể không khâm phục. Cảnh giới vi tế như vậy họ có thể thấy được.

Phổ Lãng Khắc nhà khoa học người Đức, thầy của Ái Nhân Tư Thản, suốt đời chuyên môn nghiên cứu về nguyên tử, nghiên cứu về lượng tử. Ông ta nói trên thế giới này không có thứ gì gọi là vật chất. Bản chất của vật chất là gì? Là ý niệm, điều này hoàn toàn tương đồng với Phật pháp nói. Cảnh giới tướng từ đâu đến? Từ chuyển tướng biến hiện ra. Chuyển tướng chính là ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, ngã si. Từ những thứ này biến hiện ra, những thứ này từ đâu mà có? Trong tự tánh nó vốn đầy đủ trí huệ đức tướng. Trong tự tánh có những thứ này nhưng nó không hiện tướng, gặp duyên nó liền hiện tướng. Tự tánh có trí huệ, trong tự tánh có kiến văn giác tri. Khi kiến văn giác tri mê liền biến thành thọ tưởng hành thức, nơi tự tánh gọi là kiến văn giác tri. Trong A lại da thì biến thành A lại da, nó chính là thọ tưởng hành thức trong A lại da. Phật pháp nói rốt ráo viên mãn hơn khoa học.

Các nhà khoa học nói đến tin tức, họ nói trong vũ trụ ba loại là năng lượng, tin tức, vật chất, chính là tam tế tướng. Họ nói năng lượng chính là nghiệp tướng của A lại da, tin tức chính là chuyển tướng của A lại da, vật chất chính là cảnh giới tướng của A lại da. Thật đáng nể.

Điều này trong kinh Đức Phật nói rất rõ, năng lực phan duyên của thức thứ sáu rất lớn. Đối với bên ngoài nó có thể duyên đến hư không pháp giới. Đối nội nó có thể duyên đến A lại da, nhưng không duyên được tự tánh, vì nó là vọng tâm, nó không thấy được chân tâm. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chân tâm tự nhiên hiện tiền. Minh tâm kiến tánh chính là như vậy!

Thành Phật không phải là học rộng nghe nhiều, học rộng nghe nhiều có thể trở thành một vị tiến sĩ, một vị chuyên gia nhưng không thành Phật được. Vì sao vậy? Trong Phật pháp nói học rộng nghe nhiều là sở tri chướng.

Đức Thế Tôn khi còn tại thế đã biểu diễn cho chúng ta, thị hiện cho chúng ta thấy. Ngài biểu diễn là một người thanh niên tri thức hiếu học, 19 tuổi ra đi tham học, học suốt 12 năm. Tất cả học thuật, học phái và Tôn giáo của Ấn Độ ngài đều thân cận và học hỏi, 19 tuổi rời gia đình, xả bỏ dục vọng, nghĩa là buông bỏ phiền não chướng. Ngài sống cuộc đời khổ hạnh tăng, buông bỏ phiền não chướng. Học suốt 12 năm, đến năm 30 tuổi dưới gốc cây bồ đề ngài đã buông bỏ hết sở học trong 12 năm, như vậy mới khai ngộ. Buông bỏ hai chướng nên thành Phật. Sau khi thành Phật mới thật sự là “vô sở bất tri, vô sở bất năng. Ở nơi Đức Thế Tôn chúng ta thấy rất rõ ràng, ngài buông bỏ phiền não chướng, buông bỏ sở tri chướng.

Ở Trung quốc thông qua ngài Huệ Năng, quý vị có thể thấy được, thấy được điều gì? Không cần học gì cả, nhưng ngài “vô sở bất tri, vô sở bất năng”. Ngài Huệ Năng không biết chữ, ở nơi đạo tràng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn tám tháng, ngài chưa từng đến giảng đường. Hay nói cách khác chưa từng nghe qua bài giảng nào, ngài cũng chưa từng vào thiền đường, đến một cây hương cũng chưa từng ngồi. Ngũ tổ sai ngài đến giả gạo chặt củi trong nhà bếp, làm nghề tiều phu cũ của mình. Ngài là tiều phu chặt củi lượm củi, ngài chưa học qua gì cả. Trong Lục Tổ Đàn Kinh chúng ta nhìn thấy và lãnh hội được. Tâm địa ngài thanh tịnh, thiện lương, thật thà, từ bi, khiêm tốn, cung kính. Chúng ta thấy ngài có những đức hạnh này, ngài chính là người như vậy.

Sau khi khai ngộ Ngũ tổ dạy ngài mau chóng ra đi. Vì sao vậy? Vì sợ sự đố kỵ làm chướng ngại. Vì những người đó theo Ngũ tổ đã nhiều năm, nhưng pháp của Ngũ tổ lại không truyền cho họ, mà truyền cho một người từ ngoài đến, lại không biết gì hết, cho nên họ sẽ không phục. Vì thế Ngũ Tổ dạy ngài đi trốn, ẩn mình đi. Ngài đi lánh nạn suốt 15 năm. 15 năm mọi người cũng đã quên dần sự việc này, ngài mới xuất hiện. Trong thời gian lánh nạn, trên đường lánh nạn ở thôn Tào Hầu, người đầu tiên ngài gặp là Tỳ Kheo Ni Vô Tận Tạng, vị Tỳ Kheo này thọ trì Kinh Niết Bàn, Kinh Niết Bàn phân lượng rất lớn. Mỗi ngày cô ấy đọc tụng ngài đều ngồi bên cạnh nghe, nghe vị Tỳ Kheo này đọc kinh. Sau khi vị Tỳ Kheo này đọc xong Huệ Năng đại sư liền giảng giải cho cô ấy nghe. Ý nghĩa trong kinh như thế nào, ngài liền giảng giải cho cô ta nghe. Vị Tỳ Kheo này giật mình, khâm phục đến ngũ thể đầu địa, cho nên đem kinh đến thỉnh giáo với ngài.

Ngài nói tôi không biết chữ cô không nên đưa kinh cho tôi. Không biết chữ thì ngài làm sao biết được? Ý nghĩa trong này ngài giảng rất rõ ràng. Ngài nói điều này không liên quan đến việc biết chữ hay không, cũng liên quan đến việc biết đọc kinh hay không. Ngài thị hiện như vậy là nói với chúng ta nếu thật có trí huệ thì thật có thể giải quyết vấn đề. Tất cả các kinh mà Đức Thế Tôn thuyết trong suốt 49 năm, chỉ cần đọc cho ngài nghe, thì ngài đều có thể giảng giải. Ngài hoàn toàn thông đạt, hoàn toàn thấu triệt. Như vậy mới có thể hoằng pháp lợi sanh, như vậy mới có thể cứu độ chúng sanh. Cứu độ chúng sanh cần có trí huệ, tri thức thì không thể làm được.

Quý vị thử nghĩ xem bắt đầu từ niên đại 1970, liên hiệp quốc khởi xướng thế giới hoà bình, hoá giải xung đột, xúc tiến xã hội an định thế giới hoà bình. Mỗi năm đều mở hội nghị này, tham dự hội nghị này đều là học giả chuyên gia là tiến sĩ, là những vị giáo thọ nổi danh. Làm việc này đã hơn 30 năm đến nay cũng được khoảng 40 năm. Mười năm lại đây tôi cũng tham gia hơn mười lần hội nghị. Tôi hiểu điều này không thể giải quyết được vấn đề.

Quý vị xem hội nghị một năm không biết mở bao nhiêu lần, nhưng thế giới này tần suất xung đột mỗi năm càng tăng, phạm vi xung đột mỗi năm càng rộng hơn, dẫn đến rất nhiều thiên tai. Như vậy không phải rất rõ ràng rồi sao? Tri thức không thể giải quyết vấn đề. Ngày nay thiên tai đã xuất hiện, mọi người đều hoảng hốt, không biết dùng phương pháp gì để đối phó. Thật ra mầm mống của bệnh có thể là do hiện nay con người chưa giác ngộ, chúng ta tin rằng có một số người đã giác ngộ. Mầm mống của bệnh là gì? Là lòng người đã băng hoại, tự tư tự lợi đạt đến đỉnh cao nhất. Khởi tâm động niệm là tổn người lợi mình. Tổn người là đưa người khác đến con đường chết, không lưu lại chút tình, như vậy là sai. Ông trời có báo ứng, thời hiện đại này các nhà khoa học đặc biệt là giới lượng tử học cũng nói đến điều này.

Năm ngoái Bố Lai Đăng người Mỹ, mở hội nghị ở Tuyết Lê, thảo luận về vấn đề lời dự báo sang năm có thiên tai của Mã Nhã. Ông ta nói rất hay, ông nói năm 2012 nếu con người trên toàn thế giới có thể bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm, thì chẳng những có thể hoá giải thiên tai mà còn đem đến cho địa cầu một tương lai tốt đẹp hơn. Lời của ông cùng một đạo lý với trong kinh Phật và truyền thống văn hoá nói. Ngày xưa khi gặp thiên tai đế vương tắm rửa trai giới. Thật sự sám hối, đoạn ác tu thiện, đại xá thiên hạ làm việc tốt, như vậy có thể làm giảm nhẹ thiên tai.

Trong kinh Đức Phật nói rất hay, vì sao có thể giảm nhẹ? Vì thiên tai là do ý niệm bất thiện tạo thành, ý niệm bất thiện, ý niệm vừa chuyển thành thiện thì thiên tai liền được hoá giải. Mặc dù không thể hoàn toàn hoá giải nhưng cũng giảm nhẹ rất nhiều. Trong kinh Phật nói rằng: tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Câu này được các nhà lượng tử học hiện đại chứng minh. Ba ngàn năm trước Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, Kinh Hoa Nghiêm nói toàn thể vũ trụ là “duy tâm sở hiện duy thức sở biến”, mười pháp giới y chánh trang nghiêm là thức biến. Thức là gì? Là phân biệt chấp trước. Trong phân biệt chấp trước có nhiễm có tịnh, có thiện có ác. Tâm tịnh sở hiện sơn hà đại địa là thanh tịnh, tâm nhiễm chính là ô uế. Tâm thiện thì hiện ba đường ác, tâm ác liền biến ra ba đường ác, tất cả đều do tự tâm mình biến hiện ra. Trong tự tánh không có những thứ này.

Hay nói cách khác tốt cũng được, không tốt cũng không được, tất cả đều là tự làm tự chịu, đều không liên quan đến bất cứ ai. Chính ý niệm của mình biến hiện ra cảnh giới, chỉ có Phật pháp nói rõ ràng minh bạch. Nhưng thế nào? Mọi người đều cho rằng Phật giáo là mê tín nên không tin, như vậy chỉ có thể để họ tự nhận chịu. Khi nào quay đầu\_như một số tôn giáo nói là khi đó họ được cứu.

Bên dưới dẫn chứng, *“Hựu Lăng Nghiêm Kinh, Duy Thức Luận đẳng minh tam chủng vô tánh”.* “Tam vô tánh” này trong Phật pháp đại thừa thường nói, đây là Phật học thường thức. *“Nhất, tướng vô tánh”.* Tướng là hiện tượng, tánh là tự thể. Không có tự thể, tất cả đều là duyên tụ duyên tán. *“Nhất thiết chúng sanh dĩ vọng tâm hướng nhân duyên sanh chi sự vật”.* Muôn sự muôn vật không rời được nhân duyên. *“Kế độ vi ngã, vi pháp”,* “kế” nghĩa là tư tưởng đang phân biệt, đang chấp trước. Chúng ta nói trong tâm đang lên kế hoạch tính toán. “Độ” là đo lường, “độ” là chấp trước, “kế” là phân biệt. Cho rằng hữu ngã nên ngã kiến cũng từ đây mà hiện ra, từ kế độ phân biệt mà có. Tất cả pháp bên ngoài cũng từ kế độ mà sanh ra, đều là từ phân biệt chấp trước sanh ra. Tính toán đo lường có ngã, đây gọi là ngã chấp, nghĩa là chấp trước có cái ta. Chấp trước tất cả pháp gọi là chấp pháp nên chấp trước phân thành hai loại lớn. Ngã chấp và pháp chấp, hai loại lớn này.

*“Tịnh mê chấp vi thật ngã dữ thật pháp”.* Chấp trước đến mức nghiêm trọng, mê quá sâu cho rằng đây là thật, cho rằng thật có ngã, thật có pháp điều này rất phiền phức. *“Thị danh biến kế sở chấp tánh”.* Nó không có tánh, nó phổ biến đang phân biệt chấp trước cho rằng, là thật có, là thực tại. Ở sau đưa ra một ví dụ, ví dụ này trong kinh Đức Phật thường nói, *“như kiến thằng”,* một sợi dây, sợi dây này rất thô. Ngày xưa dây đa phần dùng sợi đay hay dùng cỏ. Dây cỏ thì càng to, dây sợi đay thì nhỏ hơn một chút. Sợi dây cỏ đích thực buổi tối sẽ ngộ nhận nó là rắn. Bây giờ dây làm bằng ni lông, làm bằng tơ nên rất nhỏ. Điều này lúc Đức Phật còn tại thế, tôi tin rằng ở Trung quốc và Ấn độ dùng dây cỏ là nhiều nhất, dùng dây cỏ. Nhìn thấy sợi dây mà ngộ nhận cho rằng đó là rắn. *“Xà phi thật hữu”*, vốn không có rắn nhưng như thế nào? Chúng ta đã ngộ nhận. Buổi tối khi ở trong bóng đêm, thấy không rõ nên cho rằng nó là rắn. Trong tâm chỉ có tướng của con rắn nên sinh sợ hãi, rất ít người không sợ rắn vì thế rất sợ hãi. *“Thử tướng phi thật hữu, đãn nhân vọng tình nhi hiện, cố viết tướng vô tánh”.* Tướng của rắn không có thật. Vì sao có hiện tượng này? Là do vọng tưởng phân biệt chấp trước mà hiện ra, nên nói tướng vô tánh. Biến pháp giới hư không giới sum la vạn tượng, nó giống như ví dụ này vậy. Hiện tướng, tướng rất ngắn ngủi, quý vị hoàn toàn không hiểu được chân tướng. Quý vị nhìn thấy là vọng tưởng.

Ngày xưa không có điện ảnh, nếu có điện ảnh tôi tin rằng Đức Thế Tôn nhất định dùng ví dụ này. Trên màn hình chúng ta thấy được hiện tượng này, ngộ nhận rằng nó là thật. Thật ra điều này là sao? Thật ra nó là từng cuộn băng đang mở ra trên màn hình này mà thôi. Mỗi cuốn đều là bất động, nó di chuyển quá nhanh khiến mắt chúng ta sanh cảm giác sai lầm, cho rằng nó có thật, nhưng thật ra nó không hề có. Tướng có động tác chăng? Không có, nó như như bất động. Tướng phải chăng là giống nhau? Không giống nhau, mỗi tấm đều không như nhau, mỗi ý niệm sanh một tướng phần. Quý vị thấy một khảy móng tay, thời gian một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm, nghĩa là một khảy móng tay có 320 đoạn băng, không có cái nào tương đồng.

Tiến sĩ Giang Bổn người Nhật làm thí nghiệm nước. Hình như năm 2004 tôi đi tham vấn, tham quan phòng thí nghiệm của ông ta. Ông ta nói với tôi\_ông đã làm mười năm\_có mấy mươi vạn cảnh tượng nhưng không có hai cảnh nào giống nhau. Ông ta nói với tôi, tôi trả lời\_Tôi nói không thể có hai loại tương đồng, dù có làm một vạn lần, mười vạn lần, trăm vạn lần, ngàn vạn lần, ức vạn lần cũng không tìm được một cái tương đồng. Ông ta rất kinh ngạc liền hỏi tôi vì sao? Tôi nói vì ý niệm không tương đồng. Ý niệm của ai? Ý niệm của chính chúng ta. Nếu mỗi ý niệm của chính chúng ta đều tương đồng như vậy thì tốt, vì sao vậy? Vì quý vị sẽ không già. Vì sao quí vị già? Niệm niệm không tương đồng mới bị già yếu. Nếu là hoàn toàn tương đồng con người làm sao già được! Làm gì có đạo lý này? Tại sao bị già? Vì quý vị nghĩ đến già. Trong ý thức nghĩ đến già, nên năm này già hơn năm kia, tháng này già hơn tháng trước, ngày này già hơn ngày kia. Chính là loại ý thức này, đây là phân biệt chấp trước. Phân biệt chấp trước khiến thân thể chúng ta trở thành như vậy. Thật sự hiểu được và minh bạch, buông bỏ tất cả phân biệt chấp trước, nó liền dừng lại, lão hoá của quý vị sẽ dừng lại.

Chúng ta đọc trong bộ kinh này, vì sao người trong cõi thật báo trang nghiêm không già? Họ không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước nên họ không già, đạo lý chính là như vậy. Cũng chính là nói ý niệm của họ giống như cuốn băng này vậy. Mỗi đoạn đều giống nhau, không có biến hoá, chúng ta thì mỗi đoạn đều không giống nhau, đều có biến hoá, công phu chính là đây. Họ thật sự có thể triệt để buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Sanh đến cõi thật báo trang nghiêm, cõi thật báo là thân pháp tánh, cõi pháp tánh. Thọ mạng dài bao nhiêu? Ba đại a tăng kỳ kiếp, không già không yếu không thay đổi. Thời gian dài như vậy họ không có biến hoá. Về lý nói thông suốt chúng ta mới tin tưởng. Không hiểu được đạo lý này thì cho rằng đây là thần thoại, chỉ nghe thôi chứ không tin. Khi chúng ta thật sự minh bạch thì ra mọi việc chính là như vậy, rất có thể.

Nếu cuộn băng này từng đoạn từng đoạn đều giống nhau, thì chúng ta sẽ thấy hình ảnh trên màn hình là bất động, sẽ không di động. Đức Phật nói với chúng ta rất nhiều lần rồi, chúng ta cũng biết nói “tâm hiện thức biến”. Tâm có thể hiện nhưng không biến được. Thức sẽ biến, thức không thể hiện. Nó làm cho sở hiện bị thay đổi. Thức là gì? Thức chính là phân biệt chấp trước, đạo lý này không thể không hiểu. Tất cả đều là vọng tình hiện ra, duy thức sở biến nên tướng vô tánh. Tất cả hiện tượng không có thực thể.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài nói suốt 20 năm, cho chúng ta biết về chân tướng của vũ trụ vạn hữu gọi là bát nhã. Bộ kinh lớn nhất trong các kinh điển là 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã, nhiều hơn Kinh Hoa Nghiêm rất nhiều. 600 quyển kinh này nói đều gì? Thật sự chỉ có một câu tổng kết “nhất thiết tướng, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, đây là chân tướng. Cho nên Bồ Tát ứng hoá ở thế gian đều tuỳ duyên diệu dụng. Hằng thuận chúng sanh, tuỳ hỷ công đức, trong đó như như bất động. Vì sao vậy? Như như bất động là không khởi tâm không động niệm, có thể tuỳ duyên, có thể tuỳ hỷ công đức. Bồ Tát còn kém một bậc vẫn chưa làm được. Bồ Tát có khởi tâm động niệm nhưng Bồ Tát không có phân biệt chấp trước. A la hán còn phân biệt nhưng không chấp trước. Vọng tưởng phân biệt chấp trước đều có đủ là phàm phu trong lục đạo.

Hiện tại lục đạo phàm phu dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước đến cực điểm, cho nên đại thiên tai xuất hiện. Cực điểm này là dùng theo chiều hướng tiêu cực, không phải tích cực, tích cực thì rất tốt. Chánh diện là gì? Chánh diện là luân lý đạo đức nhân quả. Cũng có thể nói giáo dục tôn giáo đều là chánh diện, đáng tiếc phương hướng họ dùng đều là ngược lại tạo thành thiên tai nghiêm trọng. Hiểu rõ được chân tướng thì con người rất dễ hồi đầu, không thấu triệt chân tướng rất khó quay đầu, họ có chấp trước rất sâu sắc.

*“Nhị, sanh vô tánh. Do nhân duyên nhi sanh chi nhất thiết vạn pháp, vị chi y tha khởi tánh”.* Biến chấp ở trước hoàn toàn là do quan niệm sai lầm tạo thành, không có sự thật. Đây là nói tất cả pháp được sanh ra như thế nào. Tất cả pháp đều là chúng duyên hoà hợp mà sanh ra. Chúng duyên hoà hợp chính là y tha khởi, y tha sanh khởi gọi là y tha khởi tánh. Các nhà duy thức học nói tam tánh, tam vô tánh. *“Tha tức chỉ nhân duyên”*,vẫn lấy ví dụ ở trước để nói, *“liệt như thằng tùng ma chi nhân”,* sợi gai bện thành dây, thể của dây là sợi gai, nhờ nhân công trợ duyên mà thành. Nếu con người không bện nó thì sợi gai không biến thành dây, con người đem nó bện thành dây nên con người là trợ duyên của nó.

*“Ly vọng tình nhi tự tồn”,* con người đem nó bện thành dây, nó có tướng của dây. *“Đãn thằng vô thật tánh, duyên tán thằng không”,* nếu mở mấy múi đan ra, sợi gai mở bung ra thì dây không còn. *“Cố viết sanh vô tánh”,* y tha khởi tánh và sanh vô tánh đồng thời tồn tại, tướng vô tánh và biến kế sở chấp tánh cũng là đồng thời tồn tại. Cũng có nghĩa là về mặt tướng mà nói thì là biến kế sở chấp tánh, về mặt tánh mà nói thì là tướng vô tánh. Đứng về mặt hiện tướng sanh khởi mà nói thì là y tha khởi tánh, từ tự tánh của tướng mà nói là sanh vô tánh.

*“Tam, thắng nghĩa vô tánh”*. Thế nào gọi là thắng nghĩa? Thắng nghĩa là thật, hai cái ở trước là giả, hoàn toàn do ta thấy sai. *“Thắng nghĩa giả, vị viên thành thật tánh, chỉ viên mãn thành tựu chi chân thật tánh, diệc danh pháp tánh, diệc viết chân như”,* cũng gọi là tự tánh, cũng gọi là chân như, đây là thật. *“Thị nhất thiết hữu vi pháp chi thể tánh”.* Hữu vi pháp chính là hữu sanh hữu diệt chính là nhân duyên sanh pháp, bao gồm các pháp biến kế sở chấp. Thông thường nói biến chế sở chấp là khái niệm trừu tượng, không phải thật. Là hiện tượng sanh ra trong thấy biết sai lầm, điều này trong Bách Pháp Minh Môn có 24 loại. Bao gồm cả thời gian và không gian mà hiện nay chúng ta nói, đều thuộc về biến kế sở chấp tánh. Từ trong ngộ nhận sanh ra nên nó không có thực thể. Pháp tánh, chân như đây là tánh thể của tất cả pháp.

*“Liệt như thằng chi bảo tánh vi ma, viên thành thật tánh vi tuyệt đãi chi pháp, ly nhất thiết tướng. Nhược kiến như thi ma, tắc ly xà thằng chi tướng, cố viết thắng nghĩa vô tánh”.*

Hiểu rõ chân tướng sự thật thì không còn chấp trước nhị biên. Đầu tiên coi sợi dây thành con rắn, như vậy là sai, hiện nay biết được thì ra là sợi dây. Hai bên sợi dây và rắn đều buông bỏ, đây gọi là viên thành thật tánh. Viên mãn thành tựu nên chân tướng rõ như ban ngày. Chúng ta hiểu rõ một cách thấu triệt. Tánh của dây là sợi gai, tánh của sợi gai là thớ, là thớ của thực vật. Nếu từng bước từng bước truy cứu, như hiện nay khoa học nói, quý vị phát hiện vật chất này là tế bào hợp thành\_tế bào của thực vật tổ hợp thành. Tế bào tiếp tục phân tích là nguyên tử, phân tích nữa là điện tử. Từng tầng từng tầng phân tích, hiện nay các nhà khoa học phân tích nhỏ nhất là lượng tử, thật không dễ. Lượng tử cũng gọi là tiểu quang tử, lớn chừng nào? Điện tử rất nhỏ, điện tử chạy quanh hạt nguyên tử. Một điện tử là 100 ức tiểu quang tử tổ hợp thành. Một điện tử nếu đem nó phân tích ra là 100 ức tiểu quang tử, trong kinh Phật nói là vật cực kỳ vi tế. Không còn cách nào phân tích tiếp, phân tích tiếp thì không còn nữa, thành lân hư trần. Loại tiểu quang tử nhỏ như vậy nhưng nó đầy đủ năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức vì nó có hiện tượng vật chất. Chính là cảnh giới tướng mà trong A lại da nói, nó có thọ tưởng hành thức. Trong một điện tử có 100 ức tiểu quang tử, vi tế như vậy nhưng trong Phật pháp nói càng vi diệu hơn, vượt lên trên khoa học. Đức Phật nói trong tiểu vật chất nhỏ như vậy có vũ trụ lớn cỡ nào? Lớn như biến pháp giới hư không giới vậy. Tự tánh không có lớn nhỏ, tự tánh không có tương đối. Trong đó có vũ trụ, có đại thiên thế giới.

Ai có thể vào đó? Ở trước chúng ta đã học qua, Bồ Tát Phổ Hiền có thể vào, vào trong thế giới vi trần để thấy Phật nghe pháp. Trong thế giới vi trần đó lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới trùng trùng vô tận, đây là chân tướng trong kinh Phật nói. Những điều này khoa học hoàn toàn không nói đến. Khoa học ngày nay chỉ phát hiện tiểu quang tử đây là nhỏ nhất không thể nhỏ hơn. Nguồn gốc của tiểu quang tử là ý niệm, điều này họ đã phát hiện. Chúng ta cũng rất khâm phục đối với sự phát hiện của khoa học, thật đáng nể vì hiện tượng này chúng ta lâu nay đều hoài nghi, đều không cách nào nói rõ được, xem cổ nhân chú giải cũng không hiểu rõ. Báo cáo này của khoa học xem như là vạch trần được chân tướng, khiến chúng ta hoàn toàn thông suốt.

Trong kinh điển nói ý nghĩa càng thâu sâu hơn, chúng ta cũng có thể khẳng định rằng không có cùng tận. Cho nên cổ nhân có hai câu nói về tánh là: *“kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”.* Trong kinh Phật nói là “vô nội”, là không có nội, trong nội vẫn còn nội, chúng ta tìm không ra được vật sau cùng, tìm không ra. Đây là những điều khoa học trong kinh Phật nói.

*“Viên thành thật thị tuyệt đãi chi pháp”,* nó không phải tương đối, không có đối lập. Tiểu thừa Tu đà hoàn bắt đầu phá ngã kiến, phá biên kiến. Biên kiến chính là đối lập nhị biên, họ không có. Trong tự tánh không có biên kiến, không có hiện tượng này. Không có cự ly nghĩa là không có không gian, không có trước sau nghĩa là không có thời gian. Cho nên thời gian và không gian trong Bách Pháp Minh Môn đều thuộc về bất tương ưng hành pháp. Nó hoàn toàn là khái niệm trừu tượng không có sự thật làm y cứ, nên thế giới tây phương Cực Lạc ở đâu? Chính là ở tại đây. Thiền sư Trung Phong nói rất hay: “ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây”. “Tâm ta tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta”. Đây là nói đến viên thành thật, chân thật tánh viên mãn thành tựu, đây gọi là thắng nghĩa vô tánh.

*“Vô tác giả, vô nhân duyên tạo tác nghĩa đồng vô vi”.* Vô tác và vô vi cùng một ý nghĩa, vi có nghĩa là làm. Tất cả pháp không có nhân duyên tạo tác, điều này vô cùng khó hiểu. *“Hoa Nghiêm Đại Sớ viết”, Thanh Lương đại sư nói, “dĩ hữu sở tác vi, cố danh hữu vi, hữu vi thị vô thường. Vô sở tác vi, cố danh vô vi, vô vi tức thị thường dã”.* Thường là vĩnh hằng bất biến vô sở tác vi, vô vi là tự tánh. Trong bốn cõi Tịnh độ là thường tịch quang và cõi thật báo. Thường tịch quang thật sự là vô tác vô vi, thật như vậy. Cõi thật báo trang nghiêm vì họ đã đoạn khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Có thể nói họ cũng là vô tác vô vi, chẳng qua tập khí vô thỉ vô minh của họ chưa đoạn. Tập khí của họ còn chút tác dụng, tác dụng gì? Tác dụng của cảm. Vì họ có cảm nên diệu giác quả vị trong thường tịch quang tự nhiên liền có ứng, gọi là phản ứng. Ý niệm chúng ta truyền đến họ tự nhiên họ có phản ứng, phản ứng tức là hiện tướng. Trong thường tịch quang không có bất cứ hiện tướng nào, phản ứng tức là hiện tướng. Họ có thể hiện thân trong cõi thật báo, hiện thân gì? Hiện pháp thân Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Giúp những pháp thân Bồ Tát, giúp đỡ đó cũng là vô tác vô vi. Nếu hữu tác hữu vi họ liền đoạ vào trong mười pháp giới, như vậy lại khởi phân biệt khởi chấp trước. Họ không có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Đến khởi tâm động niệm cũng không có thì tại sao hiện thân? Làm sao hản ứng? Như chúng ta đánh trống vậy, chúng ta đánh một tiếng thì âm thanh nó lập tức phản ứng. Nó không có khởi tâm động niệm, nó cũng không có phân biệt chấp trước nên diệu giác quả vị trong thường tịch quang tự nhiên phản ứng, họ ứng cõi thật báo.

Nếu muốn hỏi chúng sanh trong mười pháp giới và lục đạo cho đến chúng sanh trong ba đường ác khởi tâm động niệm, tự tánh có phản ứng chăng? Chư vị nên biết tự tánh chính là thường tịch quang, trong Hoàn Nguyên Quán nói “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” cũng gọi là pháp tánh, gọi là chân như, nhất định có phản ứng.

Ngày xưa khi Đức Thế Tôn thị hiện tại Ấn Độ, phải chăng trên địa cầu có một số người lấy tâm chân thành cung kính, cầu Phật xuất hiện ở thế gian để hoá độ chúng sanh? Chỉ cần có người này, có ý niệm này thì tự nhiên ngài đến đến. Đến để thị hiện cho chúng ta, đích thực ngài không hề khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có thì làm gì có phân biệt chấp trước! Điều này chúng ta không dễ gì hiểu được, không cách nào tưởng tượng, gọi là không thể nghĩ bàn. Chúng ta không thể tưởng tượng được, nó hoàn toàn là phản ứng của tự tánh. Đích thực biến pháp giới hư không giới ngài hoàn toàn là “vô sở bất tri, vô sở bất năng”. Ngài dùng là tự tánh thanh tịnh tâm, họ không phải dùng vọng tưởng. Hiện nay chúng ta dùng là vọng tâm, phân biệt chấp trước dùng nhiều nhất. Vọng tưởng nhưng tự mình không biết, lại tưởng xưa nay chưa hề dùng. Dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị thuần tuý là phàm phu lục đạo. Dùng tâm này có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai chăng? Trong bài kệ khai kinh nói “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, quý vị có thể hiểu được chăng? Không hiểu được, nghe mấy mươi năm cũng không hiểu, nên điều này khó, rất khó! Như thế nào mới có thể hiểu? Ấn Quang đại sư đã hé ra thông tin, trên thực tế là ngài dạy chúng ta: một phần thành kính thì nghe hiểu được một phần, hai phần thành kính nghe hiểu được hai phần, mười phần thành kính nghe hiểu được mười phần, một trăm phần thành kính nghe hiểu được một trăm phần, vạn phần thành kính nghe hiểu được vạn phần. Đối với điều này chắc chắn thành ví dụ chính đáng.

Kinh mở ra trước mắt nhưng mỗi người xem lãnh hội không giống nhau, ý nghĩa sâu cạn rộng hẹp không tương đồng, tự mình xem cũng không giống nhau. Nếu chúng ta dùng tâm thành kính của chính mình có được hai phần ba phần, thì xem hiểu được hai ba phần ý nghĩa. Kiên trì không bỏ thì càng xem càng hoan hỷ, càng xem càng cung kính thì càng xem càng hiểu, chính là như vậy.

Trước đây tôi ở Đài Trung học kinh giáo với thầy Lý. Chúng tôi được thầy chọn chỗ ngồi ở hàng thứ nhất, đối diện với thầy. Ngồi cùng bàn với tôi là cư sĩ Chu Gia Lân. Hai người chúng tôi ngồi chung một bàn, đối diện với thầy. Chu Gia Lân viết bài, ghi chép rất tường tận, anh ta viết cũng rất nhanh. Có khi tôi cũng viết một vài điều nhưng bị thầy nhìn thấy, tan học thầy kêu tôi đến phòng hỏi, khi nghe kinh anh viết gì? Tôi nói: dạ! Viết điều gì? Viết bài. Anh viết để làm gì? Tôi nói sợ quên. Thầy nói vô ích, nên chuyên tâm nghe, cảnh giới sang năm đã được nâng cao thì cái này hoàn toàn không dùng đến. Tôi nghĩ rất có lý nên tôi theo thầy mười năm không hề viết bài. Vở viết bài của tôi chỉ mỏng như thế này, nhưng phía sau vẫn còn hơn một nửa, mới viết mấy trang trước, thầy không cho tôi viết.

Vì sao thầy không cấm Chu Gia Lân viết? Vì căn tánh của chúng tôi không giống nhau, năng lực lãnh ngộ của tôi cao hơn Chu Gia Lân, năng lực ký ức của Chu Gia Lân mạnh hơn tôi nên anh ta viết bài thầy không hề hỏi đến. Anh ta giảng kinh hoàn toàn giảng theo trong bài viết. Khi tôi giảng kinh hoàn toàn dựa theo những đều tôi hiểu. Tôi có thể dùng nội dung sâu sắc, văn tự ngôn ngữ dễ hiểu, nói năng rất lưu loát, nên nghe tôi giảng rất hoạt bát. Mỗi năm không giống nhau không nên bỏ lỡ thời gian đó. Tâm chân thành cung kính này mỗi năm một nhiều, mỗi năm một tăng trưởng. Không có gì khác, thầy cho tôi bốn chữ: “chí thành cảm thông”, thầy nói chúng ta cầu điều gì? Nếu muốn đọc sách cho tốt, đó là điều không thể làm được.

Chúng ta có thể đọc thuộc làu Kinh Đại Tạng từ đầu đến cuối chăng? Thế gian pháp, thông hiểu xuất thế gian pháp mà không thông pháp thế gian cũng không thể giảng kinh. Vì sao vậy? Thông xuất thế gian pháp là khế lý, không thông pháp thế gian là không khế cơ. Thông thế gian pháp không thông Phật pháp là khế cơ không khế lý. Thế xuất thế gian đều phải thông, đó mới là điều rất phiền phức.

Thầy đưa ra một ví dụ rất đơn giản, thế gian pháp là Tứ Khố Toàn Thư, xuất thế gian pháp là Đại Tạng Kinh, quý vị có năng lực chăng? Như vậy phải làm sao? Thầy dạy chúng tôi bốn chữ: *“*chí thành cảm thông*”,* cầu cảm ứng thông thường người ta nói cầu Phật gia hộ. Dùng điều gì để cầu Phật? Dùng cảm, chân thành tâm để chiêu cảm, chân thành cung kính đến cực điểm. Như vậy là sao? Đó là chân tâm của chúng ta đã hiện tiền, nghĩa là bồ đề tâm hiện tiền. Bồ đề tâm hiện tiền là cùng với tâm Phật, tự nhiên liền cảm ứng, vừa xem liền hiểu, vừa nghe liền minh bạch. Không cần nhớ dai cũng không cần nghe nhiều. Nghe nhiều nhớ dai có khi thật sự tạo thành sở tri chướng, tạo thành thành kiến của chính mình, cho rằng tôi thấy như vậy, tôi nghĩ như vậy, không có. Đức Phật không có quan điểm, không có quan điểm của ngài, Phật không có nhận xét của ngài. Tất cả các kinh Đức Phật nói là tự nhiên hiển lộ ra, ý muốn nói rằng ngài không có thông qua tâm ý thức. Tâm là ký ức, chúng ta có thể ghi nhớ là tác dụng của tâm, tác dụng của A lại da. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Chúng ta đang dùng loại tâm này. Dùng tâm này cầu chánh pháp chân thật trong tự tánh là không cầu được, mà chỉ có thể cầu được pháp thế gian. Vì sao vậy? Vì người thế gian dùng tâm này, những thứ họ có chúng ta có thể lý giải. Người xuất thế gian không dùng tâm này, họ đã lìa tâm ý thức. Lìa A lại da nghĩa là không lưu lại ấn tượng, vĩnh viễn tâm ta được thanh tịnh bình đẳng, như vậy giác tự nhiên hiện tiền. Không dùng phân biệt nghĩa là không dùng thức thứ sáu, không dùng chấp trước tức là không dùng thức thứ bảy. A lại da, Mạt na, Ý thức gọi là tam tâm. Ý thức và Mạt na gọi là nhị ý. Thức thứ bảy gọi là ý căn, thứ sáu gọi là ý thức, đây gọi là nhị ý. Tam tâm nhị ý, chúng sanh trong lục đạo đều dùng tam tâm nhị ý. Chẳng những lục đạo dùng nó mà mười pháp giới vẫn dùng nó. Quý vị thấy A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới đều dùng tam tâm nhị ý. Trong đại thừa phân loại rất nghiêm khắc, chỉ cần dùng tâm ý thức đều gọi là phàm phu nên lục đạo gọi là nội phàm là phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phàm nghĩa là bên ngoài lục đạo, họ vẫn là phàm phu. Vì sao vậy? Vì họ dùng tâm ý thức, nhưng tâm ý thức của họ dùng ngay thẳng, vì sao? Vì họ hoàn toàn nghe theo giáo huấn của chư Phật Bồ Tát, họ thật sự y giáo phụng hành, chỉ là chưa đoạn tận được tâm ý thức nhưng dùng chơn chánh, cho nên tứ thánh pháp giới là cõi tịnh, lục đạo là cõi uế.

Trong tứ thánh pháp giới có nhiễm tịnh, không có thiện ác. Trong lục đạo có thiện ác, thiện ác đều là nhiễm, đều không phải thanh tịnh. Trong thanh tịnh không có thiện ác. Cao hơn nữa đến cõi thật báo, đến nhiễm tịnh cũng không có, càng lên cao hơn càng vi diệu. Đến thế giới Cực Lạc quý vị hoàn toàn thấy được thế giới Cực Lạc rất tốt. Người vãng sanh ở cõi đồng cư, mặc dù là cõi đồng cư hạ phẩm hạ vãng sanh, cũng được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nguyện 20 nói đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát như vậy không quá tuyệt sao!

A Duy Việt Trí Bồ Tát là ai? Là Bồ Tát ở cõi thật báo, pháp thân Bồ Tát. Không phải chúng ta thật sự tu thành mà là nhờ Phật A Di Đà gia trì. Ý muốn nói rằng tuy chúng ta không phải, nhưng trí huệ thần thông đạo lực không khác gì pháp thân Bồ Tát, Phật A Di Đà thật sự đã gia trì, sự gia trì của ngài nên quý vị đã đạt được. Chư vị tổ sư dạy chúng ta, nhiếp bổn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành công đức của chính mình. Câu này đối với cõi phàm thánh đồng cư của thế giới Cực Lạc mà nói thì quý vị rất rõ ràng minh bạch. Vì sao vậy? Vì mỗi người đều như vậy, họ thật sự đem công đức của Phật A Di Đà biến thành công đức chính mình, lấy trí huệ của Phật A Di Đà trở thành trí huệ mình, thần thông của Phật A Di Đà thành thần thông của mình, họ thật làm được như thế.

Chúng ta ở đây ngày ngày đều giảng, Phật A Di Đà có gia trì, nhưng chúng ta không tiếp nhận được. Vì sao không tiếp nhận được? Chúng ta có chướng ngại. Ánh sáng Đức Phật chiếu đến chúng ta, nhưng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước đã làm chướng ngại không để nó chiếu đến. Cho nên tuy Phật quang phổ chiếu nhưng chúng ta không có chút cảm giác nào. Phiền não chướng, sở tri chướng hai chướng ngại nặng nề này, trong phiền não có vô minh, có vọng tưởng, có chấp trước. Quang minh của Chư Phật Bồ Tát tuy phổ chiếu nhưng chúng ta không hề cảm nhận được, thật là đáng thương. Khởi tâm động niệm còn cho là đúng, như vậy là sai, hoàn toàn sai!

Trong hoàn cảnh trước mắt, mọi người đều biết thiên tai là thật không phải giả. Chúng ta nhìn từ đâu? Nhìn từ tâm con người. Tâm người lương thiện sẽ không có thiên tai, tâm người bất thiện nhất định có thiên tai. Lòng người phổ biến\_quý vị xem nam nữ già trẻ các ngành các nghề, quý vị khách quan quan sát họ xem họ đang nghĩ gì? Họ đang nói gì? Và họ đang làm gì? Thì quý vị sẽ hoàn toàn minh bạch. Nếu những gì họ nghĩ, họ làm trái với luân lý, trái với đạo đức, trái với nhân quả, trái với giáo huấn của thánh hiền, như vậy thì phiền phức rất lớn, quả báo nhất định hiền tiền. Con người trên toàn thế giới tất cả đều làm trái đó chính là cộng nghiệp lớn nhất. Cộng nghiệp lớn nhất thì thiên tai sẽ có tính toàn cầu, không phải cục bộ. Bất cứ thiên tai cục bộ ở đâu nó cũng lan tràn trên toàn thế giới.

Ngày nay chúng ta đặc biệt chọn bộ kinh này, chọn chú giải của Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cùng nhau học tập, hy vọng có thể đối phó với lần thiên tai này. Trong thiên tai nếu chúng ta tạo tội nghiệp mà nhất tâm sám hối cầu sanh thế giới Cực Lạc, lâm chung một niệm hay mười niệm Phật đều tiếp dẫn. Điều này trong kinh nói rất rõ, chỉ cần chịu quay đầu, thật sự quay đầu khi thiên tai qua đi chúng ta vẫn tồn tại ở thế gian này, như vậy tức là có nhiệm vụ phải làm. Thiên tai qua đi mà còn lưu lại thế gian đều là người tốt, đều là thiện nhân, rất dễ giáo hoá. Quý vị phải ở thế gian này chủ trì chánh pháp, giáo hoá chúng sanh nên có trách nhiệm, có sứ mạng. Quả báo thật là nhân quả báo ứng không sai chút nào. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, giới hạn rất rõ ràng. Không thể không giác ngộ, không thể không tinh tấn tu hành.

Hữu vi là có tạo tác, tức có sanh có diệt. Vô vi là không sanh không diệt. “Thám Huyền Ký viết”, đây là tác phẩm của Hiền Thủ quốc sư, chú giải về Lục Thập Hoa Nghiêm. Đại sư nói *“Duyên sở khởi pháp, danh viết hữu vi”,* nghĩa là pháp nhân duyên sở sanh khởi, tất cả pháp gọi là hữu vi pháp. *“Vô tánh chân lý, danh viết vô vi, cố tri vô tác vô vi, giai chân lý chi dị danh”,* bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng, “Nhất thiết hữu vi pháp, như mọng huyễn bào ảnh”. Cái gì là pháp hữu vi? Trong Bách Pháp Minh Môn nói trừ sáu pháp vô vi ở sau còn 94 pháp trước toàn là pháp hữu vi, có sanh có diệt. Quý vị chỉ nghĩ đến trong tất cả pháp có sanh có diệt, động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, đây đều gọi là pháp hữu vi. Chỉ có hư không không thấy nó có hữu vi, không nhìn thấy hiện tượng sinh diệt, đây là pháp vô vi. Tương tự vô vi không phải thật sự vô vi. Thật vô vi chỉ có một là tự tánh, chân như tự tánh là thật vô vi. Minh tâm kiến tánh nghĩa là thấy được đều này, đó là bản thể của muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Thông thường người ta cũng gọi nó là chân lý, chân lý đích thực chỉ có một, không có hai.

*“Hựu Pháp Sự Tán viết, Cực Lạc vô vi niết bàn giới”.* Đây là lời tán thán thế giới Cực Lạc, Cực Lạc vô vi là niết bàn giới. Niết bàn là không sanh không diệt.

*“Niết bàn vi bất sanh bất diệt, tuyệt nhất thiết hữu vi chi tướng, thị danh vô vi. Ly nhất thiết hữu vi tạo tác, thị danh vô tác. Cực Lạc quốc độ cử thể thị nhất thanh tịnh cú. Chân thật trí tuệ vô vi pháp thân, cố viết vô vi niết bàn giới”.*

Đoạn kinh văn này đích thực có mức độ thâm sâu nhất định. Chúng tôi những năm lại đây, có nền tảng của kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm, kinh Lăng Nghiêm, có những cơ nền tảng này. Trước đây Kinh Vô Lượng Thọ cũng đã giảng mười lần, đây là lần thứ 11, nên đối với những kinh giáo này ít nhiều cũng có thể lãnh hội được, đặc biệt là nhìn thấy báo cáo của các nhà khoa học cận đại dần dần tương ưng với kinh điển đại thừa.

Trước đây thầy Phương Đông Mỹ đem Phật pháp giới thiệu cho tôi là triết học. Thầy nói Phật pháp là triết học tối cao, kinh Phật là đỉnh điểm của triết học thế gian. Thông qua 60 năm học tập đến hôm nay, chúng tôi khẳng định Phật pháp không những là triết học tối cao, mà đồng thời cũng là khoa học tối cao. Những vấn đề khoa học và triết học không thể giải quyết được, nó đều nằm trong Phật pháp. Bản thể trong triết học đến nay vẫn chưa giải quyết được, rốt cuộc bản thể của vũ trụ vạn hữu là gì? Hoàn Nguyên Quán nói là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Chỉ có chứng được mới biết, chứ không thể tưởng tượng, chúng ta không thể nghĩ đến được, gọi là không thể nghĩ bàn.

Ở trước có nói qua với chư vị, vì nó không có hiện tượng, có thể tưởng tượng là nhất định phải có hiện tượng, có thể quan sát cũng nhất định phải có hiện tượng. Ba loại hiện tượng nó đều không phải nên không có cách nào phát hiện ra nó. Nó không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên, nhưng ba loại hiện tượng này đều do nó biến hiện ra, tuyệt diệu chính là chỗ này. Đức Phật nói với chúng ta làm thế nào để chứng được? Buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước liền chứng được, nó ở mọi lúc mọi nơi. Nó là lý thể của tất cả pháp, chân lý của tất cả pháp, bản thể của tất cả pháp.

*“Cực Lạc quốc độ cử thể thị nhất thanh tịnh cú”.* Nhất thanh tịnh cú này ở trước chúng ta đã học rất nhiều, đây đều là lời trong Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát nói. Chú giải này là của Đàm Loan pháp sư. Thế giới Cực Lạc“chân thật trí tuệ vô vi pháp thân”, là 48 nguyện năm kiếp tu hành của Phật A Di Đà, một thời gian rất dài. Thành tựu công đức, thành tựu tự nhiên. Tự nhiên chính là vô vi. Phật A Di Đà không hề nghĩ thế giới này của tôi phải như thế nào? Không hề nghĩ đến. Trong nguyện có, sau khi phát nguyện liền thực hành. Thực hành bằng cách nào? Chính là buông bỏ. Chương Gia đại sư dạy chúng ta nhìn thấu buông bỏ. Buông bỏ là “chỉ”, nhìn thấu là “quán”. Nhìn thấu cũng chính là thấu triệt chân tướng sự thật. Buông bỏ tất cả mới tương ưng với tự tánh, không buông bỏ không thể tương ưng với tự tánh vì trong tự tánh không có gì cả.

Vì thế niệm Phật yêu cầu chúng ta, niệm Phật phải dùng tâm thanh tịnh niệm, không được có tạp niệm. Khi niệm Phật có tạp niệm xen vào sẽ làm phá hoại công phu niệm Phật của chúng ta. Không được hoài nghi, không thể tạp niệm, đây gọi là tịnh niệm. Như thế nào mới có thể làm được? Ở trước đã học qua, Bồ Tát Đại Thế Chí nói “đô nhiếp lục căn”. Đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ vạn duyên, thế xuất thế gian pháp tất cả đều phải buông bỏ. Trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “pháp còn phải bỏ huống là phi pháp”. Pháp đây là Phật pháp, Phật pháp vì sao phải bỏ? Phật pháp là nhân duyên sanh pháp, không phải thật. Đừng nên coi là thật, nếu xem nó là thật thì hoàn toàn sai.

Phật pháp từ nhân duyên nào mà có? Vì có pháp thế gian nên mới có Phật pháp. Cũng giống như con người vì bị bệnh mới có thuốc, con người không bị bệnh thì làm gì có thuốc? Tức là không có thuốc nên Phật pháp được sanh ra từ pháp tương đối của thế gian, là nhân duyên sanh pháp. Hiểu được tánh chất của nó, nó có thể giúp chúng ta trị bệnh. Làm thế nào để trị lành bệnh? Xả bỏ nhị biên bệnh liền tiêu trừ. Bệnh trừ thì thuốc cũng không cần, bỏ nó bệnh mới hoàn toàn khỏe mạnh. Bệnh lành mà ngày ngày còn uống thuốc, không phải uống đến phát bệnh là gì, Phật pháp là thuốc. Chúng sanh có tam vạn bốn ngàn phiền não, Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị. Phiền não không có, nếu còn dùng thuốc liền phát sanh vấn đề, bệnh càng thêm nặng, còn khó trị hơn cả bệnh phiền não, nên Đức Phật nói rất rõ ràng minh bạch “chân thật trí tuệ vô vi pháp thân”. Kinh Vô Lượng Thọ nói ba loại chân thật, thật ra ba loại chân thật này là thể tướng dụng. Chân thật rốt ráo là thể, trí tuệ chân thật là tướng, lợi ích chân thật là tác dụng, nói ba loại chân thật này.

Vô vi pháp thân\_vô vi pháp thân là thể. *“Cố xưng chi vi vô vi niết bàn giới. Vô ngã, ngã giả, cụ thường nhất chi thể, hữu chủ tể chi dụng giả dã. Ư nhân thân thể chấp hữu thử, vị chi nhân ngã. Ư pháp chấp hữu thử, vị chi pháp ngã”*. Chúng tôi giới thiệu sơ qua mấy câu này trước. *“Ngã giả, cụ túc”* cụ là đầy đủ. *“Thường nhất chi thể”,* nếu thường chấp trước thân này là của mình. Ý của “ngã”, thế nào gọi là “ngã”? Phật pháp định nghĩa, nghĩa thứ nhất là chủ tể, nghĩa thứ hai là tự tại. Nếu nhìn từ nghĩa này thì cả hai nghĩa đều không tìm thấy trên thân của chúng ta, nhưng thường người ta đều chấp trước, cho rằng thân thể này là ta. Trong Phật pháp gọi điều này là nhân ngã chấp, chấp trước. Nó từ đâu mà có? Là nói khái niệm này, khái niệm này của tôi là biến kế sở chấp tánh, thân thể chúng ta là y tha khởi sanh. Một khái niệm của tôi là biến kế sở chấp tánh, không phải thật mà là giả. Nếu có pháp, quý vị đối với tất cả pháp này chấp trước nó là thật, thật có đều này đây gọi là pháp chấp.

Bên dưới nói: *“nhiên nhân thân giả, ngũ uẩn chi giả hoà hợp, vô thường chi nhất ngã thể”.* Quý vị tìm thường nhưng tìm cũng không tìm thấy. Thân này của chúng ta là một bộ phận của vật chất. Nhục thể này bên ngoài có ngũ quan nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, trong đó có những khí quản như lục phủ ngũ tạng. Khí quản là gì? Phân tích khí quản thì toàn bộ là tế bào, phân tích tiếp tế bào thành phân tử, thành nguyên tử, thành điện tử. Càng phân tích càng nhỏ, phân tích đến sau cùng thành tiểu quang tử. Là những thứ này tụ tập lại một nơi biến thành tướng của thân thể này.

*“Ngũ uẩn chi giả hoà hợp”.* Vì sao là giả? Vì nó bị phân tán nên không thể vĩnh hằng. Giả hoà hợp này đều là ý niệm chủ tể chúng ta, ý niệm. Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, tâm tưởng chính là ý niệm. Con người theo tuổi tác thời gian mà dần bị già yếu, vì sao bị già? Đến năm sáu mươi tuổi thì đã già, trong tiềm ý thức có ý niệm già, nghĩa là ngày càng bị lão hoá. Đến bảy tám mươi tuổi thì già sắp chết, ý thức ý niệm của họ là họ sẽ chết, cho nên họ sẽ có diệt. Nếu căn bản họ không có ý niệm về chết thì thọ mạng của họ rất dài. Họ có ý niệm chết, tôi nghĩ làm sao có thể sống thêm vài năm nhưng vẫn là chết, vẫn là ý niệm này. Khi tuổi đã già họ liền nghĩ đến bệnh, muốn thân thể mạnh khỏe vẫn là vì bệnh, không thoát khỏi sự liên quan với bệnh. Không có ý niệm bình thường, bình thường thì không có ý niệm này.

Chỉ có người tu hành chân chánh mới hiểu được đạo lý này, không có ý niệm này. Hoàn toàn không có ý niệm sanh lão bệnh tử nên rất mạnh khỏe, thị phi nhân đều không có ngã, vì sao vậy? Vì là giả. Những ý niệm này đối với quý vị nhất định có hại, nó là một sức mạnh thúc đẩy quý vị luân hồi sanh tử, quý vị ở trong lục đạo không ngừng lặn ngụp trong luân hồi sanh tử. Cho nên quý vị phải biết đây là giả hoà hợp, không phải thật. Nhất định phải nhìn thấu suốt nó, nhất định phải buông bỏ nó. Buông bỏ quý vị liền được đại tự tại, thân tâm mạnh khoẻ. Buông bỏ thân này thì tự tại biết bao! Trong Phật pháp gọi quý vị là thánh nhân. Trong tiểu thừa chứng được Tu đà hoàn quả. Trong đại thừa, như trong Kinh Hoa Nghiêm nói thì quý vị là sơ tín vị Bồ Tát trong thập tín.

Tuy địa vị rất thấp là tiểu tiểu thánh nhưng đã đạt được vị bất thoái thứ nhất trong tam bất thoái. Quý vị tuyệt đối sẽ không thoái đoạ xuống phàm phu. Tuy chưa ra khỏi lục đạo nhưng quyết định không đoạ vào ba đường ác. Chỉ cần quý vị có thể nhìn thấu bản ngã của mình và buông bỏ. Nhìn thấu suốt, thật sự hiểu rõ như thế nào gọi là ngã, thân thể tôi rốt cuộc là gì, ý niệm rốt cuộc là gì đều hiểu hết thấu đáo hết. Không còn chấp trước ý niệm, không còn chấp trước thân thể, quý vị rất tự tại. Thân thể ở thế gian này tuỳ duyên độ nhật.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất hay, tuỳ duyên diệu dụng. Diệu dụng là gì? Không còn chấp trước đó chính là diệu. Dụng như thế nào? Dùng nó để nâng cao linh tính của chính mình, dùng nó để giúp chúng sanh đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, dùng nó để giúp chúng sanh, giúp chúng sanh có duyên, có duyên nghĩa là gì? Là họ có thể tin là có duyên, họ tin thật là có duyên. Họ không tin là không có duyên, không có duyên không cần miễn cưỡng. Bất luận là có duyên hay không có duyên, chỉ cần mọi người cùng sống đoàn kết vui vẻ là được. Có duyên thì họ được nâng cao cảnh giới, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. Không có duyên khiến họ tiếp tục luân hồi. Tự mình thật sự muốn thành tựu thì bất luận họ sanh vào đường nào quý vị đều biết. Khi nào có thể tiếp nhận quý vị cũng biết được, đến khi duyên của họ thuần thục thì quý vị tự nhiên đến giúp họ. Tất cả đều là tự nhiên, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu!

*“Như Chỉ Quán Thất vân”,* quyển thứ bảy Chỉ Quán. *“Dĩ vô trí huệ cố”,* đây là thật. Vô trí huệ tức là có vô minh, nói khó nghe một chút thì gọi là mê hoặc. Quý vị đã mê thất tự tánh nên vô minh gọi là hoặc, vì thế mới phân biệt chấp trước có ngã có pháp, tất cả đều tạo nên như vậy. Trên thực tế nó vốn không có. Như hiện nay người nào không cho rằng vật chất là thật? Vì cuộc sống mà tranh đoạt tài nguyên, tài nguyên chính là vật chất. Pháp thân Bồ Tát thấy được người này thật tội nghiệp, vật chất là giả không phải thật. Cơ sở vật chất là ý niệm, ý niệm tốt thì vật chất phong phú, ý niệm xấu vật chất liền bị phá hoại. Vì sao vậy? Vì cảnh tuỳ tâm chuyển. Điều đầu tiên là thân thể chúng ta, nếu thân thể chúng ta cứ nghĩ về phương diện không lành mạnh, thì thân thể này ngày càng suy yếu đi. Nếu có thể nghĩ đến phương diện mạnh khoẻ thì thân thể sẽ ngày một tốt hơn. Chúng ta cần phải có lòng tin đối với chính mình, không có lòng tinh thì bệnh tật dễ bị nặng hơn, có lòng tin liền có thể trị lành. Điều gì trị lành bệnh? Là lòng tin của quý vị trị lành.

Trước đây khi tôi ở Mỹ có một lần bị cảm. Bác sĩ bệnh viện là người Trung quốc, tôi thảo luận với ông ta về đạo lý trị bệnh này. Tôi nói bác sĩ trị lành cho người bệnh, đều kiện đầu tiên và quan trọng nhất là gì? Người bệnh có niềm tin vào bác sĩ, bác sĩ cũng có niềm tin với bệnh nhân, đây là điều kiện thứ nhất. Nguyên nhân thứ hai thật sự trị lành bệnh hình như đến bảy tám mươi phần trăm là tâm lý. Bệnh nhân có tâm lý mạnh khoẻ thì bệnh nhất định lành, không hoài nghi. Nếu bệnh nhân hoài nghi bệnh của mình, không có lòng tin, như vậy thì không cách nào trị được. Ông ta đồng ý với nhận xét của tôi, ông ta nói điều này rất có lý. Đây chính là điều trong Phật pháp nói: tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đạo lý trong kinh giáo nhiều điều hay mà pháp thế gian không tìm thấy, ở cõi trời hay cõi người cũng tìm không thấy. Trong mười pháp giới không có nên các bậc cổ đức xưng kinh điển của Phật là bảo.

Bảo có nghĩa là gì? Có bảo liền có thể giải quyết vấn đề. Có thể giải quyết được vấn đề sức khoẻ của chúng ta, có thể giải quyết vấn đề cuộc sống của chúng ta, có thể giải quyết vấn đề sanh tử của chúng ta, có thể giải quyết vấn đề kiếp nạn của chúng ta.

Ngày nay thế giới biến loạn như vậy, nếu y theo lời Phật nói trong kinh thì rất dễ giải quyết, vậy mà không ai tin. Bố Lai Đăng người Mỹ nói ba câu thật hiếm thấy, hoàn toàn giống như trong kinh Phật nói. Ông nói “khí ác dương thiện”, chính là đoạn ác tu thiện trong Phật pháp nói, “cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm”, đoan chánh tâm niệm chính là chánh tri chánh kiến trong Phật pháp, như vậy vấn đề lập tức được giải quyết. Nhưng lời ông nói ra ai chịu làm theo. Ai là người nào chịu bỏ ác hướng thiện? Ai đồng ý cải tà quy chánh? Nếu mọi người không chịu quay đầu, không tin tưởng thì thiên tai này không thể tránh được.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây. Hết tập 370